TTĐT(2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27 /2018/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2018*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 0
Ngày: 13/7/18

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm danh mục (Phụ lục I đính kèm) và nội dung (Phụ lục II đính kèm) được sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quyết định này là cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật thống kê 2015.

Điều 3. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm danh mục và nội dung

Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và Nội dung Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

1. Danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm 5 cấp:

- Ngành cấp 1 gồm 21 ngành được mã hóa theo bảng chữ cái lần lượt từ A đến U;

- Ngành cấp 2 gồm 88 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng hai số theo ngành cấp 1 tương ứng;

- Ngành cấp 3 gồm 242 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng ba số theo ngành cấp 2 tương ứng;

- Ngành cấp 4 gồm 486 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng bốn số theo ngành cấp 3 tương ứng;

- Ngành cấp 5 gồm 734 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng năm số theo ngành cấp 4 tương ứng.

2. Nội dung Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam giải thích rõ những hoạt động kinh tế gồm các yếu tố được xếp vào từng bộ phận, trong đó:

- Bao gồm: Những hoạt động kinh tế được xác định trong ngành kinh tế;

- Loại trừ: Những hoạt động kinh tế không được xác định trong ngành kinh tế nhưng thuộc các ngành kinh tế khác.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).205

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
A					**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN**
	01				Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan
		011			Trồng cây hàng năm
			0111	01110	Trồng lúa
			0112	01120	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
			0113	01130	Trồng cây lấy củ có chất bột
			0114	01140	Trồng cây mía
			0115	01150	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào
			0116	01160	Trồng cây lấy sợi
			0117	01170	Trồng cây có hạt chứa dầu
			0118		Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
				01181	Trồng rau các loại
				01182	Trồng đậu các loại
				01183	Trồng hoa hàng năm
			0119		Trồng cây hàng năm khác
				01191	Trồng cây gia vị hàng năm
				01192	Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm
				01199	Trồng cây hàng năm khác còn lại
		012			Trồng cây lâu năm
			0121		Trồng cây ăn quả
				01211	Trồng nho
				01212	Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới
				01213	Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác
				01214	Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo
				01215	Trồng nhãn, vải, chôm chôm
				01219	Trồng cây ăn quả khác
			0122	01220	Trồng cây lấy quả chứa dầu
			0123	01230	Trồng cây điều
			0124	01240	Trồng cây hồ tiêu
			0125	01250	Trồng cây cao su
			0126	01260	Trồng cây cà phê
			0127	01270	Trồng cây chè
			0128		Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
				01281	Trồng cây gia vị lâu năm
				01282	Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm
			0129		Trồng cây lâu năm khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				01291	Trồng cây cảnh lâu năm
				01299	Trồng cây lâu năm khác còn lại
		013			Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
			0131	01310	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
			0132	01320	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm
		014			Chăn nuôi
			0141		Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
				01411	Sản xuất giống trâu, bò
				01412	Chăn nuôi trâu, bò
			0142		Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa
				01421	Sản xuất giống ngựa, lừa
				01422	Chăn nuôi ngựa, lừa, la
			0144		Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai
				01441	Sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai
				01442	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai
			0145		Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
				01451	Sản xuất giống lợn
				01452	Chăn nuôi lợn
			0146		Chăn nuôi gia cầm
				01461	Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm
				01462	Chăn nuôi gà
				01463	Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng
				01469	Chăn nuôi gia cầm khác
			0149	01490	Chăn nuôi khác
		015	0150	01500	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
		016			Hoạt động dịch vụ nông nghiệp
			0161	01610	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
			0162	01620	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi
			0163	01630	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
			0164	01640	Xử lý hạt giống để nhân giống
		017	0170	01700	Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan
	02				Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan
		021	0210		Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
				02101	Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ
				02102	Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre
				02103	Trồng rừng và chăm sóc rừng khác
				02104	Ươm giống cây lâm nghiệp
		022	0220	02200	Khai thác gỗ
		023			Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ
			0231	02310	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
			0232	02320	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		024	0240	02400	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
	03				Khai thác, nuôi trồng thuỷ sản
		031			Khai thác thuỷ sản
			0311	03110	Khai thác thuỷ sản biển
			0312	03120	Khai thác thuỷ sản nội địa
		032			Nuôi trồng thuỷ sản
			0321		Nuôi trồng thuỷ sản biển
				03211	Nuôi cá
				03212	Nuôi tôm
				03213	Nuôi thủy sản khác
				03214	Sản xuất giống thủy sản biển
			0322		Nuôi trồng thuỷ sản nội địa
				03221	Nuôi cá
				03222	Nuôi tôm
				03223	Nuôi thủy sản khác
				03224	Sản xuất giống thủy sản nội địa
B					**KHAI KHOÁNG**
	05				Khai thác than cứng và than non
		051	0510	05100	Khai thác và thu gom than cứng
		052	0520	05200	Khai thác và thu gom than non
	06				Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên
		061	0610	06100	Khai thác dầu thô
		062	0620	06200	Khai thác khí đốt tự nhiên
	07				Khai thác quặng kim loại
		071	0710	07100	Khai thác quặng sắt
		072			Khai thác quặng không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm)
			0721	07210	Khai thác quặng uranium và quặng thorium
			0722		Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
				07221	Khai thác quặng bôxít
				07229	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu
		073	0730	07300	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
	08				Khai khoáng khác
		081	0810		Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
				08101	Khai thác đá
				08102	Khai thác cát, sỏi
				08103	Khai thác đất sét
		089			Khai khoáng chưa được phân vào đâu
			0891	08910	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
			0892	08920	Khai thác và thu gom than bùn
			0893	08930	Khai thác muối
			0899	08990	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
	09				Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		091	0910	09100	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
		099	0990	09900	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác
C					**CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO**
	10				Sản xuất, chế biến thực phẩm
		101	1010		Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
				10101	Giết mổ gia súc, gia cầm
				10102	Chế biến và bảo quản thịt
				10109	Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt
		102	1020		Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản
				10201	Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh
				10202	Chế biến và bảo quản thủy sản khô
				10203	Chế biến và bảo quản nước mắm
				10209	Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản
		103	1030		Chế biến và bảo quản rau quả
				10301	Sản xuất nước ép từ rau quả
				10309	Chế biến và bảo quản rau quả khác
		104	1040		Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
				10401	Sản xuất dầu, mỡ động vật
				10402	Sản xuất dầu, bơ thực vật
		105	1050	10500	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
		106			Xay xát và sản xuất bột
			1061		Xay xát và sản xuất bột thô
				10611	Xay xát
				10612	Sản xuất bột thô
			1062	10620	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
		107			Sản xuất thực phẩm khác
			1071	10710	Sản xuất các loại bánh từ bột
			1072	10720	Sản xuất đường
			1073	10730	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo
			1074	10740	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự
			1075		Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
				10751	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt
				10752	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản
				10759	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác
			1076	10760	Sản xuất chè
			1077	10770	Sản xuất cà phê
			1079	10790	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
		108	1080	10800	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản
	11	110			Sản xuất đồ uống
			1101	11010	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			1102	11020	Sản xuất rượu vang
			1103	11030	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
			1104		Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
				11041	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai
				11042	Sản xuất đồ uống không cồn
	12	120	1200		Sản xuất sản phẩm thuốc lá
				12001	Sản xuất thuốc lá
				12009	Sản xuất thuốc hút khác
	13				Dệt
		131			Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt
			1311	13110	Sản xuất sợi
			1312	13120	Sản xuất vải dệt thoi
			1313	13130	Hoàn thiện sản phẩm dệt
		139			Sản xuất hàng dệt khác
			1391	13910	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
			1392	13920	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
			1393	13930	Sản xuất thảm, chăn, đệm
			1394	13940	Sản xuất các loại dây bện và lưới
			1399	13990	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu
	14				Sản xuất trang phục
		141	1410	14100	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
		142	1420	14200	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú
		143	1430	14300	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
	15				Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan
		151			Thuộc, sơ chế da; sản xuất va li, túi xách, yên đệm; sơ chế và nhuộm da lông thú
			1511	15110	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú
			1512	15120	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm
		152	1520	15200	Sản xuất giày, dép
	16				Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện
		161	1610		Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
				16101	Cưa, xẻ và bào gỗ
				16102	Bảo quản gỗ
		162			Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện
			1621	16210	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			1622	16220	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
			1623	16230	Sản xuất bao bì bằng gỗ
			1629		Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
				16291	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
				16292	Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện
	17	170			Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
			1701	17010	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa
			1702		Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa
				17021	Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa
				17022	Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn
			1709	17090	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu
	18				In, sao chép bản ghi các loại
		181			In ấn và dịch vụ liên quan đến in
			1811	18110	In ấn
			1812	18120	Dịch vụ liên quan đến in
		182	1820	18200	Sao chép bản ghi các loại
	19				Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế
		191	1910	19100	Sản xuất than cốc
		192	1920	19200	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế
	20				Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất
		201			Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
			2011		Sản xuất hoá chất cơ bản
				20111	Sản xuất khí công nghiệp
				20112	Sản xuất chất nhuộm và chất màu
				20113	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác
				20114	Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản khác
				20119	Sản xuất hóa chất cơ bản khác
			2012	20120	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
			2013		Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
				20131	Sản xuất plastic nguyên sinh
				20132	Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
		202			Sản xuất sản phẩm hoá chất khác
			2021	20210	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp
			2022		Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít
				20221	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít
				20222	Sản xuất mực in

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			2023		Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh
				20231	Sản xuất mỹ phẩm
				20232	Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh
			2029	20290	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu
		203	2030	20300	Sản xuất sợi nhân tạo
	21				Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
		210	2100		Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
				21001	Sản xuất thuốc các loại
				21002	Sản xuất hoá dược và dược liệu
	22				Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic
		221			Sản xuất sản phẩm từ cao su
			2211	22110	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su
			2219	22190	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
		222	2220		Sản xuất sản phẩm từ plastic
				22201	Sản xuất bao bì từ plastic
				22209	Sản xuất sản phẩm khác từ plastic
	23				Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác
		231	2310		Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh
				23101	Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng
				23102	Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng
				23103	Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh
				23109	Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh
		239			Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu
			2391	23910	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
			2392	23920	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
			2393	23930	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
			2394		Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
				23941	Sản xuất xi măng
				23942	Sản xuất vôi
				23943	Sản xuất thạch cao
			2395	23950	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
			2396	23960	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
			2399	23990	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
	24				Sản xuất kim loại
		241	2410	24100	Sản xuất sắt, thép, gang

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		242	2420		Sản xuất kim loại quý và kim loại màu
				24201	Sản xuất kim loại quý
				24202	Sản xuất kim loại màu
		243			Đúc kim loại
			2431	24310	Đúc sắt, thép
			2432	24320	Đúc kim loại màu
	25				Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)
		251			Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi
			2511	25110	Sản xuất các cấu kiện kim loại
			2512	25120	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
			2513	25130	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
		252	2520	25200	Sản xuất vũ khí và đạn dược
		259			Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại
			2591	25910	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
			2592	25920	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
			2593	25930	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
			2599		Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
				25991	Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn
				25999	Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu
	26				Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học
		261	2610	26100	Sản xuất linh kiện điện tử
		262	2620	26200	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
		263	2630	26300	Sản xuất thiết bị truyền thông
		264	2640	26400	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
		265			Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ
			2651	26510	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
			2652	26520	Sản xuất đồng hồ
		266	2660	26600	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp
		267	2670	26700	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học
		268	2680	26800	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học
	27				Sản xuất thiết bị điện
		271	2710		Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				27101	Sản xuất mô tơ, máy phát
				27102	Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
		272	2720	27200	Sản xuất pin và ắc quy
		273			Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn
			2731	27310	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
			2732	27320	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
			2733	27330	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
		274	2740	27400	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
		275	2750	27500	Sản xuất đồ điện dân dụng
		279	2790	27900	Sản xuất thiết bị điện khác
	28				Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu
		281			Sản xuất máy thông dụng
			2811	28110	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
			2812	28120	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu
			2813	28130	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
			2814	28140	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
			2815	28150	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung
			2816	28160	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
			2817	28170	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)
			2818	28180	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén
			2819	28190	Sản xuất máy thông dụng khác
		282			Sản xuất máy chuyên dụng
			2821	28210	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
			2822	28220	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại
			2823	28230	Sản xuất máy luyện kim
			2824	28240	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
			2825	28250	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá
			2826	28260	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da
			2829		Sản xuất máy chuyên dụng khác
				28291	Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng
				28299	Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu
	29				Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
		291	2910	29100	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
		292	2920	29200	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		293	2930	29300	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác
	30				Sản xuất phương tiện vận tải khác
		301			Đóng tàu và thuyền
			3011	30110	Đóng tàu và cấu kiện nổi
			3012	30120	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí
		302	3020	30200	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe
		303	3030	30300	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan
		304	3040	30400	Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội
		309			Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu
			3091	30910	Sản xuất mô tô, xe máy
			3092	30920	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật
			3099	30990	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
	31	310	3100		Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
				31001	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ
				31002	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại
				31009	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác
	32				Công nghiệp chế biến, chế tạo khác
		321			Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan
			3211	32110	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan
			3212	32120	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan
		322	3220	32200	Sản xuất nhạc cụ
		323	3230	32300	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao
		324	3240	32400	Sản xuất đồ chơi, trò chơi
		325	3250		Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng
				32501	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa
				32502	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng
		329	3290	32900	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
	33				Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị
		331			Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn
			3311	33110	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
			3312	33120	Sửa chữa máy móc, thiết bị
			3313	33130	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
			3314	33140	Sửa chữa thiết bị điện
			3315	33150	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			3319	33190	Sửa chữa thiết bị khác
		332	3320	33200	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
D					**SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ**
	35				Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
		351			Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
			3511		Sản xuất điện
				35111	Thủy điện
				35112	Nhiệt điện than
				35113	Nhiệt điện khí
				35114	Điện hạt nhân
				35115	Điện gió
				35116	Điện mặt trời
				35119	Điện khác
			3512		Truyền tải và phân phối điện
				35121	Truyền tải điện
				35122	Phân phối điện
		352	3520		Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
				35201	Sản xuất khí đốt
				35202	Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
		353	3530		Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
				35301	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí
				35302	Sản xuất nước đá
E					**CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI**
	36	360	3600	36000	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
	37	370	3700		Thoát nước và xử lý nước thải
				37001	Thoát nước
				37002	Xử lý nước thải
	38				Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu
		381			Thu gom rác thải
			3811	38110	Thu gom rác thải không độc hại
			3812		Thu gom rác thải độc hại
				38121	Thu gom rác thải y tế
				38129	Thu gom rác thải độc hại khác
		382			Xử lý và tiêu huỷ rác thải
			3821	38210	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
			3822		Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
				38221	Xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế
				38229	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		383	3830		Tái chế phế liệu
				38301	Tái chế phế liệu kim loại
				38302	Tái chế phế liệu phi kim loại
	39	390	3900	39000	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
F					**XÂY DỰNG**
	41	410			Xây dựng nhà các loại
			4101	41010	Xây dựng nhà để ở
			4102	41020	Xây dựng nhà không để ở
	42				Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
		421			Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
			4211	42110	Xây dựng công trình đường sắt
			4212	42120	Xây dựng công trình đường bộ
		422			Xây dựng công trình công ích
			4221	42210	Xây dựng công trình điện
			4222	42220	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
			4223	42230	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
			4229	42290	Xây dựng công trình công ích khác
		429			Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
			4291	42910	Xây dựng công trình thủy
			4292	42920	Xây dựng công trình khai khoáng
			4293	42930	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
			4299	42990	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
	43				Hoạt động xây dựng chuyên dụng
		431			Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng
			4311	43110	Phá dỡ
			4312	43120	Chuẩn bị mặt bằng
		432			Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác
			4321	43210	Lắp đặt hệ thống điện
			4322		Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
				43221	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
				43222	Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí
			4329	43290	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
		433	4330	43300	Hoàn thiện công trình xây dựng
		439	4390	43900	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
G					**BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC**
	45				Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
		451			Bán ô tô và xe có động cơ khác
			4511		Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
				45111	Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				45119	Bán buôn xe có động cơ khác
			4512	45120	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
			4513		Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
				45131	Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
				45139	Đại lý xe có động cơ khác
		452	4520	45200	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
		453	4530		Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
				45301	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
				45302	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
				45303	Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
		454			Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
			4541		Bán mô tô, xe máy
				45411	Bán buôn mô tô, xe máy
				45412	Bán lẻ mô tô, xe máy
				45413	Đại lý mô tô, xe máy
			4542	45420	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
			4543		Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
				45431	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
				45432	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
				45433	Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
	46				Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
		461	4610		Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
				46101	Đại lý bán hàng hóa
				46102	Môi giới mua bán hàng hóa
				46103	Đấu giá hàng hóa
		462	4620		Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
				46201	Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác
				46202	Bán buôn hoa và cây
				46203	Bán buôn động vật sống
				46204	Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản
				46209	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		463			Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
			4631	46310	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ
			4632		Bán buôn thực phẩm
				46321	Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt
				46322	Bán buôn thủy sản
				46323	Bán buôn rau, quả
				46324	Bán buôn cà phê
				46325	Bán buôn chè
				46326	Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột
				46329	Bán buôn thực phẩm khác
			4633		Bán buôn đồ uống
				46331	Bán buôn đồ uống có cồn
				46332	Bán buôn đồ uống không có cồn
			4634	46340	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
		464			Bán buôn đồ dùng gia đình
			4641		Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
				46411	Bán buôn vải
				46412	Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác
				46413	Bán buôn hàng may mặc
				46414	Bán buôn giày dép
			4649		Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
				46491	Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác
				46492	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế
				46493	Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
				46494	Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh
				46495	Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện
				46496	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự
				46497	Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm
				46498	Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao
				46499	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu
		465			Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy
			4651	46510	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
			4652	46520	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			4653	46530	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
			4659		Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
				46591	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
				46592	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
				46593	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày
				46594	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)
				46595	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
				46599	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu
		466			Bán buôn chuyên doanh khác
			4661		Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
				46611	Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác
				46612	Bán buôn dầu thô
				46613	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
				46614	Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
			4662		Bán buôn kim loại và quặng kim loại
				46621	Bán buôn quặng kim loại
				46622	Bán buôn sắt, thép
				46623	Bán buôn kim loại khác
				46624	Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác
			4663		Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
				46631	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến
				46632	Bán buôn xi măng
				46633	Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi
				46634	Bán buôn kính xây dựng
				46635	Bán buôn sơn, vécni
				46636	Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
				46637	Bán buôn đồ ngũ kim
				46639	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
			4669		Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
				46691	Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
				46692	Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
				46693	Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				46694	Bán buôn cao su
				46695	Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt
				46696	Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép
				46697	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
				46699	Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
		469	4690	46900	Bán buôn tổng hợp
	47				Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
		471			Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
			4711		Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
				47111	Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)
				47112	Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)
				47119	Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác
			4719		Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
				47191	Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)
				47192	Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)
				47199	Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác
		472			Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh
			4721	47210	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
			4722		Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
				47221	Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh
				47222	Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh
				47223	Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh
				47224	Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh
				47229	Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh
			4723	47230	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			4724	47240	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh
		473	4730	47300	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
		474			Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh
			4741		Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
				47411	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh
				47412	Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
			4742	47420	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
		475			Bán lẻ thiết bị gia đình khác trong các cửa hàng chuyên doanh
			4751		Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
				47511	Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh
				47519	Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
			4752		Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
				47521	Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh
				47522	Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh
				47523	Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
				47524	Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh
				47525	Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
				47529	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
			4753	47530	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
			4759		Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
				47591	Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				47592	Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh
				47593	Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh
				47594	Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh
				47599	Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
		476			Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí trong các cửa hàng chuyên doanh
			4761	47610	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
			4762	47620	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh
			4763	47630	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
			4764	47640	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh
		477			Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh
			4771		Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
				47711	Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
				47712	Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh
				47713	Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh
			4772		Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
				47721	Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh
				47722	Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
				47723	Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh
			4773		Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
				47731	Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
				47732	Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				47733	Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh
				47734	Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh
				47735	Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh
				47736	Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh
				47737	Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh
				47738	Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh
				47739	Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
			4774		Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh
				47741	Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh
				47749	Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh
		478			Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ
			4781		Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ
				47811	Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ
				47812	Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ
				47813	Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ
				47814	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ
				47815	Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ
				47816	Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ
				47817	Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ
				47818	Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ
				47819	Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu
			4782		Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ
				47821	Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ
				47822	Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ
				47823	Bán lẻ giày dép lưu động hoặc tại chợ
			4783	47830	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			4784		Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ
				47841	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ
				47842	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ
				47843	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ
			4785	47850	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ
			4789		Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ
				47891	Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ
				47892	Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ
				47893	Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ
				47894	Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ
				47895	Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ
				47896	Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ
				47897	Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ
				47898	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ
				47899	Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ
		479			Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)
			4791	47910	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
			4799	47990	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu
H					**VẬN TẢI KHO BÃI**
	49				Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống
		491			Vận tải đường sắt
			4911	49110	Vận tải hành khách đường sắt
			4912	49120	Vận tải hàng hóa đường sắt
		492			Vận tải hành khách bằng xe buýt
			4921	49210	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			4922	49220	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
			4929	49290	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
		493			Vận tải đường bộ khác
			4931		Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
				49311	Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao
				49312	Vận tải hành khách bằng taxi
				49313	Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
				49319	Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)
			4932		Vận tải hành khách đường bộ khác
				49321	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
				49329	Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu
			4933		Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
				49331	Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng
				49332	Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)
				49333	Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác
				49334	Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ
				49339	Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác
		494	4940	49400	Vận tải đường ống
	50				Vận tải đường thủy
		501			Vận tải ven biển và viễn dương
			5011		Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
				50111	Vận tải hành khách ven biển
				50112	Vận tải hành khách viễn dương
			5012		Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
				50121	Vận tải hàng hóa ven biển
				50122	Vận tải hàng hóa viễn dương
		502			Vận tải đường thuỷ nội địa
			5021		Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa
				50211	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới
				50212	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa bằng phương tiện thô sơ
			5022		Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa
				50221	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới
				50222	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa bằng phương tiện thô sơ

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
	51				Vận tải hàng không
		511	5110		Vận tải hành khách hàng không
				51101	Vận tải hành khách hàng không theo tuyến và lịch trình cố định
				51109	Vận tải hành khách hàng không loại khác
		512	5120		Vận tải hàng hóa hàng không
				51201	Vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định
				51209	Vận tải hàng hóa hàng không loại khác
	52				Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải
		521	5210		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
				52101	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan
				52102	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)
				52109	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác
		522			Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải
			5221	52210	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
			5222		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
				52221	Hoạt động điều hành cảng biển
				52222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương
				52223	Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa
				52224	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa
			5223		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
				52231	Dịch vụ điều hành bay
				52232	Dịch vụ điều hành hoạt động cảng hàng không
				52239	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không
			5224		Bốc xếp hàng hóa
				52241	Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt
				52242	Bốc xếp hàng hóa đường bộ
				52243	Bốc xếp hàng hóa cảng biển
				52244	Bốc xếp hàng hóa cảng sông
				52245	Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không
				52249	Bốc xếp hàng hóa loại khác
			5225		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
				52251	Hoạt động điều hành bến xe

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				52252	Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ
				52253	Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ
				52259	Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ
			5229		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
				52291	Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển
				52292	Logistics
				52299	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu
	53				Bưu chính và chuyển phát
		531	5310	53100	Bưu chính
		532	5320	53200	Chuyển phát
I					**DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG**
	55				Dịch vụ lưu trú
		551	5510		Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
				55101	Khách sạn
				55102	Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
				55103	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
				55104	Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự
		559	5590		Cơ sở lưu trú khác
				55901	Ký túc xá học sinh, sinh viên
				55902	Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm
				55909	Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu
	56				Dịch vụ ăn uống
		561	5610		Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
				56101	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)
				56102	Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh
				56109	Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác
		562			Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác
			5621	56210	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
			5629	56290	Dịch vụ ăn uống khác
		563	5630		Dịch vụ phục vụ đồ uống
				56301	Quán rượu, bia, quầy bar
				56302	Quán cà phê, giải khát

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				56309	Dịch vụ phục vụ đồ uống khác
J					**THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**
	58				Hoạt động xuất bản
		581			Xuất bản sách, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác
			5811		Xuất bản sách
				58111	Xuất bản sách trực tuyến
				58112	Xuất bản sách khác
			5812		Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ
				58121	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ trực tuyến
				58122	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ khác
			5813		Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ
				58131	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ trực tuyến
				58132	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác
			5819		Hoạt động xuất bản khác
				58191	Hoạt động xuất bản trực tuyến khác
				58192	Hoạt động xuất bản khác
		582	5820	58200	Xuất bản phần mềm
	59				Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc
		591			Hoạt động điện ảnh và sản xuất chương trình truyền hình
			5911		Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
				59111	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh
				59112	Hoạt động sản xuất phim video
				59113	Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình
			5912	59120	Hoạt động hậu kỳ
			5913	59130	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình
			5914		Hoạt động chiếu phim
				59141	Hoạt động chiếu phim cố định
				59142	Hoạt động chiếu phim lưu động
		592	5920	59200	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc
	60				Hoạt động phát thanh, truyền hình
		601	6010	60100	Hoạt động phát thanh
		602			Hoạt động truyền hình và cung cấp chương trình thuê bao
			6021	60210	Hoạt động truyền hình
			6022	60220	Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác
	61				Viễn thông

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		611	6110		Hoạt động viễn thông có dây
				61101	Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông có dây
				61102	Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông có dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác
		612	6120		Hoạt động viễn thông không dây
				61201	Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây
				61202	Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác
		613	6130	61300	Hoạt động viễn thông vệ tinh
		619	6190		Hoạt động viễn thông khác
				61901	Hoạt động của các điểm truy cập internet
				61909	Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu
	62	620			Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính
			6201	62010	Lập trình máy vi tính
			6202	62020	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
			6209	62090	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
	63				Hoạt động dịch vụ thông tin
		631			Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin
			6311	63110	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
			6312	63120	Cổng thông tin
		639			Dịch vụ thông tin khác
			6391	63910	Hoạt động thông tấn
			6399	63990	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
K					**HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM**
	64				Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
		641			Hoạt động trung gian tiền tệ
			6411	64110	Hoạt động ngân hàng trung ương
			6419	64190	Hoạt động trung gian tiền tệ khác
		642	6420	64200	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
		643	6430	64300	Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác
		649			Hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
			6491	64910	Hoạt động cho thuê tài chính

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			6492	64920	Hoạt động cấp tín dụng khác
			6499	64990	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
	65				Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)
		651			Bảo hiểm
			6511	65110	Bảo hiểm nhân thọ
			6512	65120	Bảo hiểm phi nhân thọ
			6513		Bảo hiểm sức khỏe
				65131	Bảo hiểm y tế
				65139	Bảo hiểm sức khỏe khác
		652	6520	65200	Tái bảo hiểm
		653	6530	65300	Bảo hiểm xã hội
	66				Hoạt động tài chính khác
		661			Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
			6611	66110	Quản lý thị trường tài chính
			6612	66120	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán
			6619	66190	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
		662			Hoạt động hỗ trợ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội
			6621	66210	Đánh giá rủi ro và thiệt hại
			6622	66220	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
			6629	66290	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội
		663	6630	66300	Hoạt động quản lý quỹ
L					**HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**
	68				Hoạt động kinh doanh bất động sản
		681	6810		Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
				68101	Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở
				68102	Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở
				68103	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở
				68104	Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở
				68109	Kinh doanh bất động sản khác
		682	6820		Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
				68201	Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất
				68202	Đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất
M					**HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
	69				Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán
		691	6910		Hoạt động pháp luật
				69101	Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật
				69102	Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý
				69109	Hoạt động pháp luật khác
		692	6920	69200	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế
	70				Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý
		701	7010	70100	Hoạt động của trụ sở văn phòng
		702	7020	70200	Hoạt động tư vấn quản lý
	71				Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật
		711	7110		Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
				71101	Hoạt động kiến trúc
				71102	Hoạt động đo đạc và bản đồ
				71103	Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước
				71109	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác
		712	7120	71200	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
	72				Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
		721			Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật
			7211	72110	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
			7212	72120	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
			7213	72130	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
			7214	72140	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp
		722			Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn
			7221	72210	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội
			7222	72220	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn
	73				Quảng cáo và nghiên cứu thị trường
		731	7310	73100	Quảng cáo
		732	7320	73200	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
	74				Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		741	7410	74100	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
		742	7420	74200	Hoạt động nhiếp ảnh
		749	7490		Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
				74901	Hoạt động khí tượng thuỷ văn
				74909	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu
	75	750	7500	75000	Hoạt động thú y
N					**HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ**
	77				Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
		771	7710		Cho thuê xe có động cơ
				77101	Cho thuê ôtô
				77109	Cho thuê xe có động cơ khác
		772			Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình
			7721	77210	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
			7722	77220	Cho thuê băng, đĩa video
			7729	77290	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác
		773	7730		Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
				77301	Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển
				77302	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển
				77303	Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển
				77304	Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển
				77305	Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển
				77309	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu
		774	7740	77400	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
	78				Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm
		781	7810	78100	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
		782	7820	78200	Cung ứng lao động tạm thời
		783	7830		Cung ứng và quản lý nguồn lao động
				78301	Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước
				78302	Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
	79				Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
		791			Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch
			7911	79110	Đại lý du lịch
			7912	79120	Điều hành tua du lịch
		799	7990	79900	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
	80				Hoạt động điều tra bảo đảm an toàn
		801	8010	80100	Hoạt động bảo vệ tư nhân
		802	8020	80200	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn
		803	8030	80300	Dịch vụ điều tra
	81				Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan
		811	8110	81100	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
		812			Dịch vụ vệ sinh
			8121	81210	Vệ sinh chung nhà cửa
			8129	81290	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
		813	8130	81300	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
	82				Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác
		821			Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng
			8211	82110	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
			8219		Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
				82191	Photo, chuẩn bị tài liệu
				82199	Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
		822	8220	82200	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi
		823	8230	82300	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
		829			Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu
			8291	82910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng
			8292	82920	Dịch vụ đóng gói
			8299	82990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
O					**HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, AN NINH QUỐC PHÒNG; BẢO ĐẢM XÃ HỘI BẮT BUỘC**
	84				Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đối ngoại và bảo đảm xã hội bắt buộc

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
		841			Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước và quản lý chính sách kinh tế, xã hội
			8411		Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp
				84111	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội
				84112	Hoạt động quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp
			8412	84120	Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá và các dịch vụ xã hội khác (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)
			8413	84130	Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành
		842			Hoạt động phục vụ chung cho toàn đất nước
			8421	84210	Hoạt động đối ngoại
			8422	84220	Hoạt động quốc phòng
			8423	84230	Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội
		843	8430	84300	Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc
P					**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
	85				Giáo dục và đào tạo
		851			Giáo dục mầm non
			8511	85110	Giáo dục nhà trẻ
			8512	85120	Giáo dục mẫu giáo
		852			Giáo dục phổ thông
			8521	85210	Giáo dục tiểu học
			8522	85220	Giáo dục trung học cơ sở
			8523	85230	Giáo dục trung học phổ thông
		853			Giáo dục nghề nghiệp
			8531	85310	Đào tạo sơ cấp
			8532	85320	Đào tạo trung cấp
			8533	85330	Đào tạo cao đẳng
		854			Giáo dục đại học
			8541	85410	Đào tạo đại học
			8542	85420	Đào tạo thạc sỹ
			8543	85430	Đào tạo tiến sỹ
		855			Giáo dục khác
			8551	85510	Giáo dục thể thao và giải trí
			8552	85520	Giáo dục văn hoá nghệ thuật
			8559	85590	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
		856	8560	85600	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
Q					**Y TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI**
	86				Hoạt động y tế
		861	8610		Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế
				86101	Hoạt động của các bệnh viện

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				86102	Hoạt động của các trạm y tế và trạm y tế bộ/ngành
		862	8620		Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
				86201	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
				86202	Hoạt động của các phòng khám nha khoa
		869			Hoạt động y tế khác
			8691	86910	Hoạt động y tế dự phòng
			8692	86920	Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng
			8699	86990	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu
	87				Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung
		871	8710		Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng
				87101	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh
				87109	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác
		872	8720		Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiểu năng, tâm thần và người nghiện
				87201	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiểu năng, tâm thần
				87202	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ, cai nghiện phục hồi người nghiện
		873	8730		Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc
				87301	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công (trừ thương bệnh binh)
				87302	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người già
				87303	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người khuyết tật
		879	8790		Hoạt động chăm sóc tập trung khác
				87901	Hoạt động chữa bệnh, phục hồi nhân phẩm cho đối tượng mại dâm
				87909	Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu
	88				Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung
		881	8810		Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật
				88101	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công (trừ thương bệnh binh)
				88102	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với thương bệnh binh

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
				88103	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người già và người khuyết tật
		889	8890	88900	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác
R					**NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ**
	90	900	9000	90000	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí
	91				Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hoá khác
		910			Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hoá khác
			9101	91010	Hoạt động thư viện và lưu trữ
			9102	91020	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng
			9103	91030	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên
	92	920	9200		Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc
				92001	Hoạt động xổ số
				92002	Hoạt động cá cược và đánh bạc
	93				Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí
		931			Hoạt động thể thao
			9311	93110	Hoạt động của các cơ sở thể thao
			9312	93120	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
			9319	93190	Hoạt động thể thao khác
		932			Hoạt động vui chơi giải trí khác
			9321	93210	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
			9329	93290	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
S					**HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC**
	94				Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác
		941			Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh, nghiệp chủ và nghề nghiệp
			9411	94110	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ
			9412	94120	Hoạt động của các hội nghề nghiệp
		942	9420	94200	Hoạt động của công đoàn
		949			Hoạt động của các tổ chức khác
			9491	94910	Hoạt động của các tổ chức tôn giáo
			9499	94990	Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu
	95				Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình
		951			Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc
			9511	95110	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
			9512	95120	Sửa chữa thiết bị liên lạc
		952			Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình
			9521	95210	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
			9522	95220	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình
			9523	95230	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da
			9524	95240	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự
			9529	95290	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu
	96				Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác
		961	9610	96100	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)
		962	9620	96200	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
		963			Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu
			9631	96310	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu
			9632	96320	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ
			9633	96330	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ
			9639	96390	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu
T					**HOẠT ĐỘNG LÀM THUÊ CÁC CÔNG VIỆC TRONG CÁC HỘ GIA ĐÌNH, SẢN XUẤT SẢN PHẨM VẬT CHẤT VÀ DỊCH VỤ TỰ TIÊU DÙNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH**
	97	970	9700	97000	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình
	98				Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình
		981	9810	98100	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình
		982	9820	98200	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình
U					**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUỐC TẾ**
	99	990	9900	99000	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế
21	**88**	**242**	**486**	**734**	

Phụ lục II

NỘI DUNG HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM ĐỊNH NGHĨA VỀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ NGÀNH KINH TẾ

1. Hoạt động kinh tế: là quá trình sử dụng nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, lao động, công nghệ, mạng thông tin... nhằm tạo ra các hàng hoá hoặc dịch vụ mới, như vậy mỗi hoạt động kinh tế có đặc trưng được thể hiện bằng qui trình sản xuất, nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra.

2. Ngành kinh tế: về lý thuyết sẽ là tốt nhất nếu mỗi hoạt động tạo nên một ngành, do vậy danh mục ngành là danh mục các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên trong thực tế, danh mục ngành theo chuẩn mực tối ưu này không xác lập được do sự phong phú, tính phức tạp và hay thay đổi của các hoạt động kinh tế. Do đó ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam là tập hợp các hoạt động kinh tế giống nhau dựa trên 3 tiêu chí xếp theo thứ tự ưu tiên dưới đây:

- Qui trình và công nghệ sản xuất của hoạt động kinh tế;

- Nguyên liệu đầu vào mà hoạt động kinh tế sử dụng để tạo ra sản phẩm;

- Đặc điểm của sản phẩm sản xuất ra của hoạt động kinh tế.

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam phân loại các hoạt động kinh tế dựa trên tính chất của hoạt động kinh tế, do đó cần lưu ý một số nội dung sau:

- Không căn cứ vào loại hình sở hữu, loại hình tổ chức, phương thức hay qui mô của hoạt động sản xuất. Chẳng hạn đối với hoạt động sản xuất giày dép thì bất kể hoạt động này thuộc sở hữu tư nhân hay nhà nước, loại hình tổ chức là doanh nghiệp độc lập hay phụ thuộc hay cơ sở kinh doanh cá thể, được thực hiện theo phương thức thủ công hay máy móc, với quy mô sản xuất lớn hay nhỏ đều được xếp vào ngành: "Sản xuất giày dép", mã số 15200.

- Khái niệm "ngành kinh tế" khác với khái niệm "ngành quản lý": Ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được hình thành từ các hoạt động kinh tế diễn ra trong lãnh thổ kinh tế của Việt Nam, bất kể các hoạt động kinh tế này do ai quản lý; ngược lại ngành quản lý bao gồm những hoạt động kinh tế thuộc quyền quản lý của một đơn vị nhất định (Bộ, ngành quản lý nhà nước ...), bất kể hoạt động đó thuộc ngành kinh tế nào. Như vậy ngành quản lý có thể bao gồm một hay nhiều ngành kinh tế.

- Khái niệm ngành kinh tế cũng cần phân biệt với khái niệm nghề nghiệp. Ngành kinh tế gắn với đơn vị kinh tế, tại đó người lao động làm việc với các nghề nghiệp khác nhau. Lao động theo ngành kinh tế phản ánh hoạt động kinh tế của mỗi cá nhân trong tổng thể các hoạt động của đơn vị; nghề nghiệp của người lao động phản ánh kỹ năng và việc làm cụ thể của họ tại

đơn vị. Ví dụ, một người lao động làm kế toán trong đơn vị có hoạt động chính "Sản xuất thuốc lá", khi đó lao động được xếp vào ngành sản xuất thuốc lá nhưng nghề của lao động này là kế toán.

II. NỘI DUNG HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

A: NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

01: NÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

011: Trồng cây hàng năm

Ngành này gồm các hoạt động gieo trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng của cây không kéo dài hơn một năm.

0111 - 01110: Trồng lúa

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng (cấy, sạ) các loại cây lúa: lúa nước, lúa cạn.

0112 - 01120: Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.

Loại trừ: Trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc được phân vào nhóm 0119 (Trồng cây hàng năm khác).

0113 - 01130: Trồng cây lấy củ có chất bột

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại cây lấy củ có hàm lượng tinh bột cao như: khoai lang, khoai tây, sắn, khoai nước, khoai sọ, củ từ, dong riềng,...

0114 - 01140: Trồng cây mía

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây mía để chế biến đường, mật và để ăn không qua chế biến.

0115 - 01150: Trồng cây thuốc lá, thuốc lào

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây thuốc lá, thuốc lào để cuốn thuốc lá điếu (xì gà) và để chế biến thuốc lá, thuốc lào.

Loại trừ: Hoạt động chế biến thuốc lá được phân vào nhóm 1200 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá).

0116 - 01160: Trồng cây lấy sợi

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây bông, đay, cói, gai, lanh, và cây lấy sợi khác.

0117 - 01170: Trồng cây có hạt chứa dầu

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại cây có hạt chứa dầu như cây đậu tương, cây lạc, cây vừng, cây thầu dầu, cây cải dầu, cây hoa hướng dương, cây rum, cây mù tạc và các cây có hạt chứa dầu khác.

0118: Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa

01181: Trồng rau các loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng rau các loại:

- Trồng các loại rau lấy lá như: Rau cải, bắp cải, rau muống, súp lơ, cây bông cải xanh, rau diếp, măng tây, rau cúc, rau cần ta, rau cần tây và các loại rau lấy lá khác;

- Trồng các loại rau lấy quả như: Dưa hấu, dưa chuột, bí xanh, bí ngô, cà chua, cây cà, cây ớt, các loại dưa và rau có quả khác;

- Trồng các loại rau lấy củ, cả rễ, hoặc lấy thân như: Su hào, cà rốt, cây củ cải, cây hành, cây tỏi ta, cây tỏi tây, cây mùi, cây hẹ và cây lấy rễ, củ hoặc thân khác;

- Trồng cây củ cải đường;

- Trồng các loại nấm.

Loại trừ:

- Trồng cây làm gia vị được phân vào nhóm 01281 (Trồng cây gia vị lâu năm) và nhóm 01282 (Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm);

- Thu nhặt hoa quả hoang dại như: Trám, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên... được phân vào nhóm 02320 (Thu nhặt lâm sản trừ gỗ).

- Sản xuất giống nấm được phân vào nhóm 01310 (Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm).

01182: Trồng đậu các loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động gieo trồng các loại đậu để lấy hạt như: đậu đen, đậu xanh, đậu vàng, đậu trứng quốc, đậu hà lan...

Loại trừ: Trồng cây đậu tương được phân vào nhóm 01170 (Trồng cây có hạt chứa dầu).

01183: Trồng hoa hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây hàng năm lấy hoa hoặc cả cành, thân, lá, rễ để, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hoá...

0119: Trồng cây hàng năm khác

01191: Trồng cây gia vị hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây chủ yếu làm gia vị như cây ớt cay, cây gừng, cây nghệ,...

Loại trừ: Trồng cây gia vị lâu năm được phân vào nhóm 01281 (Trồng cây gia vị lâu năm)

01192: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm

Nhóm này gồm: Trồng cây để làm thuốc và sản xuất hương liệu cung cấp cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: Cây atiso, ngải, cây bạc hà, cà gai leo, cây xạ đen, ý dĩ,... và sản xuất hương liệu.

01199: Trồng cây hàng năm khác còn lại

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây nông nghiệp hàng năm chưa được phân vào các nhóm từ 0111 đến 0119. Gồm: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); trồng cây sen, v.v...

012: Trồng cây lâu năm

Nhóm này bao gồm các hoạt động trồng các loại cây có chu kỳ sinh trưởng nhiều hơn một năm hoặc có thời gian sinh trưởng trong một năm nhưng cho thu hoạch sản phẩm trong nhiều năm.

0121: Trồng cây ăn quả

01211: Trồng nho

Nhóm này gồm: Trồng nho làm nguyên liệu sản xuất rượu nho và trồng nho ăn quả.

Loại trừ: Sản xuất rượu nho được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang).

01212: Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới

Nhóm này gồm: Trồng cây xoài, cây chuối, cây đu đủ, cây vả, cây chà là, cây thanh long, các loại cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới.

01213: Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác

Nhóm này gồm: Trồng cây cam, cây chanh, cây quít, cây bưởi, các loại cam, quít khác.

01214: Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo

Nhóm này gồm: Trồng cây táo, cây mận, cây mơ, cây anh đào, cây lê và các loại quả có hạt như táo khác.

01215: Trồng nhãn, vải, chôm chôm

Nhóm này gồm: Trồng cây nhãn, cây vải, cây chôm chôm.

01219: Trồng cây ăn quả khác

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây ăn quả chưa được phân vào các nhóm từ 01211 đến 01215. Gồm: Trồng cây ăn quả dạng bụi và cây có quả hạnh nhân như cây có quả mọng, cây mâm xôi, cây dâu tây, cây hạt dẻ, cây óc chó,...

Loại trừ: Trồng cây điều được phân vào nhóm 01230 (Trồng cây điều).

0122 - 01220: Trồng cây lấy quả chứa dầu

Nhóm này gồm: Trồng cây dừa, cây ôliu, cây dầu cọ và cây lấy quả chứa dầu khác.

0123 - 01230: Trồng cây điều

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây điều.

0124 - 01240: Trồng cây hồ tiêu

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây hồ tiêu.

0125 - 01250: Trồng cây cao su

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây cao su, lấy mủ và sơ chế mủ cao su khô.

0126 - 01260: Trồng cây cà phê

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây cà phê.

0127 - 01270: Trồng cây chè

Nhóm này gồm: Các hoạt động trồng cây chè.

0128: Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm

01281: Trồng cây gia vị lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng các loại cây chủ yếu làm gia vị như cây đinh hương, cây vani,...

Loại trừ: Trồng cây hồ tiêu được phân vào nhóm 01240 (Trồng cây hồ tiêu).

01282: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng cây lâu năm để làm thuốc và sản xuất hương liệu: cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp dược phẩm hoặc làm thuốc chữa bệnh không qua chế biến (thuốc nam, thuốc bắc) như: hoa nhài, hồi, ý dĩ, tam thất, sâm, sa nhân,...

Loại trừ:

Các hoạt động trồng quế, thảo quả, ... được phân vào nhóm 02103 (Trồng rừng và khai thác rừng khác).

0129: Trồng cây lâu năm khác

01291: Trồng cây cảnh lâu năm

Nhóm này gồm: Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hoá.

01299: Trồng cây lâu năm khác còn lại

Nhóm này gồm: Trồng các cây lâu năm khác chưa được phân vào các nhóm từ 0121 đến 0128. Gồm các cây lâu năm như: Cây dâu tằm, cây trôm, cây cau, cây trầu không,...

013: Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp

0131-01310: Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm

Nhóm này gồm:

Hoạt động sản xuất hạt giống, gieo ươm các loại giống cây hàng năm như: sản xuất lúa giống; giống cây su hào, bắp cải, xúp lơ, cà chua, giống nấm...

0132-01320: Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm

Nhóm này gồm:

- Hoạt động sản xuất giống cây lâu năm như giâm cành, tạo chồi, cấy ghép chồi, tạo cây con để nhân giống cây trực tiếp hoặc tạo từ các gốc ghép cành thành các chồi non để cho ra sản phẩm cuối cùng là cây giống.

- Gieo ươm, cấy ghép, cắt cành và giâm cành các loại cây cảnh.

Loại trừ: Ươm giống cây lâm nghiệp được phân vào nhóm 02104 (Ươm giống cây lâm nghiệp).

014: Chăn nuôi

Nhóm này bao gồm tất cả hoạt động chăn nuôi các động vật (trừ thủy sản).

Loại trừ:

- Hỗ trợ giống, kiểm dịch, chăm sóc thú y được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Giết thịt, chế biến thịt, ngoài cơ sơ chăn nuôi được phân vào nhóm 1010 (Chế biên, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất da, kéo sợi lông được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú).

0141: Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò

01411: Sản xuất giống trâu, bò

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò để sản xuất giống;

- Sản xuất tinh dịch trâu, bò.

01412: Chăn nuôi trâu, bò

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò thịt; cày kéo;

- Sản xuất sữa nguyên chất từ bò và trâu sữa;

Loại trừ:

- Chế biến sữa ngoài cơ sở chăn nuôi được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

0142: Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa

01421:Sản xuất giống ngựa, lừa

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi ngựa, lừa để sản xuất giống (bao gồm cả sản xuất giống ngựa đua);

- Sản xuất tinh dịch ngựa, lừa

01422: Chăn nuôi ngựa, lừa, la

- Chăn nuôi ngựa, lừa, la để lấy thịt, cày kéo, sữa.

Loại trừ:

- Hoạt động đua ngựa được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

0144: Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

01441: Sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để sản xuất giống;

- Sản xuất tinh dịch dê, cừu, hươu, nai.

01442: Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai để lấy thịt;

- Sản xuất sữa nguyên chất từ dê và cừu sữa;

- Chăn nuôi cừu để lấy lông.

Loại trừ:

- Công việc cắt xén lông cừu trên cơ sở phí và hợp đồng được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Sản xuất da lông kéo thành sợi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Chế biến sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa).

0145: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

01451: Sản xuất giống lợn

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi lợn để sản xuất giống;

- Sản xuất tinh dịch lợn.

01452: Chăn nuôi lợn

Nhóm này gồm:

- Chăn nuôi lợn thịt, lợn sữa.

Loại trừ:

- Hoạt động kiểm dịch lợn, chăm sóc và cho bú được phân vào nhóm 06120 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.

- Giết thịt, chế biến thịt lợn ngoài trang trại chăn nuôi được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt).

0146: Chăn nuôi gia cầm

01461: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các cơ sở ấp trứng gia cầm để lấy con giống và trứng lộn.

01462:Chăn nuôi gà

Nhóm này gồm: Hoạt động chăn nuôi gà lấy thịt và lấy trứng.

01463: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng

Nhóm này gồm: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng lấy thịt và lấy trứng.

01469: Chăn nuôi gia cầm khác

Nhóm này gồm: Nuôi đà điểu, nuôi các loài chim cút, chim bồ câu.

0149 - 01490: Chăn nuôi khác

Nhóm này gồm:

- Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng;

- Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong;

- Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;

- Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.

Loại trừ:

- Nuôi và thuần dưỡng thú từ các trại được phân vào nhóm 01620;

- Sản xuất da, lông của các con vật do săn bắt và đánh bẫy được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Trang trại nuôi ếch, nuôi cá sấu, nuôi ba ba được phân vào nhóm 03222 (Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt);

- Huấn luyện các con vật cảnh được phân vào nhóm 91030 (Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên).

015 - 0150 - 01500: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp

Nhóm này gồm: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc như hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các đơn vị trồng trọt mà không có hoạt động nào chiếm hơn 66% giá trị sản xuất của đơn vị.

Loại trừ: Các đơn vị gieo trồng hỗn hợp hoặc chăn nuôi hỗn hợp được phân loại theo hoạt động chính của chúng (Hoạt động chính là hoạt động có giá trị sản xuất từ 66% trở lên).

016: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp

0161 - 01610: Hoạt động dịch vụ trồng trọt

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí hoặc hợp đồng các công việc sau:

- Xử lý cây trồng;

- Phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng;

- Cắt, xén, tỉa cây lâu năm;

- Làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch;

- Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên giống cây trồng;

- Kiểm tra hạt giống, cây giống;

- Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển;

- Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.

Loại trừ:

- Các hoạt động cho cây trồng sau thu hoạch được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);

- Hoạt động của các nhà nông học và nhà kinh tế nông nghiệp được phân vào nhóm 7490 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu);

- Tổ chức trình diễn hội chợ sản phẩm nông nghiệp được phân vào nhóm 82300 (Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại);

- Kiến trúc phong cảnh được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc).

0162 - 01620: Hoạt động dịch vụ chăn nuôi

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí và hợp đồng các công việc sau:

- Hoạt động để thúc đẩy việc nhân giống; tăng trưởng và sản xuất sản phẩm động vật;

- Kiểm tra vật nuôi, chăn dắt cho ăn, thiến hoạn gia súc, gia cầm, rửa chuồng trại, lấy phân...;

- Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo;

- Cắt, xén lông cừu;

- Các dịch vụ chăn thả, cho thuê đồng cỏ;

- Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú;

- Phân loại và lau sạch trứng gia cầm, lột da súc vật và các hoạt động có liên quan;

- Đóng móng ngựa, trông nom ngựa.

Loại trừ:

- Hoạt động chăm sóc động vật, vật nuôi, kiểm soát giết mổ động vật, khám chữa bệnh động vật, vật nuôi được phân vào nhóm 75000 (Hoạt động thú y);

- Cho thuê vật nuôi được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Các dịch vụ săn bắt và đánh bẫy vì mục đích thương mại được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Chăm sóc, nuôi các loại chim, vật nuôi làm cảnh được phân vào nhóm 91030 (Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên);

- Hoạt động của các trường nuôi ngựa đua được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

0163 - 01630: Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch

Nhóm này gồm:

- Các khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm, như làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy;

- Tỉa hạt bông;

- Sơ chế thô lá thuốc lá, thuốc lào;

- Sơ chế thô hạt cô ca...;

Loại trừ:

- Khâu chuẩn bị sản xuất của nhà sản xuất nông nghiệp, hoạt động này được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm) hoặc nhóm 012 (Trồng cây lâu năm);

- Cuốn và sấy thuốc lá được phân vào nhóm 1200 (Sản xuất sản phẩm thuốc lá);

- Các hoạt động thị trường của các thương nhân và các hợp tác xã được phân vào nhóm 461 (Đại lý, môi giới, đấu giá);

- Hoạt động bán buôn sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến được phân vào nhóm 462 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống).

0164 - 01640: Xử lý hạt giống để nhân giống

Nhóm này gồm: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho. Những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường.

Loại trừ:

- Sản xuất hạt giống các loại được phân vào nhóm 011 (Trồng cây hàng năm) và nhóm 012 (Trồng cây lâu năm);

- Hoạt động nghiên cứu về di truyền học làm thay đổi hạt giống phát triển hoặc lai ghép giống mới được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật);

- Chế biến hạt giống để làm dầu thực vật được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật).

017 - 0170 - 01700: Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan

Nhóm này gồm:

- Săn bắt và bẫy thú để bán;

- Bắt động vật để làm thực phẩm, lấy lông, lấy da hoặc để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay trong gia đình;

- Sản xuất da, lông thú, da bò sát và lông chim từ các hoạt động săn bắt;

- Bắt động vật có vú ở biển như hà mã và hải cẩu;

- Hoạt động khai thác yến ở hang, xây nhà gọi yến;

- Thuần hoá thú săn được ở các vườn thú;

- Các hoạt động dịch vụ nhằm kích thích sự săn bắt và đánh bẫy để bán;

Loại trừ:

- Sản xuất lông, da thú, da bò sát, lông chim từ hoạt động chăn nuôi được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);

- Đánh bắt cá voi, cá mập được phân vào nhóm 03110 (Khai thác thuỷ sản biển);

- Sản xuất da sống và các loại da của các lò mổ được phân vào 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);

- Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến săn bắt, thể thao hoặc giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

02: LÂM NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Ngành này gồm sản phẩm của hoạt động khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ cho các ngành công nghiệp chế biến cũng như các hoạt động thu nhặt các sản phẩm lâm nghiệp từ rừng tự nhiên. Ngoài các hoạt động trên, kết quả sản xuất ngành lâm nghiệp bao gồm các hoạt động sơ chế như sản phẩm gỗ tròn, gỗ cành, củi, đốt than củi hoặc bóc vỏ gỗ. Những hoạt động này được thực hiện ở trong rừng tự nhiên hoặc rừng trồng.

021 - 0210: Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp

Nhóm này gồm các hoạt động nhằm phát triển, duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học các loại rừng; gồm hoạt động trồng rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng rừng, chăm sóc rừng mới trồng chưa đạt tiêu chuẩn rừng. Các hoạt động trên được thực hiện ở rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Nhóm này còn bao gồm các hoạt động chuyên ươm giống cây lâm nghiệp; trồng cây lâm nghiệp phân tán có mục đích thương mại tại những diện tích có quy mô chưa đạt tiêu chuẩn rừng.

Loại trừ: Hoạt động trồng, chăm sóc cây tại các công viên, khu giải trí được phân vào nhóm 80300 (Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan).

02101: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ

Nhóm này gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng nhằm mục đích lấy gỗ phục vụ cho xây dựng (làm nhà, cốt pha,...), đóng đồ mộc gia dụng, gỗ trụ mỏ, tà vẹt đường ray, làm nguyên liệu giấy, làm ván ép,...

- Khoanh nuôi tái sinh rừng.

02102: Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre

Nhóm này gồm: Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa, luồng, vầu nhằm mục đích phục vụ cho xây dựng, làm nguyên liệu đan lát vật dụng và hàng thủ công mỹ nghệ, làm nguyên liệu giấy, làm tấm tre, nứa, luồng, vầu ép, trồng luồng để lấy măng.

02103: Trồng rừng và chăm sóc rừng khác

Nhóm này gồm:

Trồng rừng và chăm sóc rừng khác chưa kể ở trên.

Cụ thể:

- Trồng cây bóng mát, cây lấy củi, cây đặc sản (hạt dẻ, thông lấy nhựa,...);

- Trồng rừng phòng hộ: Phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, chắn gió, chắn cát, chắn sóng ven biển,...

- Trồng rừng đặc dụng: Sử dụng vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm khoa học, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, vườn rừng quốc gia, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh,...

02104: Ươm giống cây lâm nghiệp

Nhóm này gồm: Ươm các loại cây giống cây lâm nghiệp để trồng rừng tập trung và trồng cây lâm nghiệp phân tán nhằm mục đích phục vụ sản xuất, phòng hộ, đặc dụng,...

022-0220-02200: Khai thác gỗ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác gỗ tròn dùng cho ngành chế biến lâm sản;

- Hoạt động khai thác gỗ tròn dùng cho làm đồ mộc như cột nhà, cọc đã được đẽo sơ, tà vẹt đường ray,...

- Đốt than hoa tại rừng bằng phương thức thủ công.

023: Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ

0231-02310: Khai thác lâm sản khác trừ gỗ

Nhóm này gồm:

- Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,...

- Khai thác sản phẩm khác như cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản...

- Khai thác gỗ cành, củi.

0232-02320: Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ

Nhóm này gồm:

- Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên;

- Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...

Loại trừ: Trồng nấm, thu nhặt nấm hương, nấm trứng được phân vào nhóm 01181 (Trồng rau các loại).

024 - 0240 - 02400: Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp

Nhóm này gồm:

Các hoạt động được chuyên môn hoá trên cơ sở thuê mướn hoặc hợp đồng các công việc phục vụ lâm nghiệp.

Cụ thể:

- Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp;

- Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...);

- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;

- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;

- Hoạt động quản lý lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...);

- Vận chuyển gỗ và lâm sản khai thác đến cửa rừng.

- Hoạt động sơ chế gỗ trong rừng.

- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng.

Loại trừ: Hoạt động ươm cây giống để trồng rừng đã phân vào nhóm 02104 (Ươm giống cây lâm nghiệp).

03: KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Ngành này gồm các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản từ các môi trường nước mặn, lợ, ngọt.

Bao gồm cả các hoạt động được tích hợp trong một quy trình (ví dụ như nuôi trai trong sản xuất ngọc trai).

Loại trừ các hoạt động: đóng và sữa chữa tàu thuyền (3011,3315); hoạt động câu cá thể thao hoặc giải trí (9319); chế biến cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm (nhuyễn thể) ở nhà máy chế biến trong đất liền hoặc tàu chế biến (1020).

031: Khai thác thuỷ sản

0311 - 03110: Khai thác thuỷ sản biển

Nhóm này gồm:

- Đánh bắt cá;

- Đánh bắt động vật loại giáp xác và động vật thân mềm dưới biển;

- Đánh bắt cá voi;

- Đánh bắt các động vật khác sống dưới biển như: rùa, nhím biển...

- Thu nhặt các loại sinh vật biển dùng làm nguyên liệu như: Ngọc trai tự nhiên, hải miên, san hô và tảo;

- Khai thác giống thủy sản biển tự nhiên;

- Hoạt động bảo quản, sơ chế thuỷ sản ngay trên tàu đánh cá.

Loại trừ:

- Đánh bắt thú biển (trừ cá voi) như hà mã, hải cẩu được phân ở nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Hoạt động khai thác yến ở hang đá, xây nhà gọi yến được phân vào nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Chế biến và bảo quản thuỷ sản trên các tàu hoặc nhà máy chế biến được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản);

- Cho thuê tàu chở hàng trên biển kèm theo người lái (như tàu chở cá, tôm...) được phân vào nhóm 50121(Vận tải hàng hoá ven biển);

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra và bảo vệ đội tàu đánh bắt trên biển được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội);

- Các hoạt động dịch vụ có liên quan đến môn thể thao câu cá hoặc câu cá giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);

- Đan, sửa lưới được phân vào nhóm 13940 (Sản xuất các loại dây bện và lưới);

- Sửa chữa tàu, thuyền đánh cá được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)).

0312-03120: Khai thác thuỷ sản nội địa

Nhóm này bao gồm

- Đánh bắt cá, tôm, thuỷ sản khác ở đầm, phá, ao, hồ, đập, sông, suối, ruộng trong đất liền;

- Thu nhặt các loại sinh vật sống trong môi trường nước ngọt, lợ trong đất liền dùng làm nguyên liệu.

Loại trừ:

- Các hoạt động có liên quan đến môn thể thao câu cá để giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác);

- Các hoạt động bảo vệ và tuần tra việc đánh bắt thuỷ sản được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội).

032: Nuôi trồng thuỷ sản

Bao gồm các hoạt động của quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ (bao gồm cả thu hoạch) các loài thủy sản (cá, nhuyễn thể, động vật giáp xác, thực vật, cá sấu và lưỡng cư); Nhóm này gồm các hoạt động nuôi trồng thủy sản ở môi trường nước mặn, nước lợ, nước ngọt. Nhóm này cũng bao gồm hoạt động ươm nuôi giống thủy sản.

0321: Nuôi trồng thuỷ sản biển

Nhóm này gồm:

Nuôi trồng các loại thủy sản ở môi trường nước mặn (bãi triều, ven biển, biển khơi.

Nhóm này bao gồm:

03211: Nuôi cá

Nhóm này bao gồm nuôi các loại cá (cá mú, cá hồi...), bao gồm cả cá cảnh.

03212: Nuôi tôm

Nhóm này bao gồm nuôi các loại tôm (tôm hùm, tôm sú, tôm thẻ chân trắng...)

03213: Nuôi thủy sản khác

Nhóm này gồm nuôi động vật giáp xác (cua, ghẹ...), nhuyễn thể hai mảnh và các động vật thân mềm khác (hàu, vẹm, ốc hương...) và các loại thủy sản khác (rong biển, rau câu,..).

03214: Sản xuất giống thủy sản biển

Nhóm này gồm các hoạt động tạo giống, ươm giống và thuần dưỡng giống các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) nhằm mục đích bán để nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí trong các môi trường nước mặn.

Nhóm này cũng bao gồm:

- Nuôi trồng thủy sản trong bể, bồn nước mặn, lợ;

- Nuôi giun biển.

Loại trừ:

- Nuôi ba ba, ếch, cá sấu phân vào nhóm 03222 (Nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt).

0322: Nuôi trồng thuỷ sản nội địa

Nhóm này gồm nuôi trồng các loại thủy sản ở khu nước ngọt như ao, hồ, đập, sông, suối, ruộng... trong đất liền); nuôi trồng các loại thủy sản khác ở môi trường nước lợ (đầm, phá, cửa sông) là nơi môi trường nước dao động giữa nước mặn và nước ngọt do những biến đổi của thủy triều.

Nhóm này gồm:

03221: Nuôi cá

03222: Nuôi tôm

03223: Nuôi thủy sản khác: gồm nuôi các loại thủy sản giáp xác (cua...); nhuyễn thể hai mảnh và các động vật thân mềm khác (ốc...) và các loại thủy sản khác.

03224: Sản xuất giống thủy sản nội địa

Nhóm này gồm các hoạt động tạo giống, ươm giống và thuần dưỡng giống các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) nhằm mục đích bán để nuôi thương phẩm, nuôi làm cảnh, nuôi giải trí trong các môi trường nước ngọt, lợ.

Nhóm này cũng gồm:

- Nuôi cá cảnh;

- Nuôi ba ba, ếch, cá sấu.

B: KHAI KHOÁNG

Ngành này gồm: Khai thác khoáng tự nhiên ở dạng cứng (than và quặng), chất lỏng (dầu thô) hoặc khí (khí tự nhiên). Khai thác có thể được thực hiện theo nhiều phương pháp khác nhau như dưới lòng đất hoặc trên bề mặt, khai thác dưới đáy biển...;

Ngành này cũng gồm:

- Các hoạt động phụ trợ như chuẩn bị các nguyên liệu thô cho kinh doanh ví dụ nghiền, cắt, rửa sạch, phân loại, nung quặng, hoá lỏng khí và các nhiên liệu rắn. Các hoạt động này thường được thực hiện bởi các đơn vị khai thác mỏ và / hoặc các đơn vị khác gần đó;

- Các hoạt động khai thác mỏ được phân vào các nhóm cấp 2, cấp 3, cấp 4 trên cơ sở các khoáng chất chủ yếu được sản xuất. Ngành 05, 06 liên quan đến khai thác các nhiên liệu hoá thạch (than đá, than bùn, dầu mỏ, khí); ngành 07, 08 đề cập đến quặng kim loại, sản xuất các sản phẩm quặng và khoáng khác;

Một số hoạt động kỹ thuật của ngành này, cụ thể là liên quan đến khai thác hydrocacbon, cũng có thể được thực hiện cho bên thứ 3 bởi các đơn vị chuyên môn như là một đơn vị dịch vụ công nghiệp được phân vào ngành 09 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng).

Loại trừ:

- Chế biến các loại nguyên liệu đã khai thác được phân vào ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo);

- Sử dụng các quặng được khai thác mà không có sự chuyển đổi nào thêm cho mục đích xây dựng được phân vào ngành F (Xây dựng);

- Đóng chai các loại nước khoáng thiên nhiên tại các suối và giếng được phân vào nhóm 1104 (Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng);

- Nghiền, ép hoặc các xử lý khác đối với đất, đá và chất khác không liên quan đến khai thác mỏ, quặng được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Thu thập, làm sạch và phân phối nước được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);

- Chuẩn bị mặt bằng cho khai thác mỏ được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng);

- Điều tra địa vật lý, địa chấn được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

05: KHAI THÁC THAN CỨNG VÀ THAN NON

Ngành này gồm: Các hoạt động khai thác dưới hầm lò hoặc khai thác lộ thiên các khoáng sản tự nhiên ở dạng cứng và các hoạt động bao gồm (làm sạch, tuyển chọn, nén và các bước khác cần thiết cho quá trình vận chuyển...) tạo ra các sản phẩm có thể đem bán.

Loại trừ: Việc luyện than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc), các hoạt động dịch vụ kèm theo để phục vụ khai thác than đá hoặc khai thác than non được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên) và nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác).

051 - 0510 - 05100: Khai thác và thu gom than cứng

Nhóm này gồm:

- Khai thác than cứng: Các hoạt động khai thác dưới hầm lò hoặc khai thác trên bề mặt, bao gồm cả việc khai thác bằng phương pháp hoá lỏng;

- Các hoạt động làm sạch, sắp xếp, tuyển chọn, phân loại, nghiền, sàng ... và các hoạt động khác làm tăng thêm phẩm chất của than non và cải tiến chất lượng hoặc thiết bị vận tải than;

- Khôi phục than đá từ bãi ngầm.

Loại trừ:

- Khai thác than non được phân vào nhóm 05200 (Khai thác và thu gom than non);

- Khai thác than bùn và thu gom than bùn được phân vào nhóm 08920 (Khai thác và thu gom than bùn);

- Khoan thử thăm dò phục vụ khai thác than đá được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Hoạt động dịch vụ phụ phục vụ khai thác than đá được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Sản xuất than bánh hoặc nhiên liệu rắn có chứa than cứng được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);

- Sản xuất than bánh hoặc nhiên liệu rắn có chứa than non, than bùn được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Các hoạt động tiến hành xây dựng hoặc chuẩn bị cơ sở vật chất cho việc khai thác than đá được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng).

052 - 0520 - 05200: Khai thác và thu gom than non

Nhóm này gồm:

- Khai thác than non (than nâu): Các hoạt động khai thác dưới hầm lò hoặc khai thác trên bề mặt, bao gồm cả việc khai thác nhờ phương pháp hoá lỏng;

- Hoạt động rửa, khử nước, nghiền và các hoạt động thu gom than non tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo quản, vận tải than.

Loại trừ:

- Khai thác than cứng được phân vào nhóm 05100 (Khai thác và thu gom than cứng);

- Khai thác than bùn và thu gom than bùn được phân vào nhóm 08920 (Khai thác và thu gom than bùn);

- Khoan thử thăm dò phục vụ khai thác than đá được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Hoạt động phục vụ khai thác than non được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Sản xuất than đá có chứa than non, than bùn được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Các hoạt động tiến hành xây dựng hoặc chuẩn bị cơ sở vật chất cho việc khai thác than đá được phân vào nhóm 43120 (Chuẩn bị mặt bằng).

06: KHAI THÁC DẦU THÔ VÀ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN

Ngành này gồm:

- Các hoạt động sản xuất dầu thô, khai thác mỏ và khai thác dầu từ đá phiến dầu và cát dầu, các hoạt động sản xuất khí đốt tự nhiên và khai thác chất lỏng hyđrô các-bon;

- Các hoạt động kinh doanh và phát triển các bãi khai thác dầu và khí đốt.

Ngành này cũng gồm:

- Các dịch vụ đào lớp ngoài, hoàn thiện, bơm giếng, điều khiển máy khoan, bịt giếng, huỷ giếng, tháo dỡ trang thiết bị, chuẩn bị đường dây dẫn phục vụ khai thác dầu thô, và tất cả các hoạt động khác chuẩn bị cho chất khí và dầu từ nơi sản xuất đến nơi vận chuyển;

Loại trừ:

- Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu và khí trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ thăm dò giếng dầu và khí được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ khoan thử được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Tinh chế các sản phẩm dầu mỏ được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Khảo sát địa vật lý, địa chất... ở khu vực khai thác dầu được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

061 - 0610 - 06100: Khai thác dầu thô

Nhóm này gồm: Hoạt động khai thác dầu mỏ thô.

Nhóm này cũng gồm:

- Khai thác đá phiến bitum hoặc đá phiến dầu hoặc cát hắc ín;

- Sản xuất dầu thô từ mỏ dầu đá phiến hoặc cát hắc ín;

- Các hoạt động xử lý để có được dầu thô như: gạn, chắt, khử muối, khử nước, làm ổn định, khử tạp chất...

Loại trừ:

- Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu và khí trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ thăm dò giếng dầu và khí được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Chế biến sản phẩm dầu thô được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Khôi phục khí hoá lỏng đã có trong khai thác dầu khí được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Hoạt động vận chuyển dầu, khí tự nhiên bằng đường ống được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

062 - 0620 - 06200: Khai thác khí đốt tự nhiên

Nhóm này gồm:

- Hoạt động sản xuất khí đốt tự nhiên;

- Khai thác khí đốt tự nhiên cô đặc;

- Tách riêng chất lỏng hyđrô các-bon khỏi khí;

- Khử lưu huỳnh ở khí;

Nhóm này cũng gồm: Khai thác khí lỏng thông qua hoá lỏng và nhiệt phân.

Loại trừ:

- Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô, khai thác khí tự nhiên được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Các hoạt động dịch vụ thăm dò dầu khí được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Khôi phục khí hoá lỏng đã có trong khai thác dầu khí được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Sản xuất các loại khí công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);

- Hoạt động vận chuyển dầu, khí tự nhiên bằng đường ống được phân vào nhóm 49300 (Vận tải bằng đường ống).

07: KHAI THÁC QUẶNG KIM LOẠI

Ngành này gồm: Hoạt động khai thác khoáng kim loại (như quặng sắt), được thực hiện dưới hầm lò, lộ thiên hay dưới đáy biển... các hoạt động làm giàu và tán nhỏ quặng như: Việc nghiền, đập, rửa, sàng lọc, tách quặng bằng từ trường hoặc bằng phương pháp ly tâm.

Loại trừ:

- Hoạt động nung pyrit sắt được phân vào nhóm 20119 (Sản xuất hoá chất cơ bản khác);

- Sản xuất ô xít aluni được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu);

- Luyện kim loại màu được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 24202 (Sản xuất kim loại màu).

071 - 0710 - 07100: Khai thác quặng sắt

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động khai thác mỏ quặng chiếm giá trị lớn về hàm lượng sắt.

- Các hoạt động làm giàu và thu gom quặng có chứa sắt.

Loại trừ: Khai thác mỏ và chế pyrit và pyrrhotite (trừ nung) được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón).

072: Khai thác quặng không chứa sắt (trừ quặng kim loại quý hiếm)

Nhóm này gồm: Các hoạt động khai thác các quặng kim loại màu.

0721 - 07210: Khai thác quặng uranium và quặng thorium

Nhóm này gồm:

- Khai thác quặng có giá trị lớn hàm lượng uranium và thorium: khoáng chất uranit;

- Cô các loại quặng loại đó.

Loại trừ:

- Làm giàu quặng uranium và thorium được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hoá chất vô cơ cơ bản khác);

- Sản xuất kim loại uranium từ khoáng chất hoặc các loại quặng khác được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu);

- Nấu chảy và tinh chế kim loại từ uranium được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu).

0722: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt

07221: Khai thác quặng bôxít

Nhóm này gồm: Khai thác và chuẩn bị khai thác quặng bôxít.

07229: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molypden, tantali, vanadi.

Loại trừ:

- Công việc chuẩn bị cho khai thác quặng uranium và quặng thorium được phân vào nhóm 07210 (Khai thác quặng uranium và thorium);

- Sản xuất oxit nhôm, mạ niken và đồng được phân vào nhóm 24202 (Sản xuất kim loại màu).

073 - 0730 - 07300: Khai thác quặng kim loại quý hiếm

Nhóm này gồm: Các hoạt động khai thác và chuẩn bị khai thác quặng kim loại quý như: Vàng, bạc, bạch kim.

08: KHAI KHOÁNG KHÁC

Ngành này gồm: Các hoạt động khai thác từ quặng, nạo vét lớp bùn dưới lòng sông, khe đá và cả bãi cát ngầm. Các sản phẩm này được sử dụng hầu hết trong ngành xây dựng (như cát, đá) trong ngành chế biến vật liệu (như thạch cao, đất sét, can xi...) và chế biến hoá chất...

Loại trừ: Hoạt động chế biến quặng kim loại (trừ hoạt động nghiền, sàng, lọc, phân loại, làm sạch và trộn).

081 - 0810: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

08101: Khai thác đá

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng, cho điêu khắc ở dạng thô đã được đẽo gọt sơ bộ hoặc cưa cắt tại nơi khai thác đá như: Đá phiến cẩm thạch, đá granit, sa thạch...

- Hoạt động chẻ, đập vỡ đá để làm nguyên liệu thô cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đường;

- Hoạt động khai thác đá phấn làm vật liệu chịu lửa;

- Hoạt động đập vỡ, nghiền đá.

08102: Khai thác cát, sỏi

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác cát, khai thác sỏi để phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu;

08103: Khai thác đất sét

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác đất sét, cao lanh;

- Hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu chịu lửa, làm đồ gốm.

Loại trừ:

- Các hoạt động khai thác cát bitum được phân vào nhóm 06100 (Khai thác dầu thô);

- Khai thác khoáng phân bón và khoáng hoá chất được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón);

- Sản xuất các khoáng chất nung chảy được phân vào nhóm 2394 (Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao);

- Các hoạt động cắt, xén đá và hoàn thiện đá được phân vào nhóm 23960 (Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá).

089: Khai khoáng chưa được phân vào đâu

0891 - 08910: Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khai thác muối nitơ, kali hoặc phốt pho tự nhiên;

- Hoạt động khai thác lưu huỳnh tự nhiên;

- Hoạt động khai thác pirít và chất chủ yếu chứa lưu huỳnh không kể hoạt động nung chảy;

- Hoạt động khai thác quặng bari cacbonat, bari sunphat (barít), borat tự nhiên, sunfatmanhe tự nhiên;

- Hoạt động khai thác khoáng chất khác chủ yếu chứa hoá chất ví dụ như đất màu và fluorit.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động khai thác phân động vật.

Loại trừ:

- Khai thác muối được phân vào nhóm 08930 (Khai thác muối);

- Hoạt động nung chảy pirit sắt được phân vào nhóm 20119 (Sản xuất hoá chất cơ bản khác);

- Sản xuất phân bón tổng hợp và hợp chất nitơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ).

0892 - 08920: Khai thác và thu gom than bùn

Nhóm này gồm:

- Khai thác than bùn;

- Thu gom than bùn.

Loại trừ:

- Hoạt động dịch vụ phụ khai thác than bùn được phân vào nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Hoạt động dịch vụ phụ khai thác than bùn được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

0893 - 08930: Khai thác muối

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động khai thác muối mỏ, đập vụn muối và sàng muối;

- Sản xuất muối từ nước biển, nước mặn ở hồ hoặc nước mặn tự nhiên khác;

- Nghiền, tẩy rửa, và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất.

Loại trừ:

- Chế biến các sản phẩm muối, ví dụ muối iốt được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất nước dùng trong sinh hoạt từ nước biển hoặc từ nước suối mặn được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước).

0899 - 08990: Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như:

+ Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác...

+ Đá quý, bột thạch anh, mica...

09: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHAI KHOÁNG

Ngành này gồm: Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ chuyên về khai khoáng được cung cấp trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Nó bao gồm hoạt động dịch vụ thăm dò thông qua phương pháp truyền thống như các hoạt động: lấy mẫu, thực hiện các quan sát địa chất về địa điểm khai thác, hoạt động khoan, khoan thử, khoan lại các giếng dầu, các mỏ khoáng kim loại và phi kim loại. Các loại hình dịch vụ khác như xây dựng cơ sở hạ tầng tại nơi đào giếng, gắn xi măng các giếng dầu, làm sạch và xử lý hoá học axít giếng, dịch vụ chuyển rời rác tại các mỏ.

091 - 0910 - 09100: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên

Nhóm này gồm:

Hoạt động cung cấp dịch vụ khai thác dầu khí trên cơ sở phí và hợp đồng như:

+ Các hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò trong khai thác dầu khí như: các phương pháp lấy mẫu quặng tìm kiếm truyền thống, thực hiện quan sát địa chất ở những khu vực có tiềm năng,

+ Khoan định hướng, đào lớp ngoài, xây dựng giàn khoan, sửa chữa và tháo dỡ trang thiết bị, trát bờ giếng, bơm giếng, bịt giếng, huỷ giếng v.v...

+ Sự hoá lỏng và tái khí hóa khí tự nhiên phục vụ cho mục đích vận chuyển, được thực hiện tại nơi khai thác mỏ,

+ Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng,

+ Khoan thử trong khai thác dầu khí.

Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ chữa cháy do khí và dầu.

Loại trừ:

- Những công việc phục vụ cho khai thác dầu, khí do chính đơn vị tự đảm nhận được phân vào nhóm 06100 (Khai thác dầu thô) và nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Hoạt động dịch vụ sửa chữa chuyên dụng thiết bị, máy móc phục vụ khai thác mỏ được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);

- Sự hoá lỏng và tái khí hóa khí tự nhiên phục vụ cho mục đích vận chuyển, không được tại nơi khai thác mỏ được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Các hoạt động khảo sát địa vật lý, địa chất ở khu vực khai thác dầu và khí, được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

099 - 0990 - 09900: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng cho hoạt động khai thác thuộc ngành 05, 07 và 08;

- Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng;

- Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;

- Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử.

Loại trừ:

- Hoạt động dịch vụ vận hành tại mỏ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào ngành 05 (Khai thác than cứng và than non), ngành 07 (Khai thác quặng kim loại), ngành 08 (Khai khoáng khác);

- Hoạt động sửa chữa thiết bị, máy móc phục vụ khai thác mỏ được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);

- Hoạt động cung cấp dịch vụ khảo sát địa vật lý trên cơ sở phí hoặc hợp đồng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

C: CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Chế biến, chế tạo gồm các hoạt động làm biến đổi về mặt vật lý, hoá học của vật liệu, chất liệu hoặc làm biến đổi các thành phần cấu thành của nó, để tạo ra sản phẩm mới, mặc dù không phải là tiêu chí duy nhất để định nghĩa chế biến (xem chế biến rác thải dưới đây). Vật liệu, chất liệu, hoặc các thành phần biến đổi là nguyên liệu thô từ các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, khai thác mỏ hoặc quặng cũng như các sản phẩm khác của hoạt động chế biến. Những thay đổi, đổi mới hoặc khôi phục lại hàng hoá cũng được xem là hoạt động chế biến. Các đơn vị trong ngành chế biến này bao gồm nhà xưởng, nhà máy hoặc xưởng sản xuất sử dụng máy và thiết bị thủ công. Các đơn vị chế biến sản phẩm bằng thủ công tại nhà bán ra thị trường các sản phẩm làm ra như may mặc, làm bánh cũng bao gồm trong nhóm ngành này. Các đơn vị chế biến ở đây còn bao gồm các hoạt động xử lý vật liệu hoặc ký kết với các đơn vị chế biến khác về vật liệu của họ. Cả hai loại hình của các đơn vị này đều là hoạt động chế biến.

Đầu ra của quá trình sản xuất có thể được coi là hoàn thiện dưới dạng là sản phẩm cho tiêu dùng cuối cùng hoặc là bán thành phẩm và trở thành đầu vào của hoạt động chế biến tiếp theo. Ví dụ: Đầu ra của quá trình tinh luyện alumina là đầu vào của sơ chế ra aluminum, sản phẩm aluminum sơ chế là đầu vào của các nhà máy kéo sợi aluminum, sản phẩm sợi aluminum là đầu vào của quy trình sản xuất sợi tổng hợp...

Hoạt động lắp ráp được coi là chế biến chỉ là những hoạt động lắp ráp gắn liền với quá trình tạo ra sản phẩm của ngành chế biến. Ngành này bao gồm lắp ráp các sản phẩm, bán thành phẩm của nhà máy hoặc các bộ phận cấu thành.

Sản xuất các bộ phận cấu thành và các chi tiết, phụ tùng chuyên dụng kèm theo máy móc thiết bị, theo quy tắc được phân loại vào cùng một nhóm máy móc thiết bị có chi tiết phụ tùng kèm theo nó. Sản xuất các bộ phận cấu thành và các chi tiết, phụ tùng không chuyên dụng của máy móc thiết bị ví dụ như: Động cơ, pitông, môtô điện, lắp ráp điện, van xe đạp, các bộ phận lắp ráp kèm theo được phân vào các nhóm sản xuất thích hợp mà không cần xem máy móc, thiết bị mà các linh kiện này lắp ráp thành. Tuy nhiên, việc sản xuất bộ phận cấu thành riêng và bộ phận kèm theo bằng cách đúc hoặc đổ vật liệu nhựa được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic). Hoạt động lắp ráp các bộ phận cấu thành nên sản phẩm sản xuất được xem là một hoạt động sản xuất. Nó bao gồm lắp ráp các sản phẩm sản xuất từ các bộ phận đi mua hoặc tự sản xuất.

Tái chế rác, tức là chế biến rác thành nguyên liệu thô thứ sinh phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu). Mặc dù hoạt động này có thể liên quan đến thay đổi mặt lý tính và hoá tính nhưng nó không được coi là một phần của

hoạt động sản xuất. Mục đích đầu tiên của các hoạt động này là xử lý hoặc chế biến rác thải và chúng được phân vào ngành E (Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải). Tuy nhiên, sản xuất các sản phẩm mới cuối cùng (ngược với nguyên liệu thô thứ sinh) được phân vào sản xuất kể cả khi các quá trình này sử dụng rác thải làm đầu vào. Ví dụ: Sản xuất bạc từ phim ảnh đã qua sử dụng được coi là quá trình sản xuất.

Sửa chữa và bảo dưỡng chuyên môn máy móc, thiết bị của ngành công nghiệp, thương mại và các ngành tương tự phân vào ngành 33 (Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị). Tuy nhiên, sửa chữa máy tính và đồ dùng cá nhân và gia đình được phân vào ngành 95 (Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình), còn sửa chữa mô tô, xe máy, các xe có động cơ khác tại garage được phân vào ngành 45 (Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

Lắp đặt máy móc, thiết bị khi được thực hiện như một hoạt động chuyên môn được phân vào nhóm 33200 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

Lưu ý: Ranh giới giữa chế biến và các khu vực khác trong hệ thống phân loại là không rõ ràng như nguyên tắc chung, những hoạt động trong phần chế biến này bao gồm cả chuyển nguyên, vật liệu để tạo ra sản phẩm mới. Đầu ra là một sản phẩm mới. Tuy nhiên, định nghĩa cái gì tạo thành nên một sản phẩm mới có thể là hơi chủ quan.

Khi sàng lọc, những hoạt động sau được coi là công nghiệp chế biến, chế tạo của bảng phân ngành:

- Đóng chai, làm tiệt trùng sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Chế biến cá tươi (róc xương, lựa thịt các loài cá) hoạt động này không thực hiện trên tàu đánh cá được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản);

- In ấn và hoạt động liên quan được phân vào nhóm 181 (In ấn và dịch vụ liên quan đến in);

- Sản xuất bê tông và trộn bê tông được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Thuộc da được phân vào nhóm 15110 (Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú);

- Bảo quản gỗ được phân vào nhóm 1610 (Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ);

- Bộ mã điện, hộp số, bộ phận làm nóng kim loại và đánh bóng được phân vào nhóm 25920 (Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại);

- Xây dựng lại hoặc tái tạo máy móc, thiết bị (như động cơ ô tô) được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Đáp lại lốp xe được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su).

Ngược lại, có một vài hoạt động mặc dù đôi khi tham gia vào các quá trình chuyển đổi lại được phân vào nhóm khác của bảng phân ngành, nói cách khác chúng không được phân vào ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo), gồm:

- Hoạt động đốn gỗ được phân loại vào ngành A (Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản);

- Làm sạch các sản phẩm nông nghiệp được phân loại vào ngành A (Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản);

- Làm giàu quặng và các khoáng khác được phân loại vào ngành B (Khai khoáng);

- Hoạt động xây dựng công trình và hoạt động sản xuất tại mặt bằng xây dựng được phân loại vào ngành F (Xây dựng);

- Hoạt động dỡ hàng và phân chia thành nhiều lô hàng nhỏ bao gồm có đóng gói hàng hoá, hàng gói hoặc hàng đóng chai như là chất lỏng hoặc hoá học, giới thiệu với khách hàng trên máy tính, phân loại thành từng chi tiết một... đã được phân loại vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

10: SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

Ngành này gồm: Các hoạt động xử lý các sản phẩm của ngành nông nghiệp, ngành chăn nuôi gia súc và thủy sản thành thực phẩm và đồ uống phục vụ cho con người và động vật. Nó còn bao gồm sản xuất ra các sản phẩm thực phẩm trung gian khác nhau mà không phải là thực phẩm trực tiếp, các hoạt động tạo ra các phụ phẩm có giá trị nhỏ hơn hoặc lớn hơn (ví dụ như da sống có từ giết mổ gia súc, bánh dầu từ sản xuất dầu).

Ngành này cũng gồm: Các hoạt động liên quan đến các loại sản phẩm khác nhau như: thịt, cá, hoa quả và rau, mỡ và dầu, sản phẩm sữa, sản phẩm bột gạo xay, cho động vật ăn, sản phẩm thực phẩm khác và đồ uống. Sản xuất có thể được thực hiện cho chính mình cũng như là cho bên thứ ba như trong giết mổ truyền thống.

Một vài hoạt động được xem như là sản xuất (ví dụ như chúng được thực hiện trong các hiệu bánh mỳ, cửa hàng bánh ngọt và các cửa hàng chế biến thịt,... nơi mà bán sản phẩm của họ) mặc dù có sự bán lẻ sản phẩm tại các cửa hàng của người sản xuất. Tuy nhiên, khi quá trình chế biến là rất nhỏ và không dẫn tới quá trình biến đổi thực sự được phân loại vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

Sản phẩm thức ăn gia súc từ sản phẩm thải ra của giết mổ và các sản phẩm phụ được phân vào nhóm 10800 (Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản). Chế biến thức ăn và đồ uống bỏ đi thành nguyên vật liệu thô thứ hai được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu) và xử lý thức ăn và đồ uống bỏ đi của mã 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại).

101 - 1010: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

Nhóm này gồm: Các hoạt động chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.

Loại trừ:

- Chế biến món ăn sẵn đông lạnh từ thịt động vật và thịt gia cầm được phân vào nhóm 10751 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt);

- Chế biến súp có chứa thịt được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn thịt được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào);

- Đóng gói thịt được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói).

10101: Giết mổ gia súc, gia cầm

- Hoạt động giết mổ bao gồm giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt: trâu, bò, lợn, cừu, dê, ngựa, thỏ, các loại gia cầm, lạc đà...

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động giết mổ cá voi trên đất liền hoặc trên tàu thuyền chuyên dùng;

10102: Chế biến và bảo quản thịt

- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng nguyên con;

- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng pha miếng;

- Sản xuất thịt tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng từng phần riêng.

- Hoạt động chế biến cá voi trên đất liền hoặc trên tàu thuyền chuyên dùng;

- Sản xuất da sống và lông thú bắt nguồn từ hoạt động giết mổ kể cả từ những người buôn bán da lông thú;

- Chê biến mỡ động vật;

- Chế biến lục phủ ngũ tạng động vật;

- Sản xuất lông vũ.

10109: Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thịt sấy khô, hun khói, ướp muối;

- Sản xuất sản phẩm thịt gồm: Xúc xích, pate, thịt dăm bông.

102 - 1020: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

Nhóm này gồm:

- Chế biến và bảo quản cá, tôm, cua và loài thân mềm; làm lạnh, sấy khô, hun khói, ướp muối, ngâm trong nước muối, đóng gói...

- Sản xuất các sản phẩm cá, tôm cua và các loài động vật thân mềm; cá nấu chín, cá khúc, cá rán, trứng cá muối, phụ phẩm trứng cá muối...

- Sản xuất các thức ăn cho người hoặc súc vật từ cá;

- Sản xuất các thức ăn từ cá và các động vật sống dưới nước khác không dùng cho người.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của các tàu tham gia việc chế biến, bảo quản cá;

- Chế biến rong biển.

Loại trừ:

- Chế biến cá voi trên đất liền hoặc trên tàu chuyên dùng được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất dầu mỡ từ nguyên liệu thủy sản được phân vào nhóm 10401 (Sản xuất dầu, mỡ động vật);

- Sản xuất các món ăn chế biến sẵn từ thủy sản được phân vào nhóm 10752 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản);

- Sản xuất súp cá được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

10201: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh:

Nhóm này gồm:

- Chế biến thực phẩm chủ yếu là thủy sản đông lạnh;

- Bảo quản thủy sản chủ yếu bằng phương pháp đông lạnh.

10202: Chế biến và bảo quản thủy sản khô:

Nhóm này gồm:

- Chế biến thực phẩm chủ yếu là thủy sản khô;

- Bảo quản thủy sản chủ yếu bằng phương pháp sấy, hu khói, ướp muối và đóng hộp.

10203: Chế biến và bảo quản nước mắm:

Nhóm này gồm: Chế biến và bảo quản mắm từ cá và các động vật sống dưới nước khác.

10209: Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản

Nhóm này gồm: Các hoạt động chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thuỷ sản chưa được phân vào đâu.

103 - 1030: Chế biến và bảo quản rau quả

10301: Sản xuất nước ép từ rau quả

Nhóm này gồm:

- Sản xuất nước ép không cô đặc từ các loại rau và quả, không lên men và không chứa cồn.

- Sản xuất nước ép hỗn hợp từ rau và quả.

10309: Chế biến và bảo quản rau quả khác

Nhóm này gồm:

- Chế biến thực phẩm chủ yếu là rau quả, trừ các thức ăn đã chế biến sẵn để lạnh;

- Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,...

- Chế biến thức ăn từ rau quả;

- Chế biến mứt rau quả;

- Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả);

- Chế biến và bảo quản khoai tây như: chế biến khoai tây làm lạnh; chế biến khoai tây nghiền làm khô; chế biến khoai tây rán; chế biến khoai tây giòn và chế biến bột khoai tây;

- Rang các loại hạt;

- Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt.

Nhóm này cũng gồm:

- Bóc vỏ khoai tây;

- Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng;

- Sản xuất giá sống;

- Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi;

- Sản xuất thực phẩm từ rau quả dễ hỏng làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông.

Loại trừ:

- Chế biến bột hoặc thức ăn từ hạt khô được phân vào nhóm 1061 (Xay xát và sản xuất bột thô);

- Bảo quản quả và hạt trong đường được phân vào nhóm 10730 (Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo);

- Sản xuất các phần ăn sẵn từ rau được phân vào nhóm 10759 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác);

- Sản xuất các thực phẩm cô đặc nhân tạo được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu).

104 – 1040: Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động chế biến, bảo quản dầu mỡ động, thực vật thô và tinh luyện.

Loại trừ:

- Nấu và lọc mỡ lợn và các mỡ động vật ăn được khác được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Xay bột ngô ẩm được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột);

- Sản xuất dầu thiết yếu được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu);

- Xử lý dầu và mỡ bằng phương pháp hoá học được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu).

10401: Sản xuất dầu, mỡ động vật

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mỡ động vật, trừ nấu và lọc mỡ lợn và các loại động vật ăn được khác (gia cầm);

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất dầu và dầu động vật không ăn được;

- Chiết xuất dầu cá và cá heo.

- Sản xuất mỡ ăn tổng hợp.

10402: Sản xuất dầu, bơ thực vật:

- Thực vật thô, dầu ô liu, dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hướng dương, dầu hạt bông, dầu nho, dầu cải hoặc dầu mù tạc, dầu hạt lanh...

- Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các hạt có dầu chưa lấy dầu;

- Sản xuất dầu thực vật tinh luyện: Dầu ôliu, dầu đậu nành...

- Chế biến dầu thực vật: Luộc, khử nước, hiđrô hoá...

- Sản xuất bơ thực vật;

- Sản xuất chất phết bánh từ dầu thực vật;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất khô dầu, xơ bông và các sản phẩm phụ khác từ sản xuất dầu.

105 - 1050 - 10500: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

Nhóm này gồm:

- Chế biến sữa tươi dạng lỏng, sữa đã tiệt trùng, sữa diệt khuẩn, đồng hoá và / hoặc đã xử lý đun nóng;

- Chế biến các đồ uống giải khát từ sữa;

- Sản xuất kem từ sữa tươi, sữa đã tiệt trùng, diệt khuẩn, đồng hoá;

- Sản xuất sữa làm khô hoặc sữa đặc có đường hoặc không đường;

- Sản xuất sữa hoặc kem dạng rắn;

- Sản xuất bơ;

- Sản xuất sữa chua;

- Sản xuất pho mát hoặc sữa đông;

- Sản xuất sữa chua lỏng (chất lỏng giống nước còn lại sau khi sữa chua đã đông lại) ;

- Sản xuất casein hoặc lactose;

- Sản xuất kem và các sản phẩm đá ăn được khác như kem trái cây.

Loại trừ:

- Sản xuất sữa thô (động vật lấy sữa) được phân vào nhóm 01412 (Chăn nuôi trâu, bò);

- Sản xuất sữa thô (cừu, ngựa, dê, lừa...) được phân vào nhóm 01442 (Chăn nuôi dê, cừu);

- Sản xuất sữa tách bơ và các sản phẩm bơ được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động cửa hiệu sản xuất kem được phân vào nhóm 5610 (Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác).

106: Xay xát và sản xuất bột

Nhóm này gồm:

- Xay xát bột thô hoặc thức ăn từ rau củ, xay bột, làm sạch, đánh bóng gạo cũng như sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột nhão từ các sản phẩm này.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất bột ngô ướt và rau quả sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

1061: Xay xát và sản xuất bột thô

10611: Xay xát

Nhóm này gồm: Hoạt động xay xát gạo: sản xuất gạo bằng cách tách vỏ trấu, xay xát, đánh bóng, luộc qua.

10612: Sản xuất bột thô

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột thô: Sản xuất bột mỳ, yến mạch, thức ăn hoặc viên thức ăn từ lúa mỳ, lúa mạch đen, yến mạch, ngô và các hạt ngũ cốc khác;

- Sản xuất bột gạo;

- Xay rau: Sản xuất bột hoặc thức ăn từ các loại đậu, các rễ thân cây hoặc các hạt ăn được khác;

- Chế biến đồ ăn sáng từ ngũ cốc;

- Sản xuất bột hỗn hợp hoặc bột đã trộn sẵn làm bánh mỳ, bánh quy và bánh ngọt.

Loại trừ:

- Sản xuất bột và thức ăn từ khoai tây được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Sản xuất bột ngô ẩm được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột).

1062 - 10620: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô...

- Sản xuất bột ngô ướt;

- Sản xuất đường glucô, mật ong nhân tạo, inulin...

- Sản xuất glutein;

- Sản xuất bột sắn và các sản phẩm phụ của sắn;

- Sản xuất dầu ngô.

Loại trừ:

- Sản xuất đường lactose (đường sữa) được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất đường mía hoặc đường củ cải được phân vào nhóm 10720 (Sản xuất đường).

107: Sản xuất thực phẩm khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các loại thực phẩm khác nhau không thuộc các nhóm trên của ngành này.

Cụ thể:

Sản xuất các loại bánh, sản xuất đường và kẹo, sản xuất mỳ và các sản phẩm tương tự, các phần ăn sẵn, cà phê, chè và rau gia vị cũng như các thực phẩm đặc biệt và dễ hỏng.

1071 - 10710: Sản xuất các loại bánh từ bột

Nhóm này gồm:

Sản xuất các loại bánh từ bột như:

- Sản xuất bánh ngọt khô hoặc làm lạnh, bánh tươi;

- Sản xuất bánh mỳ dạng ổ bánh mỳ;

- Sản xuất bánh nướng, bánh ngọt, bánh pate, bánh nhân hoa quả...

- Sản xuất bánh quy và các loại bánh ngọt khô khác;

- Sản xuất sản phẩm ăn nhẹ (bánh bao, bánh ròn, bánh quy cây...) mặn hoặc ngọt;

- Sản xuất bánh bắp;

- Sản xuất bánh phồng tôm;

- Sản xuất bánh ngọt làm lạnh: bánh mềm, bánh cuộn, bánh quế...

Loại trừ:

- Sản xuất các sản phẩm từ bột (mì ống) được phân vào nhóm 10740 (Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự);

- Sản xuất khoai tây chiên được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Nướng bánh dùng ngay được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống).

1072 - 10720: Sản xuất đường

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đường (sucrose), mật mía, đường củ cải và đường khác từ các cây khác có đường. Tinh lọc đường thô thành đường tinh luyện (RE). Sản xuất xi rô, mật nước tinh lọc được làm từ đường mía hoặc đường từ các cây khác có đường như đường củ cải, đường từ cây thích, đường từ cây thốt nốt;

- Sản xuất đường dạng lỏng;

- Sản xuất mật đường;

Loại trừ: Sản xuất gluco, mật gluco, manto được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột).

1073 - 10730: Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ca cao, dầu ca cao, bơ ca cao, mỡ ca cao;

- Sản xuất sôcôla và kẹo sôcôla;

- Sản xuất kẹo: kẹo cứng, sôcôla trắng, kẹo cao su, kẹo nu ga, kẹo mềm;

- Sản xuất kẹo gôm;

- Ngâm tẩm đường cho quả, hạt cây và các bộ phận của cây;

- Sản xuất kẹo có mùi thơm, kẹo dạng viên.

Loại trừ: Sản xuất đường sacaro được phân vào nhóm 10720 (Sản xuất đường).

1074 - 10740: Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mì như mỳ ống, mỳ sợi kể cả đã được nấu, nhồi hoặc chưa;

- Sản xuất bột mỳ (nấu với thịt);

- Sản xuất mỳ đông lạnh hoặc mỳ đóng gói;

Loại trừ: Sản xuất súp mỳ được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu).

1075: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn

Nhóm này gồm: Sản xuất các thức ăn và món ăn chế biến sẵn (đã chế biến và nấu chín) và được bảo quản (chẳng hạn bảo quản ở dạng đông lạnh hoặc đóng hộp). Các món ăn này thường được đóng gói và dán nhãn để bán lại, nhóm này không bao gồm món ăn tiêu dùng ngay như trong nhà hàng.

Loại trừ:

- Bán buôn thức ăn và món ăn đã chế biến được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào);

- Bán lẻ đồ ăn đã chế biến trong các cửa hàng được phân vào nhóm 4711 (Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp), nhóm 47210 (Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Các nhà thầu phục vụ bữa ăn trên máy bay được phân vào nhóm 56290 (Dịch vụ ăn uống khác).

10751: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt

Nhóm này gồm:

- Sản xuất món ăn sẵn từ thịt(bao gồm thịt đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không);

10752: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các món ăn sẵn từ thủy sản (bao gồm thủy sản đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không);

10759: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác

- Sản xuất các thức ăn sẵn khác (phục vụ bữa trưa, bữa tối);

- Sản xuất món ăn từ rau;

- Sản xuất bánh pizza dạng đông lạnh.

1076-10760: Sản xuất chè:

Nhóm này gồm:

- Trộn chè và chất phụ gia;

- Sản xuất chiết xuất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm;

1077-10770: Sản xuất cà phê:

- Rang và lọc chất caphêin cà phê;

- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;

- Sản xuất các chất thay thế cà phê;

1079 - 10790: Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất súp và nước xuýt;

- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;

- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;

- Sản xuất dấm;

- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;

- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);

- Sản xuất men bia;

- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;

- Sản xuất sữa tách bơ và bơ;

- Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;

- Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;

- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;

- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;

- Sản xuất thực phẩm chức năng.

Loại trừ:

- Trồng cây gia vị được phân vào nhóm 0128 (Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm);

- Sản xuất inulin được phân vào nhóm 10620 (Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột);

- Sản xuất pizza đông lạnh được phân vào nhóm 10750 (Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn).

- Sản xuất rượu mạnh, bia, rượu vang và đồ uống nhẹ được phân vào ngành 11 (Sản xuất đồ uống);

- Sản xuất sản phẩm thực vật cho mục đích làm thuốc được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu).

108 - 1080 - 10800: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ ăn sẵn cho vật nuôi kiểng, bao gồm chó, mèo, chim, cá, v.v...

- Sản xuất đồ ăn sẵn cho động vật trang trại, bao gồm thức ăn cô đặc và thức ăn bổ sung;

- Chuẩn bị thức ăn nguyên chất cho gia súc nông trại.

Nhóm này cũng gồm: Xử lý phế phẩm của giết mổ gia súc để chế biến thức ăn gia súc.

Loại trừ:

- Sản phẩm thịt cá cho thức ăn gia súc được phân vào nhóm 1020 (Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản);

- Sản xuất bánh có dầu được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật);

- Các hoạt động dẫn đến các sản phẩm phụ có thể dùng làm thức ăn gia súc mà không cần xử lý đặc biệt, ví dụ hạt có dầu được phân vào nhóm 10402 (Sản xuất dầu, bơ thực vật), bã của hạt xay nghiền được phân vào nhóm 1061 (Xay xát và sản xuất bột thô).

11: SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG

Ngành này gồm: Sản xuất đồ uống như đồ uống không cồn và nước khoáng, sản xuất đồ uống có cồn chủ yếu thông qua lên men, bia và rượu, sản xuất đồ uống có cồn qua chưng cất.

Loại trừ:

- Sản xuất nước rau, quả được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Sản xuất đồ uống có sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất cà phê được phân vào nhóm 10770 (Sản xuất cà phê);

- Sản xuất chè được phân vào nhóm 10760 (Sản xuất chè).

110: Sản xuất đồ uống

1101 - 11010: Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ uống có cồn được chưng cất hoặc pha chế các loại rượu mạnh: rượu whisky, rượu gin, rượu mùi, đồ uống hỗn hợp...

- Pha chế các loại rượu mạnh đã chưng cất;

- Sản xuất rượu mạnh trung tính.

Loại trừ:

- Sản xuất rượu êtilíc làm biến tính được phân vào nhóm 20114 (Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản khác);

- Sản xuất đồ uống có cồn chưa qua chưng cất được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang) và nhóm 11030 (Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia);

- Đóng chai, dán nhãn rượu được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào), nếu công việc này là một phần của việc bán buôn và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói) nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

1102 - 11020: Sản xuất rượu vang

Nhóm này gồm:

- Sản xuất rượu vang;

- Sản xuất rượu sủi tăm;

- Sản xuất rượu từ chiết xuất của nho;

- Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn;

- Sản xuất rượu vec mut và đồ uống tương tự.

Nhóm này cũng gồm:

- Pha chế các loại rượu vang;

- Sản xuất rượu không cồn và có độ cồn thấp.

Loại trừ:

- Sản xuất dấm được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Đóng chai và dán nhãn được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào) nếu công việc này là một phần của việc bán buôn, và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói) nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

1103 - 11030: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia

Nhóm này gồm:

- Sản xuất rượu từ mạch nha như bia, bia đen;

- Sản xuất mạch nha ủ men bia;

- Sản xuất bia không cồn hoặc có độ cồn thấp.

1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

11041: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai

Nhóm này gồm: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai khác.

11042: Sản xuất đồ uống không cồn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn;

- Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...

Loại trừ:

- Sản xuất nước chiết từ rau quả được phân vào nhóm 1030 (Chế biến và bảo quản rau quả);

- Sản xuất đồ uống từ sữa được phân vào nhóm 10500 (Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa);

- Sản xuất cà phê được phân vào nhóm 10770 (Sản xuất cà phê);

- Sản xuất chè được phân vào nhóm 10760 (Sản xuất chè).

- Sản xuất rượu không cồn được phân vào nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang);

- Sản xuất bia không cồn được phân vào nhóm 11030 (Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia);

- Đóng chai và dán nhãn được phân vào nhóm 463 (Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào), nếu công việc này là một phần của việc bán buôn, và nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói), nếu được tiến hành trên cơ sở thuê hoặc hợp đồng.

12: SẢN XUẤT SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Ngành này gồm: Chế biến nông sản lá thuốc lá thành các loại sản phẩm thuốc lá, thuốc hút khác.

120 - 1200: Sản xuất sản phẩm thuốc lá

12001: Sản xuất thuốc lá

Nhóm này gồm:

- Chế biến lá thuốc lá thành sợi thuốc lá;

- Sản xuất thuốc lá và các sản phẩm từ thuốc lá như: thuốc lá điếu;

- Sản xuất thuốc lá đã được đồng hoá hoặc đã được chế biến.

Loại trừ:

- Trồng thuốc lá được phân vào nhóm 01150 (Trồng cây thuốc lá, thuốc lào).

- Sơ chế thô lá thuốc lá được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch).

12009: Sản xuất thuốc hút khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xì gà, thuốc lá hút tẩu, thuốc lá nhai, thuốc lá rê.

13: DỆT

Ngành này gồm: Sản xuất sợi, dệt vải, hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất các sản phẩm từ vải dệt, trừ quần áo (ví dụ đồ bằng vải dùng trong gia đình, khăn trải, thảm trải sàn, dây thừng...). Trồng sợi thiên nhiên được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan), sản xuất sợi tổng hợp là quá trình hoá học được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo). Sản xuất sản phẩm may mặc được phân vào ngành 14 (Sản xuất trang phục).

131: Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm dệt, bao gồm các hoạt động như chuẩn bị, sản xuất sợi và dệt vải. Nó có thể được làm từ các nguyên liệu thô khác nhau như lụa, len, sợi nhân tạo hay từ động thực vật khác, từ giấy hay từ thuỷ tinh...

Nhóm này cũng gồm: Hoàn thiện sản phẩm dệt và may trang phục như tẩy trắng, nhuộm, may và các hoạt động tương tự.

1311 - 13110: Sản xuất sợi

Nhóm này gồm:

- Chuẩn bị sợi dệt: quay và dệt sợi; tẩy nhờn và các-bon hoá len, nhuộm len lông cừu; trải len lông các loài động vật, thực vật và sợi tái tạo hoặc tổng hợp;

- Xe sợi và sản xuất sợi cho dệt hoặc may để buôn bán hoặc chế biến thêm;

- Sản xuất sợi, kết, cuộn, ngâm sợi tổng hợp hoặc sợi tái tạo;

- Sản xuất vải cotton rộng bản, vải len, vải lụa, vải lanh bao gồm cả sợi tái tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất sợi giấy.

Loại trừ:

- Công việc chuẩn bị được thực hiện gắn với nông nghiệp hoặc trang trại được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Ươm các cây lấy sợi (đay, gai, lanh...) được phân vào nhóm 01160 (Trồng cây lấy sợi);

- Tỉa hột bông được phân vào nhóm 01630 (Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch);

- Sản xuất sợi tổng hợp hoặc nhân tạo, sản xuất sợi đơn (bao gồm sợi dai và sợi dùng dệt thảm) từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);

- Sản xuất sợi thuỷ tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thuỷ tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh).

1312 - 13120: Sản xuất vải dệt thoi

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vải cotton khổ rộng bằng cách đan, tấm vải đan, thêu, bao gồm từ sợi nhân tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất các tấm vải khổ rộng khác sử dụng sợi lanh, gai, đay và các sợi đặc biệt;

- Sản xuất vải len tuyết, viền, vải bông, gạc;

- Sản xuất tấm vải từ sợi thuỷ tinh;

- Sản xuất các tấm vải từ sợi các-bon và aramid;

- Sản xuất các tấm lông nhân tạo bằng cách dệt.

Loại trừ:

- Sản xuất vải phủ sàn bằng nguyên liệu dệt được phân vào nhóm 13930 (Sản xuất thảm, chăn đệm);

- Sản xuất nỉ và vải không dệt được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất các sản phẩm dệt khổ hẹp được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất sản phẩm dệt bằng cách đan, móc được phân vào nhóm 13910 (Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác).

1313 - 13130: Hoàn thiện sản phẩm dệt

Nhóm này gồm:

- Tẩy hoặc nhuộm vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo;

- Hồ vải, nhuộm, hấp, làm co, chống co, ngâm kiềm vải, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo;

- Tẩy quần áo bò;

- Xếp nếp và các công việc tương tự trên sản phẩm dệt;

- Làm chống thấm nước, tạo lớp phủ, cao su hoá hoặc ngâm vải;

- In lụa trên trang phục và sản phẩm dệt.

Loại trừ: Sản xuất vải dệt được ngâm tẩm, phủ lớp cao su, cao su là thành phần chính được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su).

139: Sản xuất hàng dệt khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm được tạo ra từ vải dệt, ngoại trừ quần áo mặc, chẳng hạn như hàng dệt may sẵn, thảm và chăn mền, dây thừng, dây chão, vải dệt gối, và một số đồ trang sức...

1391 - 13910: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như:

+ Vải nhung và vải bông,

+ Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự,

+ Các loại vải bằng đan móc khác;

- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.

- Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục).

Loại trừ:

- Sản xuất lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải màn dạng ren được đan từ máy Raschel hoặc từ các máy móc tương tự được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo, đồ trang sức trang điểm, đan, thêu được phân vào nhóm 14300 (Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc).

1392 - 13920: Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất sản phẩm dệt sẵn từ bất kỳ nguyên liệu dệt nào, kể cả vải len như:

+ Chăn, túi ngủ,

+ Khăn trải giường, bàn hoặc bếp,

+ Chăn, chăn lông vịt, đệm ghế, gối và túi ngủ.

- Sản xuất các sản phẩm dệt may sẵn như:

+ Màn, rèm, mành, ga trải giường, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế,

+ Vải nhựa, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế,

+ Cờ, biểu ngữ, cờ hiệu...

+ Vải lau bụi, khăn lau bát, chén, đĩa và các đồ tương tự, áo cứu đắm, dù.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất chăn điện;

- Sản xuất thảm thêu tay;

- Sản xuất vải phủ lốp ô tô.

Loại trừ: Sản xuất hàng dệt dùng trong kỹ thuật được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu).

1393 - 13930: Sản xuất thảm, chăn, đệm

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tấm lát phủ sàn như: thảm tấm, chăn đệm, thảm lau chân;

- Sản xuất tấm phủ sàn dệt dạng nỉ có lỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất thảm chùi chân từ nguyên liệu tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất tấm phủ sàn từ nguyên liệu nhựa, cao su, tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện);

- Sản xuất vải sơn lót sàn nhà, tấm phủ sàn có mặt cứng được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic).

1394 - 13940: Sản xuất các loại dây bện và lưới

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dây thừng, dây chão, dây bện và dây cáp từ sợi dệt hoặc sợi tương tự, bất kể chúng được tẩm phủ tráng, bọc bằng cao su, plastic hay không;

- Sản xuất lưới đan từ dây chão, dây thừng, bện;

- Sản xuất các sản phẩm lưới hoặc dây chão; lưới đánh cá, lưới chắn thuyền, dây cáp, dây chão có lõi bằng kim loại, dây đeo, lót đệm...

Loại trừ:

- Sản xuất lưới tóc được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất dây kim loại được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

1399 - 13990: Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

Hoạt động liên quan đến dệt hoặc sản phẩm dệt chưa được phân vào đâu trong ngành 12, 13.

Cụ thể:

- Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính,

- Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...

- Sản xuất đồ tỉa trang trí: vải viền, quả tua,

- Sản xuất nỉ,

- Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí,

- Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa,

- Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa,

- Sản xuất vải bố làm lốp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao,

- Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho hoạ sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng...,

- Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông,

- Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không),

- Sản xuất vải lót máy móc,

- Sản xuất vải quần áo dễ co giãn,

- Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật,

- Sản xuất dây giày,

- Sản xuất bông đánh phấn và găng tay,

- May bao đựng gạo, vắt sổ quần áo.

Loại trừ:

- Sản xuất tấm phủ sàn được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất sản phẩm dệt làm đồ chèn lót, hoặc sản phẩm chèn lót: như khăn tắm, băng vệ sinh được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất băng chuyền, băng tải bằng sợi dệt, dây thừng, dây chão được phủ, tráng cao su, trong đó cao su là thành phần chính được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất tấm, tờ hoặc mảnh cao su có liên kết với sợi vải dệt với mục đích tăng cường được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất quần áo từ sợi kim loại được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

14: SẢN XUẤT TRANG PHỤC

Ngành này gồm: Hoạt động may (may gia công hoặc may sẵn) bằng tất cả các nguyên liệu (ví dụ da, dệt, vải đan hoặc móc), tất cả các loại quần, áo (quần áo mặc ngoài hoặc quần áo lót của nam, nữ, trẻ em; quần áo đi làm, quần áo ở nhà hoặc quần áo của người thành thị...) và các đồ phụ kiện. Sản xuất trang phục ở ngành này không có sự phân biệt giữa quần áo cho người lớn và quần áo cho trẻ em hay quần áo truyền thống hoặc hiện đại.

141 - 1410 - 14100: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang phục, nguyên liệu sử dụng có thể là bất kỳ loại nào có thể được tráng, phủ hoặc cao su hoá;

- Sản xuất trang phục bằng da hoặc da tổng hợp bao gồm các phụ kiện bằng da dùng trong các ngành công nghiệp như tạp dề da;

- Sản xuất quần áo bảo hộ lao động;

- Sản xuất quần áo khoác ngoài từ vải len, vải đan móc hoặc không phải đan móc... cho phụ nữ, nam giới, trẻ em như: áo khoác ngoài, áo jac ket, bộ trang phục, quần, váy...,

- Sản xuất quần áo lót hoặc quần áo đi ngủ làm từ vải len, vải đan móc, cho nam giới, phụ nữ hoặc trẻ em như: Áo sơ mi, áo chui đầu, quần đùi, quần ngắn bó, bộ pyjama, váy ngủ, áo blu, áo lót, coóc xê...,

- Sản xuất quần áo cho trẻ em, quần áo bơi, quần áo trượt tuyết;

- Sản xuất mũ mềm hoặc cứng;

- Sản xuất các đồ phụ kiện trang phục khác: Tất tay, thắt lưng, caravat, lưới tóc, khăn choàng;

- Sản xuất đồ lễ hội;

- Sản xuất mũ lưỡi trai bằng da lông thú;

- Sản xuất giày, dép từ nguyên liệu dệt không có đế;

- Sản xuất chi tiết của các sản phẩm trên.

Loại trừ:

- Sản xuất trang phục bằng da lông thú (trừ mũ lưỡi trai) được phân vào nhóm 14200 (Sản xuất sản phẩm từ da lông thú);

- Sản xuất giày dép được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất trang phục bằng cao su hoặc nhựa không bằng cách khâu mà chỉ gắn với nhau được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su) và nhóm 22209 (Sản xuất sản phẩm khác từ plastic);

- Sản xuất găng tay da thể thao và mũ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất mũ bảo hiểm (trừ mũ dùng cho thể thao) được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo bảo vệ và quần áo chống lửa được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sửa chữa trang phục được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

142 - 1420 - 14200: Sản xuất sản phẩm từ da lông thú

Nhóm này gồm:

Sản xuất sản phẩm làm từ da lông thú như:

+ Trang phục lông thú và phụ trang,

+ Các phụ kiện làm từ lông da như tấm, miếng lót, mảnh dải...

+ Các sản phẩm phụ khác từ da lông thú như thảm, đệm, mảnh đánh bóng công nghiệp.

Loại trừ:

- Sản xuất da lông sống được phân vào nhóm 014 (chăn nuôi) và nhóm 01700 (Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Chế biến da thô và da sống được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất lông thú giả (quần áo có lông dài thông qua đan, dệt) được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi) và nhóm 13120 (Sản xuất vải dệt thoi);

- Sản xuất mũ lông thú được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất trang phục có trang trí lông thú được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Thuộc, nhuộm da được phân vào nhóm 15110 (Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú);

- Sản xuất bốt, giày có phần lông thú được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép).

143 - 1430 - 14300: Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang phục đan móc và các sản phẩm may sẵn khác, đan móc trực tiếp thành sản phẩm như: Áo chui đầu, áo len, áo gile và các đồ tương tự;

- Sản xuất hàng dệt kim như áo nịt, tất, soóc.

Loại trừ: Sản xuất vải đan móc, được phân vào nhóm 13910 (Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác).

15: SẢN XUẤT DA VÀ CÁC SẢN PHẨM CÓ LIÊN QUAN

Ngành này gồm: Thuộc, nhuộm da và chế biến da sống thành da bằng cách thuộc, chế biến da thành các sản phẩm cho sử dụng cuối cùng. Nó cũng bao gồm sản xuất các sản phẩm tương tự từ các nguyên liệu khác (giả da hoặc thay thế da), như giày dép cao su, túi xách từ sản phẩm dệt. Sản phẩm được làm từ nguyên liệu thay thế da cũng thuộc nhóm này, vì chúng được sản xuất bằng các phương pháp tương đương với các sản phẩm da được sản xuất (ví dụ túi xách) và thường được sản xuất trong cùng một đơn vị.

151: Thuộc, sơ chế da; sản xuất va li, túi xách, yên đệm; sơ chế và nhuộm da lông thú

Nhóm này gồm: Sản xuất da lông thú và các sản phẩm da lông thú.

1511 - 15110: Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú

Nhóm này gồm:

- Thuộc, nhuộm da;

- Sản xuất da sơn dương, da cừu, da dê, giấy da, da tinh xảo hoặc da hấp (cao su);

- Sản xuất da tổng hợp;

- Cạo lông, chải lông, thuộc, tẩy trắng, xén lông, nhổ lông và nhuộm da lông thú.

Loại trừ:

- Sản xuất da sống và da như một phần việc của trại nuôi gia súc được phân vào nhóm 014 (Chăn nuôi);

- Sản xuất da sống và da là phần việc của hoạt động giết mổ được phân vào nhóm 1010 (Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt);

- Sản xuất trang phục bằng da được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất da giả không phải từ da tự nhiên được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic).

1512 - 15120: Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm

Nhóm này gồm:

- Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, bằng da, da tổng hợp hoặc bất cứ nguyên liệu nào khác như nhựa, vải dệt, sợi hoặc bìa các tông được lưu hoá, với điều kiện các nguyên liệu này sử dụng cùng công nghệ dùng để xử lý da;

- Sản xuất yên đệm;

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (từ vải, da, nhựa);

- Sản xuất các đồ khác từ da hoặc da tổng hợp: Dây an toàn, túi...

- Sản xuất dây giày bằng da;

- Sản xuất roi da, roi nài ngựa.

Loại trừ:

- Sản xuất trang phục bằng da được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất găng tay và mũ da được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất giày, dép được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày dép);

- Sản xuất yên xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo an toàn cho thợ điện và các dây đeo cho nghề nghiệp khác được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

152 - 1520 - 15200: Sản xuất giày, dép

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giày, dép cho mọi mục đích sử dụng, bằng mọi nguyên liệu, bằng mọi cách thức sản xuất bao gồm cả đổ khuôn;

- Sản xuất bộ phận bằng da của giày dép: sản xuất mũi giày và bộ phận của mũi giày, đế trong và phần ngoài đế;

- Sản xuất bao chân, xà cạp và các vật tương tự;

- Thêu, in gia công trên giày;

- Sản xuất guốc gỗ thành phẩm;

- Gia công đế giày bằng nguyên phụ liệu khác (xốp eva, giả da...)

Loại trừ:

- Sản xuất giày dép từ nguyên liệu dệt không có đế được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất bộ phận bằng nhựa của giày dép được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất ủng, giày cao su và đế, các bộ phận khác của giày dép bằng cao su được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất bộ phận của giày bằng gỗ (ví dụ cốt giày hoặc gót giày) được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện).

16: CHẾ BIẾN GỖ VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ GỖ, TRE, NỨA (TRỪ GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ); SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ RƠM, RẠ VÀ VẬT LIỆU TẾT BỆN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ như: gỗ xẻ, gỗ dán, lớp gỗ mặt (của gỗ dán), thùng đựng hàng bằng gỗ, gỗ làm sàn, gỗ làm dàn giáo và gỗ dựng nhà làm sẵn. Quá trình sản xuất bao gồm xẻ, bào, tạo khuôn, xẻ mỏng, lắp ráp sản phẩm gỗ bắt đầu từ gỗ tròn được cắt thành từng khúc hoặc tấm, sau đó được cắt nhỏ tiếp hoặc được định khuôn bằng tiện hoặc các dụng cụ tạo hình khác. Gỗ khúc hoặc gỗ đã định hình khác có thể được bào hoặc làm nhẵn và lắp ráp thành sản phẩm cuối cùng như thùng đựng hàng bằng gỗ.

Loại trừ: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế được phân vào nhóm 3100 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế) hoặc lắp đặt các thiết bị gỗ và đồ tương tự được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

161 - 1610: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

Nhóm này gồm: Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

Loại trừ:

- Xẻ gỗ và sản xuất gỗ thô được phân vào nhóm 02210 (Khai thác gỗ).

- Sản xuất lớp gỗ mỏng dùng trong gỗ dán, gỗ ván và tấm panen được phân vào nhóm 16210 (Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác).

- Sản xuất ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc được phân vào nhóm 16220 (Sản xuất đồ gỗ xây dựng).

16101: Cưa, xẻ và bào gỗ

Nhóm này gồm:

- Cưa, xẻ, bào và gia công cắt gọt gỗ;

- Xẻ mỏng, bóc vỏ, đẽo bào gỗ;

- Sản xuất tà vẹt bằng gỗ;

- Sản xuất sàn gỗ chưa lắp ráp;

- Sản xuất sợi gỗ, bột gỗ, vỏ bào, hạt gỗ.

16102: Bảo quản gỗ

Nhóm này gồm:

- Làm khô gỗ.

- Tẩm hoặc xử lý hoá chất gỗ với chất bảo quản hoặc nguyên liệu khác.

162: Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện bao gồm dạng cơ bản cũng như các sản phẩm lắp ráp.

1621 - 16210: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như:

+ Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau),

+ Làm dưới dạng rời,

- Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự;

- Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ;

- Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thuỷ tinh;

- Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.

1622 - 16220: Sản xuất đồ gỗ xây dựng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng, cụ thể:

+ Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng,

+ Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng,

+ Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có hay không các phụ kiện bằng kim loại như bản lề, khoá...

+ Cầu thang, hàng rào chắn,

+ Ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc,

+ Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm.

- Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ;

- Sản xuất nhà gỗ di động;

- Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân).

Loại trừ:

- Sản xuất gỗ lắp sàn chưa lắp ráp được phân vào nhóm 1610 (Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ);

- Sản xuất tủ nhà bếp, tủ sách, tủ quần áo,... được phân vào nhóm 3100 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế);

- Sản xuất bức vách ngăn không có chân được phân vào nhóm 3100 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế).

1623 - 16230: Sản xuất bao bì bằng gỗ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng gỗ, hòm, thùng thưa (sọt), thùng hình ống và các đồ đựng bằng gỗ tương tự;

- Sản xuất tấm nâng hàng, thùng nâng hàng và tấm nâng hàng khác bằng gỗ;

- Sản xuất thùng tròn, bình, chum và các sản phẩm thùng bằng gỗ khác;

- Sản xuất thùng có dây cáp cuốn bằng gỗ.

- Sản xuất quan tài bằng gỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ đựng hành lý bằng gỗ được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi sách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất thùng bằng vật liệu tết bện được phân vào nhóm 1629 (Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện).

1629: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.

Loại trừ:

- Sản xuất chiếu, thảm từ nguyên liệu dệt được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);

- Sản xuất hòm đựng hành lý được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi sách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giày, dép bằng gỗ được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày dép);

- Sản xuất diêm được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất hộp đựng đồng hồ được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);

- Sản xuất ống chỉ, ống suốt của máy dệt được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế được phân vào nhóm 3100 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế);

- Sản xuất đồ chơi bằng gỗ được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất bàn chải và chổi được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất tráp nhỏ được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

16291: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể:

+ Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải,

+ Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo,

+ Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ,

+ Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ,

+ Hộp, tráp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ,

+ Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuốn chỉ, máy xâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ,

+ Các vật phẩm khác bằng gỗ.

- Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành;

- Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ;

- Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ;

- Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày);

- Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự;

- Sản xuất bộ phận dùng trong sản xuất tẩu thuốc lá;

- Tranh khắc bằng gỗ.

16292: Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện

Nhóm này gồm:

- Chế biến bấc tự nhiên và các sản phẩm từ bấc ép;

- Sản xuất các sản phẩm từ bấc tự nhiên hoặc bấc ép, bao gồm tấm phủ sàn;

- Sản xuất dây bện, sản phẩm tết bện như thảm chùi chân, chiếu, thùng, hộp và tấm chắn;

- Sản xuất đồ giỏ bằng liễu gai và các đồ bằng bấc.

- Sản xuất đồ lưu niệm như tranh, gạt tàn thuốc, hoa... làm bằng tre.

17: SẢN XUẤT GIẤY VÀ SẢN PHẨM TỪ GIẤY

Ngành này gồm:

Sản xuất bột giấy, giấy hoặc các sản phẩm từ giấy. Hoạt động sản xuất các sản phẩm này được tạo thành một dãy các hoạt động sản xuất liên kết với nhau theo chiều dọc. Một đơn vị độc lập thường tiến hành nhiều hơn một hoạt động. Thông thường có 3 loại hoạt động: Sản xuất bột giấy liên quan đến tách sợi xenlulo từ hợp chất gỗ hoặc giấy đã sử dụng. Sản xuất giấy bao gồm ép các sợi thành tấm, bản. Các sản phẩm được làm từ giấy và các nguyên liệu khác bằng các kỹ thuật tạo hình hoặc cắt khác nhau, bao gồm cả hoạt động sơn phủ và cán mỏng. Các sản phẩm giấy có thể được in (báo tường, giấy gói quà)...

Sản xuất bột giấy, giấy và giấy bìa được phân vào nhóm 1701 (Sản xuất bột giấy, giấy và bìa).

170: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

1701 - 17010: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột giấy được tẩy trắng, tẩy trắng một phần hoặc chưa được tẩy trắng bằng cơ học, hoá học (hoà tan hoặc không hoà tan) hoặc xử lý hoá chất một phần;

- Sản xuất bột giấy từ xơ bông;

- Loại bỏ mực và sản xuất bột giấy từ giấy bỏ;

- Sản xuất giấy và giấy bìa với quy trình công nghệ cao;

- Chế biến giấy và giấy bìa như:

+ Sơn phủ, tẩm thấm giấy và giấy bìa,

+ Sản xuất giấy kếp,

+ Sản xuất giấy cán mỏng thành tấm từ giấy và bìa giấy,

- Sản xuất giấy thủ công;

- Sản xuất giấy báo và giấy để in ấn khác hoặc giấy viết;

- Sản xuất giấy sợi để chèn lót và giấy sợi xenlulo cuộn;

- Sản xuất giấy than hoặc giấy nền cuộn hoặc bản rộng.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy nhăn và giấy bìa được phân vào nhóm 1702 (Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa);

- Sản xuất các sản phẩm chế biến kỹ hơn từ giấy, giấy bìa, bột giấy được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất giấy được tráng, phủ hoặc tẩm thấm, trong đó tẩm thấm và tráng phủ là thành phần chính, được phân vào nhóm sản xuất các sản phẩm tẩm thấm, tráng phủ;

- Sản xuất giấy ráp được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất áo cứu đắm được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

1702: Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa

17021: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa giấy lót làn sóng (có nếp gấp để bảo quản đồ dễ vỡ như thủy tinh...);

- Sản xuất bao bì bằng bìa cứng;

- Sản xuất các bao bì khác bằng giấy và bìa;

- Sản xuất bao tải bằng giấy;

- Sản xuất hộp đựng tài liệu trong văn phòng và đồ tương tự.

Loại trừ: Sản xuất phong bì được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

17022: Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giấy nhăn và giấy bìa.

- Sản xuất bao bì bằng giấy nhăn hoặc bìa nhăn.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm từ bột giấy ép hoặc đúc được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

1709 - 17090: Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như:

+ Giấy ăn, giấy lau chùi,

+ Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh,

+ Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy.

- Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh;

- Sản xuất giấy viết, giấy in;

- Sản xuất giấy in cho máy vi tính;

- Sản xuất giấy tự copy khác;

- Sản xuất giấy nến và giấy than;

- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;

- Sản xuất phong bì, bưu thiếp;

- Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại;

- Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy;

- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt;

- Sản xuất nhãn hiệu;

- Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;

- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy;

- Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn;

- Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải;

- Sản xuất vàng mã các loại.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy hoặc bìa giấy với khổ lớn được phân vào nhóm 17010 (Sản xuất bột giấy, giấy và bìa);

- In trên sản phẩm giấy được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Sản xuất quân bài được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất trò chơi và đồ chơi bằng giấy hoặc bìa giấy được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

18: IN, SAO CHÉP BẢN GHI CÁC LOẠI

Ngành này gồm:

In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, thiếp chúc mừng, các mẫu văn bản thương mại và các tài liệu khác và thực hiện hoạt động hỗ trợ như đóng sách, dịch vụ làm đĩa và tạo hình. Hoạt động hỗ trợ kể ở đây là phần không thể thiếu của ngành in ấn và sản phẩm (đĩa in, bìa sách hoặc đĩa máy tính hoặc file).

Các quá trình được sử dụng trong hoạt động in ấn bao gồm một loạt các phương pháp chuyển một hình ảnh từ đĩa, màn hình hoặc file máy tính sang các phương tiện khác như giấy, nhựa, kim loại, sản phẩm dệt hoặc gỗ. Điểm nổi bật nhất của các phương pháp này là việc chuyển hình ảnh từ đĩa hoặc màn hình sang các phương tiện như in thạch bản, in bản kẽm, in nổi). Thông thường một file máy tính được sử dụng trực tiếp máy in để tạo hình ảnh hoặc tĩnh điện học và các loại thiết bị khác (in kỹ thuật số hoặc in phi tác động).

In ấn và xuất bản có thể được thực hiện bởi cùng một đơn vị (ví dụ như báo).

Ngành này cũng gồm: Tái xuất bản các bản ghi âm thanh, như đĩa compact, đĩa video, phần mềm trên đĩa hoặc băng, bản ghi.

Loại trừ: Hoạt động xuất bản được phân vào ngành 58 (Hoạt động xuất bản).

181: In ấn và dịch vụ liên quan đến in

Nhóm này gồm: In các sản phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, các mẫu văn bản thương mại, thiệp chúc mừng và các tài liệu khác, cùng các hoạt động hỗ trợ như đóng gáy sách, dịch vụ làm đĩa và hình ảnh. In có thể được thực hiện bằng cách kỹ thuật khác nhau và trên các vật liệu khác nhau.

1811 - 18110: In ấn

Nhóm này gồm:

- In ấn báo chí, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, sách và sách quảng cáo, bản thảo âm nhạc, bản đồ, tập bản đồ, áp phích, mục lục quảng cáo, tờ quảng cáo và các ấn phẩm quảng cáo khác, tem bưu điện, tem thuế, tài liệu, séc và các chứng khoán bằng giấy khác, nhật ký, lịch, các mẫu văn bản thương mại và các ấn phẩm in ấn thương mại khác, đồ dùng văn phòng phẩm cá nhân và các ấn phẩm khác bằng chữ, in ốp-sét, in nổi, in bản thạch và các thuật in khác, bản in máy copy, in máy vi tính, in chạm nổi;

- In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm;

- Các ấn phẩm in ấn được cấp bản quyền.

Nhóm này cũng gồm: In nhãn hiệu hoặc thẻ (in thạch bản, in bản kẽm, in nổi, và in khác).

Loại trừ:

- In trên lụa (bao gồm in nhiệt) trên các trang phục được phân vào nhóm 13130 (Hoàn thiện sản phẩm dệt);

- Sản xuất các sản phẩm bằng giấy như gáy sách được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Xuất bản các ấn phẩm in được phân vào ngành 581 (Xuất bản sách, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác);

- Bản sao các văn bản được phân vào nhóm 8219 (Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác).

1812 - 18120: Dịch vụ liên quan đến in

Nhóm này gồm:

- Đóng sách thành quyển, tạp chí, sách quảng cáo, catalo,... bằng cách gấp, xếp, khâu, dán hồ, kiểm tra thứ tự (trang sách), khâu lược, đán bìa, tỉa, xén, in tem vàng lên sách;

- Xếp chữ, sắp chữ, sắp chữ in, nhập dữ liệu trước khi in bao gồm quét và nhận biết chữ cái quang học, tô màu điện tử;

- Dịch vụ làm đĩa bao gồm sắp hình ảnh và sắp đĩa (để in ốp-sét và in sắp chữ);

- Khắc chạm, khắc axit trên trục lăn cho khắc kẽm;

- Xử lý đĩa trực tiếp sang đĩa (cũng bao gồm đĩa nhựa);

- Chuẩn bị đĩa và nhuộm nhằm làm giảm công việc in ấn và dán tem;

- In thử;

- Các sản phẩm nghệ thuật bao gồm in thạch bản và mộc bản (phiến gỗ để làm các bản khắc);

- Sản xuất các sản phẩm sao chụp;

- Thiết kế các sản phẩm in như bản phác thảo, maket, bản nháp;

- Các hoạt động đồ họa khác như khắc rập khuôn, rập khuôn tem, in nổi, in dùi lỗ, chạm nổi, quét dầu và dát mỏng, kiểm tra thứ tự và sắp xếp.

182 - 1820 - 18200: Sao chép bản ghi các loại

Nhóm này gồm:

- Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc;

- Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc;

- Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc.

Loại trừ:

- Sao chép các ấn phẩm in được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Xuất bản phần mềm được phân vào nhóm 58200 (Xuất bản phần mềm);

- Sản xuất và phân phối phim điện ảnh, đĩa video và phim trên đĩa DVD hoặc các phương tiện tương tự được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình), 59120 (Hoạt động hậu kỳ), 59130 (Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình);

- Sản xuất các bản gốc ghi âm hoặc các nguyên liệu âm thanh khác được phân vào nhóm 59130 (Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình);

- Sao chép phim điện ảnh để phân phối cho các rạp được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc).

19: SẢN XUẤT THAN CỐC, SẢN PHẨM DẦU MỎ TINH CHẾ

Ngành này gồm:Việc chuyển dầu thô và than đá thành các sản phẩm có thể sử dụng được. Quá trình sản xuất nổi bật là tinh luyện dầu, bao gồm tách dầu thô thành các sản phẩm cấu thành thông qua các kỹ thuật như cracking và chưng cất.

Ngành này cũng gồm: Sản xuất các sản phẩm có tính chất tương tự (ví dụ than đá, butan, propan, dầu, xăng...) cũng như các dịch vụ sản xuất (ví dụ tinh luyện truyền thống). Sản xuất khí như etan, propan, butan là các sản phẩm dầu tinh luyện.

Loại trừ:

Sản xuất các khí này ở các đơn vị khác, sản xuất hóa chất cơ bản được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản); sản xuất khí công nghiệp, 2011 (Sản xuất hóa chất cơ bản); chiết xuất từ khí tự nhiên (metan, etan, butan hoặc propan), 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên) và sản xuất khí nhiên liệu, không phải loại khí dầu mỏ (ví dụ khí than, khí nước, khí sản xuất), 35201 (Sản xuất khí đốt). Các đơn vị sản xuất hoá dầu từ dầu tinh luyện được phân vào ngành 20 (Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất).

191 - 1910 - 19100: Sản xuất than cốc

Nhóm này gồm:

- Điều hành các lò than cốc;

- Sản xuất than cốc và một phần than cốc;

- Sản xuất đầu hắc ín và than dầu hắc ín;

- Sản xuất ga từ than cốc;

- Sản xuất than thô và nhựa đường;

- Chưng cất than cốc.

192 - 1920 - 19200: Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế

Nhóm này gồm:

Sản xuất nhiên liệu lỏng hoặc nhiên liệu khí hoặc các sản phẩm khác từ dầu thô, khoáng bitum hoặc các sản phẩm phân đoạn của chúng. Tinh luyện dầu gồm một hoặc nhiều các hoạt động sau: phân đoạn, chưng cất thẳng từ dầu thô, cracking.

Cụ thể:

- Sản xuất nhiên liệu ô tô: xăng, dầu lửa,...

- Sản xuất nhiên liệu: Dầu nhiên liệu nặng, nhẹ, trung bình, khí tinh chế như etan, propan, butan,...

- Sản xuất dầu mỡ bôi trơn từ dầu, kể cả từ dầu thải;

- Sản xuất các sản phẩm cho ngành hoá dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường;

- Sản xuất các sản phẩm khác: cồn trắng, varơlin, sáp paraphin, nhớt...

- Sản xuất than bánh từ than non, than cốc;

- Sản xuất bánh dầu;

- Trộn nhiên liệu sinh học, tức là trộn cồn với dầu hoả.

20: SẢN XUẤT HÓA CHẤT VÀ SẢN PHẨM HÓA CHẤT

Ngành này gồm:

Việc chuyển các nguyên liệu thô hữu cơ và vô cơ bằng quá trình hoá học để hình thành sản phẩm. Ở đây có phân biệt hoạt động sản xuất các hoá chất cơ bản tạo thành nhóm ngành đầu tiên từ sản xuất các sản phẩm trung gian và cuối cùng được sản xuất bằng quy trình chế biến sâu hơn tạo thành các nhóm ngành còn lại.

201: Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm hoá chất cơ bản, phân bón và các hợp chất ni tơ cũng như nhựa, cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

2011: Sản xuất hoá chất cơ bản

Nhóm này gồm: Sản xuất hóa chất sử dụng các quy trình cơ bản, như: phản ứng chưng cất và nhiệt cracking. Sản lượng của các quy trình này thường được tạo ra bởi các nguyên tố hóa học khác nhau hoặc bởi các hợp chất hóa học được xác định rõ tính chất hóa học riêng biệt.

20111:Sản xuất khí công nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí y học và công nghiệp vô cơ dạng lỏng hoặc nén:

+ Khí cơ bản,

+ Không khí nén hoặc lỏng,

+ Khí làm lạnh,

+ Khí công nghiệp hỗn hợp,

+ Khí trơ như các bon đi ôxít,

+ Khí phân lập.

20112: Sản xuất chất nhuộm và chất màu

Nhóm này bao gồm:

- Sản xuất thuốc nhuộm, chất nhuộm từ bất kì nguồn nào dưới dạng cơ bản hoặc cô đặc.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất các sản phẩm cùng loại sử dụng như chất làm sáng huỳnh quang

20113: Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

+ Sản xuất các nguyên tố hoá học;

+ Sản xuất axít vô cơ trừ axít nitơríc;

+ Sản xuất chất kiềm, dung dịch kiềm và các chất bazơ vô cơ khác trừ amoniac;

+Sản xuất nước chưng cất;

+ Sản xuất các hợp chất vô cơ khác.

Nhóm này cũng gồm:

- Làm giàu quặng Uranium và Thorium;

20114: Sản xuất hóa chất hữu cơ cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

+ Axylic hidrocacbon, bão hoà hoặc chưa bão hoà,

+ Xylic hidrocacbon, bão hoà hoặc chưa bão hoà,

+ Rượu axylic và xylic,

+ Axit cacbonxylic đơn hoặc đa phân tử, bao gồm axit axetic,

+ Các hợp chất chứa oxy khác bao gồm andehyt, xeton, quặng quino và hợp chất ôxi đa chức hoặc lưỡng chức,

+ Glyxerin tổng hợp,

+ Hợp chất hữu cơ chứa ni tơ, bao gồm amin,

+ Sự lên men đường, ngũ cốc hoặc những thứ tương tự để sản xuất ra rượu cồn và este,

+ Các hợp chất hữu cơ khác.

20119: Sản xuất hóa chất cơ bản khác

Nhóm này bao gồm:

- Nung quặng sun-pít-sắt;

- Lưu huỳnh các loại, trừ lưu huỳnh thăng hoa, lưu huỳnh kết tủa và lưu huỳnh dạng keo;

- Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng),

- Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao và các sản phẩm tương tự.

Loại trừ:

- Chiết xuất etan, metan, butan, propan được phân vào nhóm 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Sản xuất ga nhiên liệu như etan, butan hoặc propan trong nhà máy lọc dầu mỏ được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Sản xuất phân đạm và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni clorua được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất ni tơ và kali nitorát được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất amoni cacbonat được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ);

- Sản xuất nhựa nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Sản xuất thuốc nhuộm được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và matít);

- Sản xuất glyxerin thô được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);

- Sản xuất tinh dầu tự nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất salixilic và ô-axít axetyl salicilic được phân vào nhóm 2100 (Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu).

2012 - 20120: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất phân bón như:

+ Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali,

+ Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên.

- Sản xuất sản phẩm có chứa ni tơ như:

+ Axit nitơric và sunphua nitơric, amoni, amoni clorua, amoni cacbonat, kali nitơrat.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đất có than bùn làm thành phần chính;

- Sản xuất đất là hỗn hợp của đất tự nhiên, cát, cao lanh và khoáng;

- Sản xuất than tổ ong;

- Sản xuất than trấu, than thiêu kết.

Loại trừ:

- Khai thác phân chim được phân vào nhóm 08910 (Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón);

- Sản xuất sản phẩm hoá học nông nghiệp, như thuốc trừ sâu được phân vào nhóm 20210 (Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp);

- Sản xuất phân trộn được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại).

2013: Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Sản xuất nhựa thông, nguyên liệu nhựa và chất đàn hồi nhựa dẻo không lưu hóa nhiệt, chất hỗn hợp và nhựa thông pha trộn theo phương pháp thông thường cũng như sản xuất nhựa thông tổng hợp không theo định dạng.

Loại trừ:

- Sản xuất tơ và sợi nhân tạo và tổng hợp được phân vào nhóm 20300 (Sản xuất sợi nhân tạo);

- Nghiền các sản phẩm plastic được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

20131: Sản xuất plastic nguyên sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất plastic dạng nguyên sinh:

+ Polyme, bao gồm polyme tổng hợp từ etylen, propylen, xtiren, vinyl clorua, vinyl axetat và axit acrilic,

+ Polyamit,

+ Nhựa thông epoxit, phenolic và pôliurêtan,

+ Alkil, nhựa thông pôliexte và pôliexte,

+ Silicon,

+ Chất thay đổi ion trên polyme.

20132: Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh:

+ Cao su tổng hợp,

+ Cao su nhân tạo,

- Sản xuất hỗn hợp cao su tổng hợp và cao su thiên nhiên hoặc keo dính giống cao su (ví dụ nhựa lấy ở cây dùng làm chất cách điện).

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất xenlulo và các dẫn xuất hoá học của chúng.

202: Sản xuất sản phẩm hoá chất khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm hoá chất như: Sơn, mực, xà phòng, chất tẩy rửa, nước hoa và chế phẩm vệ sinh, các sản phẩm hoá học dùng cho ngành ảnh (bao gồm giấy ảnh và phim), các chế phẩm chẩn đoán tổng hợp.

2021 - 20210: Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ;

- Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây;

- Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác);

- Sản xuất các sản phẩm hoá nông khác chưa phân vào đâu.

Loại trừ: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ được phân vào nhóm 20120 (Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ).

2022: Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít

20221: Sản xuất sơn, vec ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít

Nhóm này gồm:

- Sản xuất sơn và vec ni, men, sơn mài;

- Sản xuất chất nhuộm và chất nhuộm chế sẵn, thuốc màu;

- Sản xuất men tráng trên sản phẩm thuỷ tinh và men sành, men đánh bóng và các chất tương tự;

- Sản xuất sơn ma tít;

- Sản xuất hợp chất dùng để bít, trét, hàn và các chất tương tự dùng để hàn các vật không chịu nhiệt hoặc các chất pha chế trang trí mặt ngoài;

- Sản xuất hợp chất dung môi hữu cơ dùng để pha chế sơn, vec ni;

- Sản xuất dung môi tẩy rửa sơn, vec ni.

20222: Sản xuất mực in

Nhóm này gồm: Sản xuất mực in.

Loại trừ:

- Sản xuất chất màu, thuốc nhuộm được phân vào nhóm 20112 (Sản xuất thuốc nhuộm và chất màu);

- Sản xuất mực viết và mực vẽ được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu).

2023: Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

20231: Sản xuất mỹ phẩm

Nhóm này gồm:

- Nước hoa và nước vệ sinh,

- Chất mỹ phẩm và hoá trang,

- Chất chống nắng và chống rám nắng,

- Thuốc chăm sóc móng tay, móng chân,

- Dầu gội đầu, keo xịt tóc, thuốc làm sóng tóc và ép tóc,

- Kem đánh răng và chất vệ sinh răng miệng bao gồm thuốc hãm màu răng giả,

- Thuốc cạo râu, bao gồm thuốc dùng trước và sau khi cạo râu,

- Chất khử mùi và muối tắm,

- Thuốc làm rụng lông.

20232: Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xà phòng dạng bánh;

- Sản xuất giấy, đồ chèn lót, đồ ni... được bọc hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy rửa;

- Sản xuất glixerin thô;

- Sản xuất chất hoạt động bề mặt như:

+ Bột giặt dạng lỏng hoặc cứng và chất tẩy rửa,

+ Nước rửa bát,

+ Nước xả quần áo và chất làm mềm vải.

- Sản xuất sản phẩm tẩy rửa và đánh bóng:

+ Chất làm nước hoa hoặc chất xịt phòng,

+ Chất tẩy nhân tạo, tẩy lông,

+ Chất đánh bóng và xi cho sản phẩm da,

+ Chất đánh bóng dùng cho gỗ,

+ Chất đánh bóng cho thuỷ tinh, kim loại.

+ Bột nhão hoặc bột khô để lau chùi các sản phẩm bao gồm: Giấy, đồ chèn lót, đồ nỉ, dạ, phớt, bông.

Loại trừ:

- Sản xuất hợp chất hoá học phân tách được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hoá chất vô cơ cơ bản khác);

- Sản xuất glyxerin, các sản phẩm tổng hợp từ dầu mỏ được phân vào nhóm 20114 (Sản xuất hoá chất hữu cơ cơ bản khác);

- Chiết xuất và tinh luyện từ dầu thiên nhiên được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu).

2029 - 20290: Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại bột thuốc nổ;

- Sản xuất các sản phẩm pháo hoa, chất nổ, bao gồm ngòi nổ, pháo sáng...

- Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su;

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;

- Sản xuất chất giống nhựa;

- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;

- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;

- Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác;

- Sản xuất hoá chất dùng để làm ảnh;

- Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như:

+ Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất protein khác và dẫn xuất của chúng,

+ Dầu mỡ,

+ Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học,

+ Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da,

+ Bột và bột nhão sử dụng trong hàn,

+ Sản xuất chất để tẩy kim loại,

+ Sản xuất chất phụ gia cho xi măng,

+ Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp,

+ Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng,

+ Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác;

- Sản xuất mực viết và mực vẽ;

- Sản xuất diêm;

- Sản xuất hương các loại...

- Sản xuất meo nấm.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm hoá chất với khối lượng lớn được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hoá chất cơ bản);

- Sản xuất nước chưng cất được phân vào nhóm 20113 (Sản xuất hoá chất vô cơ cơ bản khác);

- Sản xuất các sản phẩm hương liệu tổng hợp được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hoá chất cơ bản);

- Sản xuất mực in được phân vào nhóm 2022 (Sản xuất sơn, véc vi và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít);

- Sản xuất nước hoa và nước vệ sinh được phân vào nhóm 2023 (Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);

- Sản xuất chất kết dính từ nhựa đường được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu).

203 - 2030 - 20300: Sản xuất sợi nhân tạo

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tơ, lanh nhân tạo hoặc tổng hợp;

- Sản xuất sợi nhân tạo hoặc tổng hợp chưa được chải hoặc chế biến khác cho quá trình quay sợi;

- Sản xuất chỉ, tơ nhân tạo hoặc tổng hợp, bao gồm chỉ có độ dai cao;

- Sản xuất đa sợi tổng hợp hoặc nhân tạo.

Loại trừ:

- Quay sợi tổng hợp hoặc nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi);

- Sản xuất chỉ từ sợi nhân tạo được phân vào nhóm 13110 (Sản xuất sợi).

21: SẢN XUẤT THUỐC, HÓA DƯỢC VÀ DƯỢC LIỆU

210 - 2100: Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

Nhóm này gồm: Sản xuất các sản phẩm dược liệu cơ bản và các chế phẩm dược, sản xuất sản phẩm thuốc và hoá dược.

Loại trừ:

- Sản xuất cỏ làm thuốc (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn dược phẩm được phân vào nhóm 4649 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình);

- Bán lẻ dược phẩm được phân vào nhóm 4772 (Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Đóng gói các sản phẩm dược được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói);

- Sản xuất chất hàn răng, sản xuất xi măng hàn răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);

- Nghiên cứu và phát triển ngành dược và công nghệ sinh học được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu và phát triển khoa học trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật).

21001: Sản xuất thuốc các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuốc như:

+ Huyết thanh và các thành phần của máu,

+ Vắc xin,

+ Các loại thuốc khác, bao gồm chất vi lượng.

- Sản xuất thuốc tránh thai uống và đặt;

- Sản xuất thuốc chẩn đoán, bao gồm thử thai;

- Sản xuất thuốc chẩn đoán hoạt phóng xạ;

21002: Sản xuất hoá dược và dược liệu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất chất hoạt động thuốc được sử dụng cho dược liệu trong sản xuất dược phẩm: Thuốc kháng sinh, vitamin cơ bản, salixilic và axit O-axetinsalixilic...

- Sản xuất hoá dược.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất đường hoá học tinh luyện;

- Sản xuất băng gạc, đồ chèn lót, chỉ sinh học, đồ băng bó...

- Sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng làm thuốc (nghiền, tán...).

22: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ CAO SU VÀ PLASTIC

Ngành này gồm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và nhựa. Ngành này có đặc trưng là dùng nguyên liệu thô trong sản xuất. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tất cả các sản phẩm làm từ các nguyên liệu này được xếp vào hoạt động này.

221: Sản xuất sản phẩm từ cao su

2211 - 22110: Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su

Nhóm này gồm: Sản xuất lốp cao su cho xe thô sơ, thiết bị, máy di động, máy bay, đồ chơi, đồ đạc và các mục đích sử dụng khác như:

+ Lốp bơm hơi,

+ Lốp đặc hoặc có lót đệm.

- Sản xuất săm;

- Sản xuất ta lông lốp xe có thể thay được, vành lốp xe, sản xuất các tấm cao su dùng để đắp lại lốp cũ;

- Đắp lại lốp cũ, thay các tấm cao su trên các lốp xe hơi.

Loại trừ:

- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa săm được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sửa chữa săm và lốp, vá hoặc thay được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

2219 - 22190: Sản xuất sản phẩm khác từ cao su

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng như:

+ Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su,

+ Ống, vòi cao su,

+ Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su,

+ Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: Dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng,

+ Quần áo bằng cao su (nếu quần áo được sản xuất bằng cách gắn dán, chứ không phải khâu),

+ Tấm phủ sàn bằng cao su,

+ Cáp và sợi cao su,

+ Sợi cao su hoá,

+ Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su,

+ Trục cán bằng cao su,

+ Đệm hơi cao su,

+ Sản xuất bóng bay.

- Sản xuất chỗi cao su;

- Sản xuất ống cao su cứng;

- Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su;

- Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính;

- Đệm nước cao su;

- Túi tắm bằng cao su;

- Quần áo lặn bằng cao su;

- Các vật dùng trong sinh hoạt tình dục bằng cao su.

- Sản xuất thảm từ cao su lỗ.

Loại trừ:

- Sản xuất sản phẩm sợi dệt cho lốp xe được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo bằng sản phẩm dệt co dãn được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất giày dép cao su được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày, dép);

- Sản xuất keo dán từ cao su được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất tấm trải lưng cho lạc đà được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);

- Sản xuất thuyền và mảng bơm hơi được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi) và nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí);

- Sản xuất đồ dùng trong thể thao bằng cao su, trừ quần áo được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất các chương trình trò chơi và đồ chơi bằng cao su (bao gồm thuyền cao su bơm hơi cho trẻ em, con thú bơm hơi bằng cao su, bóng và các đồ tương tự) được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Tái chế cao su được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

222 - 2220: Sản xuất sản phẩm từ plastic

22201: Sản xuất bao bì từ plastic

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như:

+ Túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn, chai lọ bằng nhựa.

22209: Sản xuất sản phẩm khác từ plastic

Nhóm này gồm:

Chế biến chất dẻo mới hoặc nhựa đã dùng thành các sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm cuối cùng sử dụng các hoạt động như khuôn nén; đẩy nén, thổi nén, phun nén và cắt. Đối với tất cả các quá trình trên, quá trình sản xuất là quá trình tạo ra nhiều loại sản phẩm.

Cụ thể:

- Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến như: Đĩa, tấm, khối, mảnh nhựa (bất kể tự dính hay không);

- Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện như: Ống, vòi nhựa, thiết bị lắp đặt bằng nhựa;

- Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, mành, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt.

- Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa;

- Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính;

- Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum;

- Sản xuất đá nhân tạo;

- Sản xuất băng keo;

- Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hoá như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, tẩu xì gà, lược, lô cuốn tóc, và các đồ khác.

Loại trừ:

- Sản xuất túi nhựa được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giày dép nhựa được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giày dép);

- Sản xuất nhựa dạng nguyên sinh được phân vào nhóm 2013 (Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh);

- Sản xuất đồ dùng bằng cao su tổng hợp hoặc thiên nhiên được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất nội thất nhựa được phân vào nhóm 31009 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);

- Sản xuất đệm nhựa dạng tổ ong không phủ được phân vào nhóm 31009 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);

- Sản xuất đồ dụng cụ thể thao nhựa được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất đồ chơi, chương trình trò chơi nhựa được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất thiết bị nha khoa và y khoa bằng nhựa được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ y tế, nha khoa);

- Sản xuất các thiết bị quang học bằng nhựa được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ y tế, nha khoa);

- Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ an toàn cá nhân khác bằng nhựa được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

23: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KHOÁNG PHI KIM LOẠI KHÁC

Ngành này gồm:Các hoạt động sản xuất khác nhau liên quan đến đơn chất của khoáng. Hoạt động sản xuất thủy tinh và sản phẩm thuỷ tinh (ví dụ tấm thuỷ tinh, thuỷ tinh rỗng, sợi thuỷ tinh...) và sản phẩm gốm, sản phẩm đất

sét nung, xi măng và thạch cao từ các nguyên liệu thô thành sản phẩm hoàn thiện. Tạo dáng và hoàn thiện đá và các sản phẩm khoáng khác cũng được phân vào ngành này.

231 - 2310: Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh

Nhóm này gồm:

Hoạt động sản xuất thủy tinh ở mọi loại hình, mọi phương thức và tất cả các sản phẩm như:

23101: Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thuỷ tinh tấm bao gồm thuỷ tinh màu, dây thuỷ tinh hoặc thuỷ tinh tấm;

- Sản xuất thủy tinh tấm cán mỏng hoặc làm cứng;

- Sản xuất gạch lát sàn thuỷ tinh;

- Sản xuất gương thuỷ tinh;

- Sản xuất các sản phẩm phân cách bằng thủy tinh nhiều lớp.

23102: Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất chai và các vật đựng khác bằng thuỷ tinh;

- Sản xuất ly uống và các đồ thuỷ tinh khác hoặc các đồ pha lê;

- Sản xuất thủy tinh dạng ống và dạng que.

23103: Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh

- Sản xuất sợi thuỷ tinh, bao gồm len thuỷ tinh và các sản phẩm phi sợi từ thuỷ tinh;

23109: Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh

- Sản xuất đồ thuỷ tinh trong dược, phòng thí nghiệm, và đồ vệ sinh;

- Sản xuất đồ thuỷ tinh để làm đồng hồ đeo tay và để bàn, đồ thuỷ tinh để làm thiết bị quang học;

- Sản xuất đồ thuỷ tinh trong đồ trang sức;

- Sản xuất các chất cách ly bằng thuỷ tinh;

- Sản xuất vỏ bọc thuỷ tinh cho bóng đèn;

- Sản xuất tượng bằng thuỷ tinh.

Loại trừ:

- Sản xuất vải được dệt từ sợi thuỷ tinh được phân vào nhóm 13120 (Sản xuất vải dệt thoi);

- Sản xuất các sản phẩm quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất sợi quang học và sợi cáp quang để truyền hình ảnh động được phân vào nhóm 27310 (Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học);

- Sản xuất đồ chơi thuỷ tinh được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất ống tiêm và các thiết bị phòng thí nghiệm y tế khác được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

239: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Các hoạt động sản xuất các sản phẩm cuối cùng hoặc trung gian từ các khoáng phi kim được khai thác như cát, sỏi, cao lanh.

2391 - 23910: Sản xuất sản phẩm chịu lửa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vữa, bê tông, xi măng chịu lửa.

- Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa như:

+ Đồ gốm sứ cách nhiệt từ nguyên liệu hoá thạch silic.

+ Gạch, ngói chịu lửa.

+ Sản xuất bình, nồi, vòi, ống.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất đồ chịu lửa có chứa manhe, cromit, đolomit.

2392 - 23920: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét

Nhóm này gồm:

- Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm;

- Sản xuất đá phiến và đá lát thềm không chịu lửa;

- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm...

- Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung;

- Sản xuất các đồ vật vệ sinh cố định làm bằng gốm.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2393 - 23930: Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;

- Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác;

- Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đạc cố định trong nhà cách điện bằng gốm;

- Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp;

- Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá;

- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;

- Sản xuất các sản phẩm bằng gốm chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất đá nhân tạo (ví dụ đá hoa cẩm thạch) được phân vào nhóm 2220 (Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Sản xuất hàng hoá bằng gốm chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm được phân vào nhóm 23920 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét);

- Sản xuất các đồ vật vệ sinh bằng gốm được phân vào nhóm 23920 (Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét);

- Sản xuất đồ nữ trang giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ chơi bằng gốm được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất răng giả được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2394: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xỉ và xi măng supe phốt phát;

- Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước;

- Sản xuất dolomit can xi;

- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phát can xi.

Loại trừ:

- Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa);

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất các sản phẩm từ thạch cao được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông hỗn hợp khô và vữa được phân vào nhóm 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao);

- Sản xuất xi măng dùng cho nghề chữa răng được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

23941: Sản xuất xi măng

Nhóm này gồm: Sản xuất clanh ke và xi măng cứng trong nước, bao gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin, xi măng xỉ và xi măng supe phốt phát.

23942: Sản xuất vôi

Nhóm này gồm: Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngâm trong nước.

23943: Sản xuất thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dolomit can xi;

- Sản xuất vữa từ thạch cao hoặc sun phát can xi.

2395 - 23950: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống...

- Sản xuất các hợp chất xây dựng đúc sẵn dùng trong xây dựng hoặc xây dựng dân dụng từ đá, xi măng hoặc đá nhân tạo;

- Sản xuất các sản phẩm vữa dùng trong xây dựng như: Dạng tấm, bảng, thanh;

- Sản xuất nguyên liệu xây dựng từ thực vật (gỗ, sợi thực vật, rơm, rạ, bấc) được trộn với xi măng, vôi, vữa và các khoáng khác;

- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng amiăng hoặc xi măng sợi xenlulo hoặc vật liệu tương tự như: Các tấm gấp nhiều lần, thanh, ngói, ống, vòi, vò, bồn rửa, khung cửa sổ;

- Sản xuất các sản phẩm khác như: chậu hoa, bức phù hiệu, tượng từ bê tông, vôi, vữa, xi măng hoặc đá nhân tạo;

- Sản xuất vữa bột;

- Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.

Loại trừ:

- Sản xuất xi măng và vữa chịu lửa được phân vào nhóm 23910 (Sản xuất sản phẩm chịu lửa).

2396 - 23960: Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá

Nhóm này gồm:

- Cắt, tạo dáng, hoàn thiện sản phẩm đá sử dụng trong xây dựng, trong nghĩa trang, đường xá và lợp mái;

- Sản xuất đồ gia dụng bằng đá;

- Làm mộ bia.

Loại trừ:

- Các hoạt động do các nhà điều hành mỏ đá thực hiện, ví dụ sản xuất cắt đá thô được phân vào nhóm 0810 (Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét);

- Sản xuất đá răm, bột đá và các sản phẩm tương tự được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Các hoạt động của các nhà điêu khắc được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

2399 - 23990: Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát);

- Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng...

- Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô;

- Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thấm âm;

- Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện);

- Sản xuất các sản phẩm từ asphát và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính atphát, xỉ than;

- Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm từ sợi thuỷ tinh dệt và không dệt, xem 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh).

24: SẢN XUẤT KIM LOẠI

Ngành này gồm:

Các hoạt động nung chảy, tinh luyện kim loại màu và kim loại đen từ quặng, các mảnh nhỏ, rác thải sử dụng quá trình xử lý điện kim và các kỹ thuật luyện kim khác. Các đơn vị trong nhóm này cũng sản xuất hợp kim kim loại và siêu hợp kim bằng cách cho thêm các chất hoá học vào kim loại nguyên chất. Đầu ra của hoạt động cán, nung chảy, tinh luyện thường ở dạng thỏi được dùng trong lăn, kéo, đẩy thành tấm, thanh, bản, dây và ở dạng nấu chảy để tạo thành khuôn và kim loại cơ bản khác.

241 - 2410 - 24100: Sản xuất sắt, thép, gang

Nhóm này gồm:

Các hoạt động như chiết xuất trực tiếp từ quặng sắt, sản xuất thép xỉ dạng nung chảy hoặc dạng cứng; chuyển xỉ thép thành thép; sản xuất ferrolloy, sản xuất thép, sản xuất tấm (ví dụ đĩa, tấm, bảng, dây) và sản xuất thép dạng thỏi, ống như:

- Điều hành lò luyện kim, máy chuyển thành thép, cán và hoàn thiện;

- Sản xuất xỉ thép, sản xuất gang thành xỉ, tấm và các dạng ban đầu khác;

- Sản xuất hợp kim sắt;

- Sản xuất các sản phẩm kim loại đen bằng cách chiết giảm trực tiếp sắt và các sản phẩm bột kim loại đen khác, sản xuất thép từ tinh lọc bằng quá trình điện phân hoặc hoá học khác;

- Sản xuất sắt dạng hột và dạng bột;

- Sản xuất thép dạng thỏi hoặc các dạng nguyên sinh khác;

- Sản xuất sản phẩm thép bán hoàn thiện;

- Sản xuất các sản phẩm thép cuộn nóng cuộn lạnh và cuộn phẳng;

- Sản xuất thanh thép cuộn nóng;

- Sản xuất mặt cắt thép cuộn nóng;

- Sản xuất thanh thép và các mặt cắt cứng từ thép bằng cách kéo lạnh, nghiền hoặc quay;

- Sản xuất các mặt cắt mở bằng cách tạo khuôn lạnh cuộn hoặc gấp nếp các sản phẩm thép cuộn phẳng;

- Sản xuất dây thép bằng cách kéo hoặc dãn lạnh;

- Sản xuất tấm thép và các mặt cắt mở thép hàn;

- Sản xuất các vật liệu đường ray tàu hoả (đường sắt chưa lắp) bằng thép;

- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách cuộn nóng, kéo nóng hoặc cuộn lạnh, kéo lạnh;

- Sản xuất các ống thép hàn bằng cách đổ khuôn nóng hoặc lạnh và hàn, hoặc có được bằng cách xử lý thêm bằng kéo lạnh hoặc cuộn lạnh hoặc bằng cách đổ khuôn nóng, hàn;

- Sản xuất các thiết bị nối ống thép như mép phẳng và mép có vòng đệm, các mối nối hàn.

Loại trừ:

- Sản xuất khuôn đổ ống thép và các đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt thép);

- Sản xuất ống thép không mối nối bằng cách đúc li tâm được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt thép);

- Sản xuất đồ làm mối nối bằng thép đúc được phân vào nhóm 24310 (Đúc sắt thép).

242 – 2420: Sản xuất kim loại quý và kim loại màu

24201: Sản xuất kim loại quý

Nhóm này gồm:

- Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như: vàng, bạc, platinum... từ quặng hoặc kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim quý;

- Sản xuất sản phẩm sơ chế từ kim loại quý;

- Sản xuất bạc được cán vào kim loại cơ bản;

- Sản xuất vàng được cán vào kim loại cơ bản hoặc bạc;

- Sản xuất platinum và kim loại nhóm platinum được cán vào vàng, bạc và kim loại cơ bản;

- Sản xuất lá dát kim loại quý.

- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

24202: Sản xuất kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất nhôm từ alumin;

- Sản xuất nhôm từ tinh chế điện phân chất thải nhôm và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim nhôm;

- Sơ chế nhôm;

- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ quặng;

- Sản xuất chì, kẽm, thiếc từ tinh chế điện phân chất thải chì, kẽm, thiếc và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim chì, kẽm và thiếc;

- Sơ chế chì, kẽm và thiếc;

- Sản xuất đồng từ quặng;

- Sản xuất đồng từ tinh chế điện phân chất thải đồng và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim đồng;

- Sản xuất dây cầu chì;

- Sơ chế đồng;

- Sản xuất crôm, măng gan, ni ken... từ tinh chế điện phân và nhôm của chất thải crôm, măng gan, ni ken... và kim loại vụn;

- Sản xuất hợp kim crôm, măng gan, niken...

- Sơ chế crôm, măng gan, niken...

- Sản xuất các chất từ niken...

- Sản xuất kim loại uranium từ uranit và quặng khác;

- Luyện và tinh chế uranium;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất dây của những kim loại trên bằng cách kéo;

- Sản xuất ôxit nhôm (Alumina);

- Sản xuất kim loại bọc nhôm;

- Sản xuất lá dát nhôm (thiếc) được làm từ lá nhôm (thiếc) là vật liệu chính;

Loại trừ:

- Đúc kim loại màu được phân vào nhóm 24320 (Đúc kim loại màu);

243: Đúc kim loại

Nhóm này gồm: Sản xuất sản phẩm đúc sơ chế và sản phẩm đúc các loại theo những đặc điểm kỹ thuật của chúng.

Loại trừ:

Sản xuất sản phẩm khuôn đúc thành phẩm như:

+ Nồi hơi và lò được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại),

+ Các chi tiết khuôn đúc gia dụng được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

2431 - 24310: Đúc sắt, thép

Nhóm này gồm:

Các hoạt động của các xưởng đúc sắt và thép như:

+ Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm,

+ Đúc khuôn sắt,

+ Đúc khuôn sắt graphit hình cầu,

+ Đúc khuôn sắt dát mỏng,

+ Đúc khuôn thép bán thành phẩm,

+ Đúc khuôn thép,

+ Sản xuất ống, vòi và các đồ làm mối nối bằng sắt đúc,

+ Sản xuất ống thép không mối nối và ống thép qua đúc li tâm,

+ Sản xuất đồ làm mối nối ống, vòi bằng thép đúc.

2432 - 24320: Đúc kim loại màu

Nhóm này gồm:

- Khuôn sản phẩm sơ chế từ nhôm, magiê, titan, kẽm...

- Đúc khuôn kim loại nhẹ,

- Đúc khuôn kim loại nặng,

- Đúc khuôn kim loại quý,

- Đúc khuôn kim loại màu.

25: SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ KIM LOẠI ĐÚC SẴN (TRỪ MÁY MÓC, THIẾT BỊ)

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm kim loại nguyên chất (như một phần kim loại, thùng hòm và các công trình xây dựng) thường là với chức năng tĩnh, cố định, chứ không phải theo ngành 26 - 30, là toàn bộ hoạt động sản xuất phối kết hợp hoặc quá trình lắp ráp các sản phẩm kim loại đó (thỉnh thoảng với một số kim loại khác) thành các đơn vị phức tạp trừ khi chúng là các công trình xây dựng với việc di dời từng phần hoàn toàn bằng điện hoặc quang học. Hoạt động sản xuất vũ khí và đạn dược cũng được phân vào ngành này.

Loại trừ:

- Hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị được phân vào nhóm 331(Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn);

- Lắp đặt máy móc, thiết bị chuyên dụng được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

251: Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi

Nhóm này gồm: Sản xuất các cấu kiện kim loại (như khung kim loại hoặc các bộ phận của cấu trúc xây dựng), cũng như các đồ vật loại hộm, thùng bằng kim loại (như thùng, bể chứa, nồi hơi trung tâm) và lò hơi nước.

2511 - 25110: Sản xuất các cấu kiện kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);

- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);

- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...

- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng;

- Vách ngăn phòng bằng kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận của tàu thuỷ hoặc tàu chạy bằng sức nước được phân vào nhóm 25130 (Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm));

- Sản xuất các bộ phận của đường ray tàu hỏa được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất các bộ phận của tàu thuỷ được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi).

2512 - 25120: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất;

- Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hoá lỏng khí đốt;

- Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt.

Loại trừ:

- Sản xuất tôn, thùng hình trống, can, bình, bi đông, hộp... ở dạng thường được sử dụng để mang hoặc đóng gói hàng hoá (không liên quan đến kích cỡ), được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thùng chứa cho vận tải được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);

- Sản xuất xe tăng (xe bọc thép) được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

2513 - 25130: Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất lò hơi nước;

- Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như: Bộ phận góp hơi và tích luỹ hơi, bộ phận làm sạch cặn nước, bộ phận phục hồi khí và dụng cụ cạo cặn lò hơi;

- Sản xuất lò phản ứng nguyên tử, trừ tách chất đồng vị;

- Sản xuất các bộ phận cho tàu thuỷ chạy bằng sức nước.

Loại trừ:

- Sản xuất nồi hơi trung tâm và bức xạ được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);

- Sản xuất bộ tua bin hơi nước được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất tách chất đồng vị được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

252 - 2520 - 25200: Sản xuất vũ khí và đạn dược

Nhóm này gồm:

- Sản xuất vũ khí hạng nặng (trọng pháo, súng cơ động, tên lửa bazuka, ngư lôi, súng máy hạng nặng);

- Sản xuất vũ khí nhỏ (súng lục ổ quay, súng ngắn, súng máy hạng nhẹ);

- Sản xuất súng hơi;

- Sản xuất đạn dược chiến tranh;

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất súng và đạn dùng trong săn bắn, thể thao và bảo vệ;

- Sản xuất dụng cụ gây nổ như bom, mìn và ngư lôi.

Loại trừ:

- Sản xuất đầu đạn, ngòi nổ, kíp nổ hay pháo sáng được phân vào nhóm 20290 (Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất thanh đoản kiếm, gươm, kiếm, đao và lưỡi lê được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất xe bọc sắt để vận chuyển giấy bạc và những đồ quý giá được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất tàu vũ trụ được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Sản xuất xe tăng và các phương tiện chiến đấu khác được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội).

259: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại

Nhóm này gồm: Các hoạt động chung cho xử lý kim loại như rèn, ép, mạ, phủ, đánh bóng, hàn...được thực hiện chủ yếu qua phí hoặc hợp đồng. Nhóm này cũng gồm sản xuất các sản phẩm kim loại khác nhau như dao kéo, các dụng cụ kim loại cầm tay và các phần cứng nói chung; thùng đựng, chai; các đồ gia dụng kim loại, các mối nối kim loại, mỏ neo tàu, thiết bị làm mối nối đường ray...cho nhiều mục đích sử dụng gia dụng và công nghiệp.

2591 - 25910: Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại

Nhóm này gồm:

- Rèn, dập, ép, cán kim loại;

- Luyện bột kim loại: Sản xuất các sản phẩm kim loại trực tiếp từ bột kim loại bằng phương pháp nhiệt hoặc bằng áp lực.

Loại trừ: Sản xuất bột kim loại được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 2420 (Sản xuất kim loại màu và kim loại quý).

2592 - 25920: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Nhóm này gồm:

- Mạ, đánh bóng kim loại...

- Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt;

- Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;

- Nhuộm màu, chạm, in kim loại;

- Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài...

- Mài, đánh bóng kim loại;

- Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại;

- Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.

Loại trừ:

- Cán kim loại quý vào kim loại cơ bản hoặc kim loại khác được phân vào nhóm 24201 (Sản xuất kim loại quý);

- Dịch vụ đóng móng ngựa được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi).

2593 - 25930: Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, dĩa, thìa...

- Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc;

- Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc;

- Sản xuất dụng cụ cầm tay như kìm, tua vít;

- Sản xuất dụng cụ cầm tay trong nông nghiệp không dùng năng lượng;

- Sản xuất cưa và lưỡi cưa, bao gồm lưỡi cưa tròn và cưa xích;

- Sản xuất dụng cụ cầm tay không thay thế, có hoặc không hoạt động năng lượng, hoặc cho các dụng cụ máy: Khoan, dùi, bàn ren, cắt khía;

- Sản xuất dụng cụ ép;

- Sản xuất dụng cụ rèn: Rèn, đe...

- Sản xuất hộp đúc (trừ đúc thỏi);

- Sản xuất mỏ cặp, kẹp;

- Sản xuất khoá móc, khoá, chìa khoá, bản lề... phần cứng cho xây dựng, đồ đạc, xe đạp...

- Sản xuất đoản kiếm, kiếm, lưỡi lê...

Loại trừ:

- Sản xuất đồ để nấu ăn (nồi, ấm...), đồ ăn (bát, đĩa,..) hoặc đồ dẹt (đĩa nông lòng...) được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất dụng cụ cầm tay bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);

- Sản xuất thỏi đúc được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim);

- Sản xuất dụng cụ dao kéo bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

2599: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

25991: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn

Nhóm này gồm:

- Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gập lại được;

- Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như: Đồ dẹt: Đĩa nông lòng..., đồ nấu như: Nồi, ấm..., đồ ăn như: Bát, đĩa..., chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại;

- Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự.

25999: Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc;

- Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...

- Sản xuất túi đựng nữ trang;

- Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp;

- Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được;

- Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít;

- Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;

- Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;

- Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;

- Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải...

- Sản xuất đinh hoặc ghim;

- Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự;

- Sản xuất các sản phẩm đinh vít;

- Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;

- Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn trôn ốc, lá cho lò xo;

- Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng;

- Sản xuất các chi tiết kim loại khác như:

+ Sản xuất chân vịt tàu và cánh,

+ Mỏ neo,

+ Chuông,

+ Đường ray tàu hoả,

+ Dụng cụ gài, uốn;

- Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại;

- Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại;

- Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;

- Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược.

Loại trừ:

- Sản xuất thùng và bể chứa được phân vào nhóm 25120 (Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại);

- Sản xuất gươm, đao được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất lò xo đồng hồ đeo tay và treo tường được phân vào nhóm 26520 (Sản xuất đồng hồ);

- Sản xuất dây và cáp cho truyền điện được phân vào nhóm 27320 (Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác);

- Sản xuất xích truyền năng lượng được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động);

- Sản xuất xe chở đồ trong siêu thị được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất đồ đạc kim loại được phân vào nhóm 31009 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác);

- Sản xuất dụng cụ thể thao được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao);

- Sản xuất đồ chơi và trò chơi được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

26: SẢN XUẤT SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ, MÁY VI TÍNH VÀ SẢN PHẨM QUANG HỌC

Ngành này gồm:

Sản xuất máy tính, linh kiện máy tính, thiết bị truyền thông và các sản phẩm điện tử cùng loại cũng như sản xuất các linh kiện cho các sản phẩm này.

Quá trình sản xuất của ngành này mang đặc tính riêng bởi kiểu dáng và việc sử dụng bo mạch và ứng dụng kỹ thuật với độ chuyên môn hóa cao.

Ngành này cũng gồm:

Sản xuất điện tử tiêu dùng, đo lường, kiểm nghiệm, thiết bị điều khiển, bức xạ, thiết bị điện y học và điện liệu pháp, thiết bị và dụng cụ quang học, sản xuất phương tiện truyền thông từ tính và quang học.

261 - 2610 - 26100: Sản xuất linh kiện điện tử

Nhóm này gồm: Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện ứng dụng điện tử khác.

Cụ thể:

- Sản xuất tụ điện, điện tử;

- Sản xuất điện trở, điện tử;

- Sản xuất bộ mạch vi xử lý;

- Sản xuất bo mạch điện tử;

- Sản xuất ống điện tử;

- Sản xuất liên kết điện tử;

- Sản xuất mạch điện tích hợp;.

- Sản xuất ống hai cực, bóng bán dẫn, bộ chia liên quan;

- Sản xuất phần cảm điện (cuộn cảm kháng, cuộn dây, bộ chuyển), loại linh kiện điện tử;

- Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể;

- Sản xuất solenoit, bộ chuyển mạch và bộ chuyển đổi cho các bộ phận điện tử;

- Sản xuất chất bán dẫn, sản xuất chất tinh chế và bán tinh chế;

- Sản xuất thẻ giao diện (âm thanh, video, điều khiển, mạng lưới);

- Sản xuất cấu kiện hiển thị (plasma, polime, LCD);

- Sản xuất bóng đèn di-ot phát sáng (LED);

- Sản xuất cáp máy in, cáp màn hình, cáp USB...

Loại trừ:

- Sản xuất thẻ thông minh, được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Sản xuất môđem (thiết bị truyền tải) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất màn hình vi tính và vô tuyến được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính), 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất ống tia X và phân chia bức xạ cùng loại được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất bộ chia tách cùng loại cho các ứng dụng điện tử được phân vào ngành 27 (Sản xuất thiết bị điện);

- Sản xuất đui bóng được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất môtơ, máy phát);

- Sản xuất rơ le điện được phân vào nhóm 27101 (Sản xuất môtơ, máy phát);

- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hoàn chỉnh được phân chia dựa trên cơ sở phân loại thiết bị điện tử.

262 - 2620 - 26200: Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính

Nhóm này gồm:

Sản xuất hoặc lắp ráp các máy tính điện tử như màn hình, máy tính để bàn, máy chủ, máy xách tay; các thiết bị ngoại vi máy tính như thiết bị lưu trữ và thiết bị ra/vào (máy in, màn hình, bàn phím). Có thể là máy tính tỷ biến, máy tính kỹ thuật số hoặc lai. Máy tính kỹ thuật số, loại điển hình nhất là các thiết bị có thể thực hiện các công việc sau: (1) lưu các chương trình xử lý hoặc các chương trình và số liệu cần ngay cho việc thực hiện một chương trình; (2) có thể độc lập được đặt chương trình phù hợp với các yêu cầu của người sử dụng; (3) thực hiện các tính toán do người sử dụng yêu cầu; và (4) thực hiện mà không cần có sự can thiệp của con người một chương trình xử lý yêu cầu máy tính thay đổi các thao tác của nó theo các quyết định logic trong khi chạy. Máy tính tỷ biến có thể có các mô hình toán và bao gồm ít nhất kiểm soát tỷ biến và các yếu tố chương trình.

Cụ thể:

- Sản xuất máy vi tính để bàn;
- Sản xuất máy vi tính xách tay;
- Sản xuất máy chủ;
- Sản xuất máy tính cầm tay (PDA);
- Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác;
- Sản xuất ổ đĩa quang học (ví dụ CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW);
- Sản xuất máy in;
- Sản xuất màn hình;
- Sản xuất bàn phím;
- Sản xuất các loại chuột, que điều khiển và các thiết bị kiểm tra;
- Sản xuất các giao diện máy tính;
- Sản xuất máy quét, bao gồm máy quét mã thanh;
- Sản xuất máy đọc thẻ thông minh;
- Sản xuất mũ ảo;
- Sản xuất máy chiếu.

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất các cổng máy tính như máy rút tiền tự động (ATM), máy bán hàng (POS), không hoạt động theo cơ khí;

- Sản xuất thiết bị văn phòng đa chức năng như máy liên hợp fax-copy-quét.

Loại trừ:

- Sao bản ghi âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất các linh kiện điện tử và các thiết bị điện tử sử dụng trong máy tính và các thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất các modem máy tính trong/ ngoài được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất các giao diện, modun và thiết bị lắp được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất modem, các thiết bị dẫn được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất các thiết bị truyền liên lạc kỹ thuật số, thiết bị truyền số liệu (ví dụ cầu, cổng) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị điện tử tiêu dùng, như máy chạy CD và DVD được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất màn hình vô tuyến và màn hình hiển thị được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất các chương trình trò chơi điện tử được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất phương tiện quang học hoặc từ tính sử dụng trong các thiết bị máy tính hoặc thiết bị khác được phân vào nhóm 26800 (Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học).

263 - 2630 - 26300: Sản xuất thiết bị truyền thông

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu và điện thoại được sử dụng để chuyển tín hiệu điện tử thông qua dây dẫn hoặc không khí như đài phát thanh và trạm vô tuyến và các thiết bị truyền thông không dây;

- Sản xuất thiết bị chuyển mạch văn phòng trung tâm;

- Sản xuất điện thoại không dây;

- Sản xuất thiết bị đổi nhánh riêng (PBX);

- Sản xuất điện thoại và máy fax, bao gồm máy trả lời điện thoại;

- Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu, như cổng, thiết bị truyền dẫn;

- Sản xuất ăngten thu phát;

- Sản xuất thiết bị cáp vô tuyến;

- Sản xuất máy nhắn tin;

- Sản xuất điện thoại di động;

- Sản xuất thiết bị truyền thông di động;

- Sản xuất thiết bị trong phòng thu vô tuyến và truyền thanh, bao gồm cả các máy quay phim;

- Sản xuất môdem, thiết bị truyền tải;

- Sản xuất hệ thống chuông chống trộm và đèn báo động, gửi dấu hiệu đến một trạm điều khiển;

- Sản xuất thiết bị chuyển đổi tivi và đài;

- Sản xuất thiết bị hồng ngoại (ví dụ như điều khiển từ xa).

Loại trừ:

- Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);

- Sản xuất thiết bị thu thanh và thu hình gia dụng được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất thiết bị linh kiện điện tử và cụm lắp ráp được sử dụng thiết bị truyền thông, được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất môdem bên trong/bên ngoài máy vi tính (dạng máy vi tính cá nhân) được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất bảng ghi tỷ số điện tử được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất đèn giao thông được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

264 - 2640 - 26400: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị âm thanh và video điện tử cho giải trí gia đình, xe có động cơ, hệ thống truyền thanh và thiết bị khuếch đại âm thanh;

- Sản xuất đầu máy video và thiết bị sao chép;

- Sản xuất tivi;

- Sản xuất màn hình vô tuyến;

- Sản xuất hệ thống thu thanh và sao chép;

- Sản xuất thiết bị âm thanh nổi;

- Sản xuất máy thu radio;

- Sản xuất hệ thống loa phóng thanh;

- Sản xuất loại video camera kiểu hộ gia đình;

- Sản xuất máy hát tự động;

- Sản xuất máy khuếch đại cho nhạc cụ và hệ thống truyền thanh;

- Sản xuất micrô;

- Sản xuất đầu DVD, CD;

- Sản xuất máy karaokê;

- Sản xuất tai nghe (ví dụ như dùng cho radio, máy radio âm thanh nổi, máy tính);

- Sản xuất bảng điều khiển của các chương trình trò chơi video.

Loại trừ:

- Tái sản xuất thiết bị ghi âm truyền thông (máy tính truyền thông, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất thiết bị máy tính ngoại vi và màn hình máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);

- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị nhắn tin được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị điều khiển từ xa (radio và hồng ngoại) được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất camera và thiết bị phát thanh khác được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị thu thanh như thiết bị tái sản xuất, ăngten thu phát, video thương mại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất chương trình trò chơi điện tử với các phần mềm cố định được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

265: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm: Sản xuất các hệ thống và thiết bị kiểm tra, định hướng, điều khiển dùng cho các mục đích chuyên ngành hay không chuyên ngành khác nhau; bao gồm các thiết bị đo thời gian như đồng hồ để bàn, treo tường và các thiết bị liên quan.

2651 - 26510: Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển

Nhóm này gồm:

Sản xuất các hệ thống và thiết bị tìm kiếm, thăm dò, định hướng, thiết bị dùng trong hàng không, hàng hải; các máy điều khiển và điều chỉnh ứng dụng tự động, như lò, điều hoà, tủ lạnh và các thiết bị khác; các dụng cụ thiết bị đo lường, hiển thị, thu thanh, truyền tải và kiểm soát các thông số hoạt động công nghiệp như nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, độ bụi, độ cháy, dòng chảy, cấp độ, độ dính, mật độ, độ axit, độ tập trung, sự luân phiên; đo tổng số (như côngtơ), dụng cụ đo độ cháy và tính toán; dụng cụ đo và kiểm tra các tính chất điện năng và dấu hiệu điện tử; hệ thống dụng cụ và dụng cụ phân tích thí nghiệm thành phần hoá học và vật lý hay độ đông đặc các mẫu vật liệu rắn, lỏng, khí và tổng hợp; máy đồng hồ và thời gian, công cụ kiểm tra và đo lường khác và các bộ phận của nó.

Cụ thể:

- Sản xuất động cơ máy bay;

- Sản xuất thiết bị kiểm tra mức khí thải tự động;

- Sản xuất thiết bị khí tượng;

- Sản xuất thiết bị kiểm tra đặc tính vật lý;

- Sản xuất máy ghi tim vật lý;

- Sản xuất thiết bị đo lường điện năng và dấu hiệu điện tử (bao gồm cả viễn thông);

- Sản xuất dụng cụ phát hiện phóng xạ và dụng cụ chỉ huy;

- Sản xuất thiết bị cho điều tra;

- Sản xuất nhiệt kế lỏng trong kính và loại lưỡng kim (trừ y tế);

- Sản xuất máy đo độ ẩm;

- Sản xuất thiết bị kiểm soát giới hạn thuỷ lực;

- Sản xuất thiết bị kiểm soát lửa và nhiệt;

- Sản xuất quang phổ kế;

- Sản xuất máy đo khí;

- Sản xuất công tơ đo lượng tiêu dùng (như nước, gas);

- Sản xuất máy đo dòng chảy và thiết bị đếm;

- Sản xuất máy đếm;

- Sản xuất máy dò quặng, máy đo độ rung, máy dò tìm kim loại;

- Sản xuất thu thanh máy bay, kiểm tra, đo lường, định hướng, thiết bị hàng không, hàng hải, bao gồm phao âm;

- Sản xuất thiết bị GPS;

- Sản xuất thiết bị kiểm soát môi trường và điều khiển tự động;

- Sản xuất thiết bị đo lường và ghi (ví dụ đo ánh sáng);

- Sản xuất máy giám sát hành động;

- Sản xuất dụng cụ phân tích thí nghiệm (ví dụ thiết bị phân tích mẫu máu);

- Sản xuất thiết bị chưng cất trong phòng thí nghiệm, máy li tâm, máy siêu âm;

- Sản xuất thiết bị cân, đo, lông ấp dùng trong phòng thí nghiệm;

- Sản xuất các thiết bị đo lường khác như máy dò phóng xạ, máy dò tìm, đo độ ẩm, đo khí tượng.

Loại trừ:

- Sản xuất máy trả lời điện thoại được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị kiểm tra y tế được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất thiết bị định vị quang học được phân vào nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học);

- Sản xuất máy ghi điều lọc được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));

- Sản xuất thiết bị đo lường cơ khí đơn giản (băng, compa...) phân theo các vật liệu chính được sử dụng;

- Lắp đặt thiết bị kiểm soát các quá trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 33200 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

2652 - 26520: Sản xuất đồng hồ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các loại đồng hồ đeo tay, treo tường, bao gồm đồng hồ dạng tấm;

- Sản xuất hộp đựng đồng hồ treo tường và đeo tay, bao gồm cả hộp bằng kim loại quý;

- Sản xuất thiết bị ghi thời gian và thiết bị đo lường, hoặc hiển thị khoảng cách thời gian có kim đồng hồ hoặc có mô tơ đồng bộ như:

+ Máy đo thời gian dừng nghỉ,

+ Đồng hồ,

+ Dấu đóng ngày/giờ,

+ Máy đo quá trình.

- Sản xuất máy chuyển đổi thời gian và các máy ngắt khác có gắn kim đồng hồ hoặc mô tơ đồng bộ như: Khoá hẹn giờ;

- Sản xuất các linh kiện cho đồng hồ treo tường và đeo tay như:

+ Kim đồng hồ các loại,

+ Lò xo, mặt đồng hồ, đĩa, cầu và các bộ phận khác của đồng hồ,

+ Vỏ bọc đồng hồ bằng mọi chất liệu.

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (bằng vải, da, nhựa) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi sách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ bằng kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đồng hồ bằng kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

266 - 2660 - 26600: Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp

Nhóm này gồm:

Sản xuất máy móc cơ điện học, điện liệu pháp như thiết bị cộng hưởng từ tính, thiết bị siêu âm y tế, thiết bị trợ thính, máy ghi điện tim, thiết bị nội soi cơ điện học, sản xuất máy bức xạ và ống ứng dụng, như chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, đánh giá công nghiệp, nghiên cứu và khoa học. Bức xạ có thể dưới dạng tia bêta, tia gama, tia X, và các bức xạ ion khác.

Cụ thể:

- Sản xuất máy và ống bức xạ (ví dụ công nghiệp, chuẩn đoán y tế, chữa bệnh y tế, nghiên cứu, khoa học);

- Sản xuất thiết bị tia X;

- Sản xuất máy quét CT;

- Sản xuất máy quét PET;

- Sản xuất thiết bị MRI;

- Sản xuất thiết bị laser y tế;

- Sản xuất thiết bị nội soi y tế;

- Sản xuất thiết bị bức xạ kiểm tra, diệt khuẩn thức ăn và sữa.

Loại trừ: Sản xuất giường thuộc da, được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

267 - 2670 - 26700: Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ và thấu kính quang học, như ống nhòm, kính hiển vi (trừ electron, proton), kính thiên văn, kính lăng trụ, thấu kính; thấu kính phủ ngoài hoặc đánh bóng (trừ kính mắt); thấu kính khung (trừ kính mắt) và sản xuất thiết bị chụp ảnh như camera và máy đo ánh sáng.

Cụ thể:

- Sản xuất gương quang học;
- Sản xuất thiết bị súng ngắn quang học;
- Sản xuất thiết bị định vị quang học;
- Sản xuất dụng cụ phóng đại quang học;
- Sản xuất dụng cụ quang học chính xác;
- Sản xuất máy so mẫu quang học;
- Sản xuất camera (quang học, kỹ thuật số);
- Sản xuất máy chiếu hình ảnh động và slide;
- Sản xuất máy chiếu sử dụng đèn;
- Sản xuất dụng cụ đo lường quang học và kiểm tra (thiết bị điều khiển cháy, máy đo ánh sáng nhiếp ảnh, tìm tầm ngắm);
- Sản xuất thấu kính, siêu âm quang học, ống nhòm, kính thiên văn;
- Sản xuất thiết bị laser.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chiếu dùng cho vi tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất TV thương mại và video camera được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);
- Sản xuất video camera dùng cho gia đình được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);
- Sản xuất các thiết bị hoàn thiện sử dụng các cấu kiện laser được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);
- Sản xuất máy photocopy được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất hàng hoá thiết bị chữa mắt được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

268 - 2680 - 26800: Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị truyền thông thu âm quang học và từ tính, như băng video và casset từ tính trắng, đĩa trắng, đĩa quang học trắng và thiết bị truyền thông tốc độ cao...

Loại trừ: Tái sản xuất thiết bị thu thanh (truyền thông kỹ thuật số, âm thanh, video...) được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại).

27: SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN

Ngành này gồm: Sản xuất các sản phẩm sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng điện. Ngành này cũng gồm sản xuất đèn điện, thiết bị phát tín hiệu và các thiết bị điện gia đình.

Loại trừ: Sản xuất sản phẩm điện tử được phân vào ngành 26 (Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học).

271 - 2710: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy biến thế điện, phân phối và các máy biến thế chuyên dùng; máy phát điện, tập trung; bộ chuyển mạch và tổng đài; rơle và điều khiển công nghiệp. Thiết bị điện trong nhóm này phân theo mức độ điện trở.

Loại trừ:

- Sản xuất máy chuyển và biến đổi loại điện được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất dụng cụ điều khiển môi trường và thiết bị kiểm soát các quy trình công nghiệp, được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất bộ chuyển mạch điện, như nút bấm, khoá chuyển được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất máy đổi điện, chuyển dòng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất bộ phát điện tubin được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất máy khởi động và máy phát điện cho cơ khí cháy nội sinh được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

27101: Sản xuất mô tơ, máy phát

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy biến đổi phân phối điện;

- Sản xuất máy chuyển đổi hàn bằng một cung lửa điện;

- Sản xuất đá balat huỳnh quang (như máy biến thế);

- Sản xuất máy phát điện (trừ máy khởi động đốt cháy nội sinh);

- Sản xuất máy phát điện (trừ máy dao điện nạp pin cho máy đốt cháy nội sinh);

- Sản xuất bộ phát điện (trừ các bộ phát điện tubin).

27102: Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy chuyển đổi phụ, phân phối năng lượng điện;

- Sản xuất máy điều chỉnh truyền và phân phối điện;

- Sản xuất bảng kiểm soát phân phối điện;

- Sản xuất máy tách mạch điện, năng lượng;

- Sản xuất bảng điều khiển, phân phối năng lượng điện;

- Sản xuất ống dẫn cho máy tổng đài điện cơ;

- Sản xuất cầu chì, điện;

- Sản xuất thiết bị chuyển năng lượng;

- Sản xuất bộ chuyển, năng lượng điện (trừ nút bấm, khoá, sôlênôit (cuộn dây kim loại trở nên có từ tính khi có dòng điện đi qua cuộn dây đó), lẫy khoá);

- Sản xuất bộ phát điện chuyển căn bản;

- Cuộn lại lõi trong các nhà máy.

272 - 2720 - 27200: Sản xuất pin và ắc quy

Nhóm này gồm: Sản xuất pin xạc lại được và pin không xạc lại được.

Cụ thể:

- Sản xuất pin và ắc quy: Pin có dioxit mangan, dioxit thuỷ ngân, ôxit bạc...

- Sản xuất ắc quy điện, bao gồm các phần như: Tấm ngăn, bình ắc quy, vỏ bọc;

- Sản xuất ắc quy axit chì;

- Sản xuất ắc quy nitrat camium;

- Sản xuất ắc quy NiMH;

- Sản xuất ắc quy Lithi;

- Sản xuất ắc quy khô;

- Sản xuất ắc quy nước.

273: Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện và thiết bị dây dẫn không mang điện cho mạch điện dẫn bằng mọi chất liệu.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất dây cách điện và sợi cáp quang học.

2731 - 27310: Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học

Nhóm này gồm: Sản xuất sợi cáp quang truyền số liệu hoặc truyền hình ảnh động.

Loại trừ:

- Sản xuất sợi thuỷ tinh được phân vào nhóm 23103 (Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh);

- Sản xuất bộ sợi cáp quang có thiết bị nối hoặc có gắn các bộ phận, tuỳ thuộc vào ứng dụng được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử).

2732 - 27320: Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác

Nhóm này gồm: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.

Loại trừ:

- Sản xuất (kéo) dây được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang), 24202 (Sản xuất kim loại màu);

- Sản xuất cáp máy tính, cáp máy in, cáp USB, và các hệ thống cáp tương tự được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất bộ dây cáp, vỏ bọc dây điện và các bộ dây cáp tương tự hoặc các linh kiện dùng trong các ứng dụng tự động được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác).

2733 - 27330: Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện bằng bất cứ vật liệu nào,

Cụ thể:

- Sản xuất thanh ray xe buýt, dây dẫn điện (trừ loại mạch chuyển);

- Sản xuất GFCI (ngắt mạch rò ngầm);

- Sản xuất kẹp đèn;

- Sản xuất cột và cuộn chống sét;

- Sản xuất bộ phận ngắt mạch cho dây dẫn điện (các công tắc ứng suất, nút bấm, lẫy khoá);

- Sản xuất ổ cắm, dây dẫn điện;

- Sản xuất hộp đựng dây điện (ví dụ mối nối, công tắc);

- Sản xuất cáp, máy móc, điện;

- Sản xuất thiết bị nối và dẫn;

- Sản xuất cực chuyển giao và mạch nối phần cứng;

- Sản xuất thiết bị dây dẫn không mang điện bằng nhựa bao gồm cáp điện nhựa, hộp đựng mối nối hai mạch điện bằng nhựa, bàn rà, máy nối cực bằng nhựa và các thiết bị tương tự.

Loại trừ:

- Sản xuất cách điện bằng thuỷ tinh và gốm được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm, sứ khác);

- Sản xuất linh kiện nối điện, đui đèn, công tắc được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử).

274 - 2740 - 27400: Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

Nhóm này gồm:

Sản xuất đèn tròn hoặc đèn ống, các bộ phận hoặc linh kiện (trừ những chỗ thuỷ tinh rỗng của đèn ống); các vật điện chiếu sáng (trừ xe điện); thiết bị chiếu sáng không dùng điện; chụp đèn (trừ loại bằng thuỷ tinh và nhựa); linh kiện các vật chiếu sáng (trừ dây dẫn mang điện). Sản xuất thiết bị chiếu sáng không dùng điện cũng thuộc nhóm này.

Cụ thể:

- Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại,... đèn, thiết bị phụ và bóng đèn;

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng treo cố định trên trần nhà;

- Sản xuất đèn treo nhiều ngọn;

- Sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định);

- Sản xuất thiết bị chăng đèn trên cây Nôel;

- Sản xuất lò sưởi điện;

- Sản xuất đèn flash;

- Sản xuất đèn điện diệt côn trùng;

- Sản xuất đèn lồng (cacbua, điện, gas, dầu lửa);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho các phương tiện giao thông (trừ xe cộ);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cố định trên đường phố (trừ đèn giao thông);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe cộ (ví dụ cho xe máy, máy bay, tàu thuỷ).

Loại trừ:

- Sản xuất đồ thuỷ tinh và bộ phận bằng thủy tinh dùng cho đồ chiếu sáng được phân vào nhóm 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh);

- Sản xuất thiết bị dây dẫn mang điện dùng cho đồ chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất quạt trần hoặc quạt phòng tắm có gắn thiết bị chiếu sáng cố định được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị dấu hiệu bằng điện như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu cho người đi trên đường được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác).

275 - 2750 - 27500: Sản xuất đồ điện dân dụng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện nhỏ và đồ gia dụng bằng điện, máy hút bụi dùng trong gia đình, quạt gia dụng, máy giặt gia dụng, máy lau sàn điện gia dụng, thiết bị là, thiết bị nấu ăn gia dụng, tủ lạnh gia dụng, tủ ướp lạnh, các thiết bị gia dụng chính bằng điện hoặc không bằng điện, như máy rửa bát, bình đun nước, máy nghiền rác. Nhóm này bao gồm các thiết bị có điện, gas hoặc các nguồn năng lượng khác.

Cụ thể:

- Sản xuất các thiết bị điện gia dụng như: Tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy rửa bát, máy giặt và sấy khô, máy hút bụi, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện, và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió;

- Sản xuất các thiết bị gia dụng nhiệt điện như: Máy đun nước bằng điện, chăn điện, máy sấy, lược, bàn chải, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở,...

- Sản xuất thiết bị nấu và làm nóng gia dụng không dùng điện như:

+ Máy sưởi không dùng điện, vỉ nướng, lò, ấm đun nước, thiết bị nấu ăn, sấy bát.

Loại trừ:

- Sản xuất tủ lạnh và máy ướp lạnh dùng cho thương mại và công nghiệp, điều hoà nhiệt độ phòng, quạt treo, lò sưởi vĩnh cửu, quạt thông hơi, hút gió, đồ đun nấu, máy giặt thương mại, giặt khô, máy hút bụi thương mại công nghiệp và trong công sở được phân vào ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy khâu gia dụng được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Lắp đặt hệ thống máy hút bụi trung tâm được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

279 - 2790 - 27900: Sản xuất thiết bị điện khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng.

Cụ thể:

- Sản xuất sạc ăcquy ở trạng thái rắn;

- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;

- Sản xuất chuông điện;

- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện;

- Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa);

- Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục;

- Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS);

- Sản xuất máy triệt sự tràn;

- Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;

- Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác;

- Sản xuất máy thực hành gia tốc;

- Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;

- Sản xuất súng cầm tay hàn sắt;

- Sản xuất nam châm điện;

- Sản xuất còi báo động;

- Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử;

- Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành;

- Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thuỷ tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản;

- Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong;

- Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.

Loại trừ:

- Sản xuất vật cách điện bằng sứ được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);

- Sản xuất sợi và các sản phẩm cácbon hoặc graphit được phân vào nhóm 23990 (Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy chỉnh lưu loại linh kiện điện, mạch điện chỉnh điện áp, mạch điện đổi năng lượng, tụ điện, điện trở, và các thiết bị khác được phân vào nhóm 26100 (Sản xuất linh kiện điện tử);

- Sản xuất máy biến thế, môtơ, công tắc, rơle, điều khiển công nghiệp được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất ăcquy được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);

- Sản xuất dây truyền thông và truyền tải năng lượng, thiết bị dây dẫn mang điện và không mang điện được phân vào nhóm 27330 (Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị chiếu sáng);

- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất miếng đệm cácbon và graphit được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất thiết bị điện dùng cho mô tô như máy phát, máy biến thế, ổ cắm, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào bằng điện, máy điều chỉnh điện thế được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất các thiết bị báo hiệu cơ khí hay điện cơ, các thiết bị kiểm soát giao thông và an toàn cho đường sắt, tàu điện, thuyền bè, đường bộ, thiết bị dừng đỗ, sân bay được phân vào nhóm 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe).

28: SẢN XUẤT MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐÂU

Ngành này gồm: Sản xuất máy móc và thiết bị hoạt động độc lập với nguyên liệu về mặt cơ khí hoặc nhiệt hoặc thực hiện các tác động lên nguyên liệu (như cân và đóng gói), bao gồm các linh kiện cơ khí mà sản sinh và ứng dụng lực và bất kỳ linh kiện ban đầu nào được sản xuất, các thiết bị cố định, di động hoặc cầm tay, không kể chúng được thiết kế cho công nghiệp, xây dựng, kỹ thuật dân dụng, nông nghiệp hoặc gia dụng. Sản xuất các thiết bị đặc biệt cho vận tải hành khách và hàng hoá trong phạm vi liên quan cũng thuộc ngành này.

Ngành này cũng gồm:

- Sản xuất các máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu trong hệ thống ngành cho dù có được dùng trong các quá trình sản xuất hay không, như thiết bị gây cười trong các hội chợ, thiết bị dành cho trò chơi bowling...

- Sản xuất các sản phẩm kim loại sử dụng chung (Ngành 25), thiết bị liên quan đến điều khiển, thiết bị máy tính, thiết bị đo lường và kiểm tra, phân phối điện và máy móc điều khiển (Ngành 26 và 27) và xe có động cơ dùng cho mục đích chung (Ngành 29 và 30).

281: Sản xuất máy thông dụng

Nhóm này gồm: Sản xuất máy dùng cho mục đích chung, tức là máy được sử dụng trong nhiều ngành của VSIC. Nó có thể bao gồm sản xuất các cấu kiện sử dụng trong sản xuất nhiều máy khác hoặc sản xuất các máy móc hỗ trợ cho hoạt động của các ngành khác.

2811 - 28110: Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy pít tông đốt trong và các bộ phận tương tự, trừ môtô, máy bay và máy đẩy như:

+ Động cơ thuỷ lực,

+ Động cơ đường sắt.

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông, bộ chế hoà khí và chế hoà khí dùng cho các loại động cơ đốt trong, động cơ diesel;

- Sản xuất van đóng mở của động cơ đốt trong;

- Sản xuất tuabin và các bộ phận của:

+ Tuabin hơi nước và tuabin hơi khác,

+ Tuabin hyđro, bánh xe nước, máy điều chỉnh,

+ Tuabin gió,

+ Tuabin gas, trừ động cơ phản lực và động cơ chân vịt cho động cơ đẩy của máy bay,

+ Sản xuất bộ tuabin nồi hơi,

+ Sản xuất bộ máy phát tuabin.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ máy phát điện được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất bộ máy phát chuyển động chính (trừ bộ phát điện tua bin) được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất thiết bị điện và linh kiện động cơ đốt trong được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất hoặc động cơ đẩy tuần hoàn của môtô, máy bay được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác), 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan), 30910 (Sản xuất mô tô, xe máy);

- Sản xuất động cơ phản lực và động cơ chân vịt được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan).

2812 - 28120: Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất cấu kiện thuỷ lực và hơi nước (bao gồm bơm thuỷ lực, động cơ thuỷ lực, xi lanh thuỷ lực, van thuỷ lực và hơi nước, vòi và bộ phận lắp nối thuỷ lực và hơi nước);

- Sản xuất thiết bị chuẩn bị bay cho việc sử dụng hệ thống hơi;

- Sản xuất hệ thống năng lượng dễ cháy;

- Sản xuất thiết bị truyền hyđrô.

Loại trừ:

- Sản xuất máy nén được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);

- Sản xuất máy bơm và van cho ứng dụng không có hyđro được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);

- Sản xuất thiết bị truyền tải cơ khí được phân vào nhóm 28140 (Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động).

2813 - 28130: Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác;

- Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo;

- Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông;

- Sản xuất vòi và van vệ sinh;

- Sản xuất vòi và van làm nóng;

- Sản xuất máy bơm tay.

Loại trừ:

- Sản xuất van cao su lưu hoá, thuỷ tinh hoặc thiết bị gốm được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su), 2310 (Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh) hoặc 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác);

- Sản xuất thiết bị chuyển hyđro được phân vào nhóm 28120 (Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu);

- Sản xuất van hút cho động cơ đốt trong được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

2814 - 28140: Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động

Nhóm này gồm:

- Sản xuất bi rời, ổ bi, vòng bi tròn và các chi tiết khác;

- Sản xuất thiết bị truyền tải năng lượng cơ khí như:

+ Truyền trục và quay: trục cam, tay quay, lắc quay tay...

+ Trục phẳng, bánh răng chuyển động ma sát.

- Sản xuất bánh răng, hệ thống bánh răng và hộp số, các hộp thay đổi tốc độ khác;

- Sản xuất khớp ly hợp và trục nối;

- Sản xuất bánh đà và ròng rọc;

- Sản xuất dây xích có khớp nối;

- Sản xuất dây xích chuyển động bằng năng lượng.

Loại trừ:

- Sản xuất các dây xích khác được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất khớp ly hợp (điện từ) được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất dây chuyền phụ trợ cho thiết bị chuyển động năng lượng như các bộ phận của động cơ hoặc máy bay được phân vào ngành 29 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác) và ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác).

2815 - 28150: Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung

Nhóm này gồm:

- Sản xuất lò hấp, lò luyện điện, công nghiệp và thí nghiệm, bao gồm lò đốt, lò thiêu;

- Sản xuất lò nấu;

- Sản xuất bếp lò điện cố định, bếp lò bể bơi điện, thiết bị bếp lò gia dụng không dùng điện, như năng lượng mặt trời, hơi, dầu và các lò và thiết bị bếp lò tương tự;

- Sản xuất lò điện gia dụng (lò điện xục khí, máy bơm đốt nóng...), bếp lò xục khí không dùng điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất thiết bị máy cơ khí đốt lò, lò sưởi, máy phóng điện...

Loại trừ:

- Sản xuất lò gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất máy sấy nông nghiệp được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất lò nướng bánh được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và bìa cứng được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất thiết bị y tế, mổ hoặc khử trùng và thí nghiệm được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);

- Lò thí nghiệm (nha khoa) được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

2816 - 28160: Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy móc nâng, bốc dỡ, vận chuyển hoạt động bằng tay hoặc bằng năng lượng như:

+ Puli ròng rọc, cần trục, tời,

+ Cần trục, cần trục to, khung nâng di động...

+ Xe đẩy, có hoặc không có máy nâng hoặc thiết bị cầm tay, có hoặc không có bộ phận tự hành, loại được sử dụng trong các nhà máy,

+ Tay máy và người máy công nghiệp được thiết kế đặc biệt cho việc nâng, bốc dỡ.

- Sản xuất băng tải...

- Sản xuất máy nâng, cầu thang tự động và chuyển bằng cầu thang bộ;

- Sản xuất các bộ phận đặc biệt cho các thiết bị nâng và vận chuyển.

Loại trừ:

- Sản xuất thang máy hoạt động liên tục và băng tải cho tầng ngầm được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất xẻng máy, máy đào được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất người máy công nghiệp cho nhiều mục đích được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất cần trục nổi, cần trục tàu hoả, tải trục được phân vào nhóm 30110 (Đóng tàu và cấu kiện nổi), 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe);

- Lắp đặt máy nâng và thang máy được phân vào nhóm 43290 (Lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

2817 - 28170: Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy tính cơ;

- Sản xuất máy cộng, thu ngân;

- Sản xuất máy tính điện tử hoặc không dùng điện tử;

- Sản xuất dụng cụ cân bưu phí, máy phục vụ bưu điện (dán phong bì, máy dán và in địa chỉ; mở, phân loại), các máy phụ trợ;

- Sản xuất máy dán nhãn;

- Sản xuất máy chữ;

- Sản xuất máy tốc ký;

- Sản xuất thiết bị đóng sách (như đóng nhựa hoặc đóng băng), loại văn phòng;

- Sản xuất máy viết séc;

- Sản xuất máy đếm xu và đóng gói xu;

- Sản xuất gọt bút chì;

- Sản xuất dập ghim và nhổ ghim dập;

- Sản xuất máy in phiếu bầu cử;

- Sản xuất máy dùi;

- Sản xuất máy bán hàng tự động, hoạt động máy móc;

- Sản xuất máy đếm tiền;

- Sản xuất máy photocopy;

- Sản xuất đầu máy quay đĩa;

- Sản xuất bảng đen, bảng trắng và bảng ghi;

- Sản xuất máy ghi điều lọc.

Loại trừ: Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính được phân vào nhóm 26200 (Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính).

2818 - 28180: Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ cầm tay có mô tơ điện hoặc không dùng điện hoặc chạy nước như:

+ Cưa tròn hoặc cưa thẳng,

+ Máy khoan hoặc khoan búa,

+ Máy đánh bóng dùng điện cầm tay,

+ Máy đóng đinh thuỷ lực,

+ Tầng đệm,

+ Máy bào ngang,

+ Máy mài,

+ Máy dập,

+ Súng tán đinh thuỷ lực,

+ Máy bào đứng,

+ Máy xén,

+ Máy vặn,

+ Máy đóng đinh dùng điện.

2819 - 28190: Sản xuất máy thông dụng khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu;

- Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô;

- Sản xuất quạt không dùng cho gia đình;

- Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như: cân hành lý, cân khác...

- Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng;

- Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi...

- Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn...

- Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống;

- Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống...

- Sản xuất máy chuyển nhiệt;

- Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas;

- Sản xuất máy cung cấp gas;

- Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thuỷ tinh);

- Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo);

- Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó;

- Sản xuất máy bán hàng tự động;

- Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung;

- Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái);

- Sản xuất dụng cụ đo, máy cầm tay tương tự, dụng cụ cơ khí chính xác (trừ quang học);

- Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.

Loại trừ:

- Sản xuất cân nhạy cảm dùng trong phòng thí nghiệm được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất tủ lạnh hoặc tủ đá gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất quạt gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất thiết bị hàn điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất máy phun nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất máy cuộn thuỷ tinh hoặc kim loại và các thiết bị của chúng được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim), 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác);

- Sản xuất máy làm khô trong nông nghiệp, máy tinh luyện thực phẩm được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất máy tách kem được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất máy làm khô quần áo thương mại được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da);

- Sản xuất máy in dệt được phân vào nhóm 28260 (Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da).

282: Sản xuất máy chuyên dụng

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy móc chuyên dụng, tức là máy chuyên dùng trong các ngành lớn hoặc một nhóm nhỏ trong các ngành của hệ thống ngành kinh tế. Mặc dù hầu hết các máy này được sử dụng trong các quá trình sản xuất khác như chế biến thực phẩm hay sản xuất hàng dệt, nhóm này cũng bao gồm sản xuất máy chuyên biệt cho các ngành khác (không phải là ngành chế biến, chế tạo), như sản xuất thiết bị hộp số hạ cánh cho máy bay, hay sản xuất thiết bị gây cười ở các công viên.

2821 - 28210: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy kéo dùng cho nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Sản xuất máy kéo bộ (điều khiển bộ);

- Sản xuất máy gặt, máy xén cỏ;

- Sản xuất xe moóc nông nghiệp tự bốc dỡ hoặc bán moóc;

- Sản xuất máy nông nghiệp dùng để phục vụ gieo trồng hoặc keo dính kết như: Máy cày, máy rắc phân, hạt, bừa...

- Sản xuất máy gặt hoặc máy đập như: Máy gặt, máy đập, máy sàng...

- Sản xuất máy vắt sữa;

- Sản xuất máy phun cho nông nghiệp;

- Sản xuất máy đa năng trong nông nghiệp như: Máy giữ gia cầm, máy giữ ong, thiết bị cho chuẩn bị cỏ khô... Sản xuất máy cho việc làm sạch, phân loại trứng, hoa quả...

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ cầm tay nông nghiệp không vận hành bằng điện được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất xe tải cho trang trại được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);

- Sản xuất dụng cụ cầm tay vận hành bằng năng lượng được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);

- Sản xuất máy tách kem được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất máy làm sạch, phân loại hạt, thóc hoặc phơi rau đậu được phân vào nhóm 28250 (Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá);

- Sản xuất xe tải đường bộ cho xe bán moóc được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe moóc đường bộ hoặc sơmi moóc được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc).

2822 - 28220: Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thiết bị, máy móc chế biến kim loại và vật liệu khác (gỗ, xương, đá, cao su cứng, nhựa cứng, thuỷ tinh lạnh...), bao gồm các máy sử dụng một con lắc lazer, sóng siêu âm, thể plasma, xung điện nam châm...

- Sản xuất máy quay, cán, khoan, định dạng, nghiền...

- Sản xuất dụng cụ dán tem hoặc máy nén;

- Sản xuất máy dùi, máy ép bằng sức nước, máy ngăn nước, búa, máy lâm nghiệp...

- Sản xuất ống cuộn chỉ hoặc máy móc cho làm dây;

- Sản xuất máy cho việc đóng, dập, dán hoặc cho những lắp ráp khác của gỗ, tre, xương, cao su cứng hoặc nhựa...

- Sản xuất búa đập quay, cưa xích, mạt giũa, máy tán đinh, máy cắt kim loại...

- Máy đóng tấm ván ghép từng mảnh con và tương tự;

- Sản xuất máy mạ điện.

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất bộ phận và linh kiện cho công cụ máy móc được đề cập đến ở trên như: Làm vòng kẹp, đầu chì và các phụ tùng đặc biệt khác cho dụng cụ máy.

Loại trừ:

- Sản xuất dụng cụ hoán đổi cho dụng cụ cầm tay hoặc dụng cụ máy móc (khoan, máy dùi, cắt, xay, dụng cụ quay, lưỡi cưa, dao cắt...) được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất máy cầm tay hàn sắt điện hoặc súng điện được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất dụng cụ cầm tay được phân vào nhóm 28180 (Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén);

- Sản xuất máy sử dụng trong cán kim loại được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim);

- Sản xuất máy khai thác quặng được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng).

2823 - 28230: Sản xuất máy luyện kim

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy và thiết bị vận chuyển kim loại nóng;

- Lò chuyển, đúc thỏi;

- Sản xuất máy nghiền cuộn kim loại.

Loại trừ:

- Sản xuất ghế kéo được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);

- Sản xuất hộp đúc và đúc (trừ đúc thỏi) được phân vào nhóm 25930 (Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng);

- Sản xuất máy cho đúc tạo hình được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

2824 - 28240: Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thang máy và băng tải sử dụng dưới đất;

- Sản xuất máy khoan, cắt, thụt, đào (có hoặc không sử dụng dưới lòng đất);

- Sản xuất máy xử lý khoáng chất bằng việc soi, phân loại, rửa, nghiền...

- Sản xuất máy trộn bê tông và vữa;

- Sản xuất máy địa chất như: máy ủi đất, ủi đất góc, san đất, cào, xúc,...

- Sản xuất máy đóng, máy ép cọc, máy trải vữa, trải nhựa đường, máy rải bê tông...

- Sản xuất máy kéo đặt đường ray và máy kéo được sử dụng trong xây dựng hoặc khai thác;

- Sản xuất lưỡi máy ủi hoặc lưỡi máy ủi đất góc;

- Sản xuất xe đẩy.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị nâng và thiết bị điều khiển được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);

- Sản xuất máy kéo khác được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp), 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất dụng cụ máy cho làm đá, bao gồm máy cho chẻ đá hoặc làm sạch đá được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);

- Sản xuất xe tải trộn bê tông được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác).

2825 - 28250: Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy sấy khô trong nông nghiệp;

- Sản xuất máy cho công nghiệp sản xuất bơ sữa như:

+ Máy tách kem,

+ Máy chế biến sữa (làm tinh khiết),

+ Máy biến đổi sữa (trộn bơ, làm bơ và đóng khuôn),

+ Máy làm phomat (làm thuần khiết, đúc khuôn, đóng)...

- Sản xuất máy dùng trong công nghiệp nghiền hạt như:

+ Máy làm sạch, phân loại hạt, hoặc rau đậu khô (máy quạt, dần, tách, ...),

+ Máy sản xuất bột và bột xay thô... (xay hạt, rây, làm sạch cám, tách vỏ).

- Sản xuất máy nghiền... được sử dụng để làm rượu, nước hoa quả...

- Sản xuất máy cho công nghiệp làm bánh hoặc làm mì ống hoặc các sản phẩm tương tự;

- Lò bánh, trộn bột nhão, máy chia bột, máy thái, máy làm bánh...

- Sản xuất máy móc và thiết bị cho chế biến thức ăn khác nhau như:

+ Máy làm bánh, kẹo, coca hoặc sôcôla; máy dùng để sản xuất đường, bia, chế biến thịt và gia cầm, máy dùng để chuẩn bị rau, lạc hoặc quả; chuẩn bị cá, cua hoặc hải sản khác,

+ Máy cho việc lọc và tinh chế,

+ Máy khác cho công nghiệp sơ chế và sản xuất thức ăn và đồ uống.

- Sản xuất máy cho việc sơ chế hoặc chiết xuất mỡ động vật hoặc dầu thực vật;

- Sản xuất máy cho sơ chế thuốc lá và làm xì gà hoặc thuốc lá, thuốc ống hoặc thuốc nhai;

- Sản xuất máy cho sơ chế thức ăn trong khách sạn và nhà hàng.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị tiệt trùng thức ăn và sữa được phân vào nhóm 26600 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp);

- Sản xuất máy đóng gói, bọc và cân được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất máy làm sạch, phân loại hoặc nghiền trứng, quả hoặc các nông sản khác (trừ hạt, thóc, rau đậu khô) được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp).

2826 - 28260: Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy dệt như:

+ Máy cho sơ chế, sản xuất, vẽ, dệt hoặc cắt vải nhân tạo, nguyên liệu hoặc sợi,

+ Sản xuất máy cho việc sơ chế sợi dệt: Quay tơ, quấn chỉ và các máy có liên quan...

+ Máy dệt, bao gồm cả dệt tay,

+ Máy đan len,

+ Máy cho làm lưới, vải tuyn, ren, dải viền...

- Sản xuất máy phụ trợ hoặc thiết bị của máy dệt như: Máy dệt vải hoa, máy ngừng tự động, máy thay đổi con suốt, trục quay và bánh đà trục quay...

- Sản xuất máy dệt in;

- Sản xuất máy để chế biến sợi như: Tẩy trắng, nhuộm, hồ, hoàn thiện, ngâm sợi dệt; máy cuộn tơ, tháo, gập, cắt hoặc trang trí sợi dệt;

- Sản xuất máy giặt, là như: Bàn là..., máy giặt và máy sấy, máy giặt khô;

- Sản xuất máy khâu, đầu máy khâu và kim máy khâu (cho gia dụng hoặc không cho gia dụng);

- Sản xuất máy sản xuất hoặc hoàn thiện vải nỉ hoặc không pha len;

- Sản xuất máy thuộc da như: Máy sơ chế, thuộc hoặc làm da, máy làm giày hoặc sửa giày hoặc các chi tiết khác của da, da thuộc hoặc da lông thú.

Loại trừ:

- Sản xuất giấy hoặc giấy bìa sử dụng cho máy dệt vải hoa được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất máy giặt và máy sấy gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất bàn là loại cán láng được phân vào nhóm 28190 (Sản xuất máy thông dụng khác);

- Sản xuất máy sử dụng đóng sách được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

2829: Sản xuất máy chuyên dụng khác

Nhóm này gồm: Sản xuất các máy sử dụng đặc biệt chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị gia dụng được phân vào nhóm 27500 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

- Sản xuất máy phôtô được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));

- Sản xuất máy móc và thiết bị làm cao su cứng, nhựa cứng và thuỷ tinh lạnh được phân vào nhóm 28220 (Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại);

- Sản xuất khuôn thỏi được phân vào nhóm 28230 (Sản xuất máy luyện kim).

28291: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng

Nhóm này gồm: Sản xuất máy làm ngói, gạch lát nền hoặc tường, bột làm đồ gốm, sứ; chất tổng hợp, ống dẫn, điện cực than chì,,...

28299: Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy làm bột giấy;

- Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa;

- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa;

- Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa;

- Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy đắp lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt;

- Sản xuất máy in, máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác;

- Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn;

- Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau;

- Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như:

+ Sản xuất máy để lắp đèn điện, ống (van) hoặc bóng đèn,

+ Sản xuất máy cho sản xuất hoặc các công việc làm nóng thuỷ tinh, sợi thuỷ tinh,

+ Sản xuất máy móc cho việc tách chất đồng vị.

- Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe; thiết bị cân bằng khác;

- Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm;

- Sản xuất thiết bị hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay vận tải và thiết bị liên quan;

- Sản xuất giường thuộc da;

- Sản xuất thiết bị phát bóng tự động (Ví dụ thiết bị đặt pin);

- Sản xuất thiết bị tập bắn, bơi lội và các thiết bị giải trí khác.

29: SẢN XUẤT Ô TÔ VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất xe có động cơ dùng để vận chuyển người và hàng hoá. Sản xuất các thiết bị và phụ tùng khác nhau, cũng như sản xuất xe moóc và bán rơ moóc; các hoạt động làm thay đổi lớn cho xe có động cơ.

Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ trong nhóm này được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

291 - 2910 - 29100: Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ô tô chở khách;

- Sản xuất xe động cơ thương mại như: Xe tải, xe kéo trên đường cho xe bán rơ moóc...

- Sản xuất xe buýt, xe buýt điện và xe buýt đường dài;

- Sản xuất động cơ xe;

- Sản xuất gầm xe có động cơ;

- Sản xuất xe có động cơ khác như:

+ Xe chạy bằng máy trên tuyết và băng, xe trong sân golf, thuỷ phi cơ,

+ Động cơ chữa cháy, quét đường, thư viện lưu động, xe bọc sắt...

+ Xe vận tải trộn bê tông,

+ ATV's, xe kéo nhỏ và các xe kéo tương tự bao gồm xe đua.

Nhóm này cũng gồm: Tái sản xuất xe có động cơ.

Loại trừ:

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho mô tô, xe thô sơ được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất xe kéo nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất máy kéo sử dụng trong xây dựng và khai khoáng được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất xe tải gom rác được phân vào nhóm 28240 (Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng);

- Sản xuất thân xe có động cơ được phân vào nhóm 29200 (Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc);

- Sản xuất các thiết bị điện cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất thiết bị và linh kiện cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe tăng và xe quân sự được phân vào nhóm 30400 (Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội);

- Bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng cho xe có động cơ được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

292 - 2920 - 29200: Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc

Nhóm này gồm:

- Sản xuất thân xe, gồm cabin cho xe có động cơ;

- Trang bị bên ngoài các loại xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;

- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc như: Dùng để vận chuyển hàng hoá: tàu chở dầu, vận chuyển hành khách: rơ moóc có mui;

- Sản xuất contenơ vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải.

Loại trừ:

- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc đặc biệt sử dụng cho nông nghiệp được phân vào nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp);

- Sản xuất bộ phận và các thiết bị đi kèm thân xe cho xe có động cơ được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xe thô sơ dùng cho động vật kéo được phân vào nhóm 30990 (Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu).

293 - 2930 - 29300: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Sản xuất các bộ phận và thiết bị thay đổi cho xe có động cơ như: Phanh, hộp số, trục xe, bánh xe, hệ thống giảm sóc, bộ tản nhiệt, giảm thanh, ống xả, xúc tác, khớp ly hợp, bánh lái, cột và hộp lái;

- Sản xuất thiết bị và phụ tùng cho thân xe có động cơ như: Dây an toàn, túi không khí, cửa sổ, hãm xung;

- Sản xuất ghế ngồi trong xe;

- Sản xuất thiết bị điện cho xe có động cơ như máy phát điện, máy dao điện, phích cắm sáng, hệ thống dây đánh lửa, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào điện, lắp đặt các thiết bị đo lường vào động cơ, điều chỉnh nguồn điện...

Loại trừ:

- Sản xuất các loại xăm được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su);

- Sản xuất vòi và dây đeo bằng cao su và các sản phẩm từ cao su khác được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su) ;

- Sản xuất pin cho động cơ được phân vào nhóm 27200 (Sản xuất pin và ắc quy);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho xe có động cơ được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất máy bơm cho xe có động cơ và động cơ được phân vào nhóm 28130 (Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác);

- Bảo dưỡng, sửa chữa và thay đổi nhỏ cho xe có động cơ được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

30: SẢN XUẤT PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất thiết bị vận tải để đóng tàu và sản xuất thuyền, sản xuất đầu máy xe lửa và lăn đường ray, sản xuất tàu vũ trụ, máy bay và sản xuất các phụ tùng của chúng.

301: Đóng tàu và thuyền

Nhóm này gồm: Đóng tàu, thuyền và các cấu kiện nổi khác dùng cho vận tải và các mục đích thương mại khác cũng như cho mục đích thể thao và giải trí.

3011 - 30110: Đóng tàu và cấu kiện nổi

Nhóm này gồm: Đóng tàu, trừ tàu cho thể thao hoặc giải trí và xây dựng cấu kiện nổi.

Cụ thể:

- Đóng tàu thương mại: Tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu dắt...

- Đóng tàu chiến;

- Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá.

Nhóm này cũng gồm:

- Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí);

- Xây dựng dàn khoan, tàu nổi hoặc tàu lặn;

- Thiết lập cấu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo...

- Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cấu kiện nổi.

Loại trừ:

- Sản xuất các bộ phận cho tàu không phải bộ phận thân tàu chính như:

+ Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)),

+ Sản xuất tàu chân vịt được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),

+ Sản xuất mỏ neo thép hoặc sắt được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),

+ Sản xuất động cơ tàu thuỷ được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

- Sản xuất dụng cụ cho hải quân được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho tàu được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất động cơ cho thuỷ phi cơ được phân vào nhóm 29100 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác);

- Sản xuất xuồng hơi hoặc bè mảng cho giải trí được phân vào nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí);

- Sửa chữa đặc biệt và bảo dưỡng cho tàu và hệ thống nổi được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Lắp đặt bên trong cho thuyền được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

3012 - 30120: Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xuồng hơi và bè mảng;

- Đóng thuyền buồm có hoặc không có trợ lực;

- Đóng xuồng máy;

- Đóng tàu đệm không khí dùng cho giải trí;

- Đóng thuỷ phi cơ cá nhân;

- Đóng tàu du lịch và thuyền thể thao khác như: Thuyền bơi, ca nô, xuồng.

Loại trừ:

- Sản xuất bộ phận của tàu du lịch và tàu thể thao như:

+ Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)),

+ Sản xuất mỏ neo sắt hoặc thép được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu),

+ Sản xuất động cơ tàu thuỷ được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)),

- Sản xuất ván thuyền buồm và ván lướt sóng được phân vào nhóm 32300 (Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao),

- Bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay đổi tàu du lịch được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)).

302 - 3020 - 30200: Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đầu máy điện, đầu điêzen, hơi nước và đầu máy xe lửa khác;

- Sản xuất toa khách xe lửa hoặc xe điện tự động, xe tải và toa trần, bảo dưỡng hoặc dịch vụ;

- Sản xuất toa xe điện hoặc xe lửa nói chung, không tự động như: Toa hành khách, toa chở hàng hoá, toa thùng, toa tải hàng tự phóng điện, vòi lấy nước, toa nước...

- Sản xuất những bộ phận đặc biệt của đầu máy và toa xe lửa như: Giá chuyển hướng, trục xe và bánh xe, phanh và các bộ phận của phanh; moóc và các bộ phận nối, giảm xóc và các bộ phận giảm xóc; thùng và khung toa; thân, nối hành lang, thiết bị chiếu sáng...

Nhóm này cũng gồm:

- Sản xuất hiệu lệnh cơ khí và điện tử, thiết bị điều khiển giao thông và an toàn cho tàu hoả, tàu điện, đường bộ, đường thuỷ, các phương tiện đỗ và sân bay;

- Sản xuất đầu máy trong khai thác mỏ và các xe chạy đường ray dùng trong khai thác mỏ;

- Sản xuất chỗ ngồi tàu hoả.

Loại trừ:

- Sản xuất đường ray chưa lắp ráp được phân vào nhóm 24100 (Sản xuất sắt, thép, gang);

- Sản xuất thiết bị cố định đường ray được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu).

- Sản xuất động cơ điện được phân vào nhóm 2710 (Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện);

- Sản xuất hiệu lệnh điện tử thiết bị điều khiển giao thông và an toàn, được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất động cơ và tubin được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)).

303 - 3030 - 30300: Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất máy bay vận tải hàng hoá và hành khách, cho mục đích quốc phòng, cho thể thao và các mục đích khác;

- Sản xuất máy bay trực thăng;

- Sản xuất tàu lượn, khung diều tàu lượn;

- Sản xuất khí cầu điều khiển được và khí cầu đốt nóng không khí;

- Sản xuất các bộ phận và phụ tùng của máy bay như:

+ Linh kiện chính như thân máy bay, cánh, cửa, bề mặt điều khiển, thiết bị hạ cánh, thùng nhiên liệu, vỏ động cơ máy bay, thiết bị chiếu sáng...

+ Cánh quạt máy bay, khối quay máy bay lên thẳng và khối động cơ đẩy,

+ Máy và động cơ trên máy bay,

+ Các bộ phận của máy bay phản lực và tubin phản lực cánh quạt cho máy bay,

- Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, bộ phận hãm...

- Sản xuất máy bay đào tạo phi công dưới đất;

- Sản xuất tàu vũ trụ và động cơ hạ cánh tàu vũ trụ, vệ tinh nhân tạo, tàu thăm dò vũ trụ không người lái, trạm quỹ đạo, tàu con thoi;

- Sản xuất tên lửa đạn đạo xuyên lục địa (ICBM) và các tên lửa tương tự.

Nhóm này cũng gồm:

- Đại tu và thay đổi máy bay hoặc động cơ máy bay;

- Sản xuất ghế ngồi cho máy bay.

Loại trừ:

- Sản xuất dù được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất đạn quân sự được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược);

- Sản xuất thiết bị viễn thông cho vệ tinh nhân tạo được phân vào nhóm 26300 (Sản xuất thiết bị truyền thông);

- Sản xuất thiết bị máy bay và thiết bị hàng không được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất hệ thống điều khiển không quân được phân vào nhóm 26510 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng cho máy bay được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất các bộ phận đánh lửa và các bộ phân điện khác cho động cơ đốt trong được phân vào nhóm 27900 (Sản xuất thiết bị điện khác);

- Sản xuất pít tông, vòng pít tông và bộ chế hoà khí được phân vào nhóm 28110 (Sản xuất động cơ, tuabin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy));

- Sản xuất phụ tùng hạ cánh máy bay, máy phóng máy bay và thiết bị liên quan được phân vào nhóm 2829 (Sản xuất máy chuyên dụng khác).

304 - 3040 - 30400: Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe tăng;

- Sản xuất thiết bị quân sự dùng cả cho địa hình dưới nước và trên cạn có trang bị;

- Sản xuất các xe chiến đấu quân sự khác.

Loại trừ: Sản xuất vũ khí và đạn dược được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược).

309: Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Sản xuất thiết bị vận tải ngoài xe có động cơ, thiết bị vận tải đường sắt, đường thuỷ, đường không hoặc vũ trụ và thiết bị quân sự.

3091 - 30910: Sản xuất mô tô, xe máy

Nhóm này gồm:

- Sản xuất mô tô, xe máy có bàn đạp hoặc xe đạp có một động cơ bổ trợ;

- Sản xuất động cơ cho xe mô tô;

- Sản xuất xe thùng;

- Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô.

Loại trừ:

- Sản xuất xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);

- Sản xuất xe cho người khuyết tật được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật).

3092 - 30920: Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe đạp không có động cơ và các xe đạp khác, bao gồm xe đạp ba bánh (chuyên chở), xe nhiều người ngồi, xe đạp hai bánh và xe ba bánh cho trẻ em;

- Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp;

- Sản xuất xe cho người khuyết tật có hoặc không có động cơ;

- Sản xuất bộ phận và phụ tùng xe cho người khuyết tật;

- Sản xuất xe nôi cho trẻ sơ sinh.

Loại trừ:

- Sản xuất xe đạp với động cơ phụ trợ được phân vào nhóm 30910 (Sản xuất mô tô, xe máy);

- Sản xuất đồ chơi có tay lái, bao gồm xe đạp và xe ba bánh bằng nhựa được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi).

3099 - 30990: Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất xe kéo bằng động vật: Xe lừa kéo, xe trâu bò kéo…;

- Xe cút kít, xe kéo tay, xe đẩy trong siêu thị và các loại tương tự.

Loại trừ:

- Xe tải sử dụng trong các nhà máy có được lắp đặt với thiết bị nâng nhấc hay không, hay được kéo bằng tay (bao gồm xe tải kéo tay) được phân vào nhóm 28160 (Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp);

- Xe kéo trang trí trong nhà hàng, như xe chở thức ăn được phân vào nhóm 3100 (Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế).

31: SẢN XUẤT GIƯỜNG, TỦ, BÀN, GHẾ

Ngành này gồm:

Sản xuất đồ đạc và các thiết bị có liên quan bằng các loại chất liệu trừ đá, bê tông, gốm. Quá trình này được sử dụng trong sản xuất thiết bị nội thất bằng phương pháp tiêu chuẩn lắp đặt vật liệu và linh kiện, bao gồm cắt, đúc, dát. Thiết kế các chi tiết, về cả thẩm mỹ và chức năng, là một nội dung quan trọng trong quá trình sản xuất.

Một số công đoạn trong sản xuất thiết bị nội thất cũng tương tự như quá trình sản xuất trong các công đoạn sản xuất khác. Ví dụ, quá trình cắt và lắp đặt trong sản xuất gỗ được phân ở ngành 16 (Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ). Tuy nhiên, nhiều quá trình sản xuất phân biệt sản xuất thiết bị nội thất gỗ với sản xuất các sản phẩm gỗ. Tương tự, sản xuất thiết bị nội thất kim loại sử dụng kỹ thuật sản xuất sản phẩm hình cuộn được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)). Quá trình đúc thiết bị nội thất bằng nhựa cũng tương tự như đúc các sản phẩm nhựa khác. Tuy nhiên, sản xuất thiết bị nội thất bằng nhựa có thể là một hoạt động đặc biệt.

310 - 3100: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

31001: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ

Nhóm này gồm: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.

Cụ thể:

- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho văn phòng, phòng làm việc, khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng và gia dụng;

- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho nhà hát, rạp chiếu phim;

- Sản xuất ghế và chỗ ngồi cho thiết bị vận tải bằng gỗ;

- Sản xuất ghế xôfa, giường xôfa và bộ xôfa;

- Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ trong vườn;

- Sản xuất đồ nội thất bằng gỗ đặc biệt cho cửa hàng: quầy thu tiền, giá trưng bày, kệ, ngăn, giá...

- Sản xuất đồ đạc văn phòng bằng gỗ;

- Sản xuất đồ đạc nhà bếp bằng gỗ;

- Sản xuất đồ đạc gỗ cho phòng ngủ, phòng khách, vườn...

- Sản xuất tủ gỗ cho máy khâu, tivi...

- Sản xuất ghế dài, ghế đẩu cho phòng thí nghiệm, chỗ ngồi khác cho phòng thí nghiệm, đồ đạc cho phòng thí nghiệm (như tủ và bàn);

- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y;

- Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho nhà thờ, trường học, nhà hàng.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoàn thiện việc bọc ghế và chỗ ngồi bằng gỗ bằng vật liệu dùng để bọc đồ đạc;

- Hoàn thiện đồ gỗ nội thất như phun, vẽ, đánh xi và nhồi đệm;

- Sản xuất đồ đỡ đệm bằng gỗ;

- Gia công một số chi tiết cho sản phẩm tủ thờ.

31002: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại

Nhóm này gồm:

Sản xuất các đồ đạc như trên bằng kim loại ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau.

31009: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác

Nhóm này gồm:

Sản xuất các đồ đạc như trên bằng các loại chất liệu (trừ gỗ, đá, bê tông và gốm) ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau như:

Loại trừ:

- Sản xuất gối, nệm, chăn, chăn lông vịt được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất đệm cao su hơi được phân vào nhóm 22190 (Sản xuất sản phẩm khác từ cao su);

- Sản xuất đồ đạc bằng gốm, bê tông và đá được phân vào nhóm 23930 (Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác), 23950 (Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao), 23960 (Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá);

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng hoặc đèn được phân vào nhóm 27400 (Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng);

- Sản xuất ghế ôtô, ghế tàu hoả, ghế máy bay được phân vào nhóm 29300 (Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác), 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe), 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Bảng đen được phân vào nhóm 28170 (Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính));

- Lắp đặt, bộ phận lắp đặt và phụ tùng lắp đặt, lắp đặt thiết bị đồ đạc thư viện được phân vào nhóm 43300 (Hoàn thiện công trình xây dựng).

32: CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO KHÁC

Ngành này gồm: Sản xuất các loại sản phẩm khác nhau không nằm ở các phần khác trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân.Vì đây là một nhóm dư ra, nên các quá trình sản xuất, các nguyên liệu đầu vào và sử dụng các sản phẩm sản xuất có thể thay đổi rất rộng và các tiêu chí thông thường để phân các nhóm không được áp dụng.

321: Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan

Nhóm này gồm: Sản xuất đồ trang sức và trang sức mỹ ký.

3211 - 32110: Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất ngọc trai nhân tạo;

- Sản xuất đá quý và đá bán quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi hoặc nhân tạo;

- Làm kim cương;

- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác;

- Sản xuất các chi tiết vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: Đồ ăn như dao, dĩa, thìa bát đĩa..., ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo...

- Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại...

- Đồng hồ bằng kim loại (quý); cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá;

- Sản xuất đồng xu, bao gồm đồng xu dùng trong các phiên đấu thầu pháp lý, bằng hoặc không bằng kim loại quý.

Nhóm này cũng gồm: Chạm khắc sản phẩm kim loại quý hoặc không quý của cá nhân .

Loại trừ:

- Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim loại (bằng da, nhựa...) được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi sách và các loại tương tự; sản xuất yên đệm);

- Sản xuất các chi tiết bằng kim loại cơ sở mạ kim loại quý được phân vào ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);

- Sản xuất hộp đồng hồ được phân vào nhóm 2652 (Sản xuất đồng hồ);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại thường được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ trang sức giả được phân vào nhóm 32120 (Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan).

3212 - 32120: Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan

Nhóm này gồm:

- Sản xuất y phục hoặc đồ trang sức giả như:

+ Nhẫn, vòng tay, vòng cổ và các chi tiết trang sức tương tự được làm từ tấm kim loại thường mạ kim loại quý,

+ Đồ trang sức bao gồm đá giả như đá ngọc giả, kim cương giả...

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại (trừ kim loại quý).

Loại trừ:

- Sản xuất đồ trang sức từ kim loại quý hoặc mạ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất đồ trang sức bao gồm đá ngọc thật được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan);

- Sản xuất dây đeo đồng hồ kim loại quý được phân vào nhóm 32110 (Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan).

322 - 3220 - 32200: Sản xuất nhạc cụ

Nhóm này gồm:

- Sản xuất đàn dây;

- Sản xuất dụng cụ bàn phím có dây, bao gồm cả piano tự động;

- Sản xuất đàn hộp có bàn phím, bao gồm đàn hơi và các đàn có bàn phím tương tự;

- Sản xuất đàn accoóc và dụng cụ tương tự, bao gồm đàn thổi bằng miệng;

- Sản xuất đàn gió;

- Sản xuất nhạc khí gõ;

- Sản xuất nhạc cụ âm thanh, âm thanh được tạo ra bằng điện;

- Sản xuất đàn hộp;

- Sản xuất các phụ tùng nhạc cụ như: Máy nhịp, âm thoa, ống sáo điều chỉnh âm điệu, thẻ, đĩa nhạc và các cuộn cho dụng cụ cơ khí tự động...

Nhóm này cũng gồm: Sản xuất sáo, còi và các dụng cụ thổi khác.

Loại trừ:

- Tái sản xuất đĩa, băng video và thu âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Sản xuất microphone, âmly, loa phóng thanh, tai nghe và các bộ phận tương tự, được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất thiết bị ghi, thu thanh và tương tự được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất đồ chơi dạng nhạc cụ được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất đàn oóc và các dụng cụ âm nhạc lịch sử khác được phân vào nhóm 33190 (Sửa chữa thiết bị khác);

- Xuất bản đĩa, băng video và thu âm thanh được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc);

- Sản xuất điều chỉnh âm thanh piano được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

323 - 3230 - 32300: Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao

Nhóm này gồm: Sản xuất dụng cụ thể thao và điền kinh (trừ trang phục và giày, dép).

Cụ thể:

- Sản xuất các chi tiết và thiết bị cho thể thao, cho các cuộc thi đấu trong nhà và ngoài trời, bằng mọi loại chất liệu như:

+ Bóng cứng, mềm và bóng cao su,

+ Vợt, gậy đánh gôn,

+ Ván trượt tuyết, sào, cọc chèo thuyền,

+ Thuyền buồm, thuyền lướt sóng,

+ Dụng cụ cần thiết cho câu cá, bao gồm cả lưới,

+ Dụng cụ cần thiết cho săn bắn, leo núi...

+ Găng tay da thể thao và mũ thể thao,

+ Giày trượt băng...

+ Cung, nỏ,

+ Phòng tập thể dục, thể hình hoặc thiết bị điền kinh.

Loại trừ:

- Sản xuất buồm được phân vào nhóm 13920 (Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục));

- Sản xuất quần áo thể thao được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất yên cương và bộ yên cương được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất roi và tay cầm của roi đua được phân vào nhóm 15120 (Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm);

- Sản xuất giầy thể thao được phân vào nhóm 15200 (Sản xuất giầy dép);

- Sản xuất vũ khí và đạn dược cho thể thao được phân vào nhóm 25200 (Sản xuất vũ khí và đạn dược);

- Sản xuất cân kim loại được sử dụng cho môn cử tạ được phân vào nhóm 2599 (Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất xe đạp thể thao không phải xe trượt băng và các loại xe tương tự được phân vào ngành 29 (Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác) và 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác);

- Sản xuất thuyền được phân vào nhóm 30120 (Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí);

- Sản xuất bàn bi-a và dụng cụ ném bóng được phân vào nhóm 32400 (Sản xuất đồ chơi, trò chơi);

- Sản xuất nút tai và nút tránh tiếng ồn (ví dụ cho bơi lội hoặc bảo vệ khỏi tiếng ồn) được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

324 - 3240 - 32400: Sản xuất đồ chơi, trò chơi

Nhóm này gồm:

Sản xuất búp bê, đồ chơi, như búp bê hoàn chỉnh, các bộ phận của búp bê, quần áo búp bê, phần chuyển động, đồ chơi, trò chơi (gồm cả điện), xe đạp trẻ con (trừ xe đạp bằng kim loại và xe ba bánh).

Cụ thể:

- Sản xuất búp bê và quần áo, phụ kiện cho búp bê;

- Sản xuất đồ chơi động vật;

- Sản xuất đồ chơi có bánh xe được thiết kế để cưỡi, bao gồm xe đạp và xe ba bánh;

- Sản xuất dụng cụ đồ chơi âm nhạc;

- Sản xuất các chi tiết cho hội chợ vui chơi, trên bàn hoặc trong phòng;

- Sản xuất bài tây;

- Sản xuất bàn để chơi trò bắn đạn, chơi xu, bi-a, bàn đặc biệt cho casino...

- Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí, cờ...

- Sản xuất kiểu thu nhỏ và kiểu tái tạo tương tự, tàu điện điện tử, bộ xây dựng...

- Sản xuất trò chơi câu đố...

Loại trừ:

- Sản xuất các chương trình trò chơi video được phân vào nhóm 26400 (Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng);

- Sản xuất xe đạp được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật);

- Viết và xuất bản phần mềm cho trò chơi video giải trí được phân vào nhóm 58200 (Xuất bản phần mềm), 62010 (Lập trình máy vi tính).

325 - 3250: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng

Nhóm này gồm:

Sản xuất các dụng cụ và đồ đạc thí nghiệm, dụng cụ y tế và phẫu thuật, các thiết bị và dụng cụ phẫu thuật, thiết bị nha khoa, thuật chỉnh răng, răng giả và các dụng cụ chỉnh răng, dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Loại trừ: Sản xuất xe lăn được phân vào nhóm 30920 (Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật).

32501: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa

Nhóm này gồm:

- Sản xuất màn phẫu thuật;

- Sản xuất chất hàn răng và bột xi măng hàn răng (trừ chất dính răng giả hoặc bột hàn răng giả), sáp nha khoa và điều chế bột thạch cao nha khoa khác;

- Sản xuất lò thí nghiệm nha khoa;

- Sản xuất máy làm sạch siêu âm trong phòng thí nghiệm;

- Sản xuất máy khử trùng trong phòng thí nghiệm, máy li tâm phòng thí nghiệm;

- Sản xuất dụng cụ y tế, nha khoa, phẫu thuật hoặc thú y, như:

+ Bàn mổ,

+ Bàn khám nghiệm,

+ Giường bệnh với các thiết bị kèm theo,

+ Ghế chữa răng.

- Sản xuất mảng và đinh vít cho xương, ống tiêm, kim tiêm, ống thông đường tiểu, ống thông dò...

- Sản xuất dụng cụ nha khoa bao gồm cả ghế nha khoa có kèm các thiết bị nha khoa;

- Sản xuất răng, sống mũi... nhân tạo được làm từ thí nghiệm nha khoa;

- Sản xuất mắt thuỷ tinh;

- Sản xuất nhiệt kế y tế.

- Dụng cụ chỉnh răng, kính mắt, kính râm, thấu kính, thấu kính hội tụ, bảo vệ mắt...

32502: Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng

Nhóm này gồm:

Sản xuất dụng cụ chỉnh hình như: Nạng, thắt lưng và băng giữ ngoại khoa, giấy và corset chỉnh hình, nẹp và những thiết bị bó xương khác, thiết bị giúp ích cho người bệnh ví dụ: Máy giúp cho người khuyết tật đi lại, máy nghe cho người điếc.

Sản xuất chân tay giả và các bộ phận giả khác của cơ thể...

329 - 3290 - 32900: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như:

+ Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn,

+ Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác,

+ Sản xuất phao cứu sinh,

+ Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao),

+ Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy),

+ Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác,

+ Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn),

+ Sản xuất mặt nạ khí ga.

- Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...

- Sản xuất bàn chải giày, quần áo;

- Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không;

- Sản xuất lõi bút chì;

- Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính;

- Sản xuất găng tay;

- Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ;

- Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt;

- Sản xuất tẩu hút xì gà;

- Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày;

- Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sảy, manơ canh...

- Hoạt động nhồi bông thú,

- Làm con dấu.

Loại trừ:

- Sản xuất bấc đèn được phân vào nhóm 13990 (Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu);

- Sản xuất quần áo lao động và phục vụ (ví dụ đồng phục, áo khoác trong phòng thí nghiệm) được phân vào nhóm 14100 (May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú));

- Sản xuất hình nộm bằng giấy được phân vào nhóm 17090 (Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu).

33: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG VÀ LẮP ĐẶT MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ

Ngành này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp nhằm khôi phục lại máy móc thiết bị và các sản phẩm khác. Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết;

- Các hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng chuyên dụng. Một khối lượng khá lớn công việc sửa chữa cũng được các nhà sản xuất các sản phẩm máy móc thiết bị thực hiện, trong các trường hợp này việc xếp đơn vị tham gia vào các hoạt động sửa chữa và sản xuất này sẽ dựa vào nguyên tắc giá trị gia tăng mà theo thói thường các hoạt động kết hợp này thường được xếp vào sản xuất hàng hoá. Nguyên tắc tương tự cũng được áp dụng với hoạt động thương mại và sửa chữa kết hợp;

- Tái tạo và tái sản xuất máy móc thiết bị cũng được coi là hoạt động sản xuất;

- Sửa chữa và bảo dưỡng hàng hoá là tài sản cố định cũng như đồ tiêu dùng được phân vào sửa chữa và bảo dưỡng đồ gia dụng (ví dụ sửa chữa thiết bị văn phòng hay đồ nội thất, xem 95240 (Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự).

Ngành này cũng gồm: Lắp đặt chuyên biệt máy móc. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là một phần không thể tách rời của nhà cửa hoặc cấu trúc tương tự như lắp đặt đường dây, lắp đặt hệ thống điều hoà không khí được phân vào phần xây dựng.

Loại trừ:

- Làm sạch máy công nghiệp được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt);

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 951 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa và bảo dưỡng đồ dùng gia đình được phân vào nhóm 952 (Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình).

331: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn

Nhóm này gồm: Sửa chữa và bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc và thiết bị gồm sửa chữa chuyên môn các sản phẩm sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo với mục đích khôi phục lại các sản phẩm kim loại, máy móc, thiết bị này và các sản phẩm khác đi vào hoạt động.

Nhóm này cũng gồm: Việc bảo dưỡng chung hay định kỳ các sản phẩm này đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và tránh các hỏng hóc và sửa chữa không cần thiết.

Loại trừ:

- Tái sản xuất hoặc tái chế tạo máy móc, thiết bị được phân vào mã tương ứng trong các ngành từ 25 đến 31;

- Làm sạch máy công nghiệp được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt);

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 951 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa và bảo dưỡng đồ dùng gia đình được phân vào nhóm 952 (Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình).

3311 - 33110: Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn của ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)) như:

+ Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng đường ống,

+ Sửa chữa hàn cơ động,

+ Sửa chữa các thùng hàng hoá bằng thép của tàu thuỷ,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng các máy phát chạy hơi nước và khí khác.

- Sửa chữa và bảo dưỡng các bộ phận phụ cho việc sử dụng máy phát chạy hơi nước như: Tụ điện, bộ phận tiết kiệm (xăng...), nồi đun sôi, bộ thu nhiệt, ắc quy;

- Sửa chữa và bảo dưỡng lò phản ứng hạt nhân, loại trừ máy tách chất đồng vị;

- Sửa chữa và bảo dưỡng nồi hơi điện hoặc dùng cho ngành hàng hải;

- Sửa chữa các nồi hơi trung tâm và bộ tản nhiệt;

- Sửa chữa và bảo dưỡng vũ khí và quân nhu (bao gồm sửa chữa súng thể thao và giải trí);

- Sửa chữa và bảo dưỡng các xe chở hàng, các thiết bị bốc dỡ nguyên, vật liệu, v.v... cho các tổ chức.

Loại trừ:

- Sửa chữa hệ thống lò sưởi trung tâm được phân vào nhóm 4322 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí);

- Dịch vụ thợ khoá được phân vào nhóm 80200 (Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn).

3312 - 33120: Sửa chữa máy móc, thiết bị

Nhóm này gồm:

Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghiệp như mài hoặc lắp đặt lưỡi và răng cưa máy móc công nghiệp hoặc thương mại hoặc cung cấp dịch vụ hàn sửa chữa (ví dụ như động cơ); sửa chữa máy móc thiết bị công nghiệp, nông nghiệp và các máy móc nặng khác (ví dụ thiết bị bốc dỡ vật liệu và xe nâng, các công cụ máy, thiết bị làm lạnh thương mại, thiết bị xây dựng và máy móc khai thác mỏ), bao gồm cả máy móc thiết bị của ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu).

Cụ thể:

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện động cơ không tự động;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan;

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị sử dụng điện năng từ thủy lực;

- Sửa chữa van;

- Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bánh răng và các bộ phận chuyển động của xe;

- Sửa chữa và bảo dưỡng các lò luyện trong công nghiệp;

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị vận chuyển bốc dỡ vật liệu;

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc dùng chung cho mục đích thương mại;

- Sửa chữa các dụng cụ cầm tay chạy điện khác;

- Sửa chữa và bảo dưỡng các dụng cụ và phụ tùng máy móc cắt kim loại và tạo hình kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng các dụng cụ máy móc khác;

- Bảo dưỡng và sửa chữa máy kéo nông nghiệp;

- Sửa chữa máy nông nghiệp và máy lâm nghiệp và lấy gỗ;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy luyện kim;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt;

- Sửa chữa máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy là hàng dệt, quần áo và da;

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy làm giấy;

- Sửa chữa và bảo dưỡng các máy móc dùng cho mục đích chuyên dụng khác của ngành 28 (Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu);

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị cân;

- Sửa chữa máy dùng để tính;

- Sửa chữa máy dùng để cộng, máy thu tiền;

- Sửa chữa máy tính có dòng điện hoặc không dòng điện;

- Sửa chữa máy chữ;

- Sửa chữa máy photocopy.

Loại trừ:

Lắp đặt các lò luyện trong công nghiệp và thiết bị đốt nóng khác được phân vào nhóm 4322 (Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí).

3313 - 33130: Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học

Nhóm này gồm:

Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị của nhóm 265 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ), 266 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp) và 267 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học), trừ những thiết bị được coi là đồ gia dụng;

- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển của nhóm 265 (Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ); Cụ thể:

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị động cơ máy bay;

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị kiểm tra bộ phận thoát khí tự động;

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị khí tượng;

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị kiểm tra và giám sát các tính chất hoá học, vật lý và điện;

+ Sửa chữa và bảo dưỡng các công cụ dùng để điều tra;

+ Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị kiểm tra và phát hiện bức xạ.

Nhóm này cũng gồm:

- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị chiếu chụp X quang, điện liệu pháp, điện y của nhóm 2660 (Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp); cụ thể:

+ Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị hình ảnh cộng hưởng từ trường,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị siêu âm y tế,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng máy điều hoà nhịp tim,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng máy trợ thính,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng máy đo nhịp tim bằng điện,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị nội soi,

+ Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chiếu chụp.

- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị quang học, tức là các thiết bị của nhóm 26700 (Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học) như kính lúp, ống nhòm, kính hiển vi (loại trừ loại dùng nghiên cứu electron và proton), kính thiên văn, lăng kính, và thấu kính (loại trừ kính mắt), thiết bị chụp ảnh, nếu việc sử dụng chủ yếu trong thương mại.

Loại trừ:

- Sửa chữa máy photocopy được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 95110 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi);

- Sửa chữa máy chiếu của máy tính được phân vào nhóm 95110 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi);

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị liên lạc được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa tivi và máy quay video thương mại được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa máy quay video loại dùng cho gia đình được phân vào nhóm 95210 (Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng);

- Sửa chữa các loại đồng hồ được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

3314 - 33140: Sửa chữa thiết bị điện

Nhóm này gồm:

Sửa chữa và bảo dưỡng các hàng hoá của ngành 27, trừ các sản phẩm trong nhóm 2750 (Sản xuất đồ điện dân dụng);

Cụ thể:

- Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy biến thế điện, máy biến thế phân loại và máy biến thế đặc biệt,

- Sửa chữa và bảo dưỡng môtơ điện, máy phát điện và bộ môtơ máy phát điện,

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi,

- Sửa chữa và bảo dưỡng các rơle và bộ điều khiển công nghiệp,

- Sửa chữa và bảo dưỡng pin và ắc quy,

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng,

- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị dây dẫn điện và thiết bị không dẫn điện để dùng cho các mạch điện.

Loại trừ:

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính được phân vào nhóm 95110 (Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi);

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị viễn thông được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc);

- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện tử tiêu dùng được phân vào nhóm 95210 (Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng);

- Sửa chữa các loại đồng hồ được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

3315 - 33150: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị vận tải của ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác), trừ mô tô và xe đạp. Tuy nhiên, việc đóng lại hoặc đại tu tại nhà máy tàu thuỷ, đầu máy, ôtô và máy bay được phân vào ngành 30 (Sản xuất phương tiện vận tải khác);

- Sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ tàu thuyền;

- Sửa chữa và bảo dưỡng thuyền giải trí;

- Sửa các đầu máy xe lửa và toa xe (loại trừ việc làm mới hoặc chuyển đổi).

- Sửa chữa và bảo dưỡng máy bay (loại trừ việc chuyển đổi, khảo sát và đại tu, làm mới);

- Sửa chữa và bảo dưỡng các động cơ máy bay;

- Sửa chữa xe ngựa và xe kéo bằng súc vật;

- Sửa chữa ghe xuồng.

Loại trừ:

- Tái tạo tàu thuyền tại nhà máy được phân vào nhóm 301 (Đóng tàu và thuyền);

- Tái tạo đầu máy và xe chạy đường sắt được phân vào nhóm 30200 (Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe);

- Sửa chữa máy bay tại nhà máy được phân vào nhóm 30300 (Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan);

- Việc cạo gỉ và tháo dỡ tàu được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Sửa chữa và bảo dưỡng mô tô và xe máy được phân vào nhóm 454 (Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Sửa xe đạp được phân vào nhóm 95290(Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

3319 - 33190: Sửa chữa thiết bị khác

Nhóm này gồm: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị không nằm trong các mã khác của nhóm này.

Cụ thể:

- Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi;

- Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che;

- Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất;

- Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự;

- Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;

- Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.

Loại trừ:

- Sửa chữa các loại đồ dùng gia đình và văn phòng, tân trang các đồ đạc được phân vào nhóm 95240 (Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự);

- Sửa xe đạp được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu);

- Sửa quần áo được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

332 - 3320 - 33200: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Nhóm này gồm:

Lắp đặt máy móc chuyên dụng. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị là bộ phận không thể thiếu của các toà nhà hoặc các cấu trúc tương tự, như lắp đặt dây dẫn điện, hệ thống chuông báo trộm hay lắp đặt hệ thống điều hòa, thang máy được xếp vào xây dựng.

Cụ thể:

- Lắp đặt máy công nghiệp trong các nhà máy công nghiệp;

- Lắp đặt thiết bị kiểm soát quá trình công nghiệp;

- Tháo dỡ các máy móc và thiết bị cỡ lớn;

- Lắp đặt thiết bị máy;

- Lắp đặt các thiết bị chơi bowling...

D: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Ngành này gồm:

- Hoạt động phân phối năng lượng điện, khí tự nhiên, hơi nước và nước nóng thông qua một hệ thống ống dẫn, đường dây ổn định lâu dài (mạng lưới). Chiều dài của mạng lưới này không quan trọng; ở đây cũng bao gồm cả việc cung cấp điện, khí đốt, hơi nước, nước nóng và các loại tương tự trong khu công nghiệp hoặc khu nhà ở cao tầng;

- Hoạt động cung cấp điện và ga, bao gồm thu thập, giám sát và phân phối điện, ga. Nó cũng bao gồm cung cấp hơi nước và điều hoà không khí.

Loại trừ:

- Hoạt động cung cấp nước, hơi nước được phân vào ngành 36 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước), 37 (Thoát nước và xử lý nước thải);

- Vận chuyển gas qua đường dây (chủ yếu là đường dài).

35: SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

351: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

3511: Sản xuất điện

Nhóm này gồm: Việc sản xuất điện năng với số lượng lớn như hoạt động của các cơ sở sản xuất điện; bao gồm nhiệt điện, điện hạt nhân, thuỷ điện, tua bin khí, điêzen ….

Loại trừ: Sản xuất điện thông qua đốt rác, được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại).

35111: Thủy điện

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng nước;

35112: Nhiệt điện than

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ than đá;

35113: Nhiệt điện khí

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ khí thiên nhiên;

35114: Điện hạt nhân

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng hạt nhân;

35115: Điện gió

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng gió;

35116: Điện mặt trời

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điên từ năng lượng mặt trời;

35119: Điện khác

- Nhóm này gồm hoạt động sản xuất điện từ các dạng năng lượng khác, chưa được phân vào đâu: sóng biển, thủy triều, diezen…

3512: Truyền tải và phân phối điện

Nhóm này gồm: Việc chuyển điện từ nơi sản xuất đến các trung tâm phân phối và phân phối đến người sử dụng cuối cùng.

35121: Truyền tải điện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các hệ thống truyền tải vận chuyển điện từ nơi sản xuất đến hệ thống phân phối;

- Hoạt động trao đổi điện và khả năng truyền tải điện.

35122: Phân phối điện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của hệ thống phân phối (tức là gồm có các tuyến dây, cột, đồng hồ đo và dây dẫn) vận chuyển điện từ nơi sản xuất hoặc hệ thống truyền tải đến người tiêu dùng cuối cùng;

- Bán điện cho người sử dụng;

- Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác;

352-3520 : Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí đốt, phân phối khí tự nhiên hoặc tổng hợp tới người tiêu dùng cuối cùng thông qua một hệ thống đường ống chính. Các nhà kinh doanh hoặc môi giới sắp xếp việc bán khí tự nhiên qua hệ thống phân phối do người khác điều hành cũng thuộc nhóm này.

- Các hoạt động cung cấp gas riêng biệt bằng đường ống dẫn khí, chủ yếu là khoảng cách dài, nối người sản xuất với nhà phân phối khí hoặc giữa thành thị với nông thôn được phân vào nhóm hoạt động vận tải đường ống;

Loại trừ:

- Hoạt động của các lò than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);

- Sản xuất các sản phẩm dầu tinh chế được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Sản xuất khí đốt công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);

- Bán buôn nhiên liệu khí đốt được phân vào nhóm 4661 (Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan);

- Bán lẻ gas đựng trong chai được phân vào nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán thẳng nhiên liệu được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

35201: Sản xuất khí đốt

Nhóm này gồm:

- Sản xuất khí đốt cho mục đích cung cấp khí đốt từ than đá, phế phẩm của nông nghiệp hoặc rác thải;

- Sản xuất nhiên liệu khí với giá trị toả nhiệt đặc biệt từ quá trình lọc, pha trộn và các quá trình sản xuất khác các loại khí bao gồm cả khí tự nhiên;

35202: Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

Nhóm này gồm:

- Vận chuyển, phân phối và cung cấp nhiên liệu khí các loại thông qua hệ thống ống dẫn chính;

- Bán khí đến người sử dụng thông qua ống dẫn chính;

- Hoạt động của các đại lý và nhà môi giới mà thu xếp việc mua bán khí đốt thông qua hệ thống phân phối của người khác;

- Mua bán, trao đổi nhiên liệu khí và khả năng vận chuyển nhiên liệu khí.

Loại trừ:

- Hoạt động của các lò than cốc được phân vào nhóm 19100 (Sản xuất than cốc);

- Sản xuất các sản phẩm dầu tinh chế được phân vào nhóm 19200 (Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế);

- Sản xuất khí đốt công nghiệp được phân vào nhóm 20111 (Sản xuất khí công nghiệp);

- Bán buôn nhiên liệu khí đốt được phân vào nhóm 4661 (Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan);

- Bán lẻ gas đựng trong chai được phân vào nhóm 4773 (Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán thẳng nhiên liệu được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Vận chuyển gas theo đường ống (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

353 - 3530: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá

35301: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí

Nhóm này gồm:

- Sản xuất, tập trung và phân phối hơi nước và nước nóng để đốt nóng, cung cấp năng lượng và các mục đích khác;

- Sản xuất và phân phối không khí lạnh;

- Sản xuất và phân phối nước lạnh cho mục đích làm mát.

Loại trừ: Sản xuất đá làm thực phẩm hoặc không làm thực phẩm (làm mát) được phân vào nhóm 35302 (Sản xuất nước đá).

35302: Sản xuất nước đá

Nhóm này gồm: Sản xuất đá làm thực phẩm hoặc đá làm mát.

E: CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI

Ngành này gồm: Các hoạt động liên quan đến quản lý (bao gồm khai thác, xử lý và loại bỏ) các loại rác như rác thải công nghiệp, rác thải gia đình thể rắn hoặc không phải rắn cũng như các khu vực bị nhiễm bẩn. Đầu ra của quá trình xử lý rác hoặc nước thải có để bị loại bỏ hoặc trở thành đầu vào của quá trình sản xuất khác. Các hoạt động cung cấp nước cũng được phân nhóm vào ngành này vì chúng thường được thực hiện liên quan với các đơn vị tham gia vào hoạt động xử lý nước thải.

36: KHAI THÁC, XỬ LÝ VÀ CUNG CẤP NƯỚC

Ngành này gồm: Khai thác, xử lý và phân phối nước cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Khai thác nước ở các nguồn khác nhau cũng như phân phối nước bằng các cách khác nhau.

360 - 3600 - 36000: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Khai thác nước từ sông, hồ, ao...
- Thu nước mưa,
- Thanh lọc nước để cung cấp,
- Xử lý nước cho mục đích công nghiệp và các mục đích khác,
- Xử lý nước lợ, nước mặn để cung cấp nước như là sản phẩm chính,
- Cung cấp nước thông qua mạng lưới đường ống, bằng xe bồn chuyên chở hoặc các phương tiện khác,
- Hoạt động của các kênh tưới nước.

Loại trừ:

- Hoạt động của hệ thống tưới tiêu và thiết bị tưới tiêu cho mục đích nông nghiệp được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt),
- Xử lý nước thải để tránh ô nhiễm được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải),
- Vận chuyển nước qua ống dẫn (đường dài) được phân vào nhóm 49400 (Vận tải đường ống).

37: THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Ngành này gồm: Hoạt động của hệ thống cống rãnh hoặc các phương tiện xử lý nước thải để thu dọn, xử lý và tiêu huỷ nước thải.

370 - 3700: Thoát nước và xử lý nước thải

37001: Thoát nước

- Hoạt động của hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải.

- Thu gom và vận chuyển nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), khu dân cư nông thôn tập trung thông qua hệ thống thoát nước.

- Duy tu và bảo dưỡng hệ thống thoát nước.

37002: Xử lý nước thải

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

- Xử lý nước thải, bùn thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải khác) bằng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

- Duy tu và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, bùn thải.

38: HOẠT ĐỘNG THU GOM, XỬ LÝ VÀ TIÊU HỦY RÁC THẢI, TÁI CHẾ PHẾ LIỆU

Ngành này gồm: Thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải. Nó còn gồm việc chuyên chở rác thải; gồm hoạt động của các cơ sở tái chế phế liệu (tức là việc phân loại sắp xếp các nguyên, vật liệu có thể giữ lại từ vật thải).

381: Thu gom rác thải

Nhóm này gồm: Việc thu gom rác thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng túi, xe rác và thùng chứa, v.v... Nó bao gồm việc thu gom rác thải độc hại và không độc hại ví dụ như rác thải từ hộ gia đình, ắc qui đã qua sử dụng, dầu và mỡ nấu đã qua sử dụng, dầu thải ra từ tàu thuyền và dầu đã dùng của các gara ôtô, rác thải từ công trình xây dựng và bị phá huỷ.

3811 - 38110: Thu gom rác thải không độc hại

Nhóm này gồm:

- Thu gom các chất thải rắn không độc hại (rác từ nhà bếp) trong khu vực địa phương, như là việc thu gom các rác thải từ hộ gia đình và các cơ sở kinh doanh bằng các túi rác, xe rác, thùng chứa, v.v... có thể lẫn lộn cả các nguyên liệu có thể giữ lại để sử dụng;

- Thu gom các nguyên liệu có thể tái chế;

- Thu gom dầu và mỡ ăn đã qua sử dụng;

- Thu gom rác thải trong thùng rác ở nơi công cộng;

- Thu gom rác thải từ công trình xây dựng và bị phá huỷ;

- Thu gom và dọn dẹp các mảnh vụn như cành cây và gạch vỡ;

- Thu gom rác thải đầu ra của các nhà máy dệt;

- Hoạt động của các trạm gom rác không độc hại.

Loại trừ:

- Thu gom rác độc hại được phân vào nhóm 3812 (Thu gom rác thải độc hại);

- Hoạt động của khu đất cho tiêu huỷ rác thải không độc hại được phân vào nhóm 3821 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Hoạt động của các cơ sở nơi mà nguyên, vật liệu có thể tái sử dụng đang ở dạng hỗn hợp như giấy, nhựa v.v... cần được phân loại riêng được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu).

3812: Thu gom rác thải độc hại

Nhóm này gồm: Việc thu gom rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gỉ sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá huỷ dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khoẻ con người và môi trường. Nó có thể được phân loại, xử lý, đóng gói và dán nhãn chất thải cho mục đích vận chuyển.

Loại trừ: Việc khôi phục và dọn sạch các toà nhà hư hỏng, các khu mỏ, các vùng đất, nước mặt bị ô nhiễm như việc loại bỏ các amiăng được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

38121: Thu gom rác thải y tế

Nhóm này gồm: Thu gom rác thải từ các cơ sở y tế.

38129: Thu gom rác thải độc hại khác

Nhóm này gồm:

- Thu gom các loại rác thải độc hại ở dạng rắn hoặc dạng khác như chất gây nổ, chất gỉ sét, chất dễ cháy, chất độc, chất kích thích, chất gây ung thư, chất phá huỷ dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khoẻ con người và môi trường;

- Thu gom dầu đã qua sử dụng từ tàu thuyền hoặc gara;

- Thu gom rác thải độc hại sinh học;

- Ắc qui đã qua sử dụng;

- Hoạt động của các trạm chu chuyển các chất thải độc hại.

382: Xử lý và tiêu huỷ rác thải

Nhóm này gồm: Việc xử lý trước khi bỏ đi các loại rác thải theo các cách thức đa dạng bằng các phương tiện khác nhau, cũng như xử lý rác thải hữu cơ với mục đích tiêu huỷ; xử lý và tiêu huỷ các động vật sống hoặc chết bị nhiễm độc và các chất thải hư hỏng khác; xử lý và tiêu huỷ các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái của các bệnh viện, vứt bỏ rác thải trên mặt đất hoặc dưới nước; chôn lấp rác thải; tiêu huỷ các hàng hoá đã qua xử dụng như tủ lạnh nhằm mục đích loại bỏ các chất thải gây hại; tiêu huỷ các chất thải bằng cách đốt cháy. Nhóm này còn bao gồm cả việc phát điện kết quả từ xử lý đốt chất thải.

Loại trừ: Xử lý và tiêu huỷ nước thải được phân vào nhóm 3700 (Thoát nước và xử lý nước thải).

3821 - 38210: Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại

Nhóm này gồm:

Việc xử lý trước khi tiêu huỷ và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như:

+ Hoạt động của các khu đất dùng cho tiêu huỷ rác thải không độc hại,

+ Tiêu huỷ rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu huỷ hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro, tro bay hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác,

+ Xử lý rác thải hữu cơ để tiêu huỷ.

+ Sản xuất phân compốt từ chất thải hữu cơ.

Loại trừ:

- Đốt, thiêu huỷ rác thải nguy hiểm được phân vào nhóm 38229 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác);

- Hoạt động của các cơ sở mà nguyên, vật liệu có thể tái sử dụng đang ở dạng hỗn hợp như giấy, nhựa, lon đựng đồ uống đã dùng và kim loại, cần được phân loại riêng được phân vào nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Khử độc và làm sạch đất, nước; tiêu huỷ các vật liệu nhiễm độc được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác).

3822: Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại

Nhóm này gồm: Việc lọc bỏ xử lý trước khi đưa vào tiêu huỷ các chất thải độc hại dạng rắn và không rắn, gồm các chất thải như chất gây nổ, chất gỉ sét, dễ cháy, chất độc, kích thích, chất gây ung thư, chất phá huỷ dần, chất lây nhiễm và các chất khác có hại cho sức khoẻ con người và môi trường.

Loại trừ:

- Đốt chất thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại),

- Khử độc và làm sạch đất, mặt nước; tiêu huỷ các nguyên vật liệu độc được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác),

- Tái xử lý nhiên liệu hạt nhân được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hoá chất cơ bản).

38221: Xử lý và tiêu huỷ rác thải y tế

Nhóm này gồm: Hoạt động của các phương tiện xử lý và tiêu huỷ rác thải từ các cơ sở y tế.

38229: Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các phương tiện xử lý rác thải độc hại;

- Xử lý và tiêu huỷ các động vật sống và chết bị nhiễm độc và các chất thải gây bệnh khác;

- Thiêu huỷ rác thải độc hại;

- Tiêu huỷ các hàng hoá đã qua sử dụng như tủ lạnh để loại trừ các chất thải gây hại;

- Xử lý, tiêu huỷ và cất giữ các chất thải hạt nhân phóng xạ như:

+ Xử lý và tiêu huỷ các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái tức là những chất đang phân huỷ trong quá trình vận chuyển từ bệnh viện,

+ Đóng gói, chuẩn bị các điều kiện và các hoạt động xử lý khác đối với chất thải hạt nhân để cất giữ.

383 - 3830: Tái chế phế liệu

Nhóm này gồm: Quá trình chế biến các loại phế liệu, phế thải từ kim loại và phi kim loại thành dạng nguyên liệu thô mới để sử dụng vào các mục đích khác nhau. Quá trình chế biến được sử dụng kỹ thuật cơ học hoặc hoá học. Gồm việc tái chế các nguyên liệu từ các chất thải theo dạng là lọc và phân loại những nguyên liệu có thể tái chế từ các chất thải không độc hại (như là rác nhà bếp) hoặc lọc và phân loại các nguyên liệu có thể tái chế ở dạng hỗn hợp, ví dụ như giấy, nhựa, hộp đựng đồ uống đã qua sử dụng và kim loại thành các nhóm riêng.

Loại trừ:

- Sản xuất các sản phẩm hoàn chỉnh mới từ nguyên liệu thô thứ sinh (tự hoặc không tự sản xuất) như làm bột giấy từ giấy, giấy loại, đắp lại lốp xe hoặc sản xuất kim loại từ các mảnh vụn kim loại được phân vào các nhóm ngành tương ứng trong ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo);

- Xử lý lại nhiên liệu hạt nhân được phân vào nhóm 2011 (Sản xuất hoá chất cơ bản);

- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Xử lý các rác thải hữu cơ để tiêu huỷ được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Tái chế năng lượng từ việc xử lý đốt các chất thải không nguy hiểm được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Tiêu huỷ hàng hoá đã qua sử dụng như tủ lạnh để tránh rác thải gây hại được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Xử lý và tiêu huỷ các chất thải phóng xạ đang chuyển trạng thái từ các bệnh viện được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Xử lý và tiêu huỷ chất thải độc, chất thải gây ô nhiễm được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Tháo dỡ ô tô, máy tính, tivi và các thiết bị khác để thu và bán lại các bộ phận có thể dùng được được phân vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

- Bán buôn các nguyên liệu có thể tái chế được phân vào nhóm 4669 (Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu).

38301: Tái chế phế liệu kim loại

Nhóm này gồm:

- Nghiền cơ học đối với chất thải kim loại như ô tô đã bỏ đi, máy giặt, xe đạp với việc lọc và phân loại được thực hiện tiếp theo;

- Tháo dỡ ô tô, máy tính, tivi và các thiết bị khác để tái chế nguyên liệu;

- Thu nhỏ các tấm kim loại lớn như các toa xe đường sắt;

- Nghiền nhỏ các rác thải kim loại, như các phương tiện xe không còn dùng được nữa;

- Các phương pháp xử lý cơ học khác như cắt, nén để giảm khối lượng;

- Phá huỷ tàu.

38302: Tái chế phế liệu phi kim loại

Nhóm này gồm:

- Tái chế phi kim loại không phải rác thải trong nhiếp ảnh ví dụ như dung dịch tráng hoặc phim và giấy ảnh;

- Tái chế cao su như các lốp xe đã qua sử dụng để sản xuất các nguyên liệu thô mới;

- Phân loại và tổng hợp nhựa để sản xuất các nguyên liệu thô mới như làm ống, lọ hoa, bảng màu và những thứ tương tự;

- Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ;

- Đập nhỏ, làm sạch và phân loại thuỷ tinh;

- Đập nhỏ, làm sạch và phân loại các rác thải khác như rác thải từ đống đổ nát để sản xuất các nguyên liệu thô;

- Xử lý dầu và mỡ ăn qua sử dụng thành nguyên liệu thô;

- Xử lý chất thải từ thực phẩm, đồ uống, thuốc lá và chất còn dư thành nguyên liệu thô mới.

39: XỬ LÝ Ô NHIỄM VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI KHÁC

Ngành này gồm: Việc cung cấp dịch vụ khắc phục hậu quả, như việc dọn sạch các khu vực và các toà nhà hư hỏng, khu mỏ, đất, mặt nước và nước ngầm bị ô nhiễm.

390 - 3900 - 39000: Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

Nhóm này gồm:

- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;

- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;

- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;

- Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển;

- Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;

- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.

Loại trừ:

- Xử lý và tiêu huỷ chất thải không độc hại được phân vào nhóm 38210 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại);

- Xử lý và tiêu huỷ chất thải độc hại được phân vào nhóm 3822 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại);

- Quét dọn và phun nước trên đường phố được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt).

F: XÂY DỰNG

Ngành này gồm:

Tất cả các hoạt động xây dựng công trình chung và xây dựng chuyên dụng cho các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Bao gồm xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các cấu trúc hoặc cấu kiện đúc sẵn trên mặt bằng xây dựng và xây dựng các công trình tạm.

Hoạt động xây dựng chung bao gồm: xây dựng nhà ở, nhà làm việc, nhà kho, các công trình công ích và công cộng khác, các công trình nông nghiệp ... Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng bao gồm: đường xe ô tô, đường phố, cầu, cống, đường sắt, sân bay, cảng và các công trình thuỷ khác, hệ thống thuỷ lợi, hệ thống cấp, thoát nước, công trình công nghiệp, đường ống và đường dây điện, công trình thể thao... Các công việc này có thể tự thực hiện hay thuê ngoài. Một phần hoặc toàn bộ công việc có thể được thực hiện dưới dạng ký hợp đồng phụ với các nhà thầu khoán. Một đơn vị thực hiện xây dựng toàn bộ một dự án cũng nằm trong ngành này. Sửa chữa nhà ở và các công trình xây dựng dân dụng cũng nằm ở ngành này.

Ngành này gồm: xây dựng hoàn chỉnh công trình nhà ở (ngành 41), xây dựng hoàn chỉnh công trình dân dụng (ngành 42) và hoạt động xây dựng chuyên dụng nếu như các hoạt động này được thực hiện như là một phần của quá trình xây dựng (ngành 43).

- Thuê thiết bị xây dựng có kèm người điều khiển được phân vào hoạt động xây dựng cụ thể được thực hiện với thiết bị.

Ngành này cũng gồm: Phát triển các dự án xây dựng nhà ở hoặc các công trình xây dựng dân dụng bằng cách sử dụng các phương tiện tài chính, kỹ thuật và vật chất để thực hiện các dự án xây dựng để bán. Nếu những hoạt động này được thực hiện không phải để bán mà để sử dụng (ví dụ: cho thuê hay sản xuất) thì đơn vị thực hiện hoạt động này không thuộc ngành xây dựng mà được xếp theo hoạt động tác nghiệp của đơn vị, ví dụ: bất động sản, công nghiệp chế biến...

41-410: XÂY DỰNG NHÀ CÁC LOẠI

Ngành này gồm:

Hoạt động xây dựng hoàn chỉnh các khu nhà để ở hoặc không phải để ở, tự thực hiện hay trên cơ sở hợp đồng hoặc phí. Công việc này có thể thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ. Các đơn vị chỉ thực hiện một số công đoạn của quy trình xây dựng được xếp vào ngành 43 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng).

4101-41010: Xây dựng nhà để ở

Nhóm này gồm:

- Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như:

+ Nhà cho một hộ gia đình,

+ Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.

- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.

Loại trừ:

- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4102-41020: Xây dựng nhà không để ở

Nhóm này gồm:

- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như:

+ Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp...

+ Bệnh viện, trường học, nhà làm việc,

+ Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại,

+ Nhà ga hàng không,

+ Khu thể thao trong nhà,

+ Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm,

+ Kho chứa hàng,

+ Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng.

- Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;

Loại trừ:

- Cải tạo các công trình xây dựng đúc sẵn hoàn chỉnh từ các bộ phận tự sản xuất nhưng không phải bê tông, xem ngành 16 (Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện) và ngành 25 (Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);

- Xây dựng các công trình công nghiệp, loại trừ công trình nhà được phân vào nhóm 42930 (Xây dựng công trình chế biến, chế tạo);

- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

42: XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KỸ THUẬT DÂN DỤNG

Ngành này gồm:

Xây dựng các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng, bao gồm xây mới, sửa chữa, mở rộng và cải tạo, lắp ghép các công trình đúc sẵn trên công trường và xây dựng các công trình tạm;

Xây dựng các công trình lớn như đường ô tô, đường phố, cầu, cống, đường sắt, sân bay, cảng và công trình thuỷ khác, hệ thống thuỷ lợi, công trình công nghiệp, đường ống và đường điện, khu thể thao ngoài trời...cũng nằm trong phần này. Các công việc này có thể tự thực hiện hay trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Một phần công việc và đôi khi là toàn bộ công việc có thể được thực hiện dưới dạng ký hợp đồng phụ với các nhà thầu khoán.

421: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;

- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:

+ Rải nhựa đường;

+ Sơn đường và các loại tương tự;

+ Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự;

- Xây dựng cầu, bao gồm cầu trên đường cao tốc;

- Xây dựng đường hầm;

- Xây dựng đường sắt và đường cho tàu điện ngầm;

- Xây dựng đường băng sân bay.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);

- Hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc);

- Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4211-42110: Xây dựng công trình đường sắt

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường sắt (bao gồm cả cầu đường sắt);

- Xây dựng hầm đường sắt;

- Xây dựng đường tàu điện ngầm

- Sơn đường sắt;

- Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt và các loại tương tự.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);

- Hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 71101 (Hoạt động kiến trúc);

- Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4212-42120: Xây dựng công trình đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;

- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:

+ Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...

+ Sơn đường và các hoạt động sơn khác,

+ Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự,

- Xây dựng cầu, bao gồm cả cầu (không tính cầu đường sắt);

- Xây dựng hầm đường bộ;

- Xây dựng đường cho tàu điện ngầm,- Xây dựng đường băng sân bay, sân đỗ máy bay.

Loại trừ:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng và các biển báo bằng điện trên đường giao thông được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

- Hoạt động kiến trúc và cầu đường được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Quản lý dự án các công trình xây dựng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

422: Xây dựng công trình công ích

Nhóm này gồm:

- Xây dựng các mạng lưới đường ống vận chuyển, phân phối và các công trình, cấu trúc có liên quan:

+ Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông,

+ Các đường ống, mạng lưới truyền năng lượng, viễn thông và các công trình phụ trợ ở thành phố,

- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như:

+ Hệ thống thủy lợi (kênh),

+ Hồ chứa.

- Xây dựng các công trình cửa:

+ Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa,

+ Nhà máy xử lý nước thải,

+ Trạm bơm,

+ Nhà máy năng lượng,

- Khoan nguồn nước.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4221-42210: Xây dựng công trình điện

Nhóm này gồm:

- Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như:

+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài.

+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố.

+ Trạm biến áp.

- Xây dựng nhà máy điện.

Loại trừ : Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4222-42220: Xây dựng công trình cấp, thoát nước

Nhóm này gồm:

- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như :

+ Hệ thống thủy lợi (kênh).

+ Hồ chứa.

- Xây dựng các công trình cửa:

+ Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa.

+ Nhà máy xử lý nước thải.

+ Trạm bơm.

Loại trừ : Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4223-42230: Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Nhóm này gồm:

- Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan:

+ Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông.

+ Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ.

- Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4229-42290: Xây dựng công trình công ích khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình xử lý bùn.

- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ: Hoạt động quản lý dự án liên quan đến các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

429: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp không phải nhà như:

+ Nhà máy lọc dầu,

+ Nhà máy hoá chất,

- Xây dựng công trình thủy như:

+ Đường thuỷ, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...

+ Đập và đê.

- Hoạt động nạo vét đường thủy,

- Xây dựng đường hầm;

- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.

Nhóm này cũng gồm: Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công).

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4291-42910: Xây dựng công trình thủy

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình thủy như:

+ Đường thuỷ, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...

+ Đập và đê.

- Hoạt động nạo vét đường thủy.

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4292-42920: Xây dựng công trình khai khoáng

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như:

+ Nhà máy lọc dầu.

+ Công trình khai thác than, quặng…

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4293-42930: Xây dựng công trình chế biến, chế tạo

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp chế biến, chế tạo không phải nhà như:

+ Nhà máy sản xuất hoá chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác.

+ Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng.

+ Nhà máy chế biến thực phẩm,…

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

4299-42990: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Nhóm này gồm:

- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.

- Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công…).

Loại trừ: Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

43: HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHUYÊN DỤNG

Ngành này gồm:

Các hoạt động xây dựng chuyên dụng như : xây dựng một phần của toàn bộ công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng mà không phải là nhà thầu chính chịu trách nhiệm cho toàn bộ dự án. Hoạt động này đòi hỏi thiết bị và trình độ tay nghề được chuyên môn hoá như: đóng cọc, san nền, đổ khung, đổ bê tông, xếp gạch, xây ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái,... Việc lắp đặt các kết cấu thép mà các bộ phận của kết cấu thép được sản xuất không phải từ một đơn vị cũng thuộc ngành này. Các hoạt động xây dựng chuyên dụng hầu hết được thực hiện theo hình thức khoán thầu hay hợp đồng thầu phụ, tuy nhiên hoạt động sửa chữa công trình thường được thực hiện trực tiếp cho chủ sở hữu tài sản. Ngành này cũng bao gồm các hoạt động hoàn thiện và kết thúc công trình xây dựng.

Hoạt động lắp đặt công trình xây dựng bao gồm việc lắp đặt các thiết bị gắn liền với công trình xây dựng. Những hoạt động này thường được thực hiện tại công trường xây dựng mặc dù các thiết bị có thể được thực hiện ở các phân xưởng chuyên dụng. Ngành này cũng bao gồm các hoạt động như thăm dò; lắp đặt các hệ thống sưởi và điều hoà không khí, lắp đặt ăng ten, hệ thống báo động và các công việc thuộc về điện, hệ thống cấp thoát nước, thang máy, thang cuốn... Ngành này còn bao gồm cả lắp đặt chất dẫn cách (chống thấm, cách nhiệt, cách âm), lắp đặt tấm kim loại, lắp máy lạnh trong thương mại, lắp đặt các hệ thống chiếu sáng và hệ thống tín hiệu trên đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng, v.v... Hoạt động sửa chữa các thiết bị trên cũng thuộc ngành này.

Hoạt động hoàn thiện công trình bao gồm các hoạt động có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc công trình như: Lắp kính, trát, sơn, ốp gạch tường hoặc che phủ bằng những vật liệu khác như gỗ, thảm, giấy tường... lát sàn, hoàn thiện phần mộc, hệ thống âm thanh, làm sạch ngoại thất.., sửa chữa công trình với các hoạt động như trên cũng thuộc ngành này.

Việc thuê thiết bị có kèm người điều khiển được phân theo hoạt động xây dựng liên quan.

431: Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng

Nhóm này gồm: Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng cho các hoạt động xây dựng tiếp theo, bao gồm dỡ bỏ các công trình đang tồn tại trên mặt bằng đó.

4311 - 43110: Phá dỡ

Nhóm này gồm: Phá huỷ hoặc đập các toà nhà và các công trình khác.

4312 - 43120: Chuẩn bị mặt bằng

Nhóm này gồm: Những hoạt động chuẩn bị mặt bằng xây dựng. Cụ thể:

- Làm sạch mặt bằng xây dựng;

- Vận chuyển đất: đào, lấp, san và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá, nổ mìn...

- Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;

- Chuẩn bị mặt bằng để khai thác mỏ như: Chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí;

- Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng;

- Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng.

Loại trừ:

- Khoan giếng sản xuất dầu hoặc khí được phân vào nhóm 06100 (Khai thác dầu thô), 06200 (Khai thác khí đốt tự nhiên);

- Khử độc cho đất được phân vào nhóm 39000 (Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác);

- Khoan giếng nước được phân vào nhóm 42220 (Xây dựng công trình cấp, thoát nước);

- Đào ống thông vào hầm mỏ được phân vào nhóm 43900 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác);

- Thăm dò dầu và khí, điều tra địa chấn, địa vật lý, địa chất được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

432: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác

Nhóm này gồm: Hoạt động lắp đặt hỗ trợ cho hoạt động xây nhà, bao gồm lắp đặt hệ thống điện, hệ thống đường ống (nước, khí đốt và nước thải), hệ thống sưởi và điều hoà không khí, thang máy...

4321 - 43210: Lắp đặt hệ thống điện

Nhóm này gồm:

Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể:

+ Dây dẫn và thiết bị điện,

+ Đường dây thông tin liên lạc,

+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,

+ Đĩa vệ tinh,

+ Hệ thống chiếu sáng,

+ Chuông báo cháy,

+ Hệ thống báo động chống trộm,

+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,

+ Đèn trên đường băng sân bay.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình.

Loại trừ: Xây dựng đường truyền năng lượng và viễn thông được phân vào nhóm 42230 (Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc).

4322: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí

Nhóm này gồm:

Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.

Cụ thể:

- Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu);
- Lò sưởi, tháp làm lạnh;
- Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện;
- Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh;
- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí;
- Thiết bị khí đốt (gas);
- Đường ống dẫn hơi nước;
- Hệ thống phun nước chữa cháy;
- Hệ thống phun nước tưới cây;
- Lắp đặt hệ thống ống dẫn.

Loại trừ: Lắp đặt hệ thống sưởi bằng điện được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện).

43221: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước

Nhóm này gồm:

Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa;

Cụ thể:

+ Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh,
+ Đường ống dẫn hơi nước,
+ Hệ thống phun nước chữa cháy,
+ Hệ thống phun nước tưới cây,
+ Lắp đặt hệ thống ống dẫn cấp, thoát nước.

43222: Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí

Nhóm này gồm:

Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa. Cụ thể:

- Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu),
- Lò sưởi, tháp làm lạnh,
- Máy thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện,
- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí,
- Thiết bị khí đốt (gas),
- Bơm hơi,
- Lắp đặt hệ thống ống dẫn điều hoà không khí.

4329 - 43290: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Nhóm này gồm:

- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.

- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:

+ Thang máy, thang cuốn,

+ Cửa cuốn, cửa tự động,

+ Dây dẫn chống sét,

+ Hệ thống hút bụi,

+ Hệ thống âm thanh,

+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.

Loại trừ: Lắp đặt hệ thống máy móc công nghiệp được phân vào nhóm 3320 (Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp).

433 - 4330 - 43300: Hoàn thiện công trình xây dựng

Nhóm này gồm các hoạt động liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc công trình như:

- Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng,

- Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,

- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,

- Lắp đặt thiết bị nội thất,

- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được…

- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:

+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,

+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,

+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,

+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến…

+ Giấy dán tường,

- Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà,

- Sơn các kết cấu công trình dân dụng,

- Lắp gương, kính,

- Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng,

- Các công việc hoàn thiện nhà khác,

- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...

Loại trừ:

- Sơn đường được phân vào nhóm 421 (Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ).

- Lắp đặt cửa cuốn và cửa tự động được phân vào nhóm 43290 (lắp đặt hệ thống xây dựng khác).

- Các hoạt động làm sạch chung bên trong các toà nhà và kiến trúc khác được phân vào nhóm 81210 (Vệ sinh chung nhà cửa);

- Lau rửa chuyên nghiệp bên trong và bên ngoài các toà nhà được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt);

- Các hoạt động trang trí của người thiết kế bên trong các toà nhà được phân vào nhóm 74100 (Hoạt động thiết kế chuyên dụng).

439 - 4390 - 43900: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:

+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,

+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,

+ Chống ẩm các toà nhà,

+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),

+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,

+ Uốn thép,

+ Xây gạch và đặt đá,

+ Lợp mái các công trình nhà để ở,

+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,

+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,

+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.

- Các công việc dưới bề mặt;

- Xây dựng bể bơi ngoài trời;

- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;

- Thuê cần trục có người điều khiển.

Loại trừ: Thuê máy móc và thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển, được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

G: BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm:

Hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa (nhưng không làm thay đổi tính chất, công dụng của hàng hóa) và dịch vụ phụ trợ cho hoạt động bán hàng. Bán buôn và bán lẻ là công đoạn cuối cùng của hoạt động phân phối hàng hóa. Các hoạt động sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác cũng được phân loại vào ngành này.

Các hoạt động gắn với bán hàng hóa, thực hiện bằng tay, ví dụ sắp xếp, phân loại, lắp ráp, pha trộn hàng hoá (pha rượu vang, trộn cát), đóng chai (có hoặc không làm sạch chai), bao gói, chia nhỏ và đóng gói lại để phân phối hàng hóa với bao bì nhỏ hơn, bảo quản (đông lạnh hoặc ướp lạnh), làm sạch, sấy khô nông sản, cắt các tấm gỗ xơ ép hoặc những tấm kim loại được coi như các hoạt động thứ yếu.

Ngành 45 gồm những hoạt động bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác. Ngành 46 và 47 gồm các hoạt động bán hàng hóa loại khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Cơ sở để phân biệt giữa ngành 46 (bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)) và 47 (Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)) là dựa trên loại khách hàng chiếm tỷ trọng lớn hơn.

Bán buôn là hoạt động bán (không làm biến đổi hàng hoá) hàng hoá loại mới, loại đã qua sử dụng cho người bán lẻ, người sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức hoặc những người sử dụng mang tính chuyên môn, người bán buôn khác, hoặc liên quan đến hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa cho các cá nhân hoặc công ty đó. Các chủ thể kinh doanh bán buôn hàng hóa gồm: Nhà bán buôn chuyên doanh loại hàng hoá nào đó, nhà phân phối sản phẩm công nghiệp, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, hiệp hội mua hàng, hợp tác xã, chi nhánh bán hàng, văn phòng mua bán (nhưng không bao gồm cửa hàng bán lẻ) được các đơn vị sản xuất hoặc khai thác lập ra nhằm mục đích tiếp thị sản phẩm của họ và đơn vị bán hàng này không chỉ đơn thuần nhận đơn đặt

hàng và gửi hàng trực tiếp từ nhà máy hoặc hầm mỏ. Các hoạt động môi giới, đại lý, ủy thác hưởng hoa hồng, thu gom nông sản cũng được phân loại vào hoạt động bán buôn. Người bán buôn thường tiến hành lắp ráp, phân loại và chia hàng hoá từ những lô lớn, đóng gói lại thành lô nhỏ, bao gói nhỏ hơn (như đối với dược phẩm chẳng hạn) hoặc lưu giữ, bảo quản đông lạnh, lắp ráp, phân phối hàng hóa, thực hiện khuyến mãi cho khách hàng, thiết kế nhãn mác hàng hóa.

Bán lẻ là bán lại (không làm biến đổi hàng hoá) những hàng hoá loại mới và hàng đã qua sử dụng chủ yếu cho cộng đồng để tiêu dùng cho cá nhân hoặc hộ gia đình, ở các cửa hàng, siêu thị, trung tâm mua bán, quầy hàng, cửa hàng nhận đặt và trả hàng bằng đường bưu điện, bán tại chợ hoặc lưu động, hợp tác xã mua bán, đấu giá viên... Người bán lẻ thường có quyền sở hữu hàng hóa mà họ bán trong khi các hoạt động đại lý chỉ bán hàng theo ủy nhiệm của người ký gửi hoặc bán hàng để hưởng hoa hồng.

45: BÁN, SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Ngành này gồm:

- Các hoạt động (trừ sản xuất và cho thuê) liên quan tới bán ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, kể cả ô tô vận tải, như bán buôn và bán lẻ xe cũ và mới, sửa chữa và bảo dưỡng xe và bán buôn, bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, kể cả hoạt động đại lý liên quan đến bán buôn, bán lẻ các hàng hóa này.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động rửa, đánh bóng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Loại trừ: Hoạt động bán lẻ nhiên liệu, dầu mỡ nhờn bôi trơn hoặc làm mát động cơ, cho thuê ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

451: Bán ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

4511: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.

45111: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) loại mới và loại đã qua sử dụng:

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Cho thuê ô tô con có kèm người lái được phân vào nhóm 49329 (Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê xe ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) không kèm người lái được phân vào nhóm 77101 (Cho thuê ô tô).

45119: Bán buôn xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng:

- Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;

- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;

- Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;

- Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Cho thuê ô tô chở khách có kèm người lái được phân vào nhóm 49321 (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh) và cho thuê xe ô tô chở khách không kèm người lái được phân vào nhóm 77109 (Cho thuê xe có động cơ khác);

- Cho thuê ô tô vận tải, ô tô chuyên dụng, xe có động cơ khác có kèm người lái được phân vào nhóm 4933 (Vận tải hàng hóa bằng đường bộ) các phân nhóm tương ứng với loại phương tiện;

- Cho thuê ô tô vận tải, ô tô chuyên dụng, xe có động cơ khác không kèm người lái được phân vào nhóm 77109 (Cho thuê xe có động cơ khác).

4512 - 45120: Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Bán lẻ ô tô con, loại 9 chỗ ngồi trở xuống không kể người lái, loại mới và loại đã qua sử dụng:

Loại trừ:

- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con được phân vào nhóm 45302 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Cho thuê ô tô con có kèm người lái được phân vào nhóm 49321 (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);

- Cho thuê ô tô con không kèm người lái được phân vào nhóm 77101 (Cho thuê ô tô).

4513: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá ô tô và xe có động cơ khác.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 4511 (Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác) và bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 4512 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá các mặt hàng khác được phân vào nhóm 4610 (Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa);

- Đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 4799 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

45131: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá ô tô con 9 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng:

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô loại này được phân vào nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và bán lẻ được phân vào nhóm 45120 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Đại lý bán lẻ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

45139: Đại lý xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.

Cụ thể:

- Ô tô chở khách loại trên 9 chỗ ngồi, kể cả loại chuyên dụng như xe cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ;

- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh; rơ-moóc và bán rơ-moóc;

- Ô tô chuyên dụng: Xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang...

Loại trừ:

- Bán buôn xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Đại lý bán lẻ xe có động cơ khác bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

452 - 4520 - 45200: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô:

+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,

+ Bảo dưỡng thông thường,

+ Sửa chữa thân xe,

+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,

+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,

+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,

+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,

+ Sửa chữa, bơm vá săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,

+ Xử lý chống gỉ,

+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;

- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác:

+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác,

+ Bảo dưỡng thông thường,

+ Sửa chữa thân xe,

+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,

+ Sửa chữa, bơm vá săm, lốp lắp đặt hoặc thay thế,

+ Xử lý chống gỉ,

+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.

Loại trừ:

- Đắp và tái chế lốp ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su).

453 - 4530: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

45301: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: Săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...

Loại trừ: Bán buôn nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 46613 (Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).

45302: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)

Nhóm này gồm: Bán lẻ, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống như: Săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...

Loại trừ: Bán lẻ nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 47300 (Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh).

45303: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác); bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống được phân vào nhóm 45302 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống));

- Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá các mặt hàng khác được phân vào nhóm 4610 (Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa);

- Đại lý bán lẻ phụ tùng ô tô, mô tô xe máy và và xe có động cơ khác bên ngoài cửa hàng, được xếp vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

454: Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

4541: Bán mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý mô tô, xe máy.

45411: Bán buôn mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45431 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

45412: Bán lẻ mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán lẻ mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet.

Loại trừ:

- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45432 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

45413: Đại lý mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng.

Loại trừ:

- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45432 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Đại lý bán lẻ mô tô, xe máy bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

4542 - 45420: Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động;

- Bảo dưỡng thông thường;

- Sửa chữa khung, càng, yếm, yên đệm mô tô, xe máy;

- Sửa chữa các bộ phận khác của mô tô, xe máy;

- Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn;

- Dịch vụ đổ nước xe, dán keo xe;

- Sửa chữa, bơm vá săm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế;

- Xử lý chống gỉ;

- Thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.

Loại trừ: Đắp và tái chế lốp mô tô xe máy được phân vào nhóm 22110 (Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su).

4543: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.

45431: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: Săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện...

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 46613 (Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan).

45432: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Bán lẻ, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: Săm, lốp, yếm xe, cốp xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện...

Loại trừ:

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 47300 (Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán lẻ phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh).

45433: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy

Nhóm này gồm: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới, đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.

Loại trừ:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45431 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy) và bán lẻ các mặt hàng này được xếp vào nhóm 45432 (Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán buôn phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu) và bán lẻ phụ tùng xe đạp được phân vào nhóm 47738 (Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Cho thuê mô tô, xe máy được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Đại lý bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

46: BÁN BUÔN (TRỪ Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC)

Ngành này gồm:

Hoạt động bán buôn hoặc đại lý liên quan đến thương mại trong nước và ngoài nước (cụ thể là hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa).

Bán buôn là bán hàng hoá loại mới và loại đã qua sử dụng cho người bán lẻ, người sản xuất kinh doanh (mà không làm thay đổi thành phần, tính chất, công dụng) như doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp thương mại, cơ quan, tổ chức chuyên môn, hoặc bán lại cho người bán buôn khác, cho các đại lý, tổ chức môi giới mua bán hàng hoá. Các chủ thể kinh doanh bán buôn hàng hóa gồm: nhà bán buôn chuyên doanh loại hàng hoá nào đó, nhà phân phối sản phẩm công nghiệp, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, hiệp hội mua hàng, hợp tác xã, chi nhánh bán hàng, văn phòng mua bán (nhưng không bao gồm cửa hàng bán lẻ) được các đơn vị sản xuất hoặc khai thác lập ra nhằm mục đích tiếp thị sản phẩm của họ và đơn vị bán hàng này không chỉ đơn thuần nhận đơn đặt hàng và gửi hàng trực tiếp từ nhà máy hoặc hầm mỏ. Các hoạt động môi giới, đại lý, ủy thác hưởng hoa hồng, thu gom nông sản cũng được phân loại vào hoạt động bán buôn.

Người bán buôn thường tiến hành lắp ráp, phân loại và chia hàng hoá từ những lô lớn, đóng gói lại thành lô nhỏ, bao gói nhỏ hơn ví dụ đối với dược phẩm hoặc lưu giữ, bảo quản đông lạnh, lắp ráp, phân phối hàng hóa, thực hiện khuyến mãi cho khách hàng, thiết kế nhãn mác hàng hóa.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác được phân vào các nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)), 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy) và 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác được phân vào các nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác), 45431 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Thuê và cho thuê hàng hoá được phân vào ngành 77 (Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính);

- Đóng gói hàng hoá rắn và đóng chai hàng hoá lỏng hoặc khí, kể cả pha trộn hoặc lọc theo yêu cầu của bên mua được phân vào nhóm 82920 (Dịch vụ đóng gói).

461- 4610: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa

46101: Đại lý bán hàng hóa

Nhóm này gồm:

- Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý về các loại hàng hóa:

+ Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm,

+ Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón,

+ Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc lào,

+ Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giầy dép, các sản phẩm da và giả da,

+ Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng,

+ Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay,

+ Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;

- Hoạt động của các đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán buôn qua tài khoản của mình được phân vào các nhóm từ 4620 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống) đến 4690 (Bán buôn tổng hợp);

- Hoạt động của đại lý hưởng hoa hồng, môi giới, đấu giá liên quan đến ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống được xếp vào nhóm 45131 (Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)), xe có động cơ khác được xếp vào nhóm 45139 (Đại lý xe có động cơ khác), mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45413 (Đại lý mô tô, xe máy);

- Hoạt động của đại lý hưởng hoa hồng, môi giới, đấu giá liên quan đến phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45303 (Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác), mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45433 (Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy);

- Bán lẻ qua đại lý hưởng hoa hồng bên ngoài cửa hàng được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của các đại lý bảo hiểm được phân vào nhóm 66220 (Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm);

- Hoạt động của các đại lý bất động sản được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).

46102: Môi giới mua bán hàng hóa

Nhóm này gồm: Các hoạt động môi giới mua, bán các loại hàng hóa: thương nhân là trung gian (bên môi giới) cho các bên mua bán hàng hoá (bên được môi giới) về các loại hàng hóa:

- Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm;

- Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón;

- Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào;

- Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày, dép, các sản phẩm da và giả da;

- Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng;

- Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay;

- Giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim.

Loại trừ:

- Hoạt động môi giới bảo hiểm được phân vào nhóm 66220 (Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm);

- Hoạt động môi giới mua bán bất động sản được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).

46103: Đấu giá hàng hóa

Nhóm này gồm: Các hoạt động của người có tài sản đấu giá tự mình hoặc thuê người tổ chức đấu giá thực hiện việc bán hàng công khai để chọn người mua trả giá cao nhất về các loại hàng hóa:

- Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm;

- Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón;

- Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;

- Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da;

- Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng;

- Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay;

- Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim.

Loại trừ: Hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).

462 - 4620: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác;

- Bán buôn hạt, quả có dầu;

- Bán buôn hoa và cây;

- Bán buôn thuốc lá lá;

- Bán buôn động vật sống;

- Bán buôn da sống và bì sống;

- Bán buôn da thuộc;

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.

Loại trừ: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt được phân vào nhóm 46695 (Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).

46201: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác

Nhóm này gồm: Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống.

46202: Bán buôn hoa và cây

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống.

46203: Bán buôn động vật sống

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản).

46204: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản;

- Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản.

- Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Loại trừ: Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh được phân vào nhóm 46329 (Bán buôn thực phẩm khác).

46209: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)

Nhóm này gồm:

- Bán buôn hạt, quả có dầu;

- Bán buôn thuốc lá lá;

- Bán buôn da sống và bì sống;

- Bán buôn da thuộc;

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Bán buôn gỗ, tre, nứa được phân vào nhóm 46631 (Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến);

- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt được phân vào nhóm 46695 (Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).

463: Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào

Nhóm này gồm: Bán buôn lương thực, thực phẩm tươi và thực phẩm chế biến, đồ uống có cồn hoặc không có cồn và các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.

4631 - 46310: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ

Nhóm này gồm: Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động thu mua, phân loại, đánh bóng, đóng bao gạo gắn liền với bán buôn trong nước và xuất khẩu.

- Hoạt động thu mua, phân loại, đóng bao lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ gắn liền với bán buôn trong nước và xuất khẩu.

Loại trừ: Xay xát, đánh bóng, hồ gạo, không gắn liền với hoạt động bán buôn được phân vào nhóm 10611 (Xay xát).

4632: Bán buôn thực phẩm

Nhóm này gồm: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...

Loại trừ:

- Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu được phân vào nhóm 46331 (Bán buôn đồ uống có cồn);

- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh được phân vào nhóm 46329 (Bán buôn thực phẩm khác);

- Pha trộn rượu vang hoặc chưng cất rượu mạnh được phân vào nhóm 1101 (Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh) và nhóm 1102 (Sản xuất rượu vang).

46321: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế;

- Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng dạng thịt từ gia súc, gia cầm.

Loại trừ: Bán buôn gia súc, gia cầm sống được phân vào nhóm 46203 (Bán buôn động vật sống).

46322: Bán buôn thủy sản

Nhóm này gồm: Bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua...), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc...), động vật không xương sống khác sống dưới nước.

46323: Bán buôn rau, quả

Nhóm này gồm:

- Bán buôn các loại rau, củ, tươi, đông lạnh và chế biến, nước rau ép;

- Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến, nước quả ép.

46324: Bán buôn cà phê

Nhóm này gồm: Bán buôn cà phê hạt, đã hoặc chưa rang, cà phê bột.

46325: Bán buôn chè

Nhóm này gồm: Bán buôn các loại chè đen, chè xanh đã hoặc chưa chế biến, đóng gói, kể cả loại chè đóng gói nhỏ pha bằng cách nhúng gói chè vào nước (chè Lippton, Dilmate...).

46326: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao...;

- Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc... và sản phẩm sữa như bơ, phomat...;

- Bán buôn mỳ sợi, bún, bánh phở, miến, mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.

46329: Bán buôn thực phẩm khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng;

- Bán buôn dầu, mỡ động thực vật;

- Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;

- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh.

4633: Bán buôn đồ uống

Nhóm này gồm: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn.

46331: Bán buôn đồ uống có cồn

Nhóm này gồm:

- Bán buôn rượu mạnh;

- Bán buôn rượu vang;

- Bán buôn bia.

Nhóm này cũng gồm:

- Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu;

- Rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

Loại trừ: Pha trộn rượu vang hoặc chưng cất rượu mạnh được phân vào nhóm 11010 (Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh) và nhóm 11020 (Sản xuất rượu vang).

46332: Bán buôn đồ uống không có cồn

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...;

- Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.

Loại trừ:

- Bán buôn nước rau ép, nước quả ép được phân vào nhóm 46323 (Bán buôn rau, quả);

- Bán buôn đồ uống có thành phần cơ bản là sữa được phân vào nhóm 46326 (Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột);

- Bán buôn các sản phẩm cà phê và chè được phân vào nhóm 46324 (Bán buôn cà phê) và nhóm 46325 (Bán buôn chè);

- Bán buôn rượu vang và bia không chứa cồn được phân vào nhóm 46331 (Bán buôn đồ uống có cồn).

4634 - 46340: Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào

Nhóm này gồm: Bán buôn sản phẩm thuốc lá như thuốc lá điếu, xì gà, các sản phẩm thuốc lào.

Loại trừ: Bán buôn thuốc lá lá được phân vào nhóm 46209 (Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)).

464: Bán buôn đồ dùng gia đình

Nhóm này gồm: Bán buôn đồ dùng gia đình, kể cả hàng dệt.

4641: Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Nhóm này gồm: Bán buôn vải, hàng dệt, quần áo và hàng may mặc khác, giày dép...

46411: Bán buôn vải

Nhóm này gồm: Bán buôn vải dệt thoi, dệt kim đan móc, các loại vải dệt đặc biệt khác.

46412: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thảm treo tường, thảm trải sàn;

- Bán buôn chăn, màn, đệm rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác;

- Bán buôn chỉ khâu, chỉ thêu và hàng dệt khác.

Loại trừ: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt được phân vào nhóm 46695 (Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt)

46413: Bán buôn hàng may mặc

Nhóm này gồm:

- Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho đàn ông và trẻ em trai;

- Bán buôn quần áo, kể cả quần áo thể thao, cho phụ nữ và trẻ em gái;

- Bán buôn đồ phụ kiện may mặc như: Khăn quàng cổ, găng tay, tất, cravat...;

- Bán buôn hàng may mặc bằng da lông, da và giả da.

Loại trừ: Bán buôn hàng da và giả da khác được phân vào nhóm 46491 (Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác).

46414: Bán buôn giày dép

Nhóm này gồm: Bán buôn giày dép bằng mọi chất liệu.

4649: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

46491: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác

Nhóm này gồm: Bán buôn va li, túi, cặp, túi, ví, thắt lưng, hàng du lịch... bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác.

46492: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế

Nhóm này gồm:

- Bán buôn tân dược;

- Bán buôn dụng cụ y tế: Bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...;

- Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính...

- Bán thuốc thú y.

46493: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm;

- Bán buôn hàng mỹ phẩm: Son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...;

- Chế phẩm vệ sinh: Xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...

46494: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;

- Bán buôn đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.

46495: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đèn và bộ đèn điện;

- Bán buôn thiết bị, dụng cụ điện dùng trong sinh hoạt gia đình như: quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, bàn là, máy sấy tóc...

Loại trừ:

- Bán buôn thiết bị nghe nhìn và thiết bị điện tử khác dùng điện được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);

- Bán buôn bình đun nước nóng dùng điện, loại lắp đặt trong xây dựng được phân vào nhóm 46639 (Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm).

46496: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự

Nhóm này gồm:

- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác;

- Bán buôn đồ dùng nội thất tương tự như: Giá sách, kệ... bằng gỗ, song, mây và vật liệu khác.

Loại trừ: Bán buôn tủ, bàn, ghế văn phòng được phân vào nhóm 46594 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)).

46497: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm

Nhóm này gồm:

- Bán buôn sách, truyện, kể cả sách giáo khoa;

- Bán buôn báo, tạp chí, bưu thiếp và các ấn phẩm khác;

- Bán buôn văn phòng phẩm.

Loại trừ: Bán buôn tủ, bàn, ghế văn phòng được phân vào nhóm 46594 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)).

46498: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao

Nhóm này gồm:

- Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể dục;

- Bán buôn thiết bị, dụng cụ thể thao.

Loại trừ:

- Bán buôn quần áo thể thao được phân vào nhóm 46413 (Bán buôn hàng may mặc);

- Bán buôn giày thể thao được phân vào nhóm 46414 (Bán buôn giày, dép).

46499: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...;

- Bán buôn ô dù;

- Bán buôn dao, kéo;

- Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp;

- Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp);

- Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh;

- Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;

- Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.

Loại trừ:

- Bán buôn băng, đĩa, CD, DVD trắng được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiệt điện tử, viễn thông);

- Bán buôn văn phòng phẩm được phân vào nhóm 46497 (Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm).

465: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy

Nhóm này gồm: Bán buôn máy vi tính, thiết bị viễn thông, máy móc chuyên dụng cho các ngành sản xuất và máy móc thiết bị khác.

4651 - 46510: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi;

- Bán buôn phần mềm.

Loại trừ:

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) được phân vào nhóm 46594 (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi));

- Bán buôn máy móc, thiết bị được điều khiển thông qua máy vi tính được phân vào các mã tương ứng theo công dụng của máy trong nhóm 4659 tùy theo công dụng của máy.

4652 - 46520: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Nhóm này gồm:

- Bán buôn van và ống điện tử;

- Bán buôn thiết bị bán dẫn;

- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;

- Bán buôn mạch in;

- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng);

- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;

- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;

- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD.

Loại trừ:

- Bán buôn băng video, audio, CDs, DVDs đã ghi được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm).

4653 - 46530: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp như:

+ Máy cày, bừa, máy rắc phân, máy gieo hạt,

+ Máy gặt lúa, máy đập lúa,

+ Máy vắt sữa,

+ Máy nuôi ong, máy ấp trứng, nuôi gia cầm,

+ Máy kéo được sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Máy cắt cỏ.

4659: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;

- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;

- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;

- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;

- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;

- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;

- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;

- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;

- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;

- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;

- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô, kể cả rơ - moóc và xe tải lớn có mui, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Bán buôn môtô, xe máy được phân vào nhóm 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy);

- Bán buôn xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm);

- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử và viễn thông được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông).

46591: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng

Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén...

46592: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)

Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, rơle, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác.

46593: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày

Nhóm này gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành dệt như: Máy xe, máy chải, máy dệt...;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành may như: Máy cắt vải, máy khâu, máy đính cúc, máy thùa khuyết...;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành da giày.

Nhóm này cũng gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy dùng cho ngành dệt, may, da giày điều khiển bằng máy vi tính.

46594: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

Nhóm này gồm:

- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng bằng mọi chất liệu;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy huỷ giấy, máy fax...

Loại trừ: Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm).

46595: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong y tế, nha khoa, cho mục đích chẩn đoán bệnh, chữa bệnh.

46599: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;

- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;

- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;

- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.

Nhóm này cũng gồm:

- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;

- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.

Loại trừ:

- Bán buôn ô tô, kể cả rơ-moóc và xe tải lớn có mui, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45111 (Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và 45119 (Bán buôn xe có động cơ khác);

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe có động cơ khác được phân vào nhóm 45301 (Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác);

- Bán buôn mô tô, xe máy được phân vào nhóm 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy);

- Bán buôn xe đạp được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn máy vi tính và thiết bị ngoại vi được phân vào nhóm 46510 (Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm);

- Bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử và viễn thông được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông).

466: Bán buôn chuyên doanh khác

Nhóm này gồm: Hoạt động bán buôn chuyên doanh nguyên, nhiên vật liệu, trừ nông lâm sản thô, không sử dụng cho tiêu dùng cá nhân và hộ gia đình, chưa được phân vào nhóm nào khác.

4661: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Nhóm này gồm: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như:

- Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha;

- Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa;

- Khí dầu mỏ, khí butan và proban đã hoá lỏng;

- Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.

46611: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác

Nhóm này gồm: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha.

46612: Bán buôn dầu thô

Nhóm này gồm: Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế.

46613: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan

Nhóm này gồm:

- Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa;

- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác.

46614: Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan

Nhóm này gồm: Bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng.

4662: Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Nhóm này gồm:

- Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu;

- Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh;

- Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;

- Bán buôn vàng và kim loại quý khác.

Loại trừ:

- Bán buôn phế thải, phế liệu bằng kim loại được phân vào nhóm 46697 (Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại).

46621: Bán buôn quặng kim loại

Nhóm này gồm:

- Bán buôn quặng sắt;

- Bán buôn quặng đồng, chì, nhôm, kẽm và quặng kim loại màu khác.

46622: Bán buôn sắt, thép

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gang thỏi, gang kính dạng thỏi;

- Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi, thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L...).

Loại trừ: Bán buôn đồ dùng gia đình bằng sắt, thép được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu).

46623: Bán buôn kim loại khác

Nhóm này gồm: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.

Loại trừ: Bán buôn đồ dùng gia đình bằng kim loại màu được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu).

46624: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác

Nhóm này gồm:

- Bán buôn vàng, bạc dạng bột, vảy, thanh, thỏi...;

- Bán buôn kim loại quý khác.

Loại trừ: Bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc và kim loại quý khác được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu).

4663: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;

- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;

- Bán buôn sơn và véc ni;

- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;

- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;

- Bán buôn kính phẳng;

- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;

- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;

- Bán buôn bình đun nước nóng;

- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;

- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;

- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.

46631: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến

Nhóm này gồm:

- Bán buôn tre, nứa;

- Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến.

46632: Bán buôn xi măng

Nhóm này gồm:

- Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng;

- Bán buôn clanhke.

46633: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gạch xây, ngói lợp mái;

- Bán buôn đá, cát, sỏi;

- Bán buôn vật liệu xây dựng khác.

Loại trừ: Bán buôn đá ốp lát được phân vào nhóm 46636 (Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh).

46634: Bán buôn kính xây dựng

Nhóm này gồm: Bán buôn kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào...

46635: Bán buôn sơn, véc ni

Nhóm này gồm:

- Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;

- Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm.

46636: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh

Nhóm này gồm:

- Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;

- Bán buôn bình đun nước nóng;

- Bán buôn thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác...

46637: Bán buôn đồ ngũ kim

Nhóm này gồm:

- Bán buôn đồ ngũ kim: Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...;

- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.

46639: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Nhóm này gồm:

- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;

- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...

4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, sôđa, muối công nghiệp, axít và lưu huỳnh,...;

- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;

- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;

- Bán buôn cao su;

- Bán buôn sợi dệt...;

- Bán buôn bột giấy;

- Bán buôn đá quý;

- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.

Loại trừ:

- Thu gom rác thải từ quá trình sản xuất công nghiệp và các hộ gia đình được phân vào nhóm 3811 (Thu gom rác thải không độc hại);

- Xử lý rác thải, không nhằm sử dụng tiếp trong quy trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải);

- Xử lý phế liệu, phế thải và những sản phẩm khác thành nguyên liệu thô thứ cấp để tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất khác (nguyên liệu thô thứ cấp được tạo ra có thể được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất công nghiệp nhưng không phải là sản phẩm cuối cùng) được phân và nhóm 3830 (Tái chế phế liệu);

- Tháo dỡ ô tô, máy vi tính, tivi và thiết bị khác để lấy nguyên liệu được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Nghiền xe ôtô bằng các phương tiện cơ học được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

46691: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Bán buôn phân bón;

- Bán buôn thuốc trừ sâu;

- Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp: Thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây, các hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

46692: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)

Nhóm này gồm: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, sôđa, muối công nghiệp, axít và lưu huỳnh,...

46693: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh

Nhóm này gồm: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt, bột, bột nhão.

46694: Bán buôn cao su

Nhóm này gồm: Bán buôn cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên hoặc tổng hợp).

46695: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt

Nhóm này gồm:

- Bán buôn tơ, xơ dệt;

- Bán buôn sợi dệt đã xe.

46696: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép

Nhóm này gồm:

- Bán buôn phụ liệu may mặc: mex dựng, độn vai, canh tóc, khoá kéo...;

- Bán buôn phụ liệu giày dép: mũ giày, lót giày, đế giày, đinh bấm...

46697: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại

Nhóm này gồm: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại hoặc phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.

Loại trừ:

- Thu gom rác thải từ quá trình sản xuất công nghiệp và các hộ gia đình được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại);

- Xử lý rác thải, không nhằm sử dụng tiếp trong quy trình sản xuất công nghiệp được phân vào nhóm 382 (Xử lý và tiêu huỷ rác thải);

- Xử lý phế liệu, phế thải và những sản phẩm khác thành nguyên liệu thô thứ cấp để tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất khác (nguyên liệu thô thứ cấp được tạo ra có thể được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất công nghiệp nhưng không phải là sản phẩm cuối cùng), nếu là sản phẩm kim loại thì được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại), nếu là sản phẩm phi kim loại thì được phân vào nhóm 38302 (Tái chế phế liệu phi kim loại);

- Tháo dỡ ô tô, máy vi tính, tivi và thiết bị khác để lấy nguyên liệu được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Nghiền ôtô bằng các phương tiện cơ học được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Phá tàu cũ được phân vào nhóm 38301 (Tái chế phế liệu kim loại);

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng được phân vào nhóm 4774 (Bán lẻ hàng hoá đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

46699: Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán buôn bột giấy;

- Bán buôn đá quý;

- Bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu.

469 - 4690 - 46900: Bán buôn tổng hợp

Nhóm này gồm: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

47: BÁN LẺ (TRỪ Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC)

Ngành này gồm:

Hoạt động bán lại (không làm biến đổi hàng hoá) hàng hoá loại mới và loại đã qua sử dụng cho cộng đồng, cho tiêu dùng của cá nhân, hộ gia đình hoặc tiêu dùng xã hội, được thực hiện ở các cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tổng hợp, trung tâm thương mại, quầy hàng, sạp bán hàng, cửa hàng nhận đặt và trả hàng qua bưu điện, hợp tác xã mua bán, bán hàng lưu động hoặc tại chợ.

Phân loại hoạt động bán lẻ trước hết căn cứ vào điểm bán hàng, nơi bán hàng. Trên cơ sở này, bán lẻ được phân chia thành: Bán lẻ ở các cửa hàng, được phân vào các nhóm từ 471 (Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp) đến 477 (Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh); bán lẻ không ở cửa hàng được phân vào các nhóm 478 (Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ) và 479 (Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)).

Bán lẻ ở cửa hàng bao gồm cả bán lẻ hàng hoá đã qua sử dụng được phân vào nhóm 4774 (Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh). Bán lẻ ở cửa hàng còn được phân biệt chi tiết hơn giữa bán lẻ chuyên doanh được phân vào các nhóm từ 472 (Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh) đến 477 (Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh) và bán lẻ tổng hợp không chuyên doanh được phân vào nhóm 471 (Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp). Những ngành này được tiếp tục phân chia thành ngành cấp IV, cấp V căn cứ vào loại sản phẩm được bán.

Bán lẻ không ở cửa hàng được phân theo loại hình bán lẻ tại sạp hàng, kiốt, quầy hàng tại chợ hoặc quầy, sạp lưu động được phân vào nhóm 478 (Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ) và bán lẻ khác không thực hiện tại cửa hàng, ví dụ như nhận đặt hàng qua bưu điện, internet, trả hàng tại nhà, máy bán hàng tự động... được phân vào nhóm 479 (Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)).

Hàng hóa bán lẻ nhìn chung là hàng tiêu dùng. Những loại hàng hoá thường không đưa vào bán lẻ, như quặng, máy móc, thiết bị công nghiệp không được đề cập ở ngành này. Ngành này cũng gồm các đơn vị mà hoạt động của họ chủ yếu liên quan tới việc bán một số loại hàng hóa cho tiêu dùng của các cơ quan, tổ chức như máy tính, văn phòng phẩm, sơn hoặc gỗ xẻ, mặc dù có thể chúng không được sử dụng cho tiêu dùng cá nhân hoặc hộ gia đình. Một số hoạt động gia công như phân loại, bảo quản, đóng gói hàng hóa, lắp ráp thiết bị, đồ dùng gia đình...mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động bán hàng cũng được phân loại theo hoạt động bán lẻ.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động bán lẻ của các đại lý, cửa hàng ký gửi hàng hóa, hoạt động của các đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán nông sản của nông dân được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Sản xuất và bán hàng hóa, nhìn chung được phân vào các ngành sản xuất, chế biến từ ngành 10 đến 32;

- Bán ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng được phân vào ngành 45 (Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

- Bán quặng, dầu thô, hoá chất công nghiệp, sắt thép, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp được phân vào ngành 46 (Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Bán đồ ăn, đồ uống dùng tại chỗ và bán đồ ăn mang về được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống);

- Cho thuê hàng hoá sử dụng cho cá nhân và hộ gia đình được phân vào nhóm 772 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình).

471: Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Nhóm này gồm: Bán lẻ nhiều loại sản phẩm ở cùng một cửa hàng (cửa hàng không chuyên doanh), như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng bách hoá.

4711: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Nhóm này gồm: Bán lẻ nhiều loại hàng hoá, tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, doanh thu chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm... nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

47111: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong siêu thị, tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm...nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

47112: Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong minimarket, cửa hàng tiện lợi tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm...nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

47119: Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác, tuy nhiên trong đó hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá thuốc lào là chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài các loại hàng hóa này, các cửa hàng đó còn bán lẻ các loại hàng hóa khác như quần áo, giường, tủ, bàn ghế, đồ ngũ kim, hoá mỹ phẩm...nhưng các loại hàng này chiếm tỷ trọng nhỏ.

4719: Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

47191: Bán lẻ trong s*iêu thị (Supermarket)*

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong siêu thị, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc lào có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.

47192:Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi(Minimarket)

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong minimarket, cửa hàng tiện lợi, bán nhiều loại hàng hóa: quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác.

47199: *Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác*

Nhóm này gồm:

Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác

472: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ tại các cửa hàng chuyên bán lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.

4721 - 47210: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ của các cửa hàng chuyên doanh gạo, lúa mỳ, bột mỳ, ngô...

Loại trừ:

- Xay, xát, đánh bóng, hồ gạo được phân vào nhóm 10611 (Xay xát);

- Sản xuất bột gạo, bột mỳ, bột ngô được phân vào nhóm 10612 (Sản xuất bột thô).

4722: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến;

- Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng;

- Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;

- Hàng thuỷ sản tươi, đông lạnh và chế biến;

- Bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột;

- Thực phẩm khác.

47221: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Thịt gia súc, gia cầm và thịt gia cầm tươi, sống, ướp lạnh hoặc đông lạnh;

- Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc, gia cầm, tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông;

- Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia súc, gia cầm, đã sơ chế hoặc bảo quản (ngâm muối, sấy khô, hun khói...);

- Bột mịn và bột thô từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ.

47222: Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Cá, tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông, khô, hoặc đã được sơ chế, chế biến khác;

- Tôm, cua và động vật giáp xác khác, sống, tươi, ướp lạnh, ướp đông, khô hoặc đã được sơ chế, bảo quản hoặc chế biến khác;

- Mực, bạch tuộc và động vật thân mềm, động vật không xương sống khác sống dưới nước, tươi, ướp lạnh, đông, khô hoặc đã được sơ chế, bảo quản, chế biến khác;

- Hàng thủy sản khác.

47223: Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Rau, tươi, ướp lạnh, hoặc đã được bảo quản cách khác;

- Quả, tươi, ướp lạnh hoặc đã được bảo quản cách khác;

- Nước rau ép, nước quả ép.

47224: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Đường;

- Sữa các loại và sản phẩm từ sữa (bơ, phomat...);

- Trứng;

- Bánh, mứt, kẹo;

- Các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột như mỳ/phở/bún/cháo ăn liền, mỳ nui, mỳ spaghety, bánh đa nem...

47229: Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: Cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...

4723 - 47230: Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh (đồ uống không nhằm tiêu dùng ngay tại cửa hàng) như:

- Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;

- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;

- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.

Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

Loại trừ:

- Bán lẻ rau ép, nước quả ép được phân vào nhóm 47223 (Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán lẻ đồ uống có thành phần cơ bản là sữa được phân vào nhóm 47224 (Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán lẻ cà phê bột, chè được phân vào nhóm 47229 (Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Pha chế đồ uống nhằm tiêu dùng ngay tại cửa hàng được phân vào ngành 56 (Dịch vụ ăn uống);

4724 - 47240: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Thuốc lá điếu, xì gà;

- Thuốc lào;

473 - 4730 - 47300: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

Loại trừ:

- Bán buôn nhiên liệu động cơ được phân vào nhóm 46613 (Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);

- Bán lẻ khí dầu mỏ hoá lỏng dùng để đun, nấu hoặc sưởi được phân vào nhóm 47735 (Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh).

474: Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Hoạt động bán lẻ chuyên doanh thiết bị thông tin, liên lạc như máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, hàng điện tử và điện tử tiêu dùng.

4741: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Máy vi tính;

- Thiết bị ngoại vi máy vi tính;

- Bộ điều khiển trò chơi video;

- Phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng của khách hàng), kể cả trò chơi video;

- Thiết bị viễn thông.

Loại trừ: Bán lẻ băng, đĩa trắng được phân vào nhóm 4762 (Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh).

47411: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Máy vi tính;

- Thiết bị ngoại vi máy vi tính: máy in, máy scan...

- Bộ điều khiển trò chơi video;

- Phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng của khách hàng), kể cả trò chơi video.

Loại trừ: Bán lẻ băng, đĩa trắng được phân vào nhóm 47620 (Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh).

47412: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như:

- Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại...

4742 - 47420: Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Radiô, cassette, tivi;

- Loa, thiết bị âm thanh nổi;

- Máy nghe nhạc;

- Đầu video, đầu đĩa CD, DVD.

475: Bán lẻ thiết bị gia đình khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh đồ dùng gia đình như:

- Vải, hàng dệt, đồ ngũ kim, thảm, thiết bị điện, giường, tủ bàn ghế và đồ nội thất tương tự...

4751: Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Vải;

- Len, sợi;

- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;

- Hàng dệt khác;

- Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...

Loại trừ: Bán lẻ hàng may mặc được phân vào nhóm 47711 (Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh).

47511: Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ vải dệt các loại trong các cửa hàng chuyên doanh.

47519: Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Len, sợi;

- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;

- Hàng dệt khác;

- Đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...

Loại trừ: Bán lẻ hàng dệt may sẵn được phân vào nhóm 47711 (Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh).

4752: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Đồ ngũ kim;

- Sơn, véc ni và sơn bóng;

- Kính phẳng;

- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh;

- Thiết bị và vật liệu để tự làm.

Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Máy cắt cỏ;

- Phòng tắm hơi.

47521: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ ngũ kim: Khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...;

- Bán lẻ dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.

47522: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;

- Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu...

47523: Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào...

47524: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái;

- Bán lẻ đá, cát, sỏi;

- Bán lẻ sắt, thép xây dựng;

- Bán lẻ vật liệu xây dựng khác.

Loại trừ: Bán lẻ đá ốp lát được phân vào nhóm 47525 (Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).

47525: Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường;

- Bán lẻ bình đun nước nóng;

- Bán lẻ thiết bị vệ sinh: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác.

47529: Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;

- Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...

4753 - 47530: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ thảm treo, thảm trải sàn, chăn, đệm;

- Bán lẻ màn và rèm;

- Bán lẻ vật liệu phủ tường, phủ sàn.

Loại trừ: Bán lẻ các tấm xốp lát sàn được phân vào nhóm 47525 (Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).

4759: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;

- Bán lẻ đèn và bộ đèn;

- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thuỷ tinh;

- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;

- Bán lẻ thiết bị gia dụng;

- Bán lẻ nhạc cụ;

- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, két sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;

- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ: Bán lẻ đồ cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

47591: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ điện gia dụng: nồi cơm điện, ấm đun điện, phích điện, quạt, tủ lạnh, máy giặt...;

- Bán lẻ đèn và bộ đèn điện.

47592: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế bằng mọi loại vật liệu;

- Bán lẻ đồ dùng nội thất tương tự: Kệ, giá sách...

47593: Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;

- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng thủy tinh.

Loại trừ: Bán lẻ hàng gốm, sứ, thủy tinh là đồ cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

47594: Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ nhạc cụ: Đàn, kèn, trống...

47599: Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan;

- Bán lẻ dao, keo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp;

- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, két sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;

- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.

476: Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ hàng văn hoá, giải trí trong các cửa hàng chuyên doanh như sách, báo, tạp chí, đĩa nhạc và video, thiết bị dụng cụ thể dục, thể thao, trò chơi và đồ chơi.

4761 - 47610: Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ sách, truyện các loại;

- Bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác;

- Bán lẻ văn phòng phẩm: Bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ...

Loại trừ: Bán lẻ sách cũ hoặc sách cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

4762 - 47620: Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ đĩa nhạc, băng âm thanh, đĩa compac, băng cát-sét đã hoặc chưa ghi âm, ghi hình;

- Bán lẻ băng video và DVDs đã hoặc chưa ghi âm, ghi hình.

4763 - 47630: Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục, thể thao, cần câu và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao.

4764 - 47640: Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu.

Loại trừ:

- Bán lẻ bàn điều khiển trò chơi video được phân vào nhóm 47411 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Bán lẻ phần mềm được thiết kế để sử dụng cho mọi khách hàng (không phải loại được thiết kế theo yêu cầu riêng), kể cả trò chơi được phân vào nhóm 47411 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh).

477: Bán lẻ hàng hoá khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ trong cửa hàng chuyên doanh loại hàng hoá nào đó chưa được nêu ở nhóm nào khác như: Quần áo, giày, dép và đồ da, thuốc và dụng cụ y tế, đồng hồ, đồ lưu niệm, vật phẩm vệ sinh, vũ khí, hoa và vật nuôi, các sản phẩm khác.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động bán lẻ hàng hoá đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh.

4771: Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ hàng may mặc;

- Bán lẻ hàng lông thú;

- Bán lẻ phụ kiện hàng may mặc khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần...;

- Bán lẻ giày, dép;

- Bán lẻ đồ da và giả da;

- Bán lẻ hàng du lịch bằng da và giả da.

Loại trừ: Bán lẻ vải và hàng dệt được phân vào nhóm 4751 (Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh).

47711: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ hàng may mặc;

- Bán lẻ hàng lông thú;

- Bán lẻ phụ kiện may mặc khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần...

47712: Bán lẻ giày, dép trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ giày, kể cả giày thể thao, guốc, dép bằng mọi loại chất liệu.

47713: Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ cặp học sinh, cặp đựng tài liệu, túi xách các loại, ví... bằng da, giả da hoặc chất liệu khác;

- Bán lẻ ba lô, vali, hàng du lịch bằng da, giả da và chất liệu khác;

- Bán lẻ hàng da và giả da khác.

4772: Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:

- Bán lẻ thuốc chữa bệnh;

- Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình;

- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

47721: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thuốc tân dược (kể cả thuốc thú y),

- Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.

47722: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;

- Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;

- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...

47723: Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán các loại thuốc đông y, thuốc nam.

4773: Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác;

- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;

- Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức;

- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;

- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;

- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;

- Bán lẻ dầu hoả, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình;

- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;

- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;

- Bán lẻ tem và tiền kim khí;

- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào.

47731: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh;

- Bán lẻ hoa, cành lá trang trí nhân tạo;

- Bán lẻ cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh, thức ăn và đồ dùng cho vật nuôi cảnh

- Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh.

47732: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí;

- Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quí và đá bán quí.

47733: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, trạm khắc: Tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai;

- Bán lẻ hàng đan lát bằng tre, song mây, vật liệu tết, bện khác;

- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ khác: Hàng lưu niệm bằng gỗ, sừng, đồi mồi, san hô...

47734: Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm: Bán lẻ tranh vẽ (trừ tranh sơn mài, trạm khảm), tranh in, ảnh, tượng, các tác phẩm nghệ thuật khác được sản xuất hàng loạt mang tính chất thương mại.

Loại trừ: Đồ cổ được phân vào nhóm 47749 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh).

47735: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ dầu hỏa;

- Bán lẻ bình gas;

- Bán lẻ than, củi.

47736: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ đeo tay và đồng hồ cá nhân khác;

- Bán lẻ kính mắt: Kính cận, kính viễn, kính râm, kính chống bụi... kể cả hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ kính mắt.

47737: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ máy ảnh;

- Bán lẻ hàng hóa sử dụng cho máy ảnh như phim chụp ảnh, pin máy ảnh, thẻ nhớ...;

- Bán lẻ vật liệu ảnh khác như giấy ảnh, hoá chất và vật liệu in, tráng ảnh...

47738: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện;

- Bán lẻ phụ tùng xe đạp, kể cả phụ tùng xe đạp điện.

47739: Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;

- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;

- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;

- Bán lẻ tem và tiền kim khí;

- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào.

4774: Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh

47741: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng;

- Bán lẻ đồ phụ trợ hàng may mặc: Khăn quàng, găng tay,... đã qua sử dụng.

47749: Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ sách báo, truyện, tạp chí cũ, kể cả cho thuê;

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng khác;

- Bán lẻ đồ cổ;

- Hoạt động của đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán lẻ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng được phân vào nhóm 45120 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)) và nhóm 45412 (Bán lẻ mô tô, xe máy);

- Hoạt động đấu giá qua internet và đấu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ) được phân vào nhóm 47910 (Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet) và nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của cửa hàng cầm đồ được phân vào nhóm 64920 (Hoạt động cấp tín dụng khác).

478: Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ các hàng hóa loại mới và hàng đã qua sử dụng của các quầy hàng, kiốt, sạp hàng, gian hàng tại chợ cố định hoặc quầy hàng có thể di chuyển được, bán lưu động trên đường.

4781: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ gạo, ngô, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào, bán tại chợ hoặc lưu động.

Loại trừ:

- Bán lẻ thực phẩm, đồ uống đã chế biến sẵn để tiêu dùng ngay (bán rong, bán dạo đồ ăn, uống) được phân vào nhóm 56109 (Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác).

47811: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ gạo, ngô tại chợ hoặc lưu động.

47812: Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp khác tại chợ hoặc lưu động;

- Bán lẻ đường sữa, bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ.

47813: Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn tại chợ hoặc lưu động.

Loại trừ:

- Bán lẻ đồ uống đã chế biến sẵn để tiêu dùng ngay tại quầy hoặc mua mang đi như nước quả tươi, nước sinh tố, nước mía, chè, cà phê pha sẵn... được phân vào nhóm 56302 (Quán cà phê, giải khát).

47814: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ thuốc lá điếu, xì gà, sản phẩm thuốc lá, thuốc lào khác.

47815: Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thịt gia súc tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ.
- Bán lẻ thịt gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ.

47816: Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ thủy sản tươi sống lưu động hoặc tại chợ.
- Bán lẻ thủy sản đông lạnh lưu động hoặc tại chợ.

47817: Bán lẻ rau, quả lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ rau các loại lưu động hoặc tại chợ.
- Bán lẻ quả các loại lưu động hoặc tại chợ.

47818: Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ.

47819: Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại thực phẩm khác chưa được phân vào nhóm nào lưu động hoặc tại chợ.

4782: Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày, dép lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vải và hàng dệt khác;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Bán lẻ giày.

47821: Bán lẻ hàng dệt lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vải may mặc;
- Bán lẻ hàng dệt khác: Len, sợi, kim, chỉ...

47822: Bán lẻ hàng may mặc lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ quần áo may mặc;

- Bán lẻ hàng lông thú;

- Bán lẻ đồ phụ kiện hàng may mặc: găng tay, bít tất, khăn quàng, cravát...

47823: Bán lẻ giày, dép lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm: Bán lẻ giày, kể cả giày thể thao, guốc, dép bằng mọi loại chất liệu.

4783-47830: Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động bán lẻ thiết bị thông tin, liên lạc như máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, hàng điện tử và điện tử tiêu dùng lưu động hoặc tại chợ.

4784: Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ

47841: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

Bán lẻ các mặt hàng:

- Đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...;

- Sơn, véc ni và sơn bóng.

- Kính phẳng.

- Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh.

- Thiết bị và vật liệu để tự làm.

Nhóm này cũng gồm:

Bán lẻ các mặt hàng:

- Máy cắt cỏ

- Phòng tắm hơi.

47842: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

Bán lẻ các mặt hàng:

- Bán lẻ thảm treo, thảm trải sàn, chăn, đệm.

- Bán lẻ màn và rèm.

- Bán lẻ vật liệu phủ tường, phủ sàn.

Loại trừ:

- Bán lẻ các tấm xốp lát sàn được phân vào nhóm 47841 (Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh lưu động hoặc tại chợ).

47843: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.

- Bán lẻ đèn và bộ đèn.

- Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thuỷ tinh.

- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện.

- Bán lẻ thiết bị gia dụng.

- Bán lẻ nhạc cụ.

- Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, két sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng.

- Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Bán lẻ đồ cổ được phân vào nhóm 47898 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ).

4785-47850: Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hàng văn hoá, giải trí lưu động hoặc tại chợ như sách, báo, tạp chí, đĩa nhạc và video, thiết bị dụng cụ thể dục thể thao, trò chơi và đồ chơi.

4789: Bán lẻ hàng hoá khác lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;

- Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn;

- Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí;

- Bán lẻ trò chơi và đồ chơi;

- Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;

- Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh;

- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức;

- Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng;

- Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu.

47891: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;

- Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;

- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...

47892: Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ;

- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng thuỷ tinh.

Loại trừ: Bán lẻ hàng gốm, sứ, thủy tinh là đồ cổ được phân vào nhóm 47898 (Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ).

47893: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh;

- Bán lẻ hoa giả, cành lá giả để trang trí;

- Bán lẻ phân bón.

47894: Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ vàng, bạc, đá quí và đá bán quí

- Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quí và đá bán quí.

47895: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, chạm khắc: tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai.

- Bán lẻ hàng đan lát bằng tre, song mây, vật liệu tết bện khác.

- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ khác: hàng lưu niệm bằng gỗ, sừng, đồi mồi, san hô...

47896: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ đeo tay và đồng hồ cá nhân khác.

- Bán lẻ kính mắt: kính cận, kính viễn, kính râm, kính chống bụi...kể cả hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ kính mắt.

47897: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện.

- Bán lẻ phụ tùng xe đạp.

47898: Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ quần áo (kể cả quần áo thể thao) đã qua sử dụng.

- Bán lẻ đồ phụ trợ hàng may mặc: khăn quàng, găng tay,...đã qua sử dụng

- Bán lẻ sách báo, truyện, tạp chí cũ, kể cả cho thuê.

- Bán lẻ hàng đã qua sử dụng khác

- Bán lẻ đồ cổ

- Hoạt động của đấu giá viên.

Loại trừ:

- Bán lẻ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, loại đã qua sử dụng được phân vào nhóm 45120 (Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) và nhóm 45412 (Bán lẻ mô tô, xe máy).

- Hoạt động đấu giá qua internet và đấu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ) được phân vào nhóm 47910 (Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet), và nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu).

- Hoạt động của cửa hàng cầm đồ được phân vào nhóm 64920 (Hoạt động cấp tín dụng khác).

47899: Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;

- Bán lẻ đồ thờ cúng, vàng mã và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;

- Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau...;

- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;

- Bán lẻ tem và tiền kim khí;

- Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào đâu.

479: Bán lẻ hình thức khác (trừ bán lẻ tại cửa hàng, lưu động hoặc tại chợ)

Nhóm này gồm: Bán lẻ hàng hóa thông qua các phương thức như đặt hàng qua đường bưu điện, internet, chuyển hàng đến địa chỉ theo yêu cầu của người mua, bán lẻ qua máy bán hàng tự động...

4791 - 47910: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet

Với hoạt động bán lẻ trong nhóm này, người mua lựa chọn hàng hóa dựa trên quảng cáo, catalo, thông tin trên website, hàng mẫu hoặc các phương tiện quảng cáo khác. Khách hàng đặt hàng bằng thư, điện thoại, hoặc qua internet (thường thông qua những phương thức chuyên dụng được cung cấp bởi website). Những sản phẩm được mua này có thể tải trực tiếp từ internet hoặc giao tới khách hàng.

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;

- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.

Nhóm này cũng gồm:

- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;

- Đấu giá bán lẻ qua internet.

4799 - 47990: Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;

- Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng;

- Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ);

- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).

H: VẬN TẢI KHO BÃI

Hoạt động vận tải hành khách hoặc hàng hóa, theo tuyến cố định hoặc không, bằng các phương thức vận tải đường sắt, đường ống, đường bộ, đường thủy hoặc hàng không và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động vận tải như bến bãi ô tô, cảng biển, cảng sông, cảng hàng không, nhà ga đường sắt, bốc xếp và lưu giữ hàng hóa, kho bãi...

Ngành này cũng gồm:

Hoạt động cho thuê phương tiện vận tải có kèm theo người điều khiển hoặc vận hành, dịch vụ bưu chính và chuyển phát.

Loại trừ:

- Sửa chữa hoặc thay thế lớn thiết bị vận tải, trừ ô tô, mô tô xe máy và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác));

- Xây dựng, bảo dưỡng và sửa chữa đường bộ, đường sắt, cảng biển, cảng sông và cảng hàng không được phân vào các nhóm 42110 (Xây dựng công trình đường sắt), 42120 (Xây dựng công trình đường bộ) và 42990 (Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác);

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 4520 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác) và nhóm 4542 (Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy);

- Cho thuê phương tiện vận tải không kèm người điều khiển hoặc vận hành được phân vào các nhóm 7710 (Cho thuê xe có động cơ), 7730 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển).

49: VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG BỘ VÀ VẬN TẢI ĐƯỜNG ỐNG

Ngành này gồm: Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, đường sắt và vận tải hàng hóa bằng đường ống.

491: Vận tải đường sắt

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách và/hoặc hàng hóa bằng tàu hỏa chạy trên mạng lưới đường sắt được trải rộng trên một vùng, một khu vực địa lý hoặc vận hành ở khoảng cách ngắn tại mạng đường sắt nội bộ.

Loại trừ:

- Các hoạt động liên quan như bẻ ghi được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt);

- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường sắt, được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt).

4911 - 49110: Vận tải hành khách đường sắt

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng đường sắt liên tỉnh;

- Cung cấp dịch vụ lưu trú của toa ngủ và dịch vụ ăn uống cho hành khách trên tàu như một hoạt động không tách rời của công ty vận tải đường sắt.

Loại trừ:

- Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt nội thành và ngoại thành được phân vào nhóm 49311 (Vận tải hành khách bằng đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao);

- Hoạt động của các nhà ga hành khách đường sắt được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt);

- Cung cấp dịch vụ lưu trú của toa ngủ và dịch vụ ăn uống cho hành khách trên tàu được thực hiện bởi một đơn vị khác được phân vào nhóm 55909 (Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu) và nhóm 56290 (Dịch vụ ăn uống khác).

4912 - 49120: Vận tải hàng hóa đường sắt

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành.

Loại trừ:

- Lưu giữ hàng hóa và kho bãi được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động của các nhà ga hàng hóa đường sắt được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt);

- Bốc xếp hàng hóa được phân vào nhóm 52241 (Bốc xếp hàng hoá ga đường sắt).

492: Vận tải hành khách bằng xe buýt

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt các tuyến nội thành và ngoại thành hoặc với các tỉnh lân cận;

- Hoạt động của xe đưa đón học sinh theo hợp đồng với các trường học và xe chở nhân viên, người lao động theo hợp đồng với nơi làm việc của họ.

4921-49210 : Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong thành phố theo lịch trình, giờ cố định, các bến đỗ cố định để đón, trả khách.

4922-49220 : Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt các điểm giữa nội thành và ngoại thành, với các tỉnh, thành phố khác theo lịch trình, giờ cố định, các bến đỗ cố định để đón, trả khách.

4929-49290 : Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe buýt để đưa đón công nhân, học sinh theo lịch trình, giờ cố định, các điểm đỗ cố định để đón, trả khách.

493: Vận tải đường bộ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt).

4931: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội, ngoại thành, được thực hiện bằng nhiều phương thức (trừ xe buýt) như: tàu điện ngầm, tàu điện chạy bằng tuyến đường ray trên mặt đất hoặc tuyến ray trên cao, ôtô điện... Đặc thù của các phương thức vận tải này là chạy trên các tuyến đường theo lịch trình, giờ giấc cố định, các bến đỗ cố định để đón, trả khách.

Nhóm này cũng gồm:

- Các tuyến đường chạy từ thành phố tới sân bay hoặc từ thành phố tới nhà ga tàu hỏa;

- Hoạt động của đường sắt leo núi, đường cáp trên không... nếu một phần của hệ thống này đi qua nội, ngoại thành.

Loại trừ:

- Vận tải hành khách bằng đường sắt liên tỉnh được phân vào nhóm 49110 (Vận tải hành khách đường sắt);

49311: Vận tải hành khách bằng hệ thống đường sắt ngầm hoặc đường sắt trên cao

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách bằng tàu điện chạy trên tuyến đường ray được xây dựng ngầm dưới mặt đất, trên mặt đất hoặc trên cao để đưa đón khách trong nội thành hoặc ngoại thành.

49312: Vận tải hành khách bằng taxi

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng taxi, kể cả hoạt động của taxi sân bay.

- Hoạt động của taxi công nghệ.

49313: Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe có gắn động cơ khác.

Loại trừ: Cho thuê xe mô tô, xe máy có gắn động cơ không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49319: Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe đạp;

- Vận tải hành khách bằng xe xích lô;

- Vận tải hành khách bằng xe thô sơ như xe ngựa kéo, xe bò kéo...

Loại trừ: Cho thuê xe đạp, xích lô và xe thô sơ khác không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

4932: Vận tải hành khách đường bộ khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;

- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;

- Hoạt động của cáp treo, đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi.

- Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.

Loại trừ:

- Cho thuê xe không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Vận chuyển của xe cứu thương được phân vào nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu).

49321: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh: giữa nội thành với các huyện ngoại thành trong cùng thành phố hoặc giữa các huyện của một tỉnh;

- Vận tải hành khách bằng xe khách liên tỉnh;

- Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.

Loại trừ: Cho thuê xe chở khách không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49329: Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Hoạt động của đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi, đường cáp trên không.

4933: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;

- Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh;

- Vận tải hàng nặng, vận tải container;

- Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động chuyển đồ đạc;

- Cho thuê xe tải có người lái;

- Vận tải hàng hoá bằng xe động vật hoặc người kéo.

Loại trừ:

- Chở gỗ trong rừng như một phần của hoạt động đốn gỗ được phân vào nhóm 02400 (Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp);

- Cung cấp nước bằng xe tải được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);

- Hoạt động của bến bãi để bốc dỡ hàng được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển được phân vào nhóm 52299 (Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu);

- Bưu chính và chuyển phát được phân vào nhóm 53100 (Bưu chính) và nhóm 53200 (Chuyển phát);

- Vận chuyển rác thải như là một công đoạn của hoạt động thu gom rác thải được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại), nhóm 38121(Thu gom rác thải y tế) và nhóm 38129 (Thu gom rác thải độc hại khác).

49331: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô bồn chở chất lỏng;

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng chở hóa chất;

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô trang bị hệ thống làm lạnh để bảo quản hàng hóa tươi sống;

- Cho thuê ô tô chuyên dụng có kèm người lái để vận tải hàng hóa.

Loại trừ:

- Cung cấp nước bằng xe tải được phân vào nhóm 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);

- Vận chuyển rác thải như là một công đoạn của hoạt động thu gom rác thải được phân vào nhóm 38110 (Thu gom rác thải không độc hại), nhóm 38121 (Thu gom rác thải y tế) và nhóm 38129 (Thu gom rác thải độc hại khác);

- Cho thuê ô tô chuyên dụng không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49332: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;

- Vận tải hàng nặng, vận tải container;

- Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động vận chuyển đồ đạc gia đình thiết bị văn phòng....;

- Cho thuê ô tô (trừ ô tô chuyên dụng) có kèm người lái để vận chuyển hàng hoá.

Loại trừ:

- Chở gỗ trong rừng như một phần của hoạt động đốn gỗ được phân vào nhóm 02400 (Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp);

- Hoạt động của bến bãi để bốc dỡ hàng được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển được phân vào nhóm 52299 (Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu);

- Bưu chính và chuyển phát được phân vào nhóm 53100 (Bưu chính) và nhóm 53200 (Chuyển phát);

- Cho thuê ô tô tải không kèm người lái được phân vào nhóm 77109 (Cho thuê xe có động cơ khác).

49333: Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ.

Loại trừ:

- Cho thuê xe lam, xe lôi, xe máy không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49334: Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa bằng xe cải tiến, xe bò/ngựa kéo hoặc xe súc vật kéo khác.

Loại trừ:

- Cho thuê xe lam, xe lôi, xe máy không kèm người lái được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu).

49339: Vận tải hàng hoá bằng phương tiện đường bộ khác

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác chưa được phân loại vào đâu.

494 - 4940 - 49400: Vận tải đường ống

Nhóm này gồm: Vận tải khí, khí hóa lỏng, xăng dầu, nước, chất lỏng khác, bùn than và những hàng hoá khác qua đường ống.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động của trạm bơm.

Loại trừ:

- Phân phối khí tự nhiên hoặc khí đã xử lý, nước hoặc hơi nước được phân vào nhóm 35202 (Phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống), nhóm 3530 (Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá), 36000 (Khai thác, xử lý và cung cấp nước);

- Vận tải nước, chất lỏng... bằng xe bồn được phân vào nhóm 49331 (Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng).

50: VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY

Ngành này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá bằng đường thuỷ, theo lịch trình hoặc không. Hoạt động của tàu thuyền kéo hoặc đẩy, tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan, phà, tàu xuồng taxi cũng được phân loại trong ngành này. Mặc dù vị trí địa lý được coi là yếu tố phân biệt giữa vận tải biển và vận tải đường thủy nội địa, nhưng trong thực tế, loại tàu thuyền được sử dụng lại là yếu tố quyết định. Vận tải bằng tàu thuyền đi biển được phân vào nhóm 501(Vận tải ven biển và viễn dương) vận tải sử dụng thuyền khác được phân vào nhóm 502 (Vận tải đường thuỷ nội địa).

Loại trừ: Hoạt động của nhà hàng và quán bar trên bong tàu được phân vào nhóm 56101(Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện.

501: Vận tải ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá trên những loại tàu thuyền được thiết kế để hoạt động ven biển hoặc viễn dương.

Nhóm này cũng gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá ở những hồ lớn... khi sử dụng những loại tàu thuyền tương tự như tàu thuyền đi biển.

5011: Vận tải hành khách ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan;

- Hoạt động của phà, tàu, xuồng taxi.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu, thuyền có kèm thuỷ thủ đoàn cho vận tải ven biển và viễn dương (ví dụ đối với tàu đánh cá).

Loại trừ:

- Hoạt động của nhà hàng, quán bar trên boong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh))) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện;

- Hoạt động của các "casino nổi" được phân vào nhóm 92002 (Hoạt động cá cược và đánh bạc) nếu hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện

50111: Vận tải hành khách ven biển

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách ven biển, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan;

- Hoạt động của phà, tàu, xuồng taxi.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có kèm thuỷ thủ đoàn cho vận tải ven biển (ví dụ đối với tàu thuyền đánh cá).

Loại trừ:

- Hoạt động của nhà hàng, quán bar trên boong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh))) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện;

- Hoạt động của các "casino nổi" được phân vào nhóm 92002 (Hoạt động cá cược và đánh bạc) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện.

50112: Vận tải hành khách viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan .

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có kèm thuỷ thủ đoàn cho vận tải viễn dương (ví dụ đối với tàu đánh cá).

Loại trừ: Hoạt động của nhà hàng, quán bar trên boong tàu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh))) và nhóm 56301 (Quán rượu, bia, quầy bar) nếu những hoạt động đó do một đơn vị khác thực hiện.

5012: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá ven biển hoặc viễn dương, theo lịch trình hoặc không theo lịch trình;

- Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy, dàn khoan dầu...

Loại trừ:

- Lưu kho hàng hoá được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động điều hành, dịch vụ tại cảng biển và các hoạt động hỗ trợ vận tải biển khác như lai dắt, hoa tiêu, chở hàng bằng sà lan, cứu hộ tàu được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển);

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển).

50121: Vận tải hàng hóa ven biển

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá ven biển, theo lịch trình hoặc không;

- Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy, dàn khoan dầu...

Loại trừ:

- Lưu kho hàng hoá được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động điều hành, dịch vụ tại cảng biển và các hoạt động hỗ trợ vận tải biển khác như lai dắt, hoa tiêu, chở hàng bằng sà lan, cứu hộ tàu được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển);

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển).

50122: Vận tải hàng hóa viễn dương

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá viễn dương, theo lịch trình hoặc không;

- Vận tải bằng tàu kéo, tàu đẩy, dàn khoan dầu...

Loại trừ:

- Lưu kho hàng hoá được phân vào nhóm 521 (Kho bãi và lưu giữ hàng hoá);

- Hoạt động điều hành, dịch vụ tại cảng biển và các hoạt động hỗ trợ vận tải biển khác như lai dắt, hoa tiêu, chở hàng bằng sà lan, cứu hộ tàu được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển);

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển).

502: Vận tải đường thuỷ nội địa

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch, bằng tàu loại không phù hợp để đi biển hoặc bằng phương tiện cơ giới khác (phà, thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ) và phương tiện thô sơ (thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ).

5021: Vận tải hành khách đường thủy nội địa

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu thuyền có thuỷ thủ đoàn, cho thuê ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

50211: Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa bằng phương tiện cơ giới

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng tàu và phương tiện cơ giới khác (phà, thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ).

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có thuỷ thủ đoàn, cho thuê thuyền, ghe, xuồng máy có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kênh, rạch.

50212: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ

Nhóm này gồm: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch, bằng phương tiện thô sơ: Thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê thuyền, ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

5022: Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hoá đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có thuỷ thủ đoàn, cho thuê ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

50221: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch bằng tàu và phương tiện cơ giới khác (thuyền, ghe, xuồng có gắn động cơ).

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê tàu có thuỷ thủ đoàn, cho thuê thuyền, ghe, xuồng máy có người lái để vận tải hàng hóa trên sông, hồ, kênh, rạch.

50222: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ

Nhóm này gồm: Vận tải hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch, bằng phương tiện thô sơ: thuyền, ghe, xuồng không gắn động cơ.

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê thuyền, ghe, xuồng có người lái để vận tải hàng hóa trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch.

51: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Ngành này gồm: Vận tải hành khách hoặc hàng hoá bằng máy bay.

Loại trừ:

- Phun thuốc hoặc hóa chất cho cây trồng bằng máy bay được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt);

- Đại tu máy bay hoặc động cơ máy bay được phân vào nhóm 33150 (Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);

- Hoạt động của sân bay được phân vào nhóm 52231(Dịch vụ điều hành bay) và nhóm 52239 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không);

- Quảng cáo trên không (chữ hoặc hình quảng cáo trên nền trời được tạo ra từ những vệt khói của máy bay) được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);

- Chụp ảnh trên không được phân vào nhóm 74200 (Hoạt động nhiếp ảnh).

511 - 5110: Vận tải hành khách hàng không

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng đường không các chuyến bay thường lệ và không thường lệ;

- Vận tải hành khách các chuyến bay chở thuê;

- Vận tải hành khách các chuyến bay ngắm cảnh, thăm quan.

Nhóm này cũng gồm:

- Cho thuê máy bay có người lái để vận tải hành khách;

- Hoạt động hàng không như: Vận tải hành khách của các câu lạc bộ hàng không cho mục đích giáo dục hoặc vui chơi.

51101: Vận tải hành khách hàng không theo tuyến và lịch trình cố định

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách bằng đường không các chuyến bay theo lịch trình và tuyến thường xuyên, cố định

51109: Vận tải hành khách hàng không loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hành khách các chuyến bay chở thuê với các địa điểm theo yêu cầu của khách hàng, các chuyến bay ngắm cảnh, thăm quan.

Nhóm này cũng gồm:

- Cho thuê máy bay có người lái để vận tải hành khách.

- Hoạt động hàng không như: Vận tải hành khách của các câu lạc bộ hàng không cho mục đích giáo dục hoặc vui chơi.

512 - 5120: Vận tải hàng hoá hàng không

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hoá bằng đường không các chuyến bay thường lệ hoặc không thường lệ;

- Vận tải hàng hoá bằng đường không các chuyến bay không theo lịch trình;

- Phóng vệ tinh và tàu vũ trụ.

Nhóm này cũng gồm: Thuê máy bay có người lái để vận tải hàng hoá.

51201: Vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường không các chuyến bay theo lịch trình và tuyến thường xuyên, cố định.

51209: Vận tải hàng hóa hàng không loại khác

Nhóm này gồm:

- Vận tải hàng hóa tới các địa điểm theo yêu cầu của khách hàng

Nhóm này cũng gồm: Cho thuê máy bay có người lái để vận tải hàng hóa.

52: KHO BÃI VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CHO VẬN TẢI

Ngành này gồm: Hoạt động kho bãi và hoạt động hỗ trợ cho vận tải, như hoạt động điều hành tại các bến bãi ô tô, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, hầm đường bộ, cầu, hoạt động của các đại lý vận tải và bốc xếp hàng hoá...

521 - 5210: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá

Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ, kho bãi đối với các loại hàng hoá trong hầm chứa, bể chứa, kho chứa hàng hoá thông thường, kho đông lạnh...

Nhóm này cũng gồm: Lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan.

Loại trừ:

- Bến, bãi đỗ ô tô và xe có động cơ khác được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ);

- Hoạt động kho bãi thuộc sở hữu của đơn vị hoặc đơn vị thuê và tự điều hành được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);

- Cho thuê bãi trống, đất trống được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê).

52101: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan

Nhóm này gồm: Hoạt động của các kho ngoại quan: Lưu giữ, kho bãi đối với các hàng hóa trong nước đã làm xong thủ tục xuất khẩu thông thường nhưng chưa đưa ra nước ngoài, hàng hóa từ nước ngoài đưa vào kho ngoại quan, chưa làm thủ tục nhập khẩu thông thường với cơ quan hải quan Việt nam.

52102: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)

Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho (trừ kho ngoại quan) có lắp đặt thiết bị đông lạnh để bảo quản hàng hóa, thường là hàng thực phẩm tươi sống (trừ hoạt động của kho ngoại quan)

52109: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho loại khác

Nhóm này gồm: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa thuộc giao dịch bình thường như nguyên liệu sản xuất, hàng hoá tiêu dùng, máy móc, thiết bị...

522: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

Nhóm này gồm: Hoạt động hỗ trợ vận tải hành khách hoặc hàng hoá như hoạt động của các bến bãi ô tô, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, hầm đường bộ, cầu và các kết cấu hạ tầng giao thông khác hoặc các hoạt động bốc hàng hoá lên phương tiện, dỡ hàng từ phương tiện hoặc bốc từ phương tiện vận tải này để xếp lên phương tiện vận tải khác.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động bảo dưỡng các công trình giao thông hoặc các thiết bị phục vụ hệ thống giao thông.

5221-52210: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt

Loại trừ: Bốc xếp hàng hoá đường sắt được phân vào nhóm 52241 (Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt)

Nhóm này gồm: Các hoạt động dịch vụ liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường sắt:

- Hoạt động của các nhà ga đường sắt;

- Hoạt động quản lý, điều độ mạng đường sắt;

- Bẻ ghi đường sắt, trạm chắn tàu.

Loại trừ: Bốc dỡ hàng hoá đường sắt được phân vào nhóm 52241 (Bốc xếp hàng hoá ga đường sắt).

5222: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Nhóm này gồm:

- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy;

- Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu;

- Hoạt động của các cửa ngầm đường thủy;

- Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;

- Hoạt động của tàu, xà lan, Lash, hoạt động cứu hộ;

- Hoạt động của trạm hải đăng.

Loại trừ:

- Bốc xếp hàng hoá được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển) và nhóm 52244 (Bốc xếp hàng hoá cảng sông);

- Hoạt động của các bến du thuyền được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu).

52221: Hoạt động điều hành cảng biển

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của cảng biển, bến tàu, cầu tàu.

52222: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương

Nhóm này gồm:

- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu thuyền cập bến;

- Hoạt động của tàu, xà lan, Lash, hoạt động cứu hộ đường biển;

- Hoạt động của trạm hải đăng.

Loại trừ:

- Bốc xếp hàng hoá cảng biển được phân vào nhóm 52243 (Bốc xếp hàng hoá cảng biển);

- Hoạt động của các bến du thuyền được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu).

52223: Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của cảng, bến tàu, cầu tàu đường thủy nội địa : đường sông, hồ, kênh, rạch.

52224: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường thủy nội địa

Nhóm này gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa đường sông, hồ, kênh, rạch.

- Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu thuyền cập bến.

- Hoạt động cứu hộ đường sông.

Loại trừ:

- Bốc xếp hàng hoá cảng sông được phân vào nhóm 52244 (Bốc xếp hàng hoá cảng sông).

- Hoạt động của các bến du thuyền được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu).

5223: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không

Nhóm này gồm: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá hàng không như:

- Hoạt động điều hành hành khách đi, đến tại ga hàng không;

- Hoạt động điều hành bay, kiểm soát không lưu;

- Hoạt động dịch vụ mặt đất ở sân bay...

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động cứu hoả và phòng chống cháy nổ tại sân bay.

Loại trừ:

- Bốc xếp hàng hoá cảng hàng không được phân vào nhóm 52245 (Bốc xếp hàng hoá cảng hàng không);

- Hoạt động của các trường đào tạo phi công và nhân viên hàng không được phân vào nhóm 85590 (Giáo dục khác chưa được phân vào đâu).

52231: Dịch vụ điều hành bay

Nhóm này bao gồm: Hoạt động điều hành bay, kiểm soát không lưu.

52232: Dịch vụ điều hành hoạt động cảng hàng không

Nhóm này bao gồm:

- Hoạt động điều hành hành khách đi, đến tại cảng hàng không.

- Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không.

52239: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không

Nhóm này gồm: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng hàng không như: hoạt động cứu hoả và phòng chống cháy nổ tại sân bay.

Loại trừ:

- Bốc xếp hàng hoá cảng hàng không được phân vào nhóm 52245 (Bốc xếp hàng hoá cảng hàng không);

- Hoạt động của các trường đào tạo phi công và nhân viên hàng không được phân vào nhóm 85590 (Giáo dục khác chưa được phân vào đâu).

5224: Bốc xếp hàng hoá

Nhóm này gồm:

- Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên phương tiện vận tải hoặc dỡ hàng hóa hoặc hành lý của hành khách từ phương tiện vận tải;

- Bốc vác hàng hoá;

- Bốc, dỡ hàng hoá toa xe lửa.

Loại trừ: Hoạt động của các nhà ga đường sắt, bến bãi ô tô, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông được phân vào các nhóm từ 5221 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt) đến 5223 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không) với các phân nhóm tương ứng và 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ).

52241: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt

Nhóm này gồm:

- Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu hỏa hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu hỏa;

- Bốc vác hàng hoá tại ga đường sắt.

Loại trừ: Hoạt động của các nhà ga đường sắt được phân vào nhóm 52210 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt).

52242: Bốc xếp hàng hóa đường bộ

Nhóm này gồm:

- Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên ô tô hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ ô tô;

- Bốc vác hàng hoá tại bến, bãi đỗ ô tô.

Loại trừ: Hoạt động của các bến, bãi ô tô được phân vào nhóm 5225 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ).

52243: Bốc xếp hàng hoá cảng biển

Nhóm này gồm:

- Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển;

- Bốc vác hàng hoá tại cảng biển.

Loại trừ: Hoạt động của các cảng biển được phân vào nhóm 52221 (Hoạt động điều hành cảng biển).

52244: Bốc xếp hàng hoá cảng sông

Nhóm này gồm:

- Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu, thuyền và phương tiện vận tải đường sông, hồ, kênh, rạch hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ các phương tiện đó;

- Bốc vác hàng hoá.

Loại trừ: Hoạt động của các cảng sông được phân vào nhóm 52222 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương).

52245: Bốc xếp hàng hoá cảng hàng không

Nhóm này gồm:

- Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên máy bay hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ máy bay;

- Bốc vác hàng hoá.

Loại trừ: Hoạt động của các nhà ga hàng không, cảng hàng không được phân vào nhóm 52231 (Dịch vụ điều hành bay) và 52239 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không).

52249: Bốc xếp hàng hóa loại khác

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ xếp, dỡ hàng hóa tại các địa điểm như kho hàng, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại…

5225: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ;

- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;

- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ôtô, bãi để xe đạp, xe máy;

- Lai dắt, cứu hộ đường bộ.

Nhóm này cũng gồm: Hoá lỏng khí để vận chuyển.

Loại trừ: Bốc dỡ hàng hoá đường bộ được phân vào nhóm 52242 (Bốc xếp hàng hoá đường bộ).

52251: Hoạt động điều hành bến xe

Nhóm này gồm:

- Hoạt động điều hành của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá.

52252: Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động quản lý, điều hành giao thông của các đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ.

52253: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động quản lý, trông giữ tại các bãi, điểm đỗ ô tô, xe máy, các phương tiện đường bộ khác.

52259: Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ

Nhóm này gồm :

- Hoạt động lai dắt, cứu hộ đường bộ

Nhóm này cũng bao gồm:

- Hoá lỏng khí để vận chuyển.

Loại trừ:

- Bốc dỡ hàng hoá đường bộ được phân vào nhóm 52242 (Bốc xếp hàng hoá đường bộ).

5229: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Nhóm này gồm:

- Gửi hàng;

- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không;

- Giao nhận hàng hóa;

- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;

- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không;

- Môi giới thuê tàu biển và máy bay;

- Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.

Loại trừ:

- Hoạt động chuyển phát được phân vào nhóm 53200 (Chuyển phát);

- Bảo hiểm ôtô, tàu biển, máy bay vào bảo hiểm phương tiện giao thông khác được phân vào nhóm 65129 (Bảo hiểm phi nhân thọ khác);

- Hoạt động của các đại lý du lịch được phân vào nhóm 79110 (Đại lý du lịch);

- Hoạt động điều hành tua du lịch được phân vào nhóm 79120 (Điều hành tua du lịch);

- Hoạt động hỗ trợ du lịch được phân vào nhóm 79900 (Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch).

52291: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển

Nhóm này gồm: Các hoạt động dịch vụ sau đây được thực hiện theo ủy thác của chủ tàu.

Cụ thể:

- Làm thủ tục cho tầu vào/ra cảng; thu xếp tàu lai dắt, hoa tiêu, bố trí cầu bến, nơi neo đậu tàu biển để thực hiện bốc dỡ hàng hóa, đưa đón khách lên tàu;

- Thông báo thông tin cần thiết cho các bên liên quan đến tàu, hàng hóa và hành khách, chuẩn bị tài liệu, giấy tờ về hàng hóa/hành khách, thu xếp giao hàng cho người nhận hàng; làm thủ tục hải quan, biên phòng có liên quan đến tàu và thủ tục về bốc dỡ hàng hóa, hành khách lên xuống tàu;

- Thực hiện việc thu hộ, trả hộ tiền cước, tiền bồi thường, các khoản tiền khác; thu xếp việc cung ứng cho tàu biển tại cảng;

- Ký kết hợp đồng thuê tàu, làm thủ tục giao nhận tàu và thuyền viên; ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bốc dỡ hàng hóa;

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến tranh chấp hàng hải, các công việc khác theo ủy quyền.

- Các công việc phục vụ quá trình vận chuyển, giao nhận hàng hoá, vận chuyển hành khách và hành lý trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển (kể cả hợp đồng vận tải đa phương thức).

- Cho thuê, nhận thuê hộ phương tiện vận tải biển, thiết bị bốc dỡ, kho tàng, bến bãi, cầu tầu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác;

- Làm đại lý công-te-nơ (container).

- Giải quyết các công việc khác theo ủy quyền.

52292 : Logistics

Nhóm này gồm:

- Hoạt động lập kế hoạch, tổ chức và hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa.

52299: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ;

- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;

- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Loại trừ:

- Hoạt động chuyển phát được phân vào nhóm 53200 (Chuyển phát);

- Bảo hiểm ôtô, tàu biển, máy bay và bảo hiểm phương tiện giao thông khác được phân vào nhóm 65129 (Bảo hiểm phi nhân thọ khác);

- Hoạt động của các đại lý du lịch được phân vào nhóm 79110 (Đại lý du lịch);

- Hoạt động điều hành tua du lịch được phân vào nhóm 79120 (Điều hành tua du lịch);

- Hoạt động hỗ trợ du lịch được phân vào nhóm 79900 (Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch).

53: BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN PHÁT

Ngành này gồm: Hoạt động bưu chính và chuyển phát như nhận, vận chuyển và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện theo các yêu cầu khác nhau. Phân phát nội vùng và dịch vụ nhắn tin cũng được tính vào ngành này.

531 - 5310 - 53100: Bưu chính

Nhóm này gồm: Các hoạt động bưu chính theo các qui định phổ biến và thống nhất. Hoạt động bưu chính sử dụng cơ sở hạ tầng chung để thực hiện việc nhận, phân loại, đóng gói và chuyển thư, bưu thiếp, báo, tạp chí, ấn phẩm quảng cáo, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa hoặc tài liệu theo các tuyến và khu vực.

Nhóm này cũng gồm: Các dịch vụ khác nhằm hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động này như:

- Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện được qui định bằng các giao ước dịch vụ thống nhất. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải thuộc sở hữu của bưu điện hoặc phương tiện vận tải công cộng;

- Nhận thư hoặc bưu phẩm, bưu kiện từ các hòm thư công cộng hoặc cơ sở bưu điện;

- Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện.

Loại trừ: Chuyển khoản bưu điện, tiết kiệm bưu điện và chuyển tiền bưu điện được phân vào nhóm 64190 (Hoạt động trung gian tiền tệ khác).

532 - 5320 - 53200: Chuyển phát

Nhóm này gồm:

- Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng;

- Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện.

Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ giao hàng tận nhà.

Loại trừ: Vận tải hàng hoá theo các phương thức vận tải được phân vào các nhóm 4912 (Vận tải hàng hóa đường sắt), 4933 (Vận tải hàng hóa bằng đường bộ), 5012 (Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương), 5022 (Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa), 5120 (Vận tải hàng hóa hàng không).

I: DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG

Ngành này gồm: Hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú ngắn ngày cho khách du lịch, khách vãng lai khác và cung cấp đồ ăn, đồ uống tiêu dùng ngay. Nhiều dịch vụ bổ sung cũng được quy định trong ngành này.

Loại trừ:

- Các hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn có thể được coi là nơi thường trú được phân loại vào hoạt động bất động sản (ngành L (Hoạt động kinh doanh bất động sản));

- Hoạt động chế biến thực phẩm, đồ uống nhưng chưa tiêu dùng được ngay hoặc được bán thông qua các kênh phân phối riêng biệt, cụ thể là qua hoạt động bán buôn và bán lẻ. Hoạt động chế biến thực phẩm nêu trên được phân loại vào ngành sản xuất, chế biến (ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo)).

55: DỊCH VỤ LƯU TRÚ

Ngành này gồm: Hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn cho khách du lịch, khách vãng lai khác. Cũng tính vào ngành này hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn cho sinh viên, công nhân và những đối tượng tương tự. Có những đơn vị chỉ cung cấp cơ sở lưu trú, nhưng cũng có những đơn vị cung cấp cả cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống và/hoặc các phương tiện giải trí.

Loại trừ: Hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn được coi như cơ sở thường trú, ví dụ cho thuê căn hộ hàng tháng hoặc hàng năm được phân loại trong ngành bất động sản (ngành L (Hoạt động kinh doanh bất động sản)).

551 - 5510: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú cho khách du lịch, khách trọ, hàng ngày hoặc hàng tuần, nhìn chung là ngắn hạn. Các cơ sở lưu trú bao gồm loại phòng thuê có sẵn đồ đạc, hoặc loại căn hộ khép kín có trang bị bếp và dụng

cụ nấu ăn, có hoặc không kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, có thể đi kèm với các dịch vụ khác như ăn uống, chỗ đỗ xe, dịch vụ giặt là, bể bơi, phòng tập, dịch vụ giải trí, phòng họp và thiết bị phòng họp;

- Hoạt động của các cơ sở lưu trú như: khách sạn; biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc căn hộ khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ; chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động; làng sinh viên, ký túc xá sinh viên; nhà điều dưỡng.

Loại trừ: Cho thuê nhà, căn hộ, phòng ở có hoặc không trang bị đồ đạc nhằm mục đích ở lâu dài, thường là hàng tháng hoặc hàng năm được phân vào ngành 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê).

55101: Khách sạn

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú là khách sạn từ hạng 1 đến 5 sao, qui mô từ 15 phòng ngủ trở lên với các trang thiết bị, tiện nghi và dịch vụ cần thiết cho khách du lịch, bao gồm khách sạn được xây dựng thành khối (hotel), khách sạn nổi (floating hotel), khách sạn thương mại (commercial hotel), khách sạn nghỉ dưỡng (resort hotel), có kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, có thể đi kèm với các dịch vụ khác như ăn uống, chỗ đỗ xe, dịch vụ giặt là, bể bơi, phòng tập, dịch vụ giải trí, phòng họp và thiết bị phòng họp.

55102: Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú:

- Biệt thự du lịch (tourist villa): là biệt thự thấp tầng, có sân vườn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tiện nghi và dịch vụ cần thiết cho khách du lịch;

- Căn hộ cho khách du lịch lưu trú ngắn ngày (tourist apartment): Là căn hộ có trang bị sẵn đồ đạc, có trang bị bếp và dụng cụ nấu ăn... để khách tự phục vụ trong thời gian lưu trú.

55103: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú là nhà khách, nhà nghỉ với các trang thiết bị, tiện nghi và dịch vụ cần thiết cho khách du lịch nhưng không đạt điều kiện tiêu chuẩn để xếp hạng khách sạn. Có thể kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, các dịch vụ khác như ăn uống, chỗ đỗ xe, dịch vụ giặt, là...

55104: Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú là nhà trọ, phòng trọ là nhà dân có phòng cho khách thuê trọ với các trang thiết bị, tiện nghi tối thiểu cần thiết cho khách.

559 - 5590: Cơ sở lưu trú khác

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú tạm thời hoặc dài hạn là các phòng đơn, phòng ở chung hoặc nhà ở tập thể như ký túc xá sinh viên, nhà ở tập thể của các trường đại học; nhà trọ, nhà tập thể công nhân cho học sinh, sinh viên, người lao động nước ngoài và các đối tượng khác, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều trại du lịch.

55901: Ký túc xá học sinh, sinh viên

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn (ký túc xá) cho học sinh, sinh viên các trường phổ thông, trung học, cao đẳng hoặc đại học, được thực hiện bởi các đơn vị hoạt động riêng.

55902: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn là phương tiện lưu trú làm bằng vải, bạt được sử dụng cho khách du lịch trong bãi cắm trại, du lịch dã ngoại.

55909: Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc dài hạn cho khách thuê trọ như: Nhà trọ cho công nhân, toa xe đường sắt cho thuê trọ, các dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú khác chưa kể ở trên.

56: DỊCH VỤ ĂN UỐNG

Ngành này gồm: Cung cấp dịch vụ ăn, uống cho khách hàng tại chỗ trong đó khách hàng được phục vụ hoặc tự phục vụ, khách hàng mua đồ ăn uống mang về hoặc khách hàng đứng ăn tại nơi bán. Trong thực tế, tính chất đồ ăn uống được bán là yếu tố quyết định chứ không phải nơi bán.

Loại trừ:

- Hoạt động cung cấp thực phẩm chưa tiêu dùng ngay được hoặc thực phẩm chế biến nhưng chưa thể coi là món ăn ngay được phân vào ngành 10 (Sản xuất chế biến thực phẩm) và ngành 11 (Sản xuất đồ uống);

- Hoạt động bán hàng thực phẩm không do người bán hoặc cơ sở của họ tự chế biến, không được xem như một bữa ăn hoặc món ăn có thể tiêu dùng ngay được phân vào ngành G (Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

561 - 5610: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Nhóm này gồm: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống tới khách hàng, trong đó khách hàng được phục vụ hoặc khách hàng tự chọn các món ăn được bày sẵn, có thể ăn tại chỗ hoặc mua món ăn đem về. Nhóm này cũng gồm hoạt động chuẩn bị, chế biến và phục vụ đồ ăn uống tại xe bán đồ ăn lưu động hoặc xe kéo, đẩy bán rong.

Cụ thể:

- Nhà hàng, quán ăn;

- Quán ăn tự phục vụ;

- Quán ăn nhanh;

- Cửa hàng bán đồ ăn mang về;

- Xe thùng bán kem;

- Xe bán hàng ăn lưu động;

- Hàng ăn uống trên phố, trong chợ.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động nhà hàng, quán bar trên tàu, thuyền, phương tiện vận tải nếu hoạt động này không do đơn vị vận tải thực hiện mà được làm bởi đơn vị khác.

Loại trừ: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh đồ ăn được phân vào nhóm 56290 (Dịch vụ ăn uống khác).

56101: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)

Nhóm này gồm: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống tại nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống. Khách hàng được phục vụ hoặc khách hàng tự chọn các món ăn được bày sẵn, có thể ăn tại chỗ hoặc mua món ăn đem về.

56102: Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi của hàng ăn nhanh

Nhóm này gồm:

Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống tại các cửa hàng thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh (fast-food chain).

56109: Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác

Nhóm này gồm: Hoạt động chuẩn bị, chế biến và phục vụ đồ ăn uống tại xe bán đồ ăn lưu động hoặc xe kéo, đẩy bán rong như: Xe thùng bán kem và xe bán hàng ăn lưu động.

562: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác

Nhóm này gồm: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới... hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống cho một khoảng thời gian và hoạt động nhượng quyền dịch vụ ăn uống, ví dụ phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao hoặc tương tự.

5621 - 56210: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng

Nhóm này gồm: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....

Loại trừ:

- Sản xuất đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn để bán lại được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán lẻ đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn được phân vào ngành 47 (Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

5629 - 56290: Dịch vụ ăn uống khác

Nhóm này gồm: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;

- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;

- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;

- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.

- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.

Loại trừ:

- Sản xuất đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn để bán lại được phân vào nhóm 10790 (Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu);

- Bán lẻ đồ ăn có thời hạn sử dụng ngắn được phân vào ngành 47 (Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).

563 - 5630: Dịch vụ phục vụ đồ uống

Nhóm này gồm: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu); hàng bia, quán bia; quán cafe, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống...

Loại trừ:

- Bán lại đồ uống đã đóng chai, đóng lon, đóng thùng được phân vào các nhóm 4711 (Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp), 47230 (Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh), 47813 (Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ), 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của các vũ trường, câu lạc bộ khiêu vũ không phục vụ đồ uống được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu).

56301: Quán rượu, bia, quầy bar

Nhóm này gồm: Hoạt động của các quán rượu phục vụ khách hàng uống tại chỗ: rượu mạnh, rượu vang, rượu cocktail, bia các loại...

Loại trừ: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn và uống rượu, bia nhưng trong đó đồ ăn là chủ yếu được phân vào nhóm 56101 (Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)).

56302 Quán cà phê, giải khát

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các quán chế biến và phục vụ khách hàng tại chỗ các loại đồ uống như: cà phê, nước sinh tố, nước mía, nước quả, quán chè đỗ đen, đỗ xanh...

56309: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của xe bán rong đồ uống.

J: THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

58: HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Ngành này gồm:

- Xuất bản sách, lịch, tờ rơi, từ điển, bộ sách giáo khoa, tập bản đồ, bản đồ, sơ đồ, biểu đồ; xuất bản báo, tạp chí, ấn phẩm định kỳ; xuất bản bản chỉ dẫn bưu điện và các xuất bản khác, cũng như xuất bản phần mềm;

- Xuất bản có bản quyền về nội dung (sản phẩm thông tin) và đưa nội dung này ra công chúng bằng cách tham gia (hoặc sắp xếp) hoạt động tái bản và phân phối nội dung này dưới nhiều dạng. Tất cả các dạng có thể của xuất bản (dạng in, dạng điện tử hay âm thanh, trực tuyến, là các sản phẩm đa phương tiện như sách tham chiếu CD - ROM...), trừ xuất bản các phim hình ảnh, đều nằm trong ngành này.

Loại trừ: Xuất bản tranh ảnh, băng video và phim trên đĩa DVD hoặc phương tiện tương tự và sản xuất các bản ghi copy cho thiết bị ghi âm thanh được phân vào ngành 59 (Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc); in ấn được phân vào nhóm 18110 (In ấn) và sản xuất hàng loạt các ấn phẩm âm thanh được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại).

581: Xuất bản sách, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác

Nhóm này gồm: Xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác, xuất bản bản chỉ dẫn bưu điện và danh mục thư và các công việc khác như ảnh, khắc bản in, bưu thiếp, thời gian biểu, mẫu đơn, tranh quảng cáo, vẽ lại tranh nghệ thuật. Những công việc này được đặc trưng bởi sự thông minh sáng tạo trong quá trình phát triển riêng và chúng cần được bảo vệ bản quyền.

Loại trừ:

- Sản xuất quả địa cầu được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa phân vào đâu);

- Xuất bản các tài liệu quảng cáo được phân vào nhóm 58192(Hoạt động xuất bản khác);

- Xuất bản sách nhạc và bản nhạc được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc);

- Các hoạt động của các tác giả độc lập được phân vào nhóm 749 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu) và nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

5811: Xuất bản sách

58111 : Xuất bản sách trực tuyến

Nhóm này gồm:

- Xuất bản trực tuyến sách, lịch, tờ rơi và các ấn phẩm tương tự, kể cả xuất bản từ điển và bộ sách giáo khoa;

- Xuất bản trực tuyến tập bản đồ, bản đồ và các biểu đồ;

58112 : Xuất bản sách khác

Nhóm này gồm: Hoạt động xuất bản sách in hoặc dạng khác (trừ xuất bản trực tuyến).

Cụ thể:

- Xuất bản sách, lịch, tờ rơi và các ấn phẩm tương tự, kể cả xuất bản từ điển và bộ sách giáo khoa;

- Xuất bản tập bản đồ, bản đồ và các biểu đồ;

- Xuất bản sách dưới dạng băng từ;

- Xuất bản bộ sách giáo khoa... trên đĩa CD - ROM.

5812: Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ

58121: Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ trực tuyến

Nhóm này gồm: Xuất bản trực tuyến danh mục các sự kiện hoặc thông tin, như: danh mục thư, niên giám điện thoại, các sách hướng dẫn và các tài liệu khác, như các hướng dẫn pháp luật, hướng dẫn sử dụng thuốc...

58122: Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ khác

Nhóm này gồm: Xuất bản in hoặc dạng khác (trừ trực tuyến) danh mục các sự kiện hoặc thông tin, như: danh mục thư, niên giám điện thoại, các sách hướng dẫn và các tài liệu khác, như các hướng dẫn pháp luật, hướng dẫn sử dụng thuốc...

5813 : Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ

58131 : Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ trực tuyến

Nhóm này gồm: Hoạt động xuất bản trực tuyến báo chí, bao gồm báo quảng cáo cũng như các ấn phẩm định kỳ và báo chí khác. Việc xuất bản các chương trình đài phát thanh và truyền hình cũng được phân vào đây.

58132 : Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động xuất bản in hoặc dạng khác (trừ trực tuyến) báo chí, bao gồm báo quảng cáo cũng như các ấn phẩm định kỳ và báo chí khác. Các thông tin có thể được xuất bản dưới dạng in hoặc dạng báo điện tử, bao gồm cả Internet. Việc xuất bản các chương trình đài phát thanh và truyền hình cũng được phân vào đây.

5819: Hoạt động xuất bản khác

58191: Hoạt động xuất bản trực tuyến khác

Nhóm này gồm:

- Xuất bản trực tuyến catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu khác;

- Xuất bản trực tuyến con số thống kê hoặc các thông tin khác.

Loại trừ:

- Bán lẻ phần mềm được phân vào nhóm 4741 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Xuất bản báo quảng cáo được phân vào nhóm 5813 (Xuất bản báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ);

- Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng) được phân vào nhóm 63110 (Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan).

58192: Hoạt động xuất bản khác

Nhóm này gồm:

- Xuất bản in hoặc dạng khác catalog; ảnh, bản khắc và bưu thiếp; thiệp chúc mừng; mẫu đơn; áp phích quảng cáo, các bản sao chép tác phẩm nghệ thuật; tài liệu quảng cáo và các tài liệu in ấn khác;

Loại trừ:

- Bán lẻ phần mềm được phân vào nhóm 4741 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Xuất bản báo quảng cáo được phân vào nhóm 5813 (Xuất bản báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ);

- Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng) được phân vào nhóm 63110 (Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan).

582 - 5820 - 58200: Xuất bản phần mềm

Nhóm này gồm:

- Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính.

- Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến.

Loại trừ:

- Tái sản xuất phần mềm được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Bán lẻ phần mềm không định dạng được phân vào nhóm 4741 (Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Sản xuất phần mềm nhưng không nhằm để xuất bản được phân vào nhóm 62010 (Lập trình máy vi tính);

- Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng) được phân vào nhóm 63110 (Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan).

59: HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH, SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH, GHI ÂM VÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

Ngành này gồm:

- Sản xuất phim các loại, chương trình truyền hình thuộc đề tài sân khấu và không phải sân khấu trên chất liệu là phim nhựa, băng video, đĩa hoặc chất liệu khác để chiếu trực tiếp trên rạp hát hoặc để chiếu trên truyền hình ;

- Hoạt động hỗ trợ như biên tập, cắt phim hoặc lồng tiếng...;

- Hoạt động phát hành phim điện ảnh và phim khác cho các ngành khác;

- Hoạt động chiếu phim.

Ngành này cũng gồm:

- Mua và bán quyền phát hành phim điện ảnh hoặc phim khác;

- Hoạt động ghi âm, ví dụ như việc sản xuất các bản ghi âm thanh gốc, việc phát hành, quảng cáo và phân phối chúng; xuất bản âm nhạc cũng như việc ghi âm phục vụ hoạt động trong phòng ghi âm (studio) và các nơi khác.

591: Hoạt động điện ảnh và sản xuất chương trình truyền hình

Nhóm này gồm:

- Sản xuất phim thuộc đề tài sân khấu và không phải sân khấu trên chất liệu là phim nhựa, băng video, đĩa hoặc phương tiện truyền thông khác, bao gồm phát hành kỹ thuật số, cho việc chiếu trực tiếp ở các rạp hoặc hát trên vô tuyến truyền hình;

- Hoạt động hỗ trợ như biên tập, cắt phim hoặc lồng tiếng...;

- Hoạt động phát hành phim điện ảnh và phim khác cho các ngành khác (như băng video, đĩa DVD,...); cũng như việc chiếu các loại phim này.

Nhóm này cũng gồm: Mua và bán quyền phát hành phim điện ảnh hoặc phim khác.

5911: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình

Nhóm này gồm:

- Việc sản xuất các phim điện ảnh, phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình.

Loại trừ:

- Nhân bản phim (không kể việc tái sản xuất phim điện ảnh cho phát hành sân khấu) cũng như việc tái sản xuất băng tiếng và băng hình, đĩa CD và DVD từ bản gốc được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Bán buôn băng video, đĩa CD-s, DVD-s đã ghi được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn băng video, đĩa DVD-s trắng được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);

- Bán lẻ băng video, đĩa CD-s, DVD-s được phân vào nhóm 47620 (Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Hoạt động hậu kỳ được phân vào nhóm 59120 (Hoạt động hậu kỳ);

- Việc ghi âm và ghi sách vào băng được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc);

- Phát thanh truyền hình được phân vào nhóm 602 (Hoạt động truyền hình và cung cấp chương trình thuê bao);

- Xử lý phim khác với ngành điện ảnh được phân vào nhóm 74200 (hoạt động nhiếp ảnh);

- Hoạt động của các tổ chức hoặc đại lý sân khấu tư nhân hoặc nghệ sỹ được phân vào nhóm 74909 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê băng video, đĩa DVD-s cho công chúng được phân vào nhóm 77220 (Cho thuê băng, đĩa video);

- Thời gian thực tế (đồng thời) gắn liền với việc thuyết minh các chương trình truyền hình trực tiếp các cuộc hội thảo, hội họp, v.v... được phân vào nhóm 82990 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của các diễn viên, người vẽ tranh biếm hoạ, các nhà đạo diễn, các nhà thiết kế sân khấu và các chuyên gia kỹ thuật khác được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

59111: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh trên chất liệu phim nhựa phục vụ việc chiếu trực tiếp tại các rạp chiếu phim hoặc chiếu phim lưu động.

59112: Hoạt động sản xuất phim video

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất phim video trên chất liệu băng, đĩa hoặc phương tiện khác.

59113: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và chương trình quảng cáo, v.v... phục vụ cho việc phát các chương trình qua phương tiện truyền hình.

5912 - 59120: Hoạt động hậu kỳ

Nhóm này gồm: Hoạt động như biên tập, truyền phim /băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các phim hoạt họa và các hiệu ứng đặc biệt về chuyển động, phát triển và xử lý phim điện ảnh, các hoạt động làm thử phim điện ảnh, hoạt động của các phòng thí nghiệm đặc biệt dành sản xuất phim hoạt họa.

Loại trừ:

- Nhân bản phim (không kể việc tái sản xuất phim điện ảnh cho phát hành sân khấu) cũng như việc tái sản xuất băng tiếng và băng hình, đĩa CD và DVD từ bản gốc được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại);

- Bán buôn băng video, đĩa CD-s, DVD-s đã ghi được phân vào nhóm 46499 (Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu);

- Bán buôn băng video, đĩa DVD-s trắng được phân vào nhóm 46520 (Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông);

- Bán lẻ băng video, đĩa CD-s, DVD-s được phân vào nhóm 47620 (Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Xử lý phim không phải cho ngành điện ảnh được phân vào nhóm 74200 (Hoạt động nhiếp ảnh);

- Cho thuê băng video, đĩa DVD-s cho công chúng được phân vào nhóm 77220 (Cho thuê băng, đĩa video);

- Hoạt động của các diễn viên, người vẽ tranh biếm hoạ, các nhà đạo diễn, các nhà thiết kế sân khấu và các chuyên gia kỹ thuật khác được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

5913 - 59130: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình

Nhóm này gồm:

- Phát hành phim, băng video, đĩa DVD-s và các sản phẩm tương tự cho các sân khấu phim điện ảnh, mạng lưới và trạm truyền hình, các rạp chiếu bóng;

- Cấp bản quyền phát hành phim, băng video, đĩa DVD.

Loại trừ: Nhân bản phim cũng như tái sản xuất băng hình và băng tiếng, đĩa CD hoặc đĩa DVD từ các bản gốc được phân vào nhóm 18200 (Sao chép bản ghi các loại).

5914: Hoạt động chiếu phim

Nhóm này gồm:

- Việc chiếu phim điện ảnh và phim video trong các rạp, ngoài trời hoặc các phương tiện chiếu phim khác;

- Hoạt động của các câu lạc bộ điện ảnh.

59141: Hoạt động chiếu phim cố định

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đơn vị chiếu bóng tại các rạp cố định, nơi có nhà chiếu phim, có chỗ ngồi xem, có các tiện nghi phục vụ người xem, có buồng đặt máy cố định, có chương trình hoạt động thường xuyên, có nơi bán vé và thu tiền (rạp dùng cho chiếu phim nhựa).

59142: Hoạt động chiếu phim lưu động

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đội chiếu bóng lưu động, đó là đơn vị điện ảnh có người chuyên trách, có kế hoạch, có chương trình chiếu bóng thường xuyên và có đủ phương tiện để chiếu bóng như: Máy chiếu, máy phát điện, thường xuyên chiếu phim phục vụ nhân dân (Đội chiếu bóng làm nhiệm vụ chiếu phim nhựa là chủ yếu).

592 - 5920 - 59200: Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc

Nhóm này gồm:

- Hoạt động sản xuất ghi âm gốc như ghi băng, đĩa CD;

- Phát hành, quảng cáo và phân phối băng ghi âm đến những người bán buôn, bán lẻ hoặc trực tiếp đến công chúng. Các hoạt động này có thể được thực hiện hoặc không được thực hiện cùng với việc sản xuất các băng ghi âm gốc trong cùng một đơn vị. Nếu không, đơn vị thực hiện các hoạt động này phải có quyền tái sản xuất và phân phối đối với bản ghi âm thanh gốc;

- Hoạt động ghi âm phục vụ các hoạt động trong trường quay hoặc các nơi khác, bao gồm cả việc sản xuất chương trình băng đài (không phải trực tiếp);

- Hoạt động xuất bản âm nhạc, như hoạt động đăng ký bản quyền cho tác phẩm âm nhạc, quảng cáo, uỷ quyền và sử dụng các tác phẩm âm nhạc này vào việc ghi âm, phát thanh, truyền hình, điện ảnh, chương trình trực tiếp, in ấn và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Những đơn vị tham gia trong các hoạt động này có thể sở hữu bản quyền hoặc các hoạt động như việc quản lý các bản quyền âm nhạc thay mặt cho các chủ sở hữu các bản quyền này ;

- Xuất bản sách nhạc và bản nhạc.

60: HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Ngành này gồm:

- Hoạt động xây dựng chương trình hoặc có quyền phân phối nội dung và phát các chương trình đó, như phát thanh, truyền hình và các chương trình dữ liệu về giải trí, thời sự, dự báo thời tiết, phỏng vấn…;

- Phát sóng các dữ liệu, điển hình là phát trên đài phát thanh và vô tuyến truyền hình. Việc phát sóng có thể được tiến hành bằng cách sử dụng các công nghệ khác nhau, qua không trung, qua vệ tinh, qua mạng dây cáp hoặc qua mạng internet;

- Sản xuất các chương trình chuyên sâu (phiên bản giới hạn như các bản tin thời sự, thể thao, giáo dục và các chương trình định hướng cho thanh niên) trên cơ sở phí hoặc thuê bao, đối với bên thứ ba, cho việc phát sóng tiếp theo đến công chúng.

Loại trừ: Việc phân phối các chương trình thuê bao cáp và thuê bao khác được phân vào ngành 61 (Viễn thông).

601 - 6010 - 60100: Hoạt động phát thanh

Nhóm này gồm:

- Phát thanh trong các phòng phát chương trình và các thiết bị để chuyển tiếp các chương trình đến công chúng, tới các chi nhánh hoặc tới người đăng ký thuê bao;

- Hoạt động của mạng lưới phát thanh, như hoạt động thu và phát tiếng các chương trình tới các chi nhánh hoặc tới người đăng ký thuê bao thông qua phát sóng qua không trung, qua dây cáp hoặc qua vệ tinh;

- Hoạt động phát thanh qua internet (trạm phát thanh internet);

- Phát sóng dữ liệu kết hợp với phát sóng phát thanh.

Loại trừ: Sản xuất chương trình phát thanh qua băng được phân vào nhóm 59200 (Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc).

602: Hoạt động truyền hình và cung cấp chương trình thuê bao

Nhóm này gồm:

- Hoạt động xây dựng kênh chương trình truyền hình hoàn thiện từ những bộ phận chương trình được mua (ví dụ như phim truyện, phim tài liệu…), hoặc bộ phận chương trình tự sản xuất (như tin tức địa phương) hoặc kết hợp của các bộ phận đó;

- Các chương trình truyền hình hoàn thiện này có thể được phát sóng từ các đơn vị sản xuất hoặc sản xuất để chuyển giao cho người phân phối thứ ba, như các công ty dây cáp hoặc các nhà cung cấp truyền hình qua vệ tinh;

- Phát sóng dữ liệu kết hợp với phát sóng truyền hình.

6021 - 60210: Hoạt động truyền hình

Nhóm này gồm:

- Hoạt động phát sóng hình ảnh qua các kênh truyền hình cùng với âm thanh và dữ liệu thông qua các phòng phát sóng chương trình truyền hình và việc truyền đưa các chương trình qua làn sóng truyền hình công cộng. Những hoạt động trong nhóm này gồm việc đưa ra lịch trình của các chương trình và việc phát sóng các chương trình đó. Lịch trình các chương trình có thể tự làm hoặc thu từ các đơn vị khác;

- Hoạt động chuyển tiếp chương trình truyền hình tới các đài, trạm phát truyền hình, nơi sẽ lần lượt phát sóng các chương trình này tới công chúng theo lịch trình định trước.

Loại trừ: Việc sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo không kết hợp phát sóng được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình).

6022 - 60220: Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác

Nhóm này gồm: Hoạt động phát triển kênh hoặc sắp xếp hình ảnh, âm thanh và chương trình dữ liệu cho việc truyền đưa trên cơ sở thuê bao tới người phân phối thứ ba, như tới các công ty truyền cáp hoặc tới nhà cung cấp truyền hình vệ tinh. Lịch trình các chương trình có thể tự làm hoặc thu từ nơi khác. Các chương trình này thường là chuyên về các loại như tin tức thời sự, thể thao, giáo dục, chương trình định hướng cho thanh niên và được phát sóng có thời lượng như: chương trình thuê bao các kênh thể thao, chương trình thuê bao các kênh điện ảnh và chương trình thuê bao các kênh thời sự.

Loại trừ:

- Việc sản xuất các yếu tố chương trình truyền hình (như điện ảnh, tư liệu, quảng cáo) được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình);

- Chuẩn bị lịch trình các chương trình bao gồm việc phát sóng các chương trình này qua sóng truyền hình công cộng trực tiếp đến người xem được phân vào nhóm 60210 (Hoạt động truyền hình);

- Tập hợp trọn gói các kênh và phân phối các kênh trọn gói đó qua dây cáp hoặc qua vệ tinh đến người xem được phân vào ngành 61 (Viễn thông).

61: VIỄN THÔNG

Ngành này gồm:

- Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ liên quan như truyền giọng nói, âm thanh, hình ảnh, dữ liệu, ký tự. Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động trên có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Điểm chung của các hoạt động được phân loại ở ngành này liên quan đến việc truyền tải nội dung mà không liên quan đến việc tạo ra sản phẩm đó. Tiêu chí để phân loại trong ngành này dựa trên hạ tầng thông tin được sử dụng để vận hành các hoạt động đó;

- Trong trường hợp truyền tín hiệu truyền hình, hoạt động truyền bao gồm trọn gói các kênh chương trình hoàn chỉnh được sản xuất trong ngành 60 để phát.

611 - 6110: Hoạt động viễn thông có dây

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp;

- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.

Loại trừ: Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (không thực hiện cung cấp dịch vụ) được phân vào nhóm 61909 (Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu).

61101: Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông có dây

Nhóm này gồm:

- Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông có dây. Hệ thống truyền dẫn thực hiện các hoạt động trên có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ;

- Điều hành, duy trì thiết bị chuyển mạch và truyền dẫn để cung cấp liên lạc giữa điểm này với điểm khác theo đường dây dẫn mặt đất, vi ba hoặc kết hợp giữa dây dẫn mặt đất và kết nối vệ tinh;

- Điều hành hệ thống phát bằng cáp (ví dụ phát dữ liệu và tín hiệu truyền hình);

- Cung cấp liên lạc điện báo và vô thanh khác bằng thiết bị thuộc sở hữu của họ.

- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.

Loại trừ:

- Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (không thực hiện cung cấp dịch vụ) được phân vào nhóm 61909 (Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu)

61102: Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông có dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng.

612 - 6120: Hoạt động viễn thông không dây

61201: Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây

Nhóm này gồm:

- Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông không dây. Hệ thống truyền dẫn cung cấp truyền dẫn đa hướng theo sóng truyền phát trên không trung, có thể sử dụng công nghệ đơn hoặc kết hợp nhiều công nghệ. Hoạt động duy trì và điều hành nhắn tin di động và mạng viễn thông không dây khác.

- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây

Loại trừ: Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ) được phân vào nhóm 61909 (Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu).

61202: Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác

Nhóm này gồm: Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông không dây (trừ vệ tinh) cho người sử dụng.

613 - 6130 - 61300: Hoạt động viễn thông vệ tinh

Nhóm này gồm: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động truyền phát âm thanh, hình ảnh hoặc các chương trình gốc nhận từ mạng cáp, đài truyền hình hoặc hệ thống đài phát thanh trong nước tới các hộ gia đình qua hệ thống vệ tinh. Các đơn vị được phân loại ở đây nhìn chung không tạo ra nội dung chương trình;

- Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông vệ tinh.

Loại trừ: Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ) được phân vào nhóm 61909 (Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu).

619 - 6190: Hoạt động viễn thông khác

Nhóm này gồm:

- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;

- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;

- Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up);

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet);

- Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).

Loại trừ: Cung cấp dịch vụ truy cập internet của người điều hành hạ tầng viễn thông được phân vào nhóm 6110 (Hoạt động viễn thông có dây), 6120 (Hoạt động viễn thông không dây) và 61300 (Hoạt động viễn thông vệ tinh).

61901: Hoạt động của các điểm truy cập internet

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đại lý internet cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng.

Loại trừ: Hoạt động của các quán cà phê internet trong đó hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet cho khách hàng chỉ có tính chất phụ thêm, được phân vào nhóm 56309 (Dịch vụ phục vụ đồ uống khác).

61909: Hoạt động viễn thông khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;

- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;

- Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại internet);

- Bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp (mà không thực hiện cung cấp dịch vụ).

Loại trừ:

- Cung cấp dịch vụ truy cập internet của người điều hành hạ tầng viễn thông được phân vào nhóm 6110 (Hoạt động viễn thông có dây), nhóm 6120 (Hoạt động viễn thông không dây), nhóm 61300 (Hoạt động viễn thông vệ tinh);

- Hoạt động của các điểm truy cập internet được phân vào nhóm 61901 (Hoạt động của các điểm truy cập internet).

62: LẬP TRÌNH MÁY VI TÍNH, DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN MÁY TÍNH

Ngành này gồm: Hoạt động cung cấp các dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm; lập và thiết kế các hệ thống máy vi tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp; quản lý và điều hành hệ thống máy vi tính của khách hàng và công cụ xử lý dữ liệu; các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính.

620: Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính

6201 - 62010: Lập trình máy vi tính

Nhóm này gồm: Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng.

Nhóm này cũng gồm: Lập trình các phần mềm nhúng.

Loại trừ:

- Phát hành các phần mềm trọn gói được phân vào nhóm 58200 (Xuất bản phần mềm);

- Lập và thiết kế hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm và công nghệ giao tiếp, kể cả trong trường hợp việc cung cấp phần mềm là một phần công việc tổng thể được phân vào nhóm 62020 (Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính).

6202 - 62020: Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính

Nhóm này gồm: Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp. Các đơn vị được phân loại vào nhóm này có thể cung cấp các cấu phần phần cứng, phần mềm của hệ thống như một phần các dịch vụ tổng thể của họ hoặc các cấu phần này có thể được cung cấp bởi bên thứ ba. Các đơn vị này thường thực hiện cài đặt hệ thống, đào tạo, hướng dẫn và trợ giúp khách hàng của hệ thống.

Nhóm này cũng gồm: Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu; các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính.

6209 - 62090: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính

Nhóm này gồm: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.

Loại trừ:

- Lập trình máy vi tính được phân vào nhóm 62010 (Lập trình máy vi tính);

- Tư vấn máy vi tính được phân vào nhóm 62020 (Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính);

- Quản trị hệ thống máy vi tính được phân vào nhóm 62020 (Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính);

- Xử lý dữ liệu và cho thuê (hosting) được phân vào nhóm 63110 (Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan).

63: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ THÔNG TIN

Ngành này gồm: Hoạt động cổng thông tin, xử lý dữ liệu và cho thuê (hosting) và các hoạt động khác chủ yếu liên quan đến cung cấp thông tin.

631: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin

Nhóm này gồm: Hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê, dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan, cung cấp các công cụ tìm kiếm và cổng khác cho internet.

6311 - 63110: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan

Nhóm này gồm:

- Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, ... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp.

- Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....

- Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng.

6312 - 63120: Cổng thông tin

Nhóm này gồm: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ.

639: Dịch vụ thông tin khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của các hãng thông tấn, thư viện, cơ quan văn thư lưu trữ và tất cả các hoạt động dịch vụ thông tin còn lại.

6391 - 63910: Hoạt động thông tấn

Nhóm này gồm: Hoạt động cung cấp tin tức, phim ảnh cho các hãng truyền thông của các hãng thông tấn và các tổ chức cung cấp bài báo.

Loại trừ:

- Hoạt động của các phóng viên ảnh độc lập được phân vào nhóm 74200 (Hoạt động nhiếp ảnh);

- Hoạt động của các nhà báo độc lập được phân vào nhóm 9000 (Hoạt động của các nhà báo độc lập).

6399-63990: Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này bao gồm: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như:

- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;

- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;

- Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí, v.v...

Loại trừ: Hoạt động của các trung tâm liên quan đến các cuộc gọi được phân vào nhóm 82200 (Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi).

K: HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM

Ngành này gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tái bảo hiểm, bảo hiểm xã hội và các hoạt động tương tự như trung gian tài chính và các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính khác.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động nắm giữ tài sản như: Hoạt động của các công ty nắm giữ tài sản, hoạt động quỹ tín thác và các công cụ tài chính khác.

64: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TÀI CHÍNH (TRỪ BẢO HIỂM VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI)

Ngành này gồm: Hoạt động ngân hàng và hoạt động dịch vụ tài chính khác.

Loại trừ:

- Hoạt động bảo hiểm xã hội được phân vào nhóm (Bảo hiểm xã hội);

- Bảo đảm xã hội bắt buộc được phân vào nhóm 84300 (Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc).

641: Hoạt động trung gian tiền tệ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của ngân hàng trung ương về xây dựng các chính sách tiền tệ, phát hành tiền, quản lý hoạt động ngoại hối, kiểm soát dự trữ ngoại hối nhà nước, thanh tra hoạt động của các tổ chức ngân hàng...;

- Hoạt động của các đơn vị pháp nhân thường trú về lĩnh vực ngân hàng;

trong đó chịu nợ trong tài khoản của mình để có được tài sản tiền tệ nhằm tham gia vào các hoạt động tiền tệ của thị trường. Bản chất hoạt động của các đơn vị này là chuyển vốn của người cho vay sang người đi vay bằng cách thu nhận các nguồn vốn từ người cho vay để chuyển đổi hoặc sắp xếp lại theo cách phù hợp với yêu cầu của người vay.

6411 - 64110: Hoạt động ngân hàng trung ương

Nhóm này gồm: Hoạt động của ngân hàng trung ương như:

- Phát hành tiền;

- Ngân hàng của các tổ chức tín dụng (nhận tiền gửi để thực hiện thanh toán bù trừ giữa các tổ chức tín dụng; tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng nhằm cung ứng tín dụng ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho nền kinh tế);

- Quản lý hoạt động ngoại hối và kiểm soát dự trữ ngoại hối nhà nước;

- Thanh tra hoạt động ngân hàng;

- Ngân hàng làm dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

6419 - 64190: Hoạt động trung gian tiền tệ khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của các doanh nghiệp được thành lập theo quy định của luật, các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật để kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán (trừ hoạt động cho thuê tài chính). Hoạt động của nhóm này bao gồm hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, công ty dịch vụ tiết kiệm bưu điện, các các tổ chức tài chính hợp tác phi lợi nhuận,...

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của ngân hàng tiết kiệm bưu điện và chuyển tiền bưu điện;

- Các tổ chức chuyên cấp tín dụng cho mua nhà nhưng cũng nhận tiền gửi.

- Hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Loại trừ:

- Các tổ chức chuyên cấp tín dụng cho mua nhà nhưng không nhận tiền gửi được phân vào nhóm 64920 (Hoạt động cấp tín dụng khác);

- Các hoạt động thanh toán và giao dịch bằng thẻ tín dụng được phân vào nhóm 66190 (Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu).

642 - 6420 - 64200: Hoạt động công ty nắm giữ tài sản

Nhóm này gồm: Hoạt động của các tổ chức nắm giữ tài sản Có của nhóm các công ty phụ thuộc và hoạt động chính của các tổ chức này là quản lý nhóm đó. Các tổ chức này không cung cấp bất kỳ dịch vụ nào khác cho các đơn vị mà nó góp cổ phần, không điều hành và quản lý các tổ chức khác.

Loại trừ: Hoạt động quản lý, kế hoạch chiến lược và ra quyết định của công

ty, xí nghiệp được phân vào nhóm 70100 (Hoạt động của trụ sở văn phòng).

643 - 6430 - 64300: Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đơn vị pháp nhân được thành lập để góp chung chứng khoán và các tài sản tài chính khác, là đại diện cho các cổ đông hay những người hưởng lợi nhưng không tham gia quản lý. Các đơn vị này thu lãi, cổ tức và các thu nhập từ tài sản khác, nhưng có ít hoặc không có nhân viên và cũng không có thu nhập từ việc bán dịch vụ.

Loại trừ:

- Hoạt động quỹ và quỹ tín thác có doanh thu từ bán hàng hóa hoặc dịch vụ được phân vào các nhóm tương ứng trong Hệ thống ngành kinh tế;

- Hoạt động của công ty nắm giữ tài sản được phân vào nhóm 64200 (Hoạt động công ty nắm giữ tài sản);

- Bảo hiểm xã hội được phân vào nhóm 65300 (Bảo hiểm xã hội);

- Quản lý các quỹ được phân vào nhóm 66300 (Hoạt động quản lý quỹ).

649: Hoạt động dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)

Nhóm này gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính trừ những tổ chức được quản lý bởi các thể chế tiền tệ.

Loại trừ: Bảo hiểm và trợ cấp hưu trí được phân vào ngành 65 (Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội trừ bảo đảm xã hội bắt buộc).

6491 - 64910: Hoạt động cho thuê tài chính

Nhóm này gồm: Hoạt động tín dụng trung và dài hạn thông qua cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác trên cơ sở hợp đồng cho thuê giữa bên cho thuê với bên thuê. Bên cho thuê cam kết mua máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê đã được hai bên thỏa thuận.

Loại trừ: Hoạt động cho thuê vận hành được phân vào ngành 77 (Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính), tương ứng với loại hàng hoá cho thuê.

6492 - 64920: Hoạt động cấp tín dụng khác

Nhóm này gồm: Các hoạt động dịch vụ tài chính chủ yếu liên quan đến việc hình thành các khoản cho vay của các thể chế không liên quan đến các trung gian tiền tệ (như là các công ty đầu tư vốn mạo hiểm, các ngân hàng chuyên doanh, các câu lạc bộ đầu tư). Các tổ chức này cung cấp các dịch vụ sau đây:

- Cấp tín dụng tiêu dùng;

- Tài trợ thương mại quốc tế;

- Cấp tài chính dài hạn bởi các ngân hàng chuyên doanh;

- Cho vay tiền ngoài hệ thống ngân hàng;

- Cấp tín dụng cho mua nhà do các tổ chức không nhận tiền gửi thực hiện;

- Dịch vụ cầm đồ.

Loại trừ:

- Hoạt động cấp tín dụng cho mua nhà của các tổ chức chuyên doanh nhưng cũng nhận tiền gửi được phân vào nhóm 64190 (Hoạt động trung gian tiền tệ khác);

- Hoạt động cho thuê vận hành được phân vào ngành 77 (Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính) tuỳ vào loại hàng hoá được thuê.

6499 - 64990: Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)

Nhóm này gồm: Các trung gian tài chính chủ yếu khác phân phối ngân quỹ trừ cho vay, bao gồm các hoạt động sau đây:

- Hoạt động bao thanh toán;

- Viết các thỏa thuận trao đổi, lựa chọn và ràng buộc khác;

- Hoạt động của các công ty thanh toán...

Loại trừ:

- Cho thuê tài chính được phân vào nhóm 64910 (Hoạt động cho thuê tài chính);

- Buôn bán chứng khoán thay mặt người khác được phân vào nhóm 66120 (Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán);

- Buôn bán, thuê mua và vay mượn bất động sản được phân vào ngành 68 (Hoạt động kinh doanh bất động sản);

- Thu thập hối phiếu mà không mua toàn bộ nợ được phân vào nhóm 82910 (Dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng);

- Hoạt động trợ cấp bởi các tổ chức thành viên được phân vào nhóm 94990 (Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu).

65: BẢO HIỂM, TÁI BẢO HIỂM VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI (TRỪ BẢO ĐẢM XÃ HỘI BẮT BUỘC)

Ngành này gồm:

- Hoạt động về thu mua bảo hiểm và trả bảo hiểm hàng năm cho khách hàng, những chính sách bảo hiểm và phí bảo hiểm nhằm tạo nên một khoản đầu tư tài sản tài chính được sử dụng để ứng phó với những rủi ro trong tương lai;

- Chi trả bảo hiểm trực tiếp và tái bảo hiểm.

651: Bảo hiểm

Nhóm này gồm: Hoạt động về bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và tái bảo hiểm nhân thọ có hoặc không có yếu tố tiết kiệm.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động của các đơn vị pháp nhân (quỹ, kế hoạch hoặc chương trình) được lập ra để cung cấp lợi ích thu nhập hưu trí bảo đảm cho người lao động hoặc các thành viên.

6511 - 65110: Bảo hiểm nhân thọ

Nhóm này gồm: Nhận tiền đóng và chi trả bảo hiểm hàng năm và các chính sách của bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp (có hoặc không có yếu tố tiết kiệm).

6512-65120: Bảo hiểm phi nhân thọ

Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm khác trừ bảo hiểm nhân thọ như: bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không; bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; bảo hiểm nông nghiệp...

6513: Bảo hiểm sức khỏe

65131: Bảo hiểm y tế

Nhóm này gồm: Nhận tiền đóng bảo hiểm của khách hàng về khám chữa bệnh, chi trả các dịch vụ y tế và thuốc men cho người đóng bảo hiểm y tế được thực hiện tại các cơ sở khám chữa bệnh quy định cho những người đóng bảo hiểm y tế đến khám và chữa bệnh.

65139: Bảo hiểm sức khỏe khác

Nhóm này gồm: Nhận tiền đóng bảo hiểm của khách hàng về tai nạn con người, bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, chi trả cho khách hàng những thiệt hại về sức khỏe trong phạm vi quy định.

652 - 6520 - 65200: Tái bảo hiểm

Nhóm này gồm: Các hoạt động bảo hiểm tất cả hoặc một phần rủi ro kết hợp với chính sách bảo hiểm lần đầu được thực hiện bởi một công ty bảo hiểm khác.

653 - 6530 - 65300: Bảo hiểm xã hội

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đơn vị pháp nhân (quỹ, kế hoạch hoặc chương trình) được lập ra để cung cấp thu nhập hưu trí người lao động hoặc các thành viên.

Nhóm này cũng gồm: Lập kế hoạch hưu trí với những lợi ích được xác định, cũng như những kế hoạch cá nhân mà những lợi ích được xác định thông qua sự đóng góp của các thành viên như: kế hoạch mang lại lợi ích cho người lao động; kế hoạch, quỹ hưu trí và kế hoạch hưu trí.

Loại trừ:

- Quản lý quỹ hưu trí được phân vào nhóm 84300 (Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc);

- Kế hoạch bảo đảm xã hội bắt buộc được phân vào nhóm 84300 (Hoạt

động bảo đảm xã hội bắt buộc).

66: HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Ngành này gồm: Việc cung cấp những dịch vụ có liên quan hoặc liên quan chặt chẽ đến các trung gian tài chính, nhưng bản thân nó không phải là trung gian tài chính. Việc phân tổ chính của ngành này là theo loại hình giao dịch tài chính hoặc việc phân quỹ.

661: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)

6611 - 66110: Quản lý thị trường tài chính

Nhóm này gồm: Việc tổ chức và giám sát thị trường tài chính trừ việc giám sát của nhà nước, như: giao dịch hợp đồng hàng hóa; giao dịch hợp đồng hàng hóa tương lai; giao dịch chứng khoán; giao dịch cổ phiếu; giao dịch lựa chọn hàng hóa hoặc cổ phiếu.

6612 - 66120: Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán

Nhóm này gồm:

- Giao dịch trong thị trường tài chính thay mặt người khác (môi giới cổ phiếu) và các hoạt động liên quan;

- Môi giới chứng khoán;

- Môi giới hợp đồng hàng hóa;

- Hoạt động của cục giao dịch...

Loại trừ: Giao dịch với thị trường bằng tài khoản riêng được phân vào nhóm 64990 (Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu).

6619 - 66190: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính chưa được phân vào đâu:

- Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng;

- Hoạt động tư vấn đầu tư;

- Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp.

Nhóm này cũng gồm: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

Loại trừ:

- Các hoạt động của đại lý bảo hiểm và môi giới được phân vào nhóm 66220 (Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm);

- Quản lý quỹ được phân vào nhóm 66300 (Hoạt động quản lý quỹ).

662: Hoạt động hỗ trợ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đại lý (như môi giới) trong việc bán hợp đồng bảo hiểm và tiền đóng góp hàng năm hoặc cung cấp những lợi ích khác cho người lao động và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm, bảo hiểm xã hội như điều chỉnh bồi thường thiệt hại và quản lý người bán bảo hiểm.

6621 - 66210: Đánh giá rủi ro và thiệt hại

Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ quản lý bảo hiểm, như việc định giá và thanh toán bồi thường bảo hiểm như:

- Định giá bồi thường bảo hiểm: điều chỉnh bồi thường; định giá rủi ro; đánh giá rủi ro và thiệt hại; điều chỉnh mức trung bình và mất mát;

- Thanh toán bồi thường bảo hiểm.

Loại trừ:

- Đánh giá bất động sản được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất);

- Đánh giá cho những mục đích khác được phân vào nhóm 7490 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động điều tra được phân vào nhóm 80300 (Dịch vụ điều tra).

6622 - 66220: Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đại lý và môi giới (trung gian bảo hiểm) bảo hiểm trong việc bán, thương lượng hoặc tư vấn về chính sách bảo hiểm.

6629 - 66290: Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội

Nhóm này gồm: Các hoạt động có liên quan hoặc liên quan chặt chẽ đến bảo hiểm và trợ cấp hưu trí (trừ trung gian tài chính, điều chỉnh bồi thường và hoạt động của các đại lý bảo hiểm): quản lý cứu hộ; dịch vụ thống kê bảo hiểm.

Loại trừ: Hoạt động cứu hộ trên biển được phân vào nhóm 5222 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa).

663 - 6630 - 66300: Hoạt động quản lý quỹ

Nhóm này gồm: Hoạt động quản lý danh mục và quỹ trên cơ sở phí và hợp đồng cho cá nhân, doanh nghiệp hoặc loại khác như: quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ tương hỗ, quản lý quỹ đầu tư khác.

L: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Ngành này gồm: Hoạt động của chủ đất, các đại lý, các nhà môi giới trong những hoạt động sau: mua hoặc bán bất động sản, cho thuê bất động sản, cung cấp các dịch vụ về bất động sản khác như định giá bất động sản hoặc hoạt động của các đại lý môi giới bất động sản.

Ngành này cũng gồm:

- Sở hữu hoặc thuê mua tài sản được thực hiện trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;

- Xây dựng cấu trúc, kết hợp với việc duy trì quyền sở hữu hoặc thuê mua cấu trúc này;

- Quản lý tài sản là bất động sản.

68: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

681- 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

68101: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở

Nhóm này gồm:

- Hoạt động kinh doanh mua/bán nhà để ở và quyền sử dụng đất để ở

Loại trừ:

- Phát triển xây dựng nhà cửa, công trình để bán được phân vào nhóm 41010 (Xây dựng nhà để ở) và 41020 (Xây dựng nhà không để ở).

- Chia tách và cải tạo đất được phân vào nhóm 42990 (Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác).

68102 Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở

Nhóm này gồm:

- Hoạt động kinh doanh mua/bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm, nhà kho,..

68103: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở:

Nhóm này gồm:

- Cho thuê nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng để ở lâu dài, theo tháng hoặc theo năm.

- Hoạt động quản lý nhà, chung cư

Loại trừ:

- Hoạt động của khách sạn, nhà nghỉ, lều trại, cắm trại du lịch và những nơi không phải để ở khác hoặc phòng cho thuê ngắn ngày được phân vào nhóm 55101 (Khách sạn), nhóm 55102 (Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày), nhóm 55103 (Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày).

- Hoạt động của khách sạn và những căn hộ tương tự được phân vào nhóm 55101 (Khách sạn), nhóm 55102 (Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày).

68104 Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở

Nhóm này gồm:

- Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hành, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm, nhà kho, trung tâm thương mại…

- Hoạt động điều hành, quản lý nhà và đất không phải để ở.

68109: Kinh doanh bất động sản khác

Bao gồm: các hoạt động kinh doanh bất động sản không thuộc các nhóm trên như cho thuê các khoảng không tại tòa nhà, hoạt động điều hành quản lý các tòa nhà thuộc Chính phủ…

682 -6820: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Nhóm này gồm:

- Việc cung cấp các hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan đến bất động sản như:

+ Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới .

+ Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

+ Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

+ Dịch vụ định giá bất động sản.

+ Sàn giao dịch bất động sản.

Loại trừ:

- Hoạt động pháp lý được phân vào nhóm 69101 (Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật).

- Dịch vụ hỗ trợ cơ sở vật chất được phân vào nhóm 81100 (Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp).

- Quản lý các cơ sở, như các cơ sở quốc phòng, nhà tù hoặc các cơ sở khác (trừ quản lý phương tiện máy vi tính) được phân vào nhóm 81100 (Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp).

68201: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất

Nhóm này gồm:

- Việc cung cấp các hoạt động kinh doanh bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng bao gồm các dịch vụ liên quan đến bất động sản như:

+ Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới .

+ Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

+ Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

+ Dịch vụ định giá bất động sản.

+ Sàn giao dịch bất động sản.

68202: Đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất

Nhóm này gồm:

- Việc cung cấp dịch vụ đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

M: HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngành này gồm: Những hoạt động chuyên môn đặc thù, khoa học và công nghệ. Những hoạt động này đòi hỏi trình độ đào tạo cao, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đối với người sử dụng.

69: HOẠT ĐỘNG PHÁP LUẬT, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Ngành này gồm: Đại diện luật pháp cho lợi ích của một bên đối với bên kia, dù có trước toà hoặc hội đồng xét xử hay không hoặc dưới sự giám sát của những người là thành viên của tòa như tư vấn và đại diện dân sự, tư vấn và đại diện hình sự...

Ngành này cũng gồm:

- Việc chuẩn bị các tài liệu pháp lý như thống nhất các điều khoản, thỏa thuận hợp tác hoặc các tài liệu tương tự liên quan đến việc thành lập công ty, bằng sáng chế và độc quyền, chuẩn bị chứng thư, di chúc, ủy quyền, cũng như các hoạt động của công chứng viên cộng đồng, công chứng viên luật dân sự, chấp hành viên, thẩm phán, thẩm phán viên và trọng tài kinh tế;

- Dịch vụ kiểm toán và kế toán như kiểm tra các sổ sách kế toán, thiết kế hệ thống kiểm toán, chuẩn bị bảng kê tài chính và kế toán.

691 - 6910: Hoạt động pháp luật

Nhóm này gồm:

- Đại diện luật pháp về lợi ích của một bên đối với bên kia, dù có trước toà hoặc hội đồng xét xử hay không hoặc dưới sự giám sát của những người là thành viên của tòa như tư vấn và đại diện dân sự, tư vấn và đại diện hình sự...;

- Các hoạt động khác của công chứng viên, thẩm phán, thẩm phán viên và trọng tài kinh tế.

Loại trừ: Hoạt động tòa án được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội).

69101: Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật

Nhóm này gồm: Đại diện pháp lý cho quyền lợi của một bên đối với bên kia, dù có trước tòa hoặc hội động xét xử khác hay không, hoặc có sự giám sát của những người là thành viên của tòa về:

- Tư vấn và đại diện trong vấn đề dân sự;

- Tư vấn và đại diện tội phạm hình sự;

- Tư vấn và đại diện có liên quan đến các vụ tranh chấp về lao động;

- Thống nhất các điều khoản, thoả thuận hợp tác hoặc các tài liệu tương tự liên quan đến thành lập công ty.

69102: Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý

Nhóm này gồm:

- Thống nhất các điều khoản, thoả thuận hợp tác hoặc các tài liệu tương tự liên quan đến thành lập công ty.

- Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý liên quan đến bản quyền, bằng phát minh, sáng chế, quyền tác giả;

- Các hoạt động liên quan đến các thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản, các văn bản thừa kế, di chúc,...

- Chuẩn bị tài liệu pháp lý liên quan đến các thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ văn bản (trừ chữ ký người dịch).

69109: Hoạt động pháp luật khác

Nhóm này gồm: Các hoạt động khác của công chứng viên, thẩm phán, thẩm phán viên và trọng tài kinh tế, quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản. Hoạt động đăng ký tài sản, đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp, trao đổi thông tin về các biện pháp bảo đảm

692 - 6920 - 69200: Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế

Nhóm này gồm:

- Ghi các giao dịch thương mại của doanh nghiệp và cá nhân;

- Các công việc chuẩn bị hoặc kiểm toán các tài khoản tài chính;

- Kiểm tra các tài khoản và chứng nhận độ chính xác của chúng;

- Chuẩn bị tờ khai thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp;

- Hoạt động tư vấn và đại diện (trừ đại diện pháp lý) thay mặt khách hàng trước cơ quan thuế.

Loại trừ:

- Hoạt động chế biến dữ liệu và lập bảng được phân vào nhóm 63110 (Xử lý dữ liệu, cho thuê và hoạt động liên quan);

- Tư vấn quản lý như thiết kế hệ thống kiểm toán, chương trình chi phí kiểm toán, cơ chế điều khiển quỹ được phân vào nhóm 70200 (Hoạt động tư vấn quản lý);

- Thu thập hối phiếu được phân vào nhóm 82910 (Dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng).

70: HOẠT ĐỘNG CỦA TRỤ SỞ VĂN PHÒNG; HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN QUẢN LÝ

Ngành này gồm: Việc cung cấp tư vấn hoặc trợ giúp cho doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý như: lập kế hoạch và chiến lược; kế hoạch tài chính và ngân quỹ; mục tiêu và chính sách của thị trường; chính sách về nguồn nhân lực, thực thi kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát.

Ngành này cũng gồm: Việc giám sát và quản lý các đơn vị khác của cùng công ty hay xí nghiệp, các hoạt động của trụ sở văn phòng.

701 - 7010 - 70100: Hoạt động của trụ sở văn phòng

Nhóm này gồm: Việc giám sát và quản lý những đơn vị khác của công ty hay xí nghiệp; lập chiến lược và kế hoạch tổ chức, ra quyết định của công ty hay xí nghiệp, thực hiện kiểm soát và quản lý hoạt động hàng ngày đối với các đơn vị liên quan.

Nhóm này bao gồm hoạt động của:

- Trụ sở văn phòng;

- Văn phòng quản lý trung tâm;

- Văn phòng tổng công ty;

- Văn phòng huyện và vùng;

- Văn phòng quản lý phụ trợ.

Loại trừ: Hoạt động của công ty tài chính, không tham gia vào việc quản lý được phân vào nhóm 64200 (Hoạt động công ty nắm giữ tài sản).

702 - 7020 - 70200: Hoạt động tư vấn quản lý

Nhóm này gồm: Việc cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp hoặc các dịch vụ cộng đồng như:

- Quan hệ và thông tin cộng đồng;

- Hoạt động vận động hành lang;

- Thiết kế phương pháp kiểm toán hoặc cơ chế, chương trình chi phí kiểm toán, cơ chế điều khiển ngân quỹ;

- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...

Loại trừ:

- Thiết kế phần mềm máy vi tính cho hệ thống kiểm toán được phân vào nhóm 62010 (Lập trình máy vi tính);

- Tư vấn và đại diện pháp lý được phân vào nhóm 6910 (Hoạt động pháp luật);

- Hoạt động kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế được phân vào nhóm 69200 (Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế);

- Kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và công nghệ khác được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động về kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan), 7490 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động quảng cáo được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận được phân vào nhóm 73200 (Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận);

- Dịch vụ sắp xếp và tư vấn giới thiệu việc làm được phân vào nhóm 78100 (Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm);

- Hoạt động tư vấn giáo dục được phân vào nhóm 85600 (Dịch vụ hỗ trợ giáo dục).

71: HOẠT ĐỘNG KIẾN TRÚC, KIỂM TRA VÀ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Ngành này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khởi thảo, dịch vụ kiểm định công trình, dịch vụ điều tra và lập bản đồ.

Ngành này cũng gồm: Dịch vụ kiểm tra phân tích lý hoá và công nghệ khác.

711 - 7110: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

71101: Hoạt động kiến trúc

Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như:

- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;

- Thiết kế máy móc và thiết bị;

- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.

- Giám sát thi công xây dựng cơ bản.

Loại trừ:

- Kiểm tra kỹ thuật được phân vào nhóm 71200 (Kiểm tra và phân tích kỹ thuật);

- Các hoạt động nghiên cứu và phát triển liên quan đến kỹ thuật được phân vào nhóm 721 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật);

- Trang trí nội thất được phân vào nhóm 74100 (Hoạt động thiết kế chuyên dụng).

71102: Hoạt động đo đạc và bản đồ

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ;

- Vẽ bản đồ và thông tin về không gian.

71103: Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước

Nhóm này gồm:

- Điều tra địa vật lý, địa chấn, động đất;

- Hoạt động điều tra địa chất;

- Hoạt động điều tra đất đai và đường biên giới;

- Hoạt động điều tra thuỷ học;

- Hoạt động điều tra lớp dưới bề mặt.

Loại trừ:

- Khoan thăm dò liên quan đến khai khoáng được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên) và nhóm 09900 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác);

- Phát triển hoặc xuất bản kết hợp với phần mềm được phân vào nhóm 58200 (Xuất bản phần mềm) và nhóm 62010 (Lập trình máy vi tính);

- Các hoạt động tư vấn máy tính được phân vào nhóm 62020 (Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính) và nhóm 62090 (Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính);

- Chụp ảnh trên không được phân vào nhóm 74200 (Hoạt động nhiếp ảnh).

71109: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác

Nhóm này gồm:

- Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;

- Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...

712 - 7120 - 71200: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

Nhóm này gồm: Việc kiểm tra lý, hóa và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm, gồm:

- Kiểm tra âm thanh và chấn động;

- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...;

- Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thực phẩm, bao gồm kiểm tra thú y và điều khiển quan hệ với sản xuất thực phẩm;

- Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...;

- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;

- Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: Môtô, ôtô, thiết bị điện...;

- Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn;

- Phân tích lỗi;

- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;

- Chứng nhận sản phẩm, bao gồm hàng hóa tiêu dùng, xe có động cơ, máy bay, vỏ điều áp, máy móc nguyên tử;

- Kiểm tra an toàn đường sá thường kỳ của xe có động cơ;

- Kiểm tra việc sử dụng các kiểu mẫu hoặc mô hình (như máy bay, tàu thủy, đập...);

- Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát.

Loại trừ: Kiểm tra mẫu xét nghiệm động vật được phân vào nhóm 75000 (Hoạt động thú y).

72: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Ngành này bao gồm hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Trong đó:

Hoạt động nghiên cứu khoa học gồm: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.

Hoạt động phát triển công nghệ gồm: triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm.

Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Trong đó:

- Nghiên cứu cơ bản là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Nghiên cứu ứng dụng là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

Phát triển công nghệ là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới. Trong đó:

- Triển khai thực nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu.

- Sản xuất thử nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

Loại trừ: Nghiên cứu thị trường được phân vào nhóm 73200 (Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận).

721: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật

7211-72110: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên

Nhóm này gồm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực toán học và thống kê;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học máy tính và thông tin;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực vật lý;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực hóa học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học trái đất và môi trường liên quan;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực sinh học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên khác.

7212-72120: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

Nhóm này gồm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu và luyện kim;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học môi trường;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học công nghiệp.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.

Loại trừ: Nghiên cứu thị trường được phân vào nhóm 73200 (Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận).

7213-72130: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược

Nhóm này gồm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y học cơ sở;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y học lâm sàng;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y tế;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực dược học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong y học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược khác;

7214-72140: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp

Nhóm này gồm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thú y;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thủy sản;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp khác;

722 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

7221-72210: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội

Nhóm này gồm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực tâm lý học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực xã hội học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực pháp luật;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học chính trị;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực địa lý kinh tế và xã hội;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thông tin đại chúng và truyền thông;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội khác.

7222-72220 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn

Nhóm này gồm:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lịch sử và khảo cổ học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ngôn ngữ học và văn học;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực triết học, đạo đức học và tôn giáo;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nghệ thuật;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn khác;

73: QUẢNG CÁO VÀ NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

Ngành này gồm: Việc tạo ra những chiến dịch quảng cáo và sắp xếp các quảng cáo đó trên báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình hoặc các phương tiện truyền thông khác cũng như việc thiết kế trình bày trên trang web.

731 - 7310 - 73100: Quảng cáo

Nhóm này gồm: Việc cung cấp tất cả các lĩnh vực của dịch vụ quảng cáo (thông qua năng lực của tổ chức hoặc hợp đồng phụ), bao gồm tư vấn, dịch vụ sáng tạo, sản xuất các nguyên liệu cho quảng cáo, kế hoạch truyền thông, gồm:

- Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo: Sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện truyền thông khác; đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ôtô buýt...; quảng cáo trên không; phân phối các nguyên liệu hoặc mẫu quảng cáo; cung cấp các chỗ trống quảng cáo trên bảng lớn; thiết kế vị trí và trình bày trên trang web;

- Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: Khuếch trương quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing.

Loại trừ:

- Xuất bản các tài liệu quảng cáo được phân vào nhóm 5819 (Hoạt động xuất bản khác);

- Sản xuất tin nhắn thương mại trên đài, tivi hoặc phim được phân vào nhóm 59113 (Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình);

- Hoạt động liên quan đến công chúng được phân vào nhóm 70200 (Hoạt động tư vấn quản lý);

- Nghiên cứu thị trường được phân vào nhóm 73200 (Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận);

- Chụp ảnh quảng cáo được phân vào nhóm 74200 (Hoạt động nhiếp ảnh);

- Tổ chức triển lãm và trưng bày thương mại được phân vào nhóm 82300 (Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại);

- Các hoạt động thư trực tuyến (đề địa chỉ...) được phân vào nhóm 82990 (Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu).

732 - 7320 - 73200: Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận

Nhóm này gồm:

- Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê;

- Điều tra thu thập ý kiến của công chúng về những sự kiện chính trị, kinh tế và xã hội, bao gồm kết quả phân tích thống kê.

74: HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁC

Ngành này gồm:

- Việc cung cấp các dịch vụ khoa học và kỹ thuật chuyên môn (trừ hoạt động luật và kiểm toán; kiến trúc và kỹ thuật, kiểm tra và phân tích công nghệ, quản lý và tư vấn quản lý, nghiên cứu phát triển và quảng cáo);

- Công nghệ thủ công hoặc những phần liên quan đến công nghệ khác được đưa vào nhóm 74909 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu).

741 - 7410 - 74100: Hoạt động thiết kế chuyên dụng

Nhóm này gồm:

- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giầy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;

- Dịch vụ thiết kế đồ thị;

- Hoạt động trang trí nội thất.

Loại trừ: Thiết kế kiến trúc và kỹ thuật được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

742 - 7420 - 74200: Hoạt động nhiếp ảnh

Nhóm này gồm:

- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại:

+ Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới...,

+ Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch,

+ Chụp ảnh trên không,

+ Quay video: Đám cưới, hội họp...;

- Sản xuất phim:

+ Phát triển, in ấn và mở rộng từ bản âm hoặc phim chiếu bóng,

+ Phát triển phim và thử nghiệm in ảnh,

+ Rửa, khôi phục lại hoặc sửa lại ảnh;

- Hoạt động của phóng viên ảnh.

Nhóm này cũng gồm: Chụp dưới dạng vi phim các tư liệu.

Loại trừ:

- Xử lý phim ảnh liên quan đến điện ảnh và công nghiệp truyền hình được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình);

- Hoạt động vẽ bản đồ và thông tin về không gian được phân vào nhóm 71102 (Hoạt động đo đạc bản đồ).

749 - 7490: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu

74901: Hoạt động khí tượng thủy văn

Nhóm này gồm:

- Dự báo thời tiết;

- Đo lượng nước, độ ẩm, hoàn lưu bão …

74909: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Các dịch vụ đa dạng phục vụ khách hàng tiêu dùng. Gồm những hoạt động có kỹ năng chuyên môn, khoa học và công nghệ:

- Hoạt động phiên dịch;

- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ;

- Hoạt động của những nhà báo độc lập;

- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;

- Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);

- Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...);

- Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng;

- Tư vấn chứng khoán;

- Tư vấn về nông học;

- Tư vấn về công nghệ khác;

- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý…

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động bởi các đại lý hoặc các đại lý thay mặt cá nhân thường liên quan đến việc tuyển dụng người cho điện ảnh, âm nhạc hoặc thể thao, giải trí khác hoặc sắp xếp sách, vở kịch, tác phẩm nghệ thuật, ảnh... với nhà xuất bản hoặc nhà sản xuất...

Loại trừ:

- Bán buôn xe có động cơ đã sử dụng qua đấu giá được phân vào nhóm 4511 (Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác) và nhóm 45411 (Bán buôn mô tô, xe máy);

- Hoạt động đấu giá qua mạng (bán lẻ) được phân vào nhóm 47910 (Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet);

- Hoạt động của sàn đấu giá (bán lẻ) được phân vào nhóm 47990 (Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động của môi giới bất động sản được phân vào nhóm 6820 (Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất);

- Hoạt động kế toán được phân vào nhóm 69200 (Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế);

- Hoạt động tư vấn quản lý được phân vào nhóm 70200 (Hoạt động tư vấn quản lý);

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Thiết kế công nghiệp và máy móc được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan);

- Thiết kế quảng cáo trình diễn và quảng cáo khác nhau được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);

- Thiết kế vị trí và hình thức thể hiện khác trên web được phân vào nhóm 73100 (Quảng cáo);

- Hoạt động triển lãm và hội chợ được phân vào nhóm 82300 (Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại);

- Hoạt động của các đấu giá viên độc lập được phân vào nhóm 82990 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu);

- Quản lý các chương trình hành chính quản trị được phân vào nhóm 82990 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu);

- Hướng dẫn tín dụng khách hàng và nợ được phân vào nhóm 88900 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác);

- Hoạt động các nhà viết sách khoa học và công nghệ được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí);

- Hoạt động của các nhà báo độc lập được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

75: HOẠT ĐỘNG THÚ Y

Ngành này gồm:

- Hoạt động của các cơ sở chữa bệnh cho vật nuôi, ở đó động vật được nhốt để điều trị và giám sát trực tiếp của bác sĩ thú y có chuyên môn cao;

- Các hoạt động thăm khám, chữa bệnh cho động vật của các cơ quan thú y thực hiện khi kiểm tra các trại chăn nuôi, các cũi hoặc nhà chăn nuôi động vật, trong các phòng chẩn đoán, phẫu thuật hoặc ở một nơi nào đó.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động cấp cứu động vật.

750 - 7500 - 75000: Hoạt động thú y

Nhóm này gồm:

- Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của gia súc;

- Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của vật nuôi.

Những hoạt động này được thực hiện bởi những bác sĩ thú y có chuyên môn cao trong các cơ sở chữa bệnh cho động vật nuôi, các hoạt động khám, chữa bệnh cho thú vật của cơ quan thú y được thực hiện khi kiểm tra các trại chăn nuôi, các cũi hoặc nhà chăn nuôi động vật, trong các phòng chẩn đoán, phẫu thuật hoặc ở một nơi nào đó.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của trợ giúp thú y hoặc những hỗ trợ khác cho bác sĩ thú y;

- Nghiên cứu chuyên khoa hoặc chẩn đoán khác liên quan đến động vật;

- Hoạt động cấp cứu động vật.

Loại trừ:

- Cung cấp thức ăn cho gia súc không kèm với chăm sóc sức khỏe được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Xén lông cừu được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Dịch vụ dồn, lùa gia súc, chăn nuôi trên đồng cỏ, thiến trâu được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo được phân vào nhóm 01620 (Hoạt động dịch vụ chăn nuôi);

- Hoạt động cho vật nuôi ăn không kèm với chăm sóc sức khỏe được phân vào nhóm 96390 (Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu).

N: HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ

Ngành này gồm: Hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh nói chung. Các hoạt động ở đây khác với ngành M, vì mục đích chính không phải là chuyển giao những kiến thức chuyên môn.

77: CHO THUÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ (KHÔNG KÈM NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN); CHO THUÊ ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH; CHO THUÊ TÀI SẢN VÔ HÌNH PHI TÀI CHÍNH

Ngành này gồm: Việc thuê tài sản hữu hình và vô hình phi tài chính, bao gồm một loạt hàng hóa hữu hình, như ôtô, máy tính, hàng hóa tiêu dùng, máy móc và thiết bị công nghiệp, cho khách hàng thuê theo chu kỳ hoặc lâu dài.

Ngành này cũng gồm:

- Cho thuê xe có động cơ;

- Cho thuê thiết bị giải trí và thể thao, thiết bị cá nhân và gia đình;

- Cho thuê máy móc và thiết bị được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, bao gồm thiết bị vận tải khác;

- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;

Loại trừ:

- Cho thuê tài chính được phân vào nhóm 64910 (Hoạt động cho thuê tài chính);

- Cho thuê bất động sản được phân vào ngành L (Hoạt động kinh doanh bất động sản);

- Cho thuê thiết bị có người điều khiển, xem nhóm tương ứng liên quan đến các hoạt động có thiết bị được phân vào ngành F (Xây dựng), ngành H (Vận tải).

771 - 7710: Cho thuê xe có động cơ

77101: Cho thuê ôtô

Nhóm này gồm:

- Cho thuê xe chở khách (không có lái xe đi kèm);

- Cho thuê xe tải, bán rơmooc.

Loại trừ:

- Cho thuê xe ôtô có lái xe đi kèm được phân vào nhóm 493 (Vận tải đường bộ khác);

- Cho thuê tài chính được phân vào nhóm 64910 (Hoạt động cho thuê tài chính).

77109: Cho thuê xe có động cơ khác

Nhóm này gồm: Cho thuê xe giải trí, xe trượt tuyết...

772: Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình

Nhóm này gồm: Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình cũng như thuê các thiết bị giải trí và thể thao, băng video. Các hoạt động thường bao gồm việc thuê hàng hóa ngắn hạn mặc dù trong một số trường hợp hàng hóa có thể được thuê trong một thời gian dài.

7721 - 77210: Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí

Nhóm này gồm: Cho thuê thiết bị giải trí và thể thao:

- Thuyền giải trí, canô, thuyền buồm;

- Xe đạp;

- Ghế và ô trên bờ biển;

- Thiết bị thể thao khác;

- Ván trượt tuyết.

Loại trừ:

- Cho thuê băng video và đĩa được phân vào nhóm 77220 (Cho thuê băng, đĩa video);

- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu được phân vào nhóm 77290 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác);

- Cho thuê thiết bị giải trí là toàn bộ yếu tố giải trí được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu).

7722 - 77220: Cho thuê băng, đĩa video

Nhóm này gồm: Cho thuê video, băng, CD, DVD...

7729 - 77290: Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác

Nhóm này gồm: Cho thuê tất cả các loại đồ dùng (cá nhân và gia đình) cho hộ gia đình sử dụng hoặc kinh doanh (trừ thiết bị thể thao và giải trí):

- Đồ dệt, trang phục và giày dép;

- Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng;

- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phông bạt, quần áo...;

- Sách, tạp chí;

- Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà;

- Hoa và cây;

- Thiết bị điện cho gia đình.

Loại trừ:

- Cho thuê xe con, xe tải và xe giải trí có động cơ không kèm người điều khiển được phân vào nhóm 7710 (Cho thuê xe có động cơ);

- Cho thuê đồ dùng giải trí và thể thao được phân vào nhóm 77210 (Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí);

- Cho thuê băng video và đĩa được phân vào nhóm 77220 (Cho thuê băng, đĩa video);

- Cho thuê xe máy và xe lưu động không kèm người điều khiển được phân vào nhóm 77309 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu);

- Cho thuê đồ dùng văn phòng được phân vào nhóm 77303 (Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển);

- Cung cấp vải, đồng phục và những thứ liên quan bởi hiệu giặt là được phân vào nhóm 96200 (Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú).

773 - 7730: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

Nhóm này gồm:

- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;

- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.

Loại trừ:

- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp kèm người điều khiển được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt), 02400 (Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp);

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển được phân vào ngành 43 (Hoạt động xây dựng chuyên dụng);

- Cho thuê thiết bị vận tải đường không có kèm người điều khiển được phân vào ngành 51 (Vận tải hàng không);

- Cho thuê thiết bị vận tải đường thuỷ có kèm người điều khiển được phân vào ngành 50 (Vận tải đường thuỷ);

- Cho thuê tài chính được phân vào nhóm 64190 (Hoạt động trung gian tiền tệ khác);

- Cho thuê bất động sản được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);

- Cho thuê tài sản hữu hình được phân vào nhóm 77110 (Cho thuê xe có động cơ), 7720 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình), 7730 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển);

- Cho thuê băng video và đĩa được phân vào nhóm 77220 (Cho thuê băng, đĩa video);

- Cho thuê sách được phân vào nhóm 77290 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác).

77301: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển

Nhóm này gồm:

- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;

- Cho thuê các sản phẩm được sản xuất thuộc nhóm 28210 (Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp), như máy kéo nông nghiệp.

77302: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển

Nhóm này gồm: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển:

- Xe cần trục;

- Dàn giáo, bệ, không phải lắp ghép hoặc tháo dỡ.

77303: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển

Nhóm này gồm: Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển:

- Máy tính và thiết bị ngoại vi;

- Máy nhân bản, máy đánh chữ và máy tạo từ;

- Máy và thiết bị kế toán: Máy đếm tiền, máy tính điện tử...;

- Đồ văn phòng.

77304: Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển

Nhóm này gồm:

- Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người lái và phi hành đoàn.

77305: Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển

Nhóm này gồm:

- Cho thuê tàu, thuyền và các kết cấu nổi không kèm người lái và thủy thủ đoàn.

77309: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh:

+ Động cơ,

+ Dụng cụ máy,

+ Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu,

+ Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,

+ Thiết bị sản xuất điện ảnh,

+ Thiết bị đo lường và điều khiển,

+ Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;

- Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển:

+ Môtô, xe lưu động, cắm trại...,

+ Động cơ tàu hỏa;

Nhóm này cũng gồm:

- Cho thuê container;

- Cho thuê palet;

- Cho thuê động vật (như vật nuôi, ngựa đua).

774 - 7740 - 77400: Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính

Nhóm này gồm: Các hoạt động sử dụng tài sản phi tài chính có trả tiền bản quyền hoặc phí giấy phép cho người chủ tài sản. Sử dụng tài sản này có thể dưới nhiều dạng, như cho phép tái sản xuất, sử dụng tiếp quy trình hay sản phẩm, nhượng quyền...Người chủ hiện thời có thể hoặc không tạo ra những sản phẩm này.

Nhóm này cũng gồm:

- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm);

- Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng:

+ Bằng sáng chế,

+ Thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ,

+ Nhãn hàng,

+ Quyền khai khoáng,

+ Thỏa thuận quyền kinh doanh,

+ Tài sản vô hình phi tài chính khác.

Loại trừ:

- Cấp bản quyền và quyền xuất bản được phân vào ngành 58 (Hoạt động xuất bản), 59 (Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc);

- Sản xuất, tái sản xuất và bản quyền phát hành (sách, phần mềm, phim) được phân vào ngành 58 (Hoạt động xuất bản), 59 (Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc);

- Cho thuê bất động sản được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);

- Cho thuê tài sản hữu hình được phân vào nhóm 7710 (Cho thuê xe có động cơ) , 772 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình), 7730 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển);

- Cho thuê băng video và đĩa được phân vào nhóm 77220 (Cho thuê băng, đĩa video);

- Cho thuê sách được phân vào nhóm 77290 (Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác).

78: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Ngành này gồm: Các hoạt động tìm kiếm, tuyển chọn và thay thế lao động, cung cấp lao động theo yêu cầu của khách hàng theo kỳ hạn để bổ sung vào lực lượng lao động của khách hàng, các hoạt động cung cấp nguồn nhân lực và dịch vụ quản lý nguồn nhân lực với vai trò môi giới.

Ngành này cũng gồm:

- Hoạt động nghiên cứu quản lý và giới thiệu nghề nghiệp;

- Hoạt động của các công ty tuyển chọn diễn viên.

Loại trừ: Hoạt động của các tổ chức nghệ thuật được phân vào nhóm 74909 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu)

781 - 7810 - 78100: Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

Nhóm này gồm: Hoạt động lập danh sách, tuyển dụng lao động, giới thiệu việc làm, những người được giới thiệu không làm trong các công ty môi giới.

Nhóm này cũng gồm:

- Tìm kiếm, lựa chọn, giới thiệu và sắp xếp lao động bao gồm cả quản lý;

- Hoạt động của các hãng tìm kiếm diễn viên;

- Hoạt động của các hãng tuyển dụng lao động trên mạng.

Loại trừ: Hoạt động của các tổ chức nghệ thuật được phân vào nhóm 74900 (Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác chưa được phân vào đâu).

782 - 7820 - 78200: Cung ứng lao động tạm thời

Nhóm này gồm: Cung cấp lao động theo yêu cầu của khách hàng trong một thời gian hạn định để bổ sung vào lực lượng lao động của khách hàng, những người được tuyển dụng là lao động của khu vực dịch vụ lao động tạm thời. Tuy nhiên, các đơn vị được phân loại ở đây không thực hiện việc giám sát trực tiếp lao động của họ trong khi làm việc cho khách hàng.

783 - 7830: Cung ứng và quản lý nguồn lao động

78301: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước

Nhóm này gồm: Các hoạt động cung cấp nguồn lao động dài hạn, ổn định, quản lý nguồn lao động trong nước, đại diện cho người lao động trong trường hợp liên quan đến việc đến tiền lương, thuế và các vấn đề về tài chính hoặc nguồn lao động, nhưng họ không có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát người lao động.

Loại trừ:

- Cung cấp nguồn lao động với vai trò giám sát hoặc quản lý kinh doanh phân vào nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với ngành kinh doanh đó;

- Cung cấp chỉ một yếu tố nguồn lao động phân vào nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với yếu tố đó.

78302: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài

Nhóm này gồm: Các hoạt động cung cấp nguồn lao động dài hạn, ổn định, quản lý nguồn lao động làm việc ở nước ngoài, đại diện cho người lao động trong trường hợp liên quan đến việc đến tiền lương, thuế và các vấn đề về tài chính hoặc nguồn lao động, nhưng họ không có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát người lao động.

Loại trừ:

- Cung cấp nguồn lao động với vai trò giám sát hoặc quản lý kinh doanh, được phân theo nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với ngành kinh doanh đó;

- Cung cấp chỉ một yếu tố nguồn lao động, xem nhóm hoạt động kinh tế tương ứng với yếu tố nguồn lao động đó.

79 : HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐẠI LÝ DU LỊCH, KINH DOANH TUA DU LỊCH VÀ CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ, LIÊN QUAN ĐẾN QUẢNG BÁ VÀ TỔ CHỨC TUA DU LỊCH

Ngành này gồm: Hoạt động của các cơ quan chủ yếu thực hiện việc bán các sản phẩm du lịch, tua du lịch, dịch vụ vận tải và lưu trú cho khách du lịch và các hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi các đại lý như điều hành tua, các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Ngành này cũng gồm: Hoạt động hướng dẫn du lịch.

791: Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ quan chủ yếu thực hiện việc bán các sản phẩm du lịch, tua du lịch, dịch vụ vận tải và lưu trú cho khách du lịch và các hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi các đại lý như điều hành tua.

7911 - 79110: Đại lý du lịch

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ quan chủ yếu thực hiện việc bán các sản phẩm du lịch, tua du lịch, dịch vụ vận tải và lưu trú cho khách du lịch...

7912 - 79120: Điều hành tua du lịch

Nhóm này gồm: Hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi điều hành tua. Các tua du lịch có thể bao gồm một phần hoặc toàn bộ các nội dung: vận tải, dịch vụ lưu trú, ăn, tham quan các điểm du lịch như bảo tàng, di tích lịch sử, di sản văn hóa, nhà hát, ca nhạc hoặc các sự kiện thể thao.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động hướng dẫn du lịch.

799 - 7990 - 79900: Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch

Nhóm này gồm:

- Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao;

- Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng;

- Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác;

- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch;

- Hoạt động xúc tiến du lịch.

Loại trừ:

- Đại lý du lịch và điều hành tua được phân vào các nhóm 79110 (Đại lý du lịch) và nhóm 79120 (Điều hành tua du lịch);

- Tổ chức và điều hành các sự kiện như họp, hội nghị, họp báo được phân vào nhóm 82300 (Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại)

80: HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA BẢO ĐẢM AN TOÀN

Ngành này gồm: Các dịch vụ liên quan đến an toàn như: dịch vụ điều tra và thám tử; dịch vụ bảo vệ và tuần tra; nhận và chuyển tiền, biên lai và các tài sản giá trị khác với người và thiết bị bảo vệ đi kèm trong quá trình di chuyển; hoạt động của hệ thống báo động điện tử, như báo trộm hoặc cháy, hệ thống giám sát từ xa, thường bao gồm cả dịch vụ bán, lắp đặt và sửa chữa. Nếu những hoạt động này được thực hiện riêng biệt, thì được phân vào bán lẻ, xây dựng...

801 - 8010 - 80100: Hoạt động bảo vệ tư nhân

Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ sau: dịch vụ tuần tra và bảo vệ, nhận và chuyển tiền, hóa đơn hoặc các tài sản có giá trị khác với người và thiết bị bảo vệ đi kèm những tài sản trên trong quá trình di chuyển.

Nhóm này cũng gồm:

- Dịch vụ xe bọc thép;

- Dịch vụ vệ sĩ;

- Dịch vụ máy dò tìm;

- Dịch vụ in dấu vân tay;

- Dịch vụ bảo vệ an toàn.

Loại trừ:

- Hoạt động an toàn được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội).

802 - 8020 - 80200: Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn

Nhóm này gồm:

- Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng;

- Lắp đặt, sửa chữa, làm lại và điều chỉnh thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, két an toàn.

Các đơn vị thực hiện hoạt động này cũng có thể tham gia vào việc bán thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, két an toàn.

Loại trừ:

- Lắp đặt hệ thống báo động an toàn điện tử được phân vào nhóm 43210 (Lắp đặt hệ thống điện);

- Bán thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, két an toàn, không có kiểm tra, lắp đặt hoặc dịch vụ bảo dưỡng được phân vào nhóm 47599 (Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh);

- Tư vấn bảo đảm an toàn được phân vào nhóm 74909 (Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động trật tự an toàn được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội);

- Dịch vụ làm chìa khóa được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

803 - 8030 - 80300: Dịch vụ điều tra

Nhóm này gồm: Dịch vụ điều tra và thám tử. Các hoạt động của tất cả các thám tử tư nhân, thuộc các loại khách hàng hoặc mục đích điều tra đều nằm trong nhóm này.

81: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VỆ SINH NHÀ CỬA, CÔNG TRÌNH VÀ CẢNH QUAN

Ngành này gồm: Việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ như cung cấp dịch vụ làm sạch bên trong và bên ngoài của tất cả các loại công trình, làm sạch máy móc công nghiệp, tàu hỏa, xe buýt, máy bay,... làm sạch đường hoặc thùng đựng nước biển, tẩy uế và diệt trùng các tòa nhà, tàu thủy, tàu điện,... làm sạch chai, quét đường, cạo tuyết, cung cấp dịch vụ chăm sóc và bảo dưỡng cảnh quan, cùng với thiết kế cây xanh và/hoặc xây dựng (lắp đặt) phố đi bộ, sửa chữa tường, bàn, hàng rào và các cấu trúc tương tự.

811 - 8110 - 81100: Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp

Nhóm này gồm: Việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp cho cơ sở vật chất của khách hàng như làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Những hoạt động này không liên quan hoặc không chịu trách nhiệm đến công việc hoặc hoạt động chính của khách hàng.

Loại trừ:

- Cung cấp chỉ một dịch vụ (như dịch vụ làm sạch thông thường) phân vào nhóm liên quan đến cung cấp dịch vụ;

- Cung cấp người quản lý và nhân viên hoạt động trọn gói theo yêu cầu của khách hàng, như khách sạn, nhà hàng, bệnh viện, phân vào hoạt động của đơn vị;

- Cung cấp quản lý hoạt động của website và/hoặc xử lý dữ liệu được phân vào nhóm 62020 (Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính).

812: Dịch vụ vệ sinh

Nhóm này gồm: Các dịch vụ làm sạch nội thất nói chung đối với tất cả các khu nhà, làm sạch bên ngoài khu nhà, làm sạch đường, dịch vụ khử trùng và tẩy uế cho khu nhà và máy công nghiệp, làm sạch chai, quét đường, cào tuyết.

Loại trừ: Hoạt động diệt trừ sâu bệnh nông nghiệp, làm khô cát và các hoạt động tương tự cho bên ngoài công trình (xây dựng), giặt chăn và thảm, làm sạch rèm và vải (các dịch vụ khác). Làm sạch cho công trình mới sau xây dựng (xây dựng)

8121 - 81210: Vệ sinh chung nhà cửa

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động vệ sinh nói chung (không chuyên dụng) cho tất cả các loại công trình, như:

+ Văn phòng,

+ Căn hộ hoặc nhà riêng,

+ Nhà máy,

+ Cửa hàng,

+ Các cơ quan và các công trình nhà ở đa mục đích và kinh doanh khác,

Những hoạt động này chủ yếu là vệ sinh bên trong các công trình mặc dù chúng có thể bao gồm cả vệ sinh bên ngoài như cửa sổ hoặc hành lang.

Loại trừ: Dịch vụ vệ sinh bên trong các công trình chuyên dụng, như làm sạch ống khói, làm sạch, lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống được phân vào nhóm 81290 (Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt).

8129 - 81290: Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác;

- Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống;

- Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi;

- Vệ sinh máy móc công nghiệp;

- Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...;

- Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển;

- Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng;

- Quét đường và cào tuyết;

- Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.

Loại trừ:

- Tiêu diệt sâu bệnh nông nghiệp được phân vào nhóm 01610 (Hoạt động dịch vụ trồng trọt);

- Vệ sinh ôtô, rửa xe được phân vào nhóm 45200 (Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác).

813 - 8130 - 81300: Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

Nhóm này gồm:

- Trồng cây, chăm sóc và duy trì:

+ Công viên và vườn hoa:

+ Nhà riêng và công cộng,

+ Công trình công cộng hoặc bán công cộng (trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính, nhà thờ...),

+ Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang...),

+ Cây trên trục cao tốc (đường bộ, đường tàu hỏa, xe điện, cảng),

+ Tòa nhà công nghiệp và thương mại;

- Trồng cây xanh cho:

+ Các tòa nhà (vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà),

+ Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf),

+Vùng nước tĩnh và động (bồn, vùng nước đối lưu, ao, bể bơi, mương, sông, suối, hệ thống cây xanh trên vùng nước thải),

+ Trồng cây để chống lại tiếng ồn, gió, sự ăn mòn, chói sáng.

Nhóm này cũng gồm:

- Thiết kế và dịch vụ xây dựng phụ;

- Làm đất tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp và sinh thái học.

Loại trừ:

- Sản phẩm thương mại và trồng cây thương mại được phân vào ngành 01 (Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan), nhóm 014 (Chăn nuôi), ngành 02 (Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan);

- Ươm cây (trừ ươm cây rừng) được phân vào nhóm 013 (Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp);

- Hoạt động xây dựng cho mục đích tạo cảnh quan được phân vào ngành F (Xây dựng);

- Thiết kế cảnh quan và các hoạt động kiến trúc được phân vào nhóm 7110 (Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan).

82 : HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH, HỖ TRỢ VĂN PHÒNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KINH DOANH KHÁC

Ngành này gồm: Cung cấp dịch vụ hành chính văn phòng hàng ngày, cũng như các yếu tố hỗ trợ kinh doanh thường kỳ cho những người khác, trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

Ngành này cũng gồm: Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp chưa được phân loại ở nơi nào khác. Ngành này không cung cấp nhân viên điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp.

821: Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng

Nhóm này gồm: Việc cung cấp dịch vụ hành chính văn phòng hàng ngày như kế hoạch tài chính, sổ sách kế toán, phân bổ nhân lực và vật lực cho những người khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động hỗ trợ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng những yếu tố hỗ trợ kinh doanh thường kỳ và hoạt động truyền thống.

Loại trừ: Hoạt động cung cấp nhân viên thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh. Những phần liên quan đến một khía cạnh riêng của hoạt động này được phân loại theo hoạt động cụ thể đó.

8211 - 82110: Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp

Nhóm này gồm: Việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ văn phòng hỗn hợp hàng ngày, như lễ tân, kế hoạch tài chính, giữ sổ sách kế toán, dịch vụ nhân sự và chuyển phát thư...cho những người khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.

Loại trừ:

- Việc cung cấp nhân viên thực hiện toàn bộ việc kinh doanh. Những hoạt động này được phân loại theo hoạt động kinh doanh mà nó thực hiện.

- Hoạt động chỉ liên quan đến một khía cạnh cụ thể của những hoạt động này được phân loại theo những hoạt động cụ thể của chúng.

8219: Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác

82191: Photo, chuẩn bị tài liệu

Nhóm này gồm:

- Chuẩn bị tài liệu;

- Sửa tài liệu hoặc hiệu đính;

- Đánh máy, sửa từ hoặc kỹ thuật chế bản điện tử;

- Viết thư hoặc tóm tắt;

- Photocopy;

- Lên kế hoạch;

- Dịch vụ sửa từ;

- Dịch vụ copy tài liệu khác không kèm với in, như in offset, in nhanh, in kỹ thuật số.

Loại trừ:

- In tài liệu (in offset, in nhanh...) được phân vào nhóm 18110 (In ấn);

- Dịch vụ đánh máy tốc ký chuyên nghiệp như thư ký tòa được phân vào nhóm 82199 (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác);

- Dịch vụ đánh máy tốc ký công cộng được phân vào nhóm 82990 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu).

82199: Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ hỗ trợ thư ký;

- Ghi tài liệu và dịch vụ thư ký khác;

- Cung cấp dịch vụ thuê hộp thư thoại và dịch vụ chuyển phát thư khác (trừ quảng cáo thư trực tiếp);

- Dịch vụ gửi thư.

822 - 8220 - 82200: Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi

Nhóm này gồm:

- Các cuộc gọi trong nước, trả lời các cuộc gọi từ khách hàng qua tổng đài viên, phân bổ cuộc gọi tự động, chuyển cuộc gọi tự động, hệ thống trả lời tương tác hoặc những phương thức đơn giản để nhận các hợp đồng, cung cấp sản phẩm thông tin, tiếp nhận phản ánh của khách hàng;

- Các cuộc gọi ra nước ngoài sử dụng phương thức đơn giản để bán hoặc tiếp thị hàng hóa hoặc dịch vụ cho khách hàng tiềm năng, đảm nhận việc nghiên cứu thị trường hoặc thăm dò dư luận và các hoạt động tương tự cho khách hàng.

823 - 8230 - 82300: Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

Nhóm này gồm: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.

829: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Các hoạt động hỗ trợ các đại lý, quỹ tín dụng và các hoạt động phục vụ kinh doanh chưa được phân vào đâu

8291 - 82910: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng

Nhóm này gồm: Các hoạt động thu hồi những khoản bồi thường và chuyển tiền thu hồi cho khách hàng, như dịch vụ thu hồi hối phiếu hoặc nợ.

Nhóm này cũng gồm: Các hoạt động thu thập thông tin, như lịch sử tín dụng hoặc lao động trong kinh doanh, cung cấp thông tin cho các thể chế tài chính, những người bán lẻ, và những người khác có yêu cầu đánh giá triển vọng của cá nhân và các doanh nghiệp.

8292 - 82920: Dịch vụ đóng gói

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động đóng gói trên cơ sở phí hoặc hợp đồng, có hoặc không liên quan đến một quy trình tự động:

+ Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm,

+ Đóng gói đồ rắn,

+ Đóng gói bảo quản dược liệu,

+ Dán tem, nhãn và đóng dấu,

+ Bọc quà.

Loại trừ:

- Sản xuất nước uống nhẹ và sản xuất nước khoáng được phân vào nhóm 1104 (Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng);

- Hoạt động đóng gói có liên quan đến vận tải được phân vào nhóm 5229 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải).

8299 - 82990: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Cung cấp dịch vụ xử lý báo cáo văn bản và sao chép tốc ký như:

+ Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tốc ký,

+ Dịch vụ tốc ký công cộng;

- Chú thích thời gian thực trình chiếu chương trình truyền hình trực tiếp các cuộc họp;

- Địa chỉ mã vạch;

- Dịch vụ sắp xếp thư;

- Dịch vụ lấy lại tài sản;

- Máy thu tiền xu đỗ xe;

- Hoạt động đấu giá độc lập;

- Quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ.

- Hoạt động hỗ trợ khác cho kinh doanh chưa được phân vào đâu (như khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

Loại trừ:

- Các hoạt động về chuẩn bị tài liệu được phân vào nhóm 8219 (Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác);

- Dịch vụ cung cấp phụ đề cho phim hoặc băng được phân vào nhóm 59120 (Hoạt động hậu kỳ).

O: HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, AN NINH QUỐC PHÒNG; BẢO ĐẢM XÃ HỘI BẮT BUỘC

Ngành này gồm: Các hoạt động quản lý nhà nước: Bao gồm xây dựng và ban hành luật, nghị định, các văn bản dưới luật cũng như giám sát việc thi hành luật, an ninh quốc phòng, cư trú, ngoại giao và quản lý các chương trình của Chính phủ.

Ngành này cũng gồm:

- Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc;

- Đơn vị pháp nhân hoặc thể chế, bản thân nó chưa hẳn là yếu tố xác định cho một hoạt động có thuộc ngành này hay không, có những hoạt động thuộc cùng một lĩnh vực nhưng xét về bản chất thì không xếp ở ngành này,

hoạt động đó được phân loại ở nơi khác trong ISIC. Ví dụ quản lý hệ thống trường học (các quy định, kiểm tra, chương trình giảng dạy) thuộc ngành này, nhưng bản thân việc dạy học không thuộc ngành này mà được xếp ở ngành P (Giáo dục và đào tạo), các cơ sở y tế (nhà tù hoặc bệnh viện quân đội được xếp vào ngành Q (Y tế). Một số hoạt động được mô tả trong ngành này có thể thuộc tổ chức phi chính phủ.

84: *HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, AN NINH QUỐC PHÒNG, ĐỐI NGOẠI ; BẢO ĐẢM XÃ HỘI BẮT BUỘC*

841: Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước và quản lý chính sách kinh tế, xã hội

8411: Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp

84111: Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm xây dựng các đường lối chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước để làm phương hướng cho Chính phủ đề ra các bước thực hiện cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, với phạm vi hoạt động bao gồm các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam chuyên trách ở Trung ương, ngành, địa phương và cơ sở;

- Hoạt động của các tổ chức thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm vận động các thành viên trong tổ chức của mình thực hiện mọi chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cụ thể như:

+ Hoạt động của các tổ chức thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; phạm vi hoạt động bao gồm hoạt động của các tổ chức Công đoàn chuyên trách Trung ương, các địa phương, các ngành và cơ sở thuộc các Doanh nghiệp Nhà nước và các đơn vị sản xuất khác với nguồn vốn cho hoạt động chủ yếu từ ngân sách Nhà nước,

+ Hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Việt Nam: Phạm vi hoạt động bao gồm các hoạt động của các tổ chức Đoàn chuyên trách ở Trung ương, các ngành, các địa phương và cơ sở với nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ ngân sách Nhà nước,

+ Hoạt động của các tổ chức thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Phạm vi hoạt động bao gồm các hoạt động chuyên trách Hội Phụ nữ ở Trung ương, các ngành, các địa phương và cơ sở với nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ ngân sách Nhà nước,

+ Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: phạm vi hoạt động bao gồm hoạt động chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc ở Trung ương và địa phương với nguồn vốn cho hoạt động chủ yếu từ ngân sách Nhà nước,

+ Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh,....

Loại trừ:

- Các hoạt động sản xuất (có tính thị trường và không có tính chất thị trường) do các tổ chức Đảng tiến hành. Các hoạt động sản xuất này sẽ được phân vào các nhóm thích hợp trong hệ thống ngành kinh tế. Cụ thể:

+ Các hoạt động xuất bản báo chí do các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện được phân vào nhóm 5813 (Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ),

+ Các hoạt động về giáo dục, đào tạo do các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện được phân vào các nhóm tương ứng trong ngành P (Giáo dục và đào tạo),

+ Các hoạt động nghiên cứu và triển khai do các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện được phân vào nhóm 722 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn);

- Các hoạt động sản xuất ra các sản phẩm vật chất và dịch vụ (có tính chất thị trường và phi thị trường) do các đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện (như xuất bản báo chí, giáo dục, đào tạo...). Các hoạt động này sẽ được phân vào các nhóm tương ứng của hệ thống ngành kinh tế .

84112: Hoạt động quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp

Nhóm này gồm: Quản lý các hoạt động chung (hành pháp, lập pháp, tư pháp, quản lý tài chính ở tất cả các cấp độ của Chính phủ) và giám sát hoạt động kinh tế - xã hội.

Nhóm này gồm:

- Quản lý lập pháp và hành pháp ở Trung ương, vùng và tỉnh;

- Quản lý và giám sát các vấn đề tài chính:

+ Quản lý hoạt động của hệ thống thuế,

+ Thu thuế về hàng hóa và giám sát các biểu hiện gian lận về thuế,

+ Quản lý hải quan;

- Cấp ngân quỹ và quản lý quỹ và nợ công:

+ Huy động, nhận tiền và quản lý việc chi tiêu chúng;

- Quản lý toàn bộ (dân sự) chính sách nghiên cứu, phát triển (R&D) và liên kết chúng;

- Quản lý và tổ chức toàn bộ kế hoạch kinh tế - xã hội và dịch vụ thống kê ở nhiều cấp độ của Chính phủ.

- Quản lý nhà nước về tôn giáo.

Loại trừ:

- Hoạt động của các tòa nhà thuộc sở hữu hoặc có liên quan đến chính

phủ được phân vào nhóm 6810 (Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê);

- Quản lý các chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm tăng đời sống cá nhân và các quỹ liên quan được phân vào nhóm 84120 (Hoạt động quản lý nhà nước của các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa và các dịch vụ xã hội khác (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc));

- Quản lý các chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm cải thiện bộ mặt và sức cạnh tranh của nền kinh tế được phân vào nhóm 84130 (Hoạt động quản lý nhà nước của các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành);

- Quản lý các chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) liên quan đến quốc phòng và các quỹ liên quan được phân vào nhóm 84220 (Hoạt động quốc phòng).

8412 - 84120: Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa và các dịch vụ xã hội khác (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)

Nhóm này gồm:

- Quản lý công về các chương trình nhằm cải thiện đời sống cá nhân như: Sức khỏe, giáo dục, văn hóa, thể thao, giải trí, môi trường, nhà ở và dịch vụ xã hội;

- Quản lý các dự án nghiên cứu và phát triển (R&D) và các quỹ liên quan về các vấn đề trên.

Nhóm này cũng gồm:

- Việc tài trợ cho các hoạt động giải trí và văn hóa;

- Phân phối trợ cấp cho các nghệ sĩ;

- Quản lý chương trình cung cấp nước sạch;

- Quản lý việc thu gom rác thải và xử lý rác thải;

- Quản lý các chương trình bảo vệ môi trường;

- Quản lý các chương trình nhà ở.

Loại trừ:

- Xử lý nước thải, rác thải và tái chế được phân vào ngành 37 (Thoát nước và xử lý nước thải), 38 (Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu), 39 (Xử lý ô nhiễm và dịch vụ quản lý chất thải khác);

- Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc được phân vào nhóm 84300 (Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc);

- Hoạt động giáo dục được phân vào ngành 85 (Giáo dục và đào tạo);

- Hoạt động liên quan đến y tế được phân vào ngành 86 (Hoạt động y tế);

- Hoạt động thư viện và di tích được phân vào nhóm 91010 (Hoạt động thư viện và lưu trữ);

- Hoạt động của các bảo tàng và các khu văn hóa khác được phân vào nhóm 91020 (Hoạt động bảo tồn, bảo tàng);

- Hoạt động thể thao và giải trí khác được phân vào ngành 93 (Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí).

8413 - 84130: Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành

Nhóm này gồm:

- Quản lý và quy định, bao gồm cả trợ cấp, cho các khu vực kinh tế khác nhau:

+ Nông nghiệp,

+ Sử dụng đất,

+ Nguồn năng lượng và khoáng chất,

+ Giao thông,

+ Liên lạc,

+ Khách sạn và du lịch,

+ Bán buôn và bán lẻ;

- Quản lý các chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) và các quỹ liên quan để cải thiện đời sống kinh tế;

- Quản lý giao dịch lao động thông thường;

- Thi hành chính sách đo lường phát triển vùng, như giảm thất nghiệp.

Loại trừ: Các hoạt động nghiên cứu và phát triển thực nghiệm được phân vào ngành 72 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ).

842: Hoạt động phục vụ chung cho toàn đất nước

Nhóm này gồm: Hoạt động đối ngoại, quốc phòng và an ninh công cộng.

8421 - 84210: Hoạt động đối ngoại

Nhóm này gồm:

- Quản lý và điều hành hoạt động an ninh ngoại giao, đại sứ quán và lãnh sự quán đặt tại nước ngoài hoặc văn phòng của các tổ chức quốc tế của quốc gia đặt tại nước ngoài;

- Quản lý, điều hành và hỗ trợ thông tin, văn hóa ngoài phạm vi quốc gia;

- Trợ giúp nước ngoài, dù có qua tổ chức quốc tế hay không;

- Cung cấp trợ giúp về quân sự cho nước ngoài;

- Quản lý ngoại thương, tài chính và kỹ thuật quốc tế.

Loại trừ: Trợ giúp về thảm họa quốc tế hoặc tị nạn được phân vào nhóm

88900 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác).

8422 - 84220: Hoạt động quốc phòng

Nhóm này gồm:

- Quản lý, điều hành hoạt động quốc phòng về vùng đất, vùng biển, vùng trời như:

+ Lực lượng quân đội, hải quân, không quân,

+ Kỹ thuật, giao thông, liên lạc, do thám, hậu cần và các đơn vị phục vụ quốc phòng khác,

+ Các lực lượng dự bị và hỗ trợ cho quốc phòng,

+ Hậu cần (cung cấp trang thiết bị, quân nhu),

+ Hoạt động y tế cho quân nhân trên chiến trường;

- Quản lý, điều hành và hỗ trợ lực lượng quốc phòng;

- Hỗ trợ việc lập kế hoạch tác chiến và tiến hành diễn tập quân sự và an ninh nhân dân;

- Quản lý các dự án nghiên cứu và phát triển (R&D) liên quan đến quốc phòng và các quỹ liên quan.

Loại trừ:

- Hoạt động nghiên cứu và phát triển thực nghiệm được phân vào ngành 72 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ);

- Cung cấp trợ giúp quân sự cho nước ngoài được phân vào nhóm 84220 (Hoạt động quốc phòng);

- Hoạt động của tòa án quân sự được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội);

- Cung cấp vật tư cho trường hợp bị thiên tai sự cố bất thường được phân vào nhóm 84230 (Hoạt động an ninh, trật tự an toàn xã hội);

- Hoạt động giáo dục trong các trường quân sự được phân vào nhóm 854 (Giáo dục đại học);

- Hoạt động của bệnh viện quân đội được phân vào nhóm 861 (Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế).

8423 - 84230: Hoạt động an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Nhóm này gồm:

- Quản lý và điều hành lực lượng công an chính quy và hỗ trợ do chính quyền nhà nước hỗ trợ, ở các cảng, biên giới và lực lượng công an đặc biệt khác, bao gồm cảnh sát giao thông, đăng ký hộ tịch hộ khẩu, duy trì các bản theo dõi phạm nhân;

- Phòng chống hỏa hoạn;

- Quản lý và điều hành các đơn vị phòng chống hỏa hoạn chính quy và

bổ trợ, giải cứu người và động vật, giúp đỡ nạn nhân thảm họa, lũ lụt, tai nạn giao thông...;

- Thực hành quyền công tố, kiểm soát việc giải quyết các vụ án hình sự, kiểm soát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

- Quản lý và điều hành về mặt hành chính các tòa án dân sự và hình sự, tòa án quân sự và hệ thống tòa án, bao gồm đại diện pháp luật và tư vấn thay mặt chính phủ;

- Thi hành phán quyết và phiên dịch luật;

- Xét xử dân sự;

- Điều hành nhà tù và cung cấp dịch vụ phục hồi nhân phẩm không phụ thuộc vào việc quản lý và điều hành thuộc chính phủ hoặc tư nhân trên cơ sở hợp đồng;

- Cung cấp việc hỗ trợ cấp cứu trong trường hợp có thảm họa.

Loại trừ:

- Phòng chống cháy rừng được phân vào nhóm 02400 (Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp);

- Cứu hỏa cháy dầu và xăng được phân vào nhóm 09100 (Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên);

- Dịch vụ phòng cháy, chữa cháy ở sân bay bởi các tổ chức không chuyên được phân vào nhóm 52239 (Hoạt động hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không);

- Tư vấn và đại diện dân sự, hình sự và các trường hợp khác được phân vào nhóm 69101 (Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật);

- Hoạt động của thư viện cảnh sát được phân vào nhóm 721(Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật);

- Quản lý và điều hành lực lượng quân đội được phân vào nhóm 84220 (Hoạt động quốc phòng);

- Hoạt động của các trường học trong nhà tù được phân vào ngành 85 (Giáo dục và đào tạo);

- Hoạt động của các bệnh viện trong nhà tù được phân vào nhóm 861 (Hoạt động của bệnh viện, trạm y tế).

843 - 8430 - 84300: Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc

Nhóm này gồm:

- Tài trợ và điều hành các chương trình bảo đảm xã hội của chính phủ:

+ Bảo hiểm ốm đau, thai sản, tai nạn nghề nghiệp và thất nghiệp,

+ Quản lý quỹ hưu trí,

+ Các chương trình bù đắp phần thiếu hụt thu nhập mất sức tạm thời, góa bụa, tử tuất,...

Loại trừ:

- Bảo đảm xã hội không bắt buộc được phân vào nhóm 65300 (Bảo hiểm xã hội);

- Cung cấp dịch vụ phúc lợi xã hội (không kèm nhà ở được phân vào nhóm 8810 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật), 88900 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác).

P: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngành này gồm: Các hoạt động giáo dục, đào tạo ở mọi cấp độ cho mọi nghề được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp bằng lời nói hoặc chữ viết cũng như qua phát thanh và truyền hình hoặc thông qua các phương tiện khác của truyền thông. Các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác nhau trong hệ thống trường học phổ thông ở các cấp khác nhau cũng như các chương trình xoá mù chữ, dạy học cho người đã trưởng thành…

Ngành này cũng gồm:

- Các học viện và các trường quân sự, các trường học trong nhà tù v.v… với mọi cấp độ phù hợp;

- Với mỗi cấp độ giáo dục ban đầu, các lớp học bao gồm cả giáo dục đặc biệt cho những học sinh có khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần. Hoạt động giáo dục của cả công lập và tư thục, việc dạy các kiến thức căn bản liên quan đến hoạt động thể thao và giải trí các hoạt động hỗ trợ giáo dục.

85: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

851: Giáo dục mầm non

Nhóm này gồm: Hoạt động giáo dục mầm non thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng đến 6 tuổi.

8511-85110: Giáo dục nhà trẻ

Nhóm này gồm hoạt động giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi, chăm sóc giúp cho trẻ em phát triển về thể chất, nhận thức, tập trung vào các hoạt động tập thể và được thiết kế để cho trẻ em làm quen với môi trường kiểu trường học.

8512-85120: Giáo dục mẫu giáo

Nhóm này gồm hoạt động giáo dục trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi, giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Các hoạt động

giáo dục này tập trung vào các hoạt động tập thể và được thiết kế để cho trẻ em làm quen với môi trường kiểu trường học.

852: Giáo dục phổ thông

8521-85210: Giáo dục tiểu học

Nhóm này gồm:

- Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến hết lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi; Giáo dục tiểu học nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên trung học cơ sở.

- Việc giáo dục này nhìn chung được giáo dục cho trẻ nhỏ, tuy nhiên cũng bao gồm các chương trình xoá mù chữ trong hoặc ngoài hệ thống nhà trường, mà tương tự về nội dung như các chương trình của giáo dục tiểu học nhưng được dự định cho những người đã quá lớn tuổi để đi học tiểu học;

- Hoạt động giáo dục trẻ em trong các trường năng khiếu (ca, múa, nhạc, ngoại ngữ, thể thao...) và các hoạt động giáo dục trong các trường chuyên môn dạy trẻ em khuyết tật có chương trình tương đương cấp tiểu học;

- Hoạt động giáo dục trong các trường thanh thiếu niên dân tộc, vùng cao, trường con em cán bộ...có chương trình tương đương cấp tiểu học.

Việc dạy học có thể được thực hiện ở các phòng học hoặc thông qua đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, internet hoặc qua thư.

Loại trừ: Dạy học cho người trưởng thành được phân vào ngành 855 (Giáo dục khác).

8522-85220: Giáo dục trung học cơ sở

Nhóm này gồm:

- Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến hết lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học. Tuổi của học sinh vào học lớp sáu là mười một tuổi; Giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc theo học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

- Hoạt động giáo dục trong các trường năng khiếu (ca, múa, nhạc, ngoại ngữ, thể thao...) và hoạt động giáo dục trong các trường lớp đặc biệt dành cho những học sinh khuyết tật có chương trình tương đương cấp trung học cơ sở;

- Hoạt động giáo dục trong các trường thanh niên vừa học, vừa làm, thanh niên dân tộc vùng cao... có chương trình tương đương cấp trung học cơ sở;

Việc dạy học có thể được thực hiện ở các phòng học hoặc thông qua đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, internet hoặc qua thư.

Loại trừ: Dạy học cho người trưởng thành được phân vào nhóm 855 (Giáo dục khác).

8523-85230: Giáo dục trung học phổ thông

Nhóm này gồm:

- Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến hết lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Tuổi của học sinh vào học lớp mười là mười lăm tuổi; Giáo dục trung học phổ thông nhằm bảo đảm cho học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở; hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

- Hoạt động giáo dục trong các trường năng khiếu (ca, múa, nhạc, ngoại ngữ, thể thao…) và hoạt động giáo dục trong các trường lớp đặc biệt dành cho những học sinh khuyết tật có chương trình tương đương cấp trung học phổ thông;

- Hoạt động giáo dục trong các trường thanh niên vừa học, vừa làm, thanh niên dân tộc vùng cao… có chương trình tương đương cấp trung học phổ thông.

Việc dạy học có thể được thực hiện ở các phòng học hoặc thông qua đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, internet hoặc qua thư.

Loại trừ: Dạy học cho người trưởng thành được phân vào nhóm 855 (Giáo dục khác).

853: Giáo dục nghề nghiệp

Nhóm này gồm:

Hoạt động đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Loại trừ: các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ không cấp văn bằng chứng chỉ được phân vào mã 855 (Giáo dục khác).

8531-85310: Đào tạo sơ cấp

Nhóm này gồm:

Hoạt động đào tạo trình độ sơ cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề, Thời gian đào tạo được thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm học nhưng phải bảo đảm thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ học đối với người có trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học.

Loại trừ:

-Hoạt động đào tạo dạy nghề, chuyên môn dưới 3 tháng, dạy học cho

người trưởng thành không cấp văn bằng chứng chỉ được phân vào nhóm 855 (Giáo dục khác).

- Hoạt động kỹ thuật và dạy nghề ở cấp cao đẳng được phân vào nhóm 85330 (Đào tạo cao đẳng) và cấp đại học được phân vào nhóm 854 (Giáo dục đại học).

8532-85320: Đào tạo trung cấp

Nhóm này gồm:

- Hoạt động đào tạo trình độ trung cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên là từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

Loại trừ:

- Hoạt động kỹ thuật và dạy nghề ở cấp cao đẳng được phân vào nhóm 85330 (Đào tạo cao đẳng) và cấp đại học được phân vào nhóm 854 (Giáo dục đại học).

- Dạy học cho người trưởng thành được phân vào nhóm 855 (Giáo dục khác)

8533-85330: Đào tạo cao đẳng

Nhóm này gồm: Hoạt động đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc. Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện từ 02 đến 03 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 01 đến 02 năm học tùy theo chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề đào tạo và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

Loại trừ: Dạy học cho người trưởng thành được phân vào nhóm 855 (giáo dục khác)

854: Giáo dục đại học

8541-85410: Đào tạo đại học

Nhóm này gồm:

- Hoạt động về đào tạo mới và nâng cao trình độ trong các học viện, trường đại học thời gian từ ba đến năm năm học tập trung liên tục tuỳ theo

ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành để đạt được trình độ bậc 6 theo khung trình độ quốc gia. Không phân biệt hình thức đào tạo.

Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được thiết kế phù hợp với ngành nghề đào tạo, đảm bảo cho sinh viên có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp, có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

8542-85420: Đào tạo thạc sỹ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động về đào tạo và nâng cao trình độ trong các học viện, các trường đại học, thời gian đào tạo trung bình từ một đến hai năm học tập trung liên tục tuỳ theo từng chương trình đào tạo đối với người đã có bằng đại học để đạt được trình độ bậc 7 theo khung trình độ quốc gia.

Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp chuyên sâu hoặc liên ngành.

Loại trừ: Dạy học cho người trưởng thành được phân vào nhóm 855 (giáo dục khác).

8543-85430: Đào tạo tiến sỹ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động đào tạo trình độ tiến sỹ, thời gian đào tạo trung bình từ ba đến bốn năm học tập trung liên tục tuỳ theo từng chương trình đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học, thạc sỹ để đạt được trình độ bậc 8 theo khung trình độ quốc gia.

Chương trình đào tạo tùy thuộc vào từng ngành, chuyên ngành nghiên cứu đảm bảo cho nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có kiến thức, thực hành và năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo các vấn đề khoa học - công nghệ, hướng dẫn người khác các hoạt động chuyên môn.

Loại trừ: Dạy học cho người trưởng thành được phân vào nhóm 855 (giáo dục khác).

855: Giáo dục khác

Nhóm này gồm: Giáo dục phổ thông nói chung và tiếp tục giáo dục dạy nghề, đào tạo chuyên môn. Phương tiện truyền đạt có thể bằng lời nói hoặc chữ viết trong các lớp học hoặc thông qua đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, internet hoặc các phương tiện giao tiếp khác.

Nhóm này cũng gồm: Các trại huấn luyện và các trường dạy các hoạt động thể thao cho một nhóm hoặc cá nhân dạy ngoại ngữ, dạy mỹ thuật, kịch

hoặc âm nhạc hoặc các lĩnh vực khác hoặc đào tạo chuyên ngành.

Loại trừ: Các hoạt động giáo dục đã được mô tả ở ngành 852 (Giáo dục phổ thông), 853 (Giáo dục nghề nghiệp), 854 (Giáo dục đại học)

8551 - 85510: Giáo dục thể thao và giải trí

Nhóm này gồm: Các trại và các trường tiến hành giảng dạy các hoạt động thể thao cho các nhóm hoặc các cá nhân. Các trại huấn luyện thể thao ban ngày và ban đêm cũng bao gồm ở đây. Nó không bao gồm các học viện, các trường cao đẳng và các trường đại học. Việc giảng dạy có thể được tiến hành ở nhiều môi trường khác nhau, như ở các đơn vị hoặc theo điều kiện học của khách hàng, các cơ sở giáo dục hoặc các phương tiện giảng dạy khác. Việc dạy học ở nhóm này được tổ chức một cách chính thức.

Nhóm này cũng gồm:

- Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...);

- Dạy thể thao, cắm trại;

- Hướng dẫn cổ vũ;

- Dạy thể dục;

- Dạy cưỡi ngựa;

- Dạy bơi;

- Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp;

- Dạy võ thuật;

- Dạy chơi bài;

- Dạy yoga.

Loại trừ: Giáo dục về văn hoá được phân vào nhóm 85520 (Giáo dục văn hoá nghệ thuật).

8552 - 85520: Giáo dục văn hoá nghệ thuật

Nhóm này gồm: Việc dạy về nghệ thuật, kịch và âm nhạc. Các đơn vị tiến hành giảng dạy ở nhóm này có thể là "các trường", "các xưởng vẽ", "các lớp học", v.v... Các đơn vị này cung cấp một sự hướng dẫn được tổ chức chính thức, chủ yếu cho mục đích sở thích riêng, cho giải trí hoặc cho sự phát triển bản thân, nhưng việc giảng dạy này không dẫn đến được cấp bằng chuyên môn.

Nhóm này cũng gồm:

- Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác;

- Dạy hội hoạ;

- Dạy nhảy;

- Dạy kịch;

- Dạy mỹ thuật;

- Dạy nghệ thuật biểu diễn;

- Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).

8559 - 85590: Giáo dục khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Việc đưa ra và cung cấp việc hướng dẫn và đào tạo đặc biệt, thường là cho người đã trưởng thành và không thể so sánh được với giáo dục thông thường ở nhóm 852 (Giáo dục phổ thông), 853 (Giáo dục nghề nghiệp), nhóm 854 (Giáo dục đại học). Không kể các trường học viện, các trường cao đẳng và các trường đại học. Việc giảng dạy có thể được tiến hành ở nhiều môi trường khác nhau như ở các đơn vị hoặc theo điều kiện học của khách hàng, các tổ chức giáo dục, nơi làm việc hoặc tại nhà, có thể thông qua thư, tivi, internet, ở các phòng học hoặc qua các phương tiện khác. Việc dạy học này không dẫn đến được cấp bằng tốt nghiệp trung học, hoặc bằng tốt nghiệp đại học.

Cụ thể:

- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;

- Các dịch vụ dạy kèm(gia sư);

- Giáo dục dự bị;

- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;

- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;

- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;

- Dạy đọc nhanh;

- Dạy về tôn giáo;

- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.

Nhóm này cũng gồm:

- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;

- Dạy bay;

- Đào tạo tự vệ;

- Đào tạo về sự sống;

- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;

- Dạy máy tính.

Loại trừ:

- Các chương trình dạy biết đọc biết viết cho người trưởng thành được phân vào nhóm 85210 (Giáo dục tiểu học), giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông được phân vào nhóm 85220-85230 (Giáo dục trung học cơ sở

và trung học phổ thông);

- Các trường dạy lái xe cho những người làm nghề lái xe được phân vào nhóm 853 (Giáo dục nghề nghiệp);

- Giáo dục cao đẳng được phân vào 853 (Giáo dục nghề nghiệp), đại học và sau đại học được phân vào ngành 854 (Giáo dục đại học).

856 - 8560 - 85600: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

Nhóm này gồm:

- Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy:

+ Tư vấn giáo dục,

+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,

+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,

+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,

+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.

Loại trừ: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm về khoa học xã hội và nhân văn được phân vào nhóm 722 (Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn).

Q: Y TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Ngành này gồm: Cung cấp các hoạt động y tế và các hoạt động trợ giúp xã hội. Các hoạt động này gồm một phạm vi rộng của các hoạt động, từ việc chăm sóc sức khoẻ của những người đã qua đào tạo về y tế trong các bệnh viện và các cơ sở y tế khác, đến các hoạt động chăm sóc dân cư mà liên quan đến mức độ chăm sóc sức khoẻ đối với các hoạt động trợ giúp xã hội mà không liên quan đến chuyên môn về chăm sóc y tế.

86: HOẠT ĐỘNG Y TẾ

Ngành này gồm: Hoạt động của các bệnh viện ngắn hoặc dài hạn, các bệnh viện chuyên khoa hoặc đa khoa, phẫu thuật, bệnh viện tâm thần và chữa các chất nghiện, bệnh viện điều trị những người mắc bệnh kéo dài hoặc vừa khỏi bệnh, cơ sở phòng và điều trị lao phổi, nhà điều dưỡng, dưỡng trí viện, bệnh viện tâm thần, trung tâm phục hồi sức khoẻ, các cơ sở chữa bệnh phong và các cơ sở y tế khác mà có điều kiện chỗ ở và cam kết cung cấp việc chuẩn đoán và điều trị cho các bệnh nhân nội trú với bất kỳ điều kiện y tế đa dạng nào.

Ngành này cũng gồm: Việc tư vấn và chăm sóc y tế trong lĩnh vực y tế đa khoa và chuyên khoa thông qua các bác sỹ đa khoa, các chuyên gia y tế và các nhà phẫu thuật. Hoạt động nha khoa ở trạng thái chung hoặc đặc biệt và hoạt động phẫu thuật chỉnh răng. Hoạt động y tế mà không thực hiện ở các bệnh viện hoặc do các bác sỹ nhưng được thực hiện bởi những người hành

nghề y mà được pháp luật thừa nhận để chữa bệnh.

861- 8610: Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế

86101: Hoạt động của các bệnh viện

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các bệnh viện (đa khoa, chuyên khoa); nhà điều dưỡng, khu điều trị bệnh phong, các viện y tế khác vừa nghiên cứu vừa nhận điều trị bệnh nhân nội trú;

- Hoạt động của các cơ sở này chủ yếu hướng vào bệnh nhân nội trú, được thực hiện dưới sự giám sát trực tiếp của bác sỹ và các thầy thuốc giàu kinh nghiệm; với sự phục vụ của các nhân viên y tế và nhân viên trợ giúp y tế làm việc cho các cơ sở đó, sử dụng các phương tiện kỹ thuật, xét nghiệm để chẩn đoán, khám, điều trị và chăm sóc bệnh nhân.

Loại trừ:

- Thử nghiệm và kiểm tra mọi loại vật liệu và sản phẩm, trừ thuốc chữa bệnh được phân vào nhóm 71200 (Kiểm tra và phân tích kỹ thuật);

- Hoạt động thú y được phân vào mã 75000 (Hoạt động thú y);

- Hoạt động y tế đối với những người thuộc lực lượng vũ trang tại chiến trường được phân vào nhóm 84220 (Hoạt động quốc phòng);

- Các hoạt động nha khoa ở trạng thái chung hoặc đặc biệt như khoa răng, nha khoa cho trẻ em, khoa nghiên cứu các bệnh về răng miệng và các hoạt động về chỉnh răng được phân vào nhóm 86202 (Hoạt động của các phòng khám nha khoa);

- Dịch vụ tư vấn cá nhân cho các bệnh nhân nội trú được phân vào nhóm 86201 (Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa);

- Thử nghiệm thuốc được phân vào nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu);

- Dịch vụ vận chuyển cứu thương được phân vào nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động khác nhằm bảo vệ sức khoẻ con người được phân vào nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu).

86102: Hoạt động của các trạm y tế và trạm y tế bộ/ngành

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các cơ sở khám, chữa bệnh của xã/phường như trạm y tế, hộ sinh, bệnh xá... do xã/phường quản lý hoặc của tư nhân có qui mô như trạm y tế;

- Hoạt động của các bệnh xá của quân đội, nhà tù, cơ quan, trường học, doanh nghiệp thuộc các bộ/ngành.

862 - 8620: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

Nhóm này gồm: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và phòng khám nha khoa mà bệnh nhân chủ yếu được khám và điều trị ngoại trú theo đơn của các bác sĩ, thầy thuốc giàu kinh nghiệm của phòng khám.

86201: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa

Nhóm này gồm:

- Hoạt động khám, chữa bệnh, tư vấn và chăm sóc sức khoẻ trong lĩnh vực y tế đa khoa và chuyên khoa do các bác sỹ và các chuyên gia y tế, các nhà phẫu thuật đảm nhận;

- Hoạt động của các trung tâm kế hoạch hoá gia đình có cung cấp điều trị y tế như triệt sản hay sảy thai, không có tiện nghi ăn ở;

- Các hoạt động này có thể tiến hành ở phòng khám bệnh tư nhân, phòng khám bệnh của một nhóm bác sỹ và trong các phòng khám cho các bệnh nhân ngoại trú bệnh viện, nhà dưỡng lão, các tổ chức lao động cũng như tại nhà của bệnh nhân;

- Dịch vụ tư vấn cá nhân cho các bệnh nhân nội trú.

Loại trừ:

- Hoạt động y tế cho bệnh nhân nội trú được phân vào nhóm 86101 (Hoạt động của các bệnh viện);

- Hoạt động trợ giúp y tế như hoạt động của các bà đỡ, y tá và nhà vật lý trị liệu được phân vào nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu).

86202: Hoạt động của các phòng khám nha khoa

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các phòng khám nha khoa;

- Hoạt động nha khoa ở trạng thái chung hoặc đặc biệt như khoa răng, nha khoa cho trẻ em, khoa nghiên cứu các bệnh về răng miệng;

- Hoạt động về chỉnh răng;

- Hoạt động phẫu thuật nha khoa;

- Hoạt động tư vấn, chăm sóc răng miệng.

Loại trừ: Sản xuất răng giả, hàm răng giả và các thiết bị lắp răng giả cho các phòng khám răng được phân vào mã 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa).

869: Hoạt động y tế khác

8691 - 86910: Hoạt động y tế dự phòng

Nhóm này gồm: Hoạt động của các đơn vị từ trung ương đến địa phương chuyên làm công tác tuyên truyền vệ sinh phòng dịch, tiêm chủng, phòng chống các bệnh xã hội, phòng chống HIV/AIDS, phòng và chống chiến tranh sinh học, hoá học, phóng xạ...

Loại trừ: Hoạt động của các cơ sở chữa bệnh được phân vào nhóm 86101 (Hoạt động của các bệnh viện), nhóm 86102 (Hoạt động của các trạm y tế và trạm y tế Bộ/ngành), nhóm 86201 (Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa), nhóm 86202 (Hoạt động của các phòng khám nha khoa), nhóm 86990 (Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu), kể cả các cơ sở đó có tham gia vệ sinh phòng dịch trong các chiến dịch do Nhà nước huy động.

8692 - 86920: Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng

Nhóm này gồm: Hoạt động của hệ thống cơ sở chỉnh hình, phục hồi chức năng trên cả nước.

8699 - 86990: Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Tất cả các hoạt động y tế vì sức khoẻ con người chưa được phân vào đâu mà việc thực hiện đó có sự giám sát của y tá, bà đỡ, các nhà chữa bệnh bằng phương pháp vật lý trị liệu hoặc của những người hành nghề trợ giúp y tế khác trong lĩnh vực đo thị lực, thuỷ liệu pháp, xoa bóp y học, phép điều trị bằng lao động, phép điều trị bằng lời nói, thuật chữa bệnh chân, phép chữa vi lượng đồng cân, chữa bệnh bằng phương pháp nắn khớp xương, thuật châm cứu v.v... hoặc hoạt động khám chữa bệnh của các thầy thuốc chưa được phân vào đâu;

- Những hoạt động này có thể được tiến hành ở các phòng khám của các doanh nghiệp, trường học, nhà dưỡng lão, các tổ chức lao động, các tổ chức hội kín và trong các cơ sở y tế của dân cư ngoài các bệnh viện, cũng như trong các phòng tư vấn riêng, nhà của bệnh nhân hoặc bất cứ nơi nào khác. Các hoạt động này không liên quan đến điều trị y tế.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của các nhân viên trợ giúp nha khoa như các nhà trị liệu răng miệng, y tá nha khoa trường học và vệ sinh viên răng miệng,...người có thể làm việc xa, nhưng vẫn dưới sự kiểm soát định kỳ của nha sỹ;

- Hoạt động của các phòng thí nghiệm y học như:

+ Phòng thí nghiệm X-quang và các trung tâm chẩn đoán qua hình ảnh khác,

+ Phòng thí nghiệm phân tích máu.

- Hoạt động của các ngân hàng máu, ngân hàng tinh dịch, ngân hàng các bộ phận cơ thể cấy ghép v.v...;

- Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân bằng bất cứ phương tiện nào gồm cả máy bay. Các dịch vụ này thường được thực hiện trong cấp cứu y tế.

Loại trừ:

- Sản xuất răng giả, hàm răng giả và các thiết bị lắp răng giả do các phòng thí nghiệm về nha khoa được phân vào nhóm 32501 (Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa);

- Chuyển bệnh nhân, với việc không có thiết bị cứu sống cũng như không có nhân viên y tế được phân vào ngành 49 (Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống), 50 (Vận tải đường thuỷ), 51 (Vận tải hàng không);

- Kiểm nghiệm không thuộc y tế được phân vào nhóm 71200 (Kiểm tra và phân tích kỹ thuật);

- Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thức ăn được phân vào nhóm 71200 (Kiểm tra và phân tích kỹ thuật).

87 : HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, ĐIỀU DƯỠNG TẬP TRUNG

Ngành này gồm: Việc chăm sóc dân cư kết hợp với điều dưỡng, giám sát hoặc các loại hình chăm sóc khác mà được yêu cầu bởi người dân. Điều kiện ăn ở là một phần quan trọng của qui trình chăm sóc và việc chăm sóc là sự pha trộn của dịch vụ y tế và dịch vụ xã hội, với dịch vụ y tế là lớn và một số mức độ của các dịch vụ chăm sóc.

871 - 8710: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở điều dưỡng và an dưỡng cung cấp dịch vụ bệnh nhân nội trú cho những người vừa bình phục từ phòng khám bệnh, có sức khoẻ yếu hoặc trong điều kiện cần kiểm tra và giám sát bởi nhân viên y tế, vật lý trị liệu và tập luyện phục hồi chức năng và nghỉ ngơi.

87101: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên do tình trạng thương tật, bệnh tật hoặc do hoàn cảnh đặc biệt không thể về sinh sống với gia đình thì được tổ chức nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng của tỉnh, thành phố nơi gia đình của thương bệnh binh cư trú.

87109: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác

Nhóm này gồm:

- Nhà dưỡng lão có sự chăm sóc điều dưỡng;

- Nhà an dưỡng;

- Nhà nghỉ có chăm sóc điều dưỡng;

- Các cơ sở chăm sóc điều dưỡng;

- Nhà điều dưỡng.

Loại trừ:

- Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà được phân vào ngành 86 (Hoạt động y tế);

- Nhà dưỡng lão không có hoặc có sự chăm sóc điều dưỡng tối thiểu được phân vào nhóm 87302 (Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người già);

- Các hoạt động trợ giúp xã hội tập trung như trại trẻ mồ côi, nhà ở tạm thời cho người vô gia cư được phân vào nhóm 87909 (Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu).

872 - 8720: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiểu năng, tâm thần và người nghiện

87201: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiểu năng, tâm thần

Nhóm này gồm: Việc cung cấp sự chăm sóc (nhưng không phải bệnh viện được cấp phép) cho những người bị chậm phát triển về trí não, bị bệnh tâm thần. Các cơ sở cung cấp phòng ở, bữa ăn, giám sát, bảo vệ và tư vấn sức khoẻ và một số chăm sóc y tế. Nó cũng bao gồm cả việc cung cấp chăm sóc và điều trị cho các bệnh nhân có vấn đề về thần kinh.

Nhóm này cũng gồm:

- Nhà dưỡng bệnh tâm thần;

- Nhà tập trung cho người bị hoang tưởng, trầm cảm;

- Cơ sở cho người chậm phát triển trí óc;

- Nhà nghỉ cho bệnh nhân tâm thần và những người cần thời gian thích nghi trước khi trở về cuộc sống bình thường.

Loại trừ: Các hoạt động trợ giúp xã hội tập trung, như nhà ở tạm thời cho người vô gia cư được phân vào nhóm 87909 (Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu).

87202: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ, cai nghiện phục hồi người nghiện

Nhóm này gồm:

- Việc cung cấp sự chăm sóc (nhưng không phải bệnh viện được cấp phép) cho những người có vấn đề lạm dụng chất gây nghiện. Các cơ sở chăm sóc cung cấp phòng ở, bữa ăn, giám sát bảo vệ và tư vấn sức khoẻ và một số chăm sóc y tế. Nó cũng bao gồm cả việc cung cấp chăm sóc tập trung và điều trị cho các bệnh nhân bị nghiện;

- Cơ sở chăm sóc và điều trị cho những người nghiện rượu hoặc nghiện ma tuý;

- Hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma tuý: chữa trị, dạy nghề, tái hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng đã cai nghiện.

873 - 8730: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc

87301: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công (trừ thương bệnh binh)

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở cung cấp chăm sóc, điều dưỡng cho các đối tượng là người có công với cách mạng.

Loại trừ: Hoạt động nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh được phân vào nhóm 87101 (Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh).

87302: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người già

Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người già, những người mà không thể tự chăm sóc mình một cách đầy đủ hoặc những người mà không muốn sống độc lập một mình. Việc chăm sóc bao gồm phòng ở, chế độ ăn uống, theo dõi và giúp đỡ trong cuộc sống hàng ngày, như dịch vụ quản gia. Trong một số trường hợp, các đơn vị này còn cung cấp sự chăm sóc điều dưỡng về chuyên môn cho những người sống tại các khu riêng khác.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động của các cơ sở trợ giúp cuộc sống;

- Hoạt động tiếp tục chăm sóc sức khoẻ cho những người về hưu;

- Nhà dành cho người già với sự chăm sóc điều dưỡng tối thiểu;

- Nhà nghỉ không có sự chăm sóc điều dưỡng.

Loại trừ:

- Nhà dành cho người già có sự chăm sóc điều dưỡng được phân vào nhóm 87109 (Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác);

- Hoạt động trợ giúp xã hội tập trung mà sự chăm sóc về y tế hoặc nơi nghỉ không phải là vấn đề quan trọng được phân vào nhóm 87909 (Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu).

87303: Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người khuyết tật

Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người khuyết tật. Việc chăm sóc bao gồm phòng ở, chế độ ăn uống, theo dõi và giúp đỡ trong cuộc sống hàng ngày, như dịch vụ quản gia. Trong một số trường hợp, các đơn vị này còn cung cấp sự chăm sóc điều dưỡng về chuyên môn cho những người sống tại các khu vực riêng khác.

Loại trừ: Hoạt động trợ giúp xã hội tập trung mà sự chăm sóc về y tế hoặc nơi nghỉ không phải là vấn đề quan trọng được phân vào nhóm 87909 (Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu).

879 - 8790: Hoạt động chăm sóc tập trung khác

87901: Hoạt động chữa bệnh, phục hồi nhân phẩm cho đối tượng mại dâm

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở giáo dục, chữa trị, dạy nghề và tái hoà nhập cộng đồng cho các đối tượng mại dâm.

87909: Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Việc cung cấp dịch vụ chăm sóc cho cá nhân hoặc dân cư loại trừ đối với người già và người bị khuyết tật, những người mà không thể tự chăm sóc mình một cách đầy đủ hoặc những người không muốn sống độc lập một mình;

- Hoạt động tại các cơ sở tập trung liên tục của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức tư nhân cung cấp sự trợ giúp của xã hội đối với trẻ em và những nhóm người bị một số hạn chế về khả năng tự chăm sóc, nhưng ở đó sự điều trị y tế, hoặc sự giáo dục không phải là yếu tố quan trọng, bao gồm:

+ Trại mồ côi,

+ Các ký túc xá, nhà ở nội trú cho trẻ em,

+ Nhà ở tạm thời cho người vô gia cư,

+ Các cơ sở chăm sóc cho các bà mẹ chưa kết hôn và con cái của họ.

Loại trừ:

- Hoạt động lập và phân phối quĩ bảo đảm xã hội bắt buộc được phân vào nhóm 84300 (Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc);

- Các cơ sở chăm sóc điều dưỡng được phân vào nhóm 8710 (Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng);

- Hoạt động chăm sóc tập trung cho người già và người khuyết tật được phân vào nhóm 87302 (Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người già) và nhóm 87303 (Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người khuyết tật);

- Hoạt động cho, nhận con nuôi được phân vào nhóm 88900 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác);

- Hoạt động giúp đỡ về chỗ ở tạm thời ngắn hạn cho các nạn nhân gặp thảm hoạ được phân vào nhóm 88900 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác).

88 : HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHÔNG TẬP TRUNG

Ngành này gồm: Cung cấp một cách trực tiếp các dịch vụ trợ giúp xã hội đa dạng đối với khách hàng. Các hoạt động ở ngành này không bao gồm các dịch vụ ăn ở, loại trừ trên cơ sở tạm thời.

881 - 8810: Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật

88101: Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công (trừ thương, bệnh binh)

Nhóm này gồm: Hoạt động tham gia ủng hộ, trợ giúp của các cấp, các ngành, mọi tổ chức quần chúng và cá nhân đối với người có công (trừ thương, bệnh binh) trong phong trào đền ơn, đáp nghĩa bằng những hình thức và việc làm thiết thực như tặng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, chăm sóc, giáo dục, đỡ đầu, giải quyết việc làm v.v... nhằm hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng này.

88102: Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với thương bệnh binh

Nhóm này gồm: Hoạt động tham gia ủng hộ, trợ giúp của các cấp, các ngành, mọi tổ chức quần chúng và cá nhân đối với thương binh, bệnh binh trong phong trào đền ơn, đáp nghĩa bằng những hình thức và việc làm thiết thực như tặng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, chăm sóc, giáo dục, đỡ đầu, giải quyết việc làm v.v... nhằm hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng này.

88103: Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người già và người khuyết tật

Nhóm này gồm: Dịch vụ xã hội, tư vấn, phúc lợi xã hội, chỉ dẫn và các dịch vụ tương tự khác mà phục vụ cho người già và người khuyết tật tại nhà của họ hoặc ở nơi nào đó và được thực hiện bởi các cơ quan tổ chức nhà nước hoặc các tổ chức tư nhân, các tổ chức tự giúp đỡ trên phạm vi quốc gia hay địa phương và bởi các chuyên gia để cung cấp các dịch vụ tư vấn:

- Hoạt động thăm hỏi đối với người già và người khuyết tật;

- Hoạt động chăm sóc ban ngày đối với người già và những người trưởng thành bị khuyết tật;

- Hoạt động hướng dẫn đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho những người bị khuyết tật, những người mà sự giáo dục bị hạn chế.

Loại trừ:

- Hoạt động lập và phân phối quĩ bảo đảm xã hội bắt buộc được phân vào nhóm 84300 (Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc);

- Hoạt động tương tự như những hoạt động đã được mô tả ở nhóm này nhưng thực hiện ở các cơ sở tập trung được phân vào nhóm 87302 (Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người già), nhóm 87303 (Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người khuyết tật).

889 - 8890 - 88900: Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác

Nhóm này gồm: Dịch vụ xã hội, tư vấn, phúc lợi xã hội, dịch vụ cho người tị nạn, chỉ dẫn và các dịch vụ tương tự khác mà phục vụ cho cá nhân và gia đình tại nhà của họ hoặc ở nơi nào đó và được thực hiện bởi các cơ quan

nhà nước hoặc các tổ chức tư nhân, các tổ chức cứu trợ thảm hoạ và các tổ chức tự giúp đỡ trên phạm vi quốc gia hay địa phương và bởi các chuyên gia để cung cấp các dịch vụ tư vấn:

- Các hoạt động bảo vệ và dìu dắt trẻ em và thanh thiếu niên;

- Hoạt động cho, nhận con nuôi;

- Hoạt động ngăn chặn bạo lực đối với trẻ em và những người khác;

- Các dịch vụ tư vấn chi tiêu gia đình, tư vấn hôn nhân và gia đình, tư vấn đi vay và cho vay;

- Hoạt động cộng đồng và chòm xóm giúp đỡ nhau;

- Hoạt động cứu trợ đối với nạn nhân gặp thảm hoạ, người tị nạn, người nhập cư v.v... bao gồm việc làm nhà tạm hoặc lâu dài cho họ;

- Hoạt động hướng dẫn đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho những người thất nghiệp, những người mà sự giáo dục bị hạn chế;

- Các cơ sở ban ngày phục vụ người vô gia cư và các nhóm người yếu sức khoẻ khác trong xã hội;

- Hoạt động từ thiện như gây quĩ hoặc các hoạt động ủng hộ khác nhằm trợ giúp xã hội.

Loại trừ:

- Hoạt động lập và phân phối quĩ bảo đảm xã hội bắt buộc được phân vào nhóm 84300 (Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc);

- Hoạt động tương tự như những hoạt động đã được mô tả ở nhóm này nhưng thực hiện ở các cơ sở tập trung được phân vào nhóm 87909 (Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu).

R: NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ

Ngành này gồm: Phạm vi rộng của các hoạt động đa dạng về văn hoá, vui chơi giải trí công cộng nói chung, bao gồm trình diễn nghệ thuật trực tiếp, hoạt động về bảo tàng, đánh bạc, hoạt động thể thao và các hoạt động giải trí khác.

90 : HOẠT ĐỘNG SÁNG TÁC, NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

900 - 9000 - 90000: Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở và việc cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hoá và giải trí cho khách hàng. Nó bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp.

Nhóm này cũng gồm:

- Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác:

+ Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc,

+ Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v...,

+ Hoạt động của các nhà hát các phòng hoà nhạc và các cơ sở nghệ thuật khác,

+ Hoạt động của các nhà điêu khắc, hoạ sỹ, người vẽ tranh biếm hoạ, thợ chạm khắc, thợ khắc axit v.v...,

+ Hoạt động của các nhà văn, cho mọi đối tượng bao gồm cả viết hư cấu và viết về kỹ thuật v.v...,

+ Hoạt động của các nhà báo độc lập,

+ Phục chế các tác phẩm nghệ thuật như vẽ lại v.v....

- Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở.

Loại trừ:

- Phục hồi cửa sổ kính bị đổi màu được phân vào nhóm 23101 (Sản xuất thuỷ tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng);

- Làm tượng, không phải nguồn gốc từ nghệ thuật được phân vào nhóm 23960 (Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá);

- Phục chế đàn organ và các nhạc cụ lâu đời khác được phân vào nhóm 33190 (Sửa chữa thiết bị khác);

- Phục hồi lại các di tích và các công trình lịch sử được phân vào nhóm 41020 (Xây dựng nhà không để ở);

- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh và phim video được phân vào nhóm 5911 (Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình) và 59120 (Hoạt động hậu kỳ);

- Hoạt động của các rạp chiếu bóng được phân vào nhóm 5914 (Hoạt động chiếu phim);

- Hoạt động của các tổ chức hoặc các đại lý nghệ thuật hoặc sân khấu cá nhân được phân vào nhóm 74909 (Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu);

- Hoạt động về bố trí, sắp xếp được phân vào nhóm 78100 (Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm);

- Hoạt động của các tổ chức bán vé được phân vào nhóm 79900 (Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch);

- Hoạt động của mọi loại bảo tàng được phân vào nhóm 91020 (Hoạt động bảo tồn, bảo tàng);

- Hoạt động thể thao, các trò tiêu khiển và giải trí được phân vào nhóm 93 (Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí);

- Phục chế đồ đạc trong nhà (trừ phục chế ở bảo tàng) được phân vào nhóm 95240 (Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự).

91: HOẠT ĐỘNG CỦA THƯ VIỆN, LƯU TRỮ, BẢO TÀNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA KHÁC

Ngành này gồm: Hoạt động của các thư viện và các nơi lưu trữ văn thư; Hoạt động của mọi loại bảo tàng, của các vườn bách thú bách thảo; việc bảo tồn di tích lịch sử; hoạt động bảo tồn thiên nhiên. Nhóm này còn bao gồm cả việc bảo tồn và trưng bày các đồ vật, các khu và các kỳ quan thiên nhiên mang tính lịch sử, văn hoá và giáo dục (ví dụ như các di sản thế giới, v.v...)

Loại trừ: Các hoạt động thể thao và vui chơi giải trí như hoạt động của các bãi tắm và các công viên giải trí được phân vào ngành 93 (Hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí).

910: Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hoá khác

9101 - 91010: Hoạt động thư viện và lưu trữ

Nhóm này gồm: Hoạt động cung cấp sách báo, tranh ảnh, tài liệu, thông tin do các thư viện và cơ quan lưu trữ quốc gia, các phòng đọc, phòng nghe - nhìn thực hiện. Phạm vi hoạt động bao gồm tổ chức thu thập (chuyên môn hoá và không chuyên môn hoá), làm thư mục, tìm kiếm theo yêu cầu cung cấp thông tin, hoặc cất giữ sách, báo, tạp chí, phim, đĩa, băng, bản đồ... Đối tượng phục vụ của các hoạt động này là các sinh viên, các nhà nghiên cứu khoa học, các chính khách, các hội viên hoặc đông đảo quần chúng quan tâm.

9102 - 91020: Hoạt động bảo tồn, bảo tàng

Nhóm này gồm: Các hoạt động khai thác, sử dụng bảo tàng các loại như bảo tàng cách mạng, bảo tàng lịch sử, bảo tàng nghệ thuật, bảo tàng khoa học và kỹ thuật, bảo tàng đồ trang sức, đồ gốm, y phục và đồ dùng, bảo tàng kiến trúc...bao gồm cả hoạt động bảo tồn các ngôi nhà, các di tích và các công trình lịch sử.

Loại trừ:

- Hoạt động nâng cấp và trùng tu các khu di tích lịch sử và các công trình xây dựng được phân vào ngành F (Xây dựng);

- Khôi phục các tác phẩm nghệ thuật và các vật thể thu thập đưa vào bảo tàng được phân vào nhóm 90000 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí);

- Hoạt động thư viện và lưu trữ được phân vào nhóm 91010 (Hoạt động thư viện và lưu trữ).

9103 - 91030: Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú, bao gồm cả vườn thú dành cho trẻ em;

- Hoạt động giữ gìn thiên nhiên, kể cả bảo tồn cuộc sống hoang dã...

Loại trừ:

- Dịch vụ làm đẹp phong cảnh và làm vườn được phân vào nhóm 81300 (Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan);

- Hoạt động của các khu dành cho săn bắn và câu cá giải trí được phân vào nhóm 93190 (Hoạt động thể thao khác).

92: HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ, CÁ CƯỢC VÀ ĐÁNH BẠC

Ngành này gồm: Hoạt động của các cơ sở đánh bạc như sòng bạc, phòng chơi bài và các máy chơi trò chơi video và cung cấp các dịch vụ đánh bạc như chơi xổ số và cá cược các cuộc đua.

920-9200: Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc

92001: Hoạt động xổ số

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các công ty và các đại lý xổ số.
- Bán lẻ vé số (bán lẻ qua đại lý hưởng hoa hồng).

92002: Hoạt động cá cược và đánh bạc

Nhóm này gồm: Các hoạt động cá cược và đánh bạc.

Cụ thể:

- Khai thác các máy đánh bạc dùng đồng xu;

- Khai thác các máy chơi trò chơi dùng đồng xu;

- Hoạt động của các trang web đánh bạc ảo;

- Đánh cá ngựa và các hoạt động cá cược khác;

- Cá cược sau đường đua;

- Hoạt động của sòng bạc.

93: HOẠT ĐỘNG THỂ THAO, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ

Ngành này gồm: Cung cấp các hoạt động vui chơi giải trí và thể thao (trừ hoạt động của các bảo tàng, bảo tồn các khu di tích lịch sử, các vườn bách thú, bách thảo và hoạt động giữ gìn thiên nhiên; các hoạt động cá cược và đánh bạc).

Loại trừ: Các hoạt động nghệ thuật kịch, âm nhạc và các hoạt động nghệ thuật và giải trí khác như việc tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và các tác phẩm khiêu vũ, opera và các tác phẩm sân khấu khác được phân vào ngành 90 (Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí).

931: Hoạt động thể thao

Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động của các đội hoặc các câu lạc bộ mà tham gia chủ yếu vào các sự kiện thể thao trực tiếp trước khán giả phải mua vé; các vận động viên độc lập tiến hành tham gia vào các sự kiện thể thao hoặc các cuộc đua trực tiếp trước khán giả phải mua vé; những người chủ của những người tham gia vào các cuộc đua như đua xe ô tô, đua chó, đua ngựa,...chủ yếu là những người đã đưa các vận động viên tham gia vào các cuộc đua hoặc các sự kiện thể thao thu hút khán giả khác; các huấn luyện viên thể thao cung cấp các dịch vụ về chuyên dụng để hỗ trợ cho các vận động viên tham gia vào các sự kiện thể thao hoặc các cuộc thi đấu; những người điều hành đấu trường và sân vận động; các hoạt động khác về tổ chức, thúc đẩy, hoặc quản lý các sự kiện thể thao khác chưa được phân vào đâu.

9311 - 93110: Hoạt động của các cơ sở thể thao

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (trong nhà hoặc ngoài trời có hoặc không có mái che, có hoặc không có chỗ ngồi cho khán giả):

+ Sân vận động bóng đá, khúc côn cầu, criket, bóng chày,

+ Đường đua ô tô, đua chó, đua ngựa,

+ Bể bơi và sân vận động,

+ Đường đua và các sân vận động,

+ Đấu trường thể thao và sân vận động mùa đông,

+ Sàn đấm bốc,

+ Sân golf,

+ Sân tennis,

+ Đường chơi bowling;

- Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao chuyên nghiệp và nghiệp dư trong nhà và ngoài trời của các nhà tổ chức sở hữu các cơ sở đó;

- Gồm cả việc quản lý và cung cấp nhân viên cho hoạt động của các cơ sở này.

Loại trừ:

- Cho thuê các thiết bị thể thao và giải trí được phân vào nhóm 77210 (Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi, giải trí);

- Hoạt động của công viên và bãi biển được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu);

9312 - 93120: Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp và nghiệp dư, giúp cho các hội viên của câu lạc bộ có cơ hội tham gia vào các hoạt động thể thao.

Cụ thể:

- Câu lạc bộ bóng đá;

- Câu lạc bộ bowling;

- Câu lạc bộ bơi lội;

- Câu lạc bộ chơi golf;

- Câu lạc bộ đấm bốc;

- Câu lạc bộ đấu vật, phát triển thể chất;

- Câu lạc bộ thể thao mùa đông;

- Câu lạc bộ chơi cờ;

- Câu lạc bộ đường đua;

- Câu lạc bộ bắn súng.

Loại trừ:

- Dạy thể thao do các giáo viên, huấn luyện viên riêng được phân vào nhóm 85510 (Giáo dục thể thao và giải trí);

- Hoạt động của các cơ sở thể thao được phân vào nhóm 93110 (Hoạt động của các cơ sở thể thao);

- Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư trong nhà hoặc ngoài trời của các câu lạc bộ thể thao có các cơ sở của mình được phân vào nhóm 93110 (Hoạt động của các cơ sở thể thao).

9319 - 93190: Hoạt động thể thao khác

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở;

- Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ v.v...;

- Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ;

- Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao;

- Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô;

- Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao;

- Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí.

Loại trừ:

- Cho thuê các thiết bị thể thao được phân vào nhóm 77210 (Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi, giải trí);

- Hoạt động của các nơi dạy thể thao và trò chơi được phân vào nhóm 85510 (Giáo dục thể thao và giải trí);

- Hoạt động của các hướng dẫn viên, giáo viên và huấn luyện viên thể thao được phân vào nhóm 85510 (Giáo dục thể thao và giải trí);

- Tổ chức và điều hành các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời mang tính chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư của các câu lạc bộ thể thao có hoặc không có cơ sở được phân vào nhóm 93110 (Hoạt động của các cơ sở thể thao) hoặc 93120 (Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao);

- Hoạt động của công viên và bãi biển được phân vào nhóm 93290 (Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu).

932: Hoạt động vui chơi giải trí khác

Nhóm này gồm: Phạm vi rộng các đơn vị có khả năng hoạt động hoặc cung cấp các dịch vụ để thoả mãn nhu cầu giải trí đa dạng của khách hàng. Gồm các hoạt động giải trí đa dạng hấp dẫn, như lái máy móc, đi trên nước, các trò chơi, các buổi biểu diễn, triển lãm theo chủ đề và các chuyến dã ngoại. Trừ các hoạt động thể thao và nghệ thuật kịch, âm nhạc và các loại hình nghệ thuật và giải trí khác.

9321 - 93210: Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề

Nhóm này gồm: Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề bao gồm các hoạt động đa dạng và hấp dẫn như lái máy móc, đi trên nước, các trò chơi, các buổi biểu diễn, triển lãm theo chủ đề và các khu vui chơi dã ngoại.

9329 - 93290: Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);

- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..;

- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;

- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;

- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;

- Hoạt động của các sàn nhảy;

- Hoạt động của các phòng hát karaoke.

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn trực tiếp nhưng không phải là các sự kiện nghệ thuật hoặc thể thao, có hoặc không có cơ sở.

Loại trừ:

- Câu cá trên biển được phân vào nhóm 5011 (Vận tải hành khách ven biển và viễn dương) và 5021 (Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa);

- Cung cấp địa điểm và phương tiện để nghỉ nghơi trong thời gian ngắn cho các du khách trong các công viên và rừng giải trí và các địa điểm cắm trại được phân vào nhóm 55902 (Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm);

- Hoạt động phục vụ đồ uống cho các sàn nhảy được phân vào nhóm 5630 (Dịch vụ phục vụ đồ uống);

- Khu vườn cây leo, địa điểm cắm trại, cắm trại vui chơi, khu săn bắn và câu cá được phân vào nhóm 55902 (Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm).

S. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC

94: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP HỘI, TỔ CHỨC KHÁC

Ngành này gồm: Hoạt động của các tổ chức đại diện cho quyền lợi của những nhóm cụ thể hoặc đề xuất ý tưởng ra công chúng. Những tổ chức này thường xuyên có một nhóm thành viên, nhưng hoạt động của họ có thể liên quan hoặc đem lại lợi ích cả cho những người không phải là thành viên. Điều cơ bản trong phần này là xác định được mục đích mà các hiệp hội này hoạt động, xác định được lợi ích của người chủ, những cá nhân làm việc độc lập và hội đồng khoa học (nhóm 941 (Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh, nghiệp chủ và nghề nghiệp)), lợi ích của người lao động (nhóm 942 (Hoạt động của công đoàn)) hoặc hoạt động của tôn giáo, chính trị, văn hóa, giáo dục (nhóm 949 (Hoạt động của các tổ chức khác)).

941: Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh, nghiệp chủ và nghề nghiệp

Nhóm này gồm: Hoạt động của các tổ chức thúc đẩy lợi ích cho các thành viên của hiệp hội kinh doanh và nghề nghiệp. Trong trường hợp tổ chức thành viên chuyên nghiệp, nó cũng bao gồm hoạt động thúc đẩy lợi ích chuyên nghiệp của thành viên.

9411 - 94110: Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các tổ chức mà lợi ích của các thành viên tập trung vào việc phát triển và sự thịnh vượng của doanh nghiệp trong một lĩnh vực kinh doanh hoặc thương mại cụ thể, bao gồm làm trang trại hoặc vùng địa lý cụ thể trong một vùng phát triển kinh tế và khí hậu hoặc chính trị mà không phụ thuộc vào lĩnh vực kinh doanh;

- Hoạt động của các liên đoàn của các doanh nghiệp đó;

- Hoạt động của phòng thương mại, phường hội và tổ chức tương tự;

- Phổ biến thông tin, đại diện trước cơ quan nhà nước, quan hệ quần chúng và đàm phán lao động.

Loại trừ: Hoạt động của tổ chức công đoàn được phân vào nhóm 9420 (Hoạt động của công đoàn).

9412 - 94120: Hoạt động của các hội nghề nghiệp

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các tổ chức mà lợi ích của các thành viên tập trung vào một lĩnh vực nhất định như tổ chức y tế, pháp lý, kế toán, kỹ thuật, kiến trúc...;

- Hoạt động của các hội chuyên gia tham gia vào khoa học, học thuyết hoặc văn hóa, như hội viết văn, họa sỹ, tạo hình, nhà báo...;

- Phổ biến thông tin, thiết lập và giám sát chuẩn thực hành, đại diện trước cơ quan nhà nước và đàm phán lao động;

Nhóm này cũng gồm: Hoạt động của hội đoàn cho người có học vấn.

Loại trừ: Hoạt động giáo dục của các tổ chức này được phân vào ngành 85 (Giáo dục và đào tạo).

942 - 9420 - 94200: Hoạt động của công đoàn

Nhóm này gồm: Hoạt động của các tổ chức nghiệp đoàn (nếu luật pháp cho phép thành lập) nhằm bảo đảm quyền lợi của đoàn viên (tiền lương, giờ lao động...) là người lao động trong các nghiệp đoàn mà họ tham gia sản xuất ngoài hệ thống thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Nguồn kinh phí cho những người tham gia điều hành các tổ chức nghiệp đoàn này là từ đóng góp của đoàn viên trong các tổ chức nghiệp đoàn đó.

Loại trừ: Hoạt động của các tổ chức công đoàn chuyên trách có nguồn vốn hoạt động chủ yếu từ ngân sách Nhà nước được phân vào mã 84111 (Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội).

949: Hoạt động của các tổ chức khác

Nhóm này gồm: Hoạt động của các tổ chức (loại trừ tổ chức kinh doanh và nghiệp chủ, tổ chức nghề nghiệp, công đoàn) hoạt động vì lợi ích của các thành viên.

9491 - 94910: Hoạt động của các tổ chức tôn giáo

Nhóm này gồm:

- Hoạt động của các tổ chức tôn giáo (Thiên chúa giáo, Phật giáo...) cung cấp dịch vụ trực tiếp cho người theo đạo trong nhà thờ, đền, chùa, giáo đường hoặc các nơi khác;

- Hoạt động của các tổ chức cung cấp cho các nhà tu;

- Hoạt động ẩn dật tu hành.

Nhóm này cũng gồm: Dịch vụ lễ tang tôn giáo.

Loại trừ:

- Giáo dục của các tổ chức trên được phân vào ngành 85 (Giáo dục và đào tạo);

- Hoạt động của các tổ chức y tế này được phân vào ngành 86 (Hoạt động y tế);

- Hoạt động lao động xã hội bởi các tổ chức này được phân vào ngành 87 (Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung), 88 (Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung).

9499 - 94990: Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm: Hoạt động của các hội đặc thù theo sở thích của hội viên mà các hội viên đó tự nguyện tổ chức thành lập với nguồn kinh phí cho hoạt động của hội do mọi hội viên đóng góp: hội cổ động bóng đá, hội cây cảnh, hội nuôi chim...

95: SỬA CHỮA MÁY VI TÍNH, ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Ngành này gồm: Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy tính để bàn, máy tính xách tay, thiết bị ngoại vi như ổ đĩa, máy in... Nhóm này cũng bao gồm hoạt động sửa chữa thiết bị liên lạc như máy fax, hàng điện tử tiêu dùng như radio, casette, thiết bị/dụng cụ điện gia đình, giày dép, hàng da và giả da, giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, quần áo và trang phục khác, hàng thể thao, nhạc cụ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác.

Loại trừ: Hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chẩn đoán bệnh có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị ra đa hoặc định vị vật dưới nước bằng âm hoặc siêu âm được phân vào nhóm 33130 (Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học).

951: Sửa chữa máy vi tính và thiết bị liên lạc

Nhóm này gồm: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị liên lạc.

9511 - 95110: Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ sửa chữa thiết bị điện tử như: Máy vi tính, thiết bị ngoại vi;

- Máy vi tính để bàn, máy tính xách tay;

- Ổ đĩa từ, các thiết bị lưu giữ khác;

- Ổ đĩa quang (CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW);

- Máy in;

- Bộ vi xử lý;

- Bàn phím;

- Chuột máy tính, cần điều khiển, bi xoay;

- Modem trong và modem ngoài;

- Thiết bị đầu cuối máy tính chuyên dụng;

- Máy chủ;

- Máy quét, kể cả máy quét mã vạch;

- Đầu đọc thẻ smart;

- Máy chiếu.

Nhóm này cũng gồm:

- Hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng:

+ Bộ xuất/nhập như máy đọc tự động; bộ tích điểm bán hàng, không chạy bằng cơ,

+ Máy tính cầm tay.

Loại trừ: Sửa chữa và bảo dưỡng modem thiết bị truyền dẫn được phân vào nhóm 95120 (Sửa chữa thiết bị liên lạc).

9512 - 95120: Sửa chữa thiết bị liên lạc

Nhóm này gồm: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị liên lạc như:

- Điện thoại cố định;

- Điện thoại di động;

- Modem thiết bị truyền dẫn;

- Máy fax;

- Thiết bị truyền thông tin liên lạc;

- Radio hai chiều;

- Tivi thương mại và máy quay video.

952: Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình

Nhóm này gồm: Dịch vụ sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình.

9521 - 95210: Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng

Nhóm này gồm: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng:

- Ti vi, radio, casette;

- Đầu máy video;

- Đầu đĩa CD;

- Máy quay video loại gia đình.

- Sửa chữa dàn âm ly, dàn âm thanh các loại.

9522 - 95220: Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình

Nhóm này gồm: Dịch vụ sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình:

- Tủ lạnh, lò nấu, lò nướng, máy giặt, máy vắt, máy sấy quần áo, điều hòa nhiệt độ...

- Thiết bị làm vườn, máy cắt tỉa...

Loại trừ:

- Sửa chữa công cụ điện cầm tay được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);

- Sửa chữa hệ thống điều hoà trung tâm được phân vào nhóm 43222 (Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hòa không khí).

9523 - 95230: Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da

Nhóm này gồm: Sửa chữa giày, dép các loại, va li và đồ da tương tự.

9524 - 95240: Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự

Nhóm này gồm: Sửa chữa, làm mới, đánh bóng giường, tủ, bàn, ghế, kể cả đồ dùng văn phòng.

9529 - 95290: Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Sửa chữa xe đạp;

- Sửa chữa quần áo;

- Sửa chữa đồ trang sức;

- Sửa chữa đồng hồ, dây, hộp đồng hồ...;

- Sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng thể thao);

- Sửa chữa nhạc cụ, sách, đồ dùng cá nhân và gia đình khác.

Loại trừ:

- Chạm khắc công nghiệp lên kim loại được phân vào nhóm 25920 (Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại);

- Sửa chữa công cụ điện cầm tay được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);

- Sửa chữa súng thể thao và giải trí được phân vào nhóm 33120 (Sửa chữa máy móc, thiết bị);

- Sửa chữa đồng hồ thời gian, thiết bị đóng dấu thời gian, đóng dấu ngày, khóa và các thiết bị có ghi thời gian được phân vào nhóm 33130 (Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học).

96: HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ CÁ NHÂN KHÁC

961 - 9610 - 96100: Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)

Nhóm này gồm: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)

962 - 9620 - 96200: Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú

Nhóm này gồm:

- Giặt khô, giặt ướt, là... các loại quần áo (kể cả loại bằng da lông) và hàng dệt, được giặt bằng tay, bằng máy giặt;

- Nhận và trả đồ giặt cho khách hàng;

- Giặt chăn, ga, gối đệm, màn, rèm cho khách hàng, kể cả dịch vụ nhận, trả tại địa chỉ do khách yêu cầu.

Nhóm này cũng gồm: Sửa chữa hoặc thực hiện các thay thế đơn giản (ví dụ đính lại khuy, thay fecmotuy...) quần áo và hàng dệt khác khi giặt là cho khách hàng.

Loại trừ:

- Cho thuê quần áo, trừ quần áo bảo hộ, kể cả khi giặt các quần áo này gắn liền với cho thuê được phân vào nhóm 7730 (Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển);

- Sửa chữa quần áo như là một hoạt động độc lập, tách riêng được phân vào nhóm 95290 (Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình chưa được phân vào đâu).

963: Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu

9631 - 96310: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu

Nhóm này gồm:

- Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ;

- Cắt, tỉa và cạo râu;

- Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...

Loại trừ: Làm tóc giả được phân vào nhóm 32900 (Sản xuất khác chưa được phân vào đâu).

9632 - 96320: Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ địa táng, hoả táng, điện táng các dịch vụ có liên quan khác;

- Bảo quản thi hài, khâm liệm và các dịch vụ chuẩn bị cho địa táng, hỏa táng, điện táng;

- Dịch vụ nhà tang lễ;

- Bán đất xây mộ hoặc cho thuê đất đào mộ;

- Trông coi nghĩa trang.

Loại trừ: Hoạt động dịch vụ tang lễ mang tính chất tín ngưỡng, tôn giáo được phân vào nhóm 94910 (Hoạt động của các tổ chức tôn giáo).

9633 - 96330: Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ

Nhóm này gồm: Hoạt động mang tính xã hội như môi giới hôn nhân, tổ chức và phục vụ đám cưới, đám hỏi...

9639 - 96390: Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu

Nhóm này gồm:

- Dịch vụ đánh giày, khuân vác, giúp việc gia đình;

- Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh;

- Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: Máy cân, máy kiểm tra huyết áp...

Loại trừ:

- Hoạt động thú y được phân vào nhóm 75000 (Hoạt động thú y);

- Hoạt động của các trung tâm thể dục, thể hình được phân vào nhóm 93110 (Hoạt động của các cơ sở thể thao).

T: HOẠT ĐỘNG LÀM THUÊ CÁC CÔNG VIỆC TRONG CÁC HỘ GIA ĐÌNH, SẢN XUẤT SẢN PHẨM VẬT CHẤT VÀ DỊCH VỤ TỰ TIÊU DÙNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH

97: HOẠT ĐỘNG LÀM THUÊ CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH TRONG CÁC HỘ GIA ĐÌNH

970 - 9700 - 97000: Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình

Nhóm này gồm:

- Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình như trông trẻ, nấu ăn, quản gia, làm vườn, gác cổng, giặt là, chăm sóc người già, lái xe, trông nom nhà cửa, gia sư, người giám hộ, thư ký...;

- Việc làm thuê trong các hộ gia đình định rõ bởi người đi thuê trong việc tổng điều tra hoặc nghiên cứu công việc, kể cả người đi thuê là người độc thân. Giá trị sản phẩm được tạo ra trong hoạt động này được tính là làm thuê trong các hộ gia đình.

Loại trừ: Cung cấp dịch vụ như nấu ăn, làm vườn... do các nhà cung cấp độc lập (công ty hoặc tư nhân) được phân vào loại dịch vụ tương ứng.

98: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM VẬT CHẤT VÀ DỊCH VỤ TỰ TIÊU DÙNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH

Ngành này gồm:

- Sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng trong các hộ gia đình;

- Các hộ gia đình được phân loại ở đây khi nó có thể xác định được hoạt động chính cho hoạt động tự tiêu dùng của hộ gia đình. Nếu hộ gia đình tham gia vào hoạt động thị trường (sản xuất ra hàng hóa để bán) thì nó có được phân loại vào ngành hoạt động thị trường chủ yếu trong Hệ thống ngành kinh tế quốc dân.

981 - 9810 - 98100: Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình. Những hoạt động này bao gồm trồng trọt, chăn nuôi (những hoạt động này chưa thể hiện trong điều tra của ngành nông, lâm nghiệp, thuỷ sản), sản xuất đồ dùng trong gia đình như: Rổ rá, nong nia, quần áo, mũ, nón và các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng khác. Nếu hộ gia đình cũng tham gia vào việc sản xuất sản phẩm để bán ra thị trường thì hộ gia đình được phân loại vào ngành sản xuất hàng hóa tương ứng trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Nếu hộ gia đình chủ yếu tham gia vào sản xuất hàng hóa tự tiêu dùng (những hoạt động này chưa thể hiện trong điều tra của ngành nông, lâm nghiệp, thuỷ sản, khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng...), thì hộ gia đình được phân loại vào hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất tự tiêu dùng trong các hộ gia đình.

982 - 9820 - 98200: Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình

Nhóm này gồm: Hoạt động sản xuất dịch vụ tự tiêu dùng của các hộ gia đình kể cả việc nấu ăn, giảng dạy, chăm sóc thành viên trong gia đình hoặc các dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác phục vụ cho bản thân gia đình. Nếu các hộ gia đình tham gia vào việc sản xuất sản phẩm dịch vụ bán ra thị trường thì các hộ được phân loại vào ngành sản xuất tương ứng trong Hệ thống ngành Kinh tế Việt nam, nếu các hộ chủ yếu tham gia vào sản xuất dịch vụ tự tiêu dùng thì các hộ được phân loại vào hoạt động sản xuất dịch vụ tự tiêu dùng trong hộ gia đình ở nhóm này.

U: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUỐC TẾ

99: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUỐC TẾ

990 - 9900 - 99000: Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế

Nhóm này gồm: Hoạt động của các tổ chức quốc tế như Liên Hợp quốc và các cơ quan chuyên trách của nó, các hội đồng thuộc khu vực như Quỹ Tiền tệ quốc tế, Ngân hàng Thế giới, Hệ thống tiêu dùng thế giới, Tổ chức Phát triển và hợp tác kinh tế, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ, Cộng đồng châu Âu, Hiệp hội tự do thương mại châu Âu...

Loại trừ: Hoạt động của phái đoàn ngoại giao và tòa đại sứ của các nước khác.